

Gặp lại chốn hồng trần sâu nhất

Bach
Lac
Mai



vh

Gặp lại chốn hồng trần sâu nhất

Tác giả: Bạch Lạc Mai

Người dịch: Nguyễn Vinh Chi

Kích thước: 12 x 19 cm

Ngày xuất bản: 20/08/2014

Số trang: 400

Giá bìa: 108.000 đ

Công ty phát hành: Cẩm Phong Books

Nhà xuất bản: NXB Văn Học

Chụp pic: chubbycheeks

Type

bon bon: 1-11

lucy: 12-23

Thanh Y: 24-hết

Beta: chuonkim

Làm ebook: Dâu Lê

Nguồn: luv-ebook

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Giới thiệu

Chúng ta luôn mong mỗi người khác đến cứu rồi, lại không biết con người chỉ có tự cứu mình rồi mới có thể cứu người. Chúng ta luôn ở trong biển biếc của mình, kể chuyện nương dâu của người ta, lại không biết có một ngày, nương dâu của mình vừa khéo là biển biếc của người khác. Ván cờ nhân sinh này, nếu cố chấp phải đi tiếp theo cách nghĩ của mình, kết quả sẽ là cả ván đều thua, non sông đều mất.

Gặp nhau thì sẽ quen nhau

Thà rằng không gặp, về sau khỏi buồn

Đoạn đành dứt áo đi luôn

Để thôi khổ sở mỗi mòn tương tư.

"Gặp gỡ trong năm tháng thanh xuân chẳng cần bất cứ ước hẹn nào, ngẫu nhiên đi lướt qua nhau, lơ đãng ngoái nhìn một thoáng đều có thể kết nên một đoạn duyên phận. Chúng ta đều từng có những năm tháng vô cùng tươi đẹp, vì người mình yêu dốc hết tất cả tình cảm mãnh liệt, thao thao thề thốt trước núi cao sông sâu. Tự cho rằng là giống đa tình, sau khi trải qua quá trình quần quýt, bắt đầu cảm thấy chán ngán, khi đó, nhận ra thề non hẹn biển lúc trước chỉ là một trò chơi của tuổi trẻ. Sống trên đời này, chúng ta phải tuân thủ quy tắc, quy tắc nhân sinh, quy tắc tình yêu, bèo nước gặp nhau định sẵn sẽ là khách qua đường, khi duyên hết chớ nên khổ sở cưỡng cầu."

Duyên là gì?

Duyên là gặp nhau nơi ngã tư đường, là nắm tay chốn hồng trần xa lạ, duyên là muôn đóa hoa xuân đồng loạt nở rộ, là hai phiến lá thu cùng nhau rụng xuống, duyên là đối thoại giữa non và nước, là mặt trời và mặt trăng đồng thời xuất hiện. Gặp nhau, quen nhau giữa biển người mệnh mông chính là duyên, lưu lạc giữa hồng trần lại không lãng quên chính là duyên. Gặp gỡ, là một kiếp nạn hạnh phúc, cũng là một nét đẹp sai lầm. Quên nhau, là một sự khởi đầu hoang mang, cũng là sự kết thúc trong trẻo.

Trích Duyên xưa | Gặp lại chốn hồng trần sâu nhất

Tác giả

Bạch Lạc Mai

Bạch Lạc Mai tên thật là Tư Trí Tuệ, sống ở Giang Nam, đơn giản tự chủ, tâm như lan thảo, văn chương thanh đạm.

Những tác phẩm đã xuất bản:

- Hết thấy gặp gỡ trên thế gian đều là cửu biệt trùng phùng,
- Hận không gặp nhau khi chưa xuống tóc,
- Gió Tây thổi biết bao nhiêu hận, thổi chẳng tan nét mày cong,
- Gặp gỡ nơi hồng trần sâu nhất,
- Nếu em bình an, đó là ngày nắng,
- Bởi vì thấu hiểu, cho nên từ bi
- ...



Mục lục

[Lời giới thiệu](#)

[Lời tựa](#)

[Quyển một: Chỉ vừa gặp gỡ đã quen nhau](#)

[Tìm kiếm](#)

[Duyên hợp](#)

[Tín ngưỡng](#)

[Cảnh mộng](#)

[Luân hồi](#)

[Bí mật](#)

[Quyển hai: Hoa rơi còn đa tình hơn nàng](#)

[Núi thần](#)

[Vĩnh biệt](#)

[Toa sàng](#)

[Chim lồng](#)

[Hỏi Phật](#)

[Bến đò](#)

[Quyển ba: Vì nàng tiêu tụy muốn thành bụi](#)

[Phong tình](#)

Khói lửa

Tội chứng

Sai lầm

Chấp mê

Tan vỡ

Quyển bốn: Chuyến này dừng hân chân trời xa

Thành bại

Khói mây

Kiếp số

Bồ đề

Thâm kích

Thề ước

Quyển năm: Không xem sinh diệt và vô thường

Hồ thánh

Huyền cơ

Lưới trần

Bí truyện

Sống lại

Đơn độc

Quyển sáu: Chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng

Chân trời

Chốn về

Chuyển thế

Dung nhan

Duyên xưa

Nhân quả

Lời cuối sách: Kiến dữ bất kiến

Phu lục: Niên phổ của Tsangyang Gyatso



Lời giới thiệu

Cuốn sách nhỏ này viết về cuộc đời và thơ ca của Tsangyang Gyatso, vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 “sinh vì Phật, sống vì tình”, người đã viết câu thơ bất hủ: “Thế gian sao có đôi đường vẹn, Chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng.”

Tsangyang Gyatso (*Thương Ương Gia Thố 1683-1706*) là thủ lĩnh chính trị tôn giáo Tây Tạng, là Phật sống, nhưng vẫn quyền luyến hồng trần, vẫn vương tình ái. Ngài cũng là một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất Tây Tạng, những bài thơ của Ngài phóng khoáng lãng mạn mà chân thành sâu sắc, được lưu truyền rộng rãi suốt ba trăm năm qua. Tuy Tsangyang Gyatso đã vi phạm thanh quy giới luật của bậc tu hành, nhưng người đời vẫn một lòng kính yêu Ngài, họ chép tay, truyền miệng, ngâm nga những vần thơ đẹp dễ cảm động của Ngài. Đối với họ, Ngài là vị Phật sống hữu tình, dám rời bỏ cung vàng điện ngọc, đi vào dân gian, cùng chúng sinh “gặp lại chốn hồng trần sâu nhất”.

Bằng văn phong trau chuốt bay bổng, mang hơi hướng “thiền”, tác giả Bạch Lạc Mai dẫn dắt chúng ta đi qua từng giai đoạn thăng trầm trong cuộc đời đầy sắc thái truyền kỳ của Tsangyang Gyatso, cũng là thời kỳ lịch sử nhiều biến động của Tây Tạng. Tây Tạng huyền bí quyền rũ hiện lên giữa các trang sách, với những núi thần hồ thánh thảo nguyên, với những cung điện và tu viện Phật giáo Tạng truyền nguy nga, với những người dân Tạng thành kính mộ đạo...

Phụ lục của sách giới thiệu đầy đủ 66 bài thơ của Tsangyang Gyatso, được chuyển ngữ sang tiếng Việt dựa trên bản dịch tiếng Trung của Tăng Giam.

Đây là một cuốn sách nên đọc chậm, nhưng nếu bạn có hứng thú tìm hiểu

thêm về Tây Tạng và Tsangyang Gyatso, nếu bạn chuộng lỗi viết tản văn thanh nhã của Bạch Lạc Mai, hẳn bạn sẽ thích nó. Nhắm nháp một tách trà ngon, thông thả lật giở từng trang sách, thế giới bận rộn ồn ã bên ngoài dường như lùi xa, trước mắt bạn thấp thoáng bầu trời Tây Tạng xanh ngắt tưởng chừng với tay chạm được, bên tai bạn văng vẳng thơ ca du dương của một vị tình tăng có tên là Tsangyang Gyatso...

Lời tựa

Gặp lại chốn hồng trần sâu nhất

Rất nhiều năm trước, tôi thích thơ của Tịch Mộ Dung^[1]. Lúc ấy cứ luôn mong mỗi có một cuộc gặp gỡ trong sáng với người hữu duyên nào đó trên ngọn núi nở đầy hoa dành dành. Có lẽ sau này thật sự đã gặp, cũng từng thật sự nắm tay nhau đi qua nẻo đường hồng trần. Rồi cho tới một ngày, chúng tôi lại cô độc đến lãng quên đôi bên.

*[1] Tịch Mộ Dung, sinh năm 1943, nữ nhà thơ, nhà tản văn, họa sĩ nổi tiếng của Đài Loan. Tác phẩm tiêu biểu: **Cây nở hoa, Hương bảy dặm...** Bài thơ **Chờ mong** của bà có hai câu: “Nếu có thể trên sườn núi nở đầy hoa dành dành. Cùng anh gặp gỡ.”*

Dòng chảy thời gian ngày càng sâu, nhiều sự việc đã mơ hồ không rõ. Chúng ta luôn nói rằng, nếu không gặp nhau, chưa biết chừng cuộc sống trôi qua phần nào yên ả, nhưng lại tĩnh lặng bình an. Số mệnh nhân quả của thế gian đã sớm có an bài, mỗi người đều có một quyển sách số mệnh định sẵn, không cho phép bạn và tôi tùy ý thêm bớt, sửa đổi.

Chúng ta nên tin tưởng rằng vạn vật trên đời đều có tình duyên. Dù là đá cứng đất cằn, cỏ khô cây mục, chỉ cần ban cho chúng nắng rạng mưa lành, cho từ bi yêu thương, không vật nào không khiến ta cảm nhận được sự thần

kỳ của tạo hóa thiên nhiên và xứ mệnh mà cao xanh trao cho chúng. Do đó ở Tây Tạng^[2], chúng ta đều nguyện ý thừa nhận cách nói của các tín đồ nơi này, tin rằng mỗi một con bò, con cừu đều có tình cảm, mỗi một ngọn cỏ gốc cây đều có linh hồn, mỗi một đám mây đang lơ lửng trôi đều có nước mắt, còn núi non sông ngòi, chim chóc sâu kiến đều có tính Phật và tôn nghiêm không thể nói thành lời của chúng.

[2] Tây Tạng: một khu vực cao nguyên tại châu Á, ở phía Đông Bắc của dãy Himalaya, thuộc Trung Quốc. Đây là quê hương của người Tạng cũng như một số dân tộc Monpa, Khurong, Lhoba... Hiện nay cũng có đông đảo người Hán và người Hồi sinh sống. Tây Tạng là khu vực có độ cao lớn nhất trên Trái Đất, với độ cao trung bình là 4.900m. Từ “Tây Tạng” trong tiếng Hán bắt nguồn từ việc hoán dụ tên gọi Tsang quanh Shigatse, cộng thêm tiền tố “Tây”. Các tên tiếng Hán khác từng dùng để chỉ Tây Tạng: Thổ Phồn, Ô Tư Tạng...

Tsangyang Gyatso^[3] cũng là một hạt bụi nhỏ trong vạn vật, nhưng Ngài lại là một hạt bụi khiến chúng sinh cảm động. Đọc thơ tình của Ngài, tựa như gặp gỡ dịu dàng thương cảm, chúng ta bị tình yêu êm ái làm tổn thương, nhưng vẫn một lòng hướng đến không hề hối hận. Hàng ngày, đều có người trào đèo lội suối tìm kiếm Ngài, chỉ bởi một lời hứa tình nguyện. Hàng ngày, đều có người vì Ngài thấp sáng một ngọn đèn bơ, quỳ mãi không dậy trước Đức Phật. Dường như nhất định phải dùng phương thức si tình ấy mới có thể đổi được một lần lượt vai, một cái ngoảnh nhìn.

[3] Tsangyang Gyatso (Thương Ương Gia (Mục) Thổ, 1683-1706): Đạt Lai Lạt Ma thứ 6. Gyatso tiếng Tạng nghĩa là biển cả.

Nhưng lại không biết, vị Phật sống^[4] nhân gian Tsangyang Gyatso sớm đã hóa thành cát bụi, chỉ để cùng chúng sinh gặp lại chốn hồng trần sâu nhất. Còn chúng ta, không cần túc trực nơi bến đò hoang vu hay dưới cây bồ đề lúc mặt trời lặn, si ngốc đợi Ngài nữa. Đã tin vào nhân quả, nên biết đời người duyên khởi duyên diệt, đến đến đi đi, ly ly hợp hợp, không thể cưỡng cầu.

[4] Phật sống: Tây Tạng dùng từ Châu-cô (tulku), Mông Cổ dùng từ Hô-tất Lặc-hãn (khublighan), đều để chỉ các dòng tái sinh và các vị tái sinh, chỉ các vị khi chết không quên bản tính, đầu thai trở lại, tiếp nối chức vị và sự nghiệp hoàng hóa trước. Đó là những người được công nhận là sự tái sinh của một người đã chết, sau khi được thử thách kiểm nghiệm. Các vị Châu-cô thường được dân chúng tôn là “Phật sống”. Trước khi hoàn thành nghi thức tọa sàng chính thức trở thành Châu-cô, các vị tái sinh được gọi là linh đồng chuyển thế.

Mộng như nước chảy, khắp nơi xuân xa. Khi gác bút, viết một bài thơ nhỏ, chẳng vì hững hờ tiễn biệt, cũng chẳng bởi cố ý nhớ đến ai. Chỉ là trong năm tháng ngắn ngủi, muốn trân trọng một cách khoan dung. Sự đời mênh mang rộng lớn, mong vạn vật sinh linh giữa nhân thế đều có thể gặp sao yên vậy.

Tất cả thành ra quá khứ rồi

Gặp chàng trong ký ức mà thôi

Ở chốn hồng trần sâu thẳm nhất

Gió nhạt mây nhòa vội chia phôi

Em vẫn là em thuở ban đầu

Chàng vẫn là chàng dẫu bể dâu

Bỗng một ngày kia trong thời loạn

Vui mừng, nghe hơi thở của nhau

Đợi được trùng phùng thật gian nan

Đắm chìm trong khói lửa nhân gian

Em nhận lời chàng, em xin hứa

Sẽ chẳng dễ dàng nói ly tan

...

Ở chốn hồng trần sâu thẳm nhất

Gió nhạt mây nhòa vội chia phôi

...

Quyển một: Chỉ vừa gặp gỡ đã quen nhau

Tìm kiếm

Chúng ta thường chuyển từ một sàn nhảy náo nhiệt này sang một sân khấu tịch mịch kia, diễn tới diễn lui, chẳng qua một mình bạn, chẳng qua một mình tôi. Dưới quang âm sâu lắng, nói mấy câu sáng tối tròn khuyết, uống một chén trà đậm nhạt nóng nguội.

Người sống trên đời rốt cuộc là vì điều gì? Những lúc hoang mang túng quẫn, chúng ta luôn tìm lòng chẳng đặt hỏi bản thân như thế. Nhân du chốn nhân gian là vì sứ mệnh riêng tư của mỗi cá nhân, là vì một tín ngưỡng không thể nói ra, hay vền vền chỉ là một kiểu tồn tại giản đơn? Đời người mỗi bước đều là ván cờ, người bố trí bàn cờ rốt cuộc là ai, bạn và tôi đều không cách gì biết được. Chúng ta thường chuyển từ một sàn nhảy náo nhiệt này sang một sân khấu tịch mịch kia, diễn tới diễn lui, chẳng qua một mình bạn, chẳng qua một mình tôi. Dưới quang âm sâu lắng, nói mấy câu sáng tối tròn khuyết, uống một chén trà đậm nhạt nóng nguội.

Nhân gian này, phong trần nhất, mệnh mang nhất, cũng vô tình nhất, rõ ràng đã cho chúng ta góc khuất nướng thân, lòng lại không chốn ở yên. Chúng ta vẫn một lòng tình nguyện trần trở giữa cõi trần, non một chặng, nước một chặng, đeo hành trang tìm đến phương xa, vì mộng tưởng trong lòng. Chúng sinh vạn tướng, tâm tình khác nhau, tạo ngộ đời người khác nhau, nơi chốn hướng về cũng khác nhau. Có người si mê bờ nước Giang Nam^[1], trắng lạnh hoa mai thanh tao, có người tham luyện gió cát đại mạc, điều hiu sông Dịch^[2] thê lương. Có người thích mơ một giấc mộng ẩm ướt dưới nếp nhà cũ, có người lại nguyện ý rời phố xa quê, đi tìm câu chuyện nhân quả chôn giấu trong hoang nguyên.

[1] Giang Nam: tên gọi trong văn hóa Trung Quốc chỉ vùng đất nằm về phía nam Trường Giang. Vùng đất Giang Nam thay đổi theo thời gian, hiện được cho là bao gồm thành phố Thượng Hải, phía nam của tỉnh Giang Tô và tỉnh An Huy, phía bắc của tỉnh Giang Tây và tỉnh Chiết Giang, khu vực quanh hồ Động Đình. Một số khu vực của tỉnh Phúc Kiến đôi khi cũng được tính là thuộc vùng Giang Nam.

[2] Sông Dịch: một con sông ở phía tây tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. Kinh Kha đi hành thích vua Tần, Thái tử Đan nước Yên tiễn biệt tại đây.

Mỗi người đều có quê hương thuộc về mình, có quê hương từ nhỏ sinh ra và lớn lên, cũng có quê hương của tâm linh. Quê hương chân thực, có lẽ là non xanh nước biếc, cầu đá liễu rủ, nhà gỗ bình yên. Quê hương của nội tâm, có lẽ là bụi vàng đường cổ, bão tuyết cao nguyên, gió dài lòng lộng. Chúng ta đều là những người bình thường nhất, nhưng vì mộng tưởng khác thường trong lòng, lại cam nguyện làm một lữ khách phiêu bạt chân trời, phóng khoáng vẫy chào quê nhà, đi đánh thức nền văn hóa đã trầm mặc ngàn năm trên mảnh đất xa xưa mà thần bí ấy.

Tây Tạng, nơi ấy cách bầu trời rất gần, cách giấc mơ rất xa, những năm gần đây, vì mảnh đất thần diệu này, biết bao người đã dần bước trên lộ trình dang dặc dọc đường gió bụi. Chẳng mấy chốc, cao nguyên hoang vu mênh mông đã trở thành quê hương mà vô số kẻ lãng du hồn mơ lòng nhớ. Nhiều người đối với chân trời xa xăm này đều bội phần xa lạ, thậm chí chẳng biết máy bay, nhưng vẫn nhất mực tình sâu đem linh hồn tá túc tại đây. Chắc chắn là có thứ gì đó khiến chúng ta mê mẩn không rời, có lẽ là bí mật thần kỳ chôn giấu nơi đất Tạng, là kinh phước pháp phối tổ rõ luân hồi^[3], là lời nguyện đến từ văn minh viễn cổ.

[3] Luân hồi (samsāra) chỉ những đời sống tiếp nối nhau, trạng thái bị luân chuyển của một loài hữu tình khi chưa đạt giải thoát, chứng ngộ Niết Bàn.

Có những người không nề hà muôn dặm rong ruổi đến đây, chỉ để múc một hũ nước thánh của hồ Thanh Hải^[4], chỉ để ngắm một thoáng mặt trời lặn trên cung Potala^[5], chỉ để bước trùng lên dấu chân công chúa Văn Thành^[6] năm xưa, chỉ để ngâm nga một bài thơ của Tsangyang Gyatso, cũng để tận mắt nhìn thấy một lần mục dân lừa ngựa cừu từ đồng cỏ này sang đồng cỏ khác, tiếp nối câu chuyện này với câu chuyện khác. Hoặc là quan sát một lần thiên táng, xem chim điêu rĩa sạch thi thể, một thân xác chớp mắt đã biến

mất, cả chiếc áo xanh cũng chẳng đem đi được. Tất cả chúng sinh đều có tính Phật, kiếp này thành Phật, là vì siêu độ khổ nạn của chúng sinh.

[4] Hồ Thanh Hải hay hồ KokoNor là hồ lớn nhất Trung Quốc và là hồ nước mặn lớn thứ hai thế giới sau hồ Muối Lớn ở Mỹ. Hồ nằm ở độ cao 3.205m - 3.260m trên bồn địa của cao nguyên Tây Tạng, cách thành phố Tây Ninh, thủ phủ tỉnh Thanh Hải khoảng 100km về phía Tây.

[5] Cung Potala nằm ở thành phố Lhasa, Khu tự trị Tây Tạng, Trung Quốc, đã là nơi ở của Đạt Lai Lạt Ma cho đến khi Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 chạy sang Dharamsala, Ấn Độ vào năm 1959. Ngày nay, cung Potala là một viện bảo tàng, một địa điểm thu hút khách tham quan nổi tiếng, đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới. “Potala” là dịch âm từ tiếng Phạn, có nghĩa là “thánh địa Phật giáo”.

[6] Công chúa Văn Thành (623-680): cháu gái vua Đường Thái Tông, hoàng hậu thứ hai của vua Thổ Phồn Songtsän Gampo, là một đệ tử Phật giáo, cùng với công chúa Nepal Bhrikuti Devi - hoàng hậu thứ nhất của Songtsän Gampo, được cho là những người đã đưa Phật giáo vào Tây Tạng.

Suốt dọc đường, nhìn thấy người Tạng áo quần lam lũ quỳ gối rạp mình đi về phía trước, trong ánh mắt chứa đầy kiên định không thể lung lay. Họ lựa chọn dùng phương thức thành kính này để đi hết hành trình xa xôi, vì niềm tin trong lòng, vì tìm kiếm kiếp trước trong mơ. Tất cả những ai đi qua bên họ đều sẽ cảm động đến đầm đìa nước mắt, cũng muốn vì họ gánh vác chút gì đó, nhưng lại bất lực biết bao. Nhiều người đến đều là để bái yết sinh mệnh, đến cung Potala, tiếp nhận lễ rửa tội thánh khiết nhất. Một mảng bầu trời xanh thẳm ấy, có chim ưng dang cánh chao liệng, mây trôi tản mát, với tay chạm được.

Theo đuổi một giấc mộng, có lẽ chỉ cần dăm ba năm, tìm kiếm một người, rồi cuộc phải mất thời gian bao lâu? Núi tuyết yên tĩnh dựa sát vào nhau trên cao nguyên, hồ thánh hắt bóng trên những đỉnh núi trắng tinh. Ở nơi này, có cách tang^[7] nở hoa, cỏ lác đùng đưa trong gió; ở nơi này, tình yêu của chúng ta sao mà giản đơn, chỉ vì tình cờ gặp gỡ một đôi mắt linh dương Tạng. Năm tháng luân chuyển, vương triều đổi chủ, bao nhiêu gió mưa nghiệp bá đều âm thầm chôn vùi trong sông dài lịch sử, người và việc có thể khiến chúng ta ghi nhớ lác đác như sao buổi sớm. Mà mảnh đất này, vĩnh viễn không bị quấy nhiễu, biết bao người muốn vén tấm mạng che mặt thần bí dưới màn

sương mỏng kia, lại phát giác hóa ra miền đất xem chừng cần cỗi này lại màu mỡ như vậy. Mặc cho năm tháng vùi dập tuổi tác, sự đời sớm đã đổi thay hoàn toàn, một cỏ một cây, một bụi một cát ở đây đều không hề suy suyển.

[7] Cách tang: một loài hoa sinh trưởng trên cao nguyên, thuộc họ thùy cúc. “Cách tang” tiếng Tạng nghĩa là hạnh phúc, người Tạng xem đây là loài hoa thánh khiết tượng trưng cho tình yêu và may mắn.

Khói lửa ở đây rất thưa thớt, chúng ta đều từ nơi hồng trần sâu nhất đến đất Tạng, đặt xuống tất cả tôn quý và vinh hoa của trần thế, cũng mang đến nhiều bụi đất lẫn lộn và tâm sự ngổn ngang. Núi mây muôn dặm, trăng lạnh gió rét, dù nhiều người không thể thích ứng hoàn cảnh tự nhiên nơi này, nhưng đã chọn đến đây, đều dự định cùng sống chết với đồng hoang đất tuyết ở đây. Trên thực tế, chúng ta đều hiểu rõ, trèo đèo lội suối như vậy, sốt ruột đi gấp, là vì tìm kiếm một con người, một cái tên, một bài thơ tình. Chỉ là trên đời này có nhiều việc không cho phép bạn và tôi dễ dàng nói toạc ra, số mệnh có quá nhiều chân lý huyền diệu không thể tìm hiểu thấu đáo. Dường như vì những huyền cơ này, vạn vật mới có lý do để con người tìm đến ngọn nguồn.

Ở Tây Tạng có nhiều vị Đạt Lai Lạt Ma^[8] chuyển thế như vậy, vì sao người chúng ta ghi nhớ cứ là Tsangyang Gyatso? Có lẽ những ai từng đến đây và chưa từng đến đây đều hiểu rõ, đó là vì Ngài là một vị tình tăng, một vị tình tăng khiến tâm hồn con người rung động. Thơ tình của Ngài cũng là hoa tình, rải khắp trên mảnh đất hoang vu này, khiến muôn hoa nảy nở, tình duyên bền chặt. Điều chúng ta khó quên có lẽ không phải là thân thể biết bao truyền kỳ của vị linh đồng chuyển thế này, không phải là tầm cao Thần Phật khi Ngài được chúng sinh quỳ lễ mà là nỗi quyến luyến sâu sắc đối với hồng trần và vắn vường không dứt đối với tình yêu của Ngài. Chúng ta cảm động rơi lệ vì thơ tình của Tsangyang Gyatso, những bài thơ tình viết đã ba trăm năm, cũng đã hát suốt ba trăm năm.

[8] Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama): là danh hiệu của nhà lãnh đạo tinh thần của Phật giáo Tây Tạng thuộc phái Gelug. “Đạt Lai” có gốc từ tiếng Mông Cổ nghĩa là “biển cả”; “Lạt Ma” là từ tiếng Tạng được dịch từ tiếng Phạn “guru”, là từ xưng hô dành cho các vị Đạo sư. “Đạt Lai Lạt Ma” có nghĩa là “Đạo sư với trí tuệ như biển cả”. Danh hiệu Đạt Lai Lạt Ma cũng được hiểu là Hộ tín (Người bảo vệ đức tin), Huệ hải (Biển lớn của trí tuệ), Pháp vương (Vua của Chánh Pháp), Như ý châu (Viên bảo châu như ý)... Danh hiệu Đạt Lai Lạt Ma được vua Mông Cổ Altan Khan phong cho phương

trượng của phái Gelug vào năm 1578. Người Tây Tạng xem Đạt Lai Lạt Ma là hiện thân của Quán Thế Âm. Mỗi một vị Đạt Lai Lạt Ma được xem là tái sinh của vị trước.

Năm tháng vô tình, thời gian càng dài, nhiều chương tiết của lịch sử đều bị sửa đổi. Năm tháng cũng hữu tình, nó làm người đưa thư cho thời gian, gửi đến câu chuyện của ba trăm năm trước. Đối mặt với tình cảm, bất kể lòng dạ sắt đá đến đâu cũng sẽ biến thành mềm yếu, vì thế những ai từng đọc thơ tình của Tsangyang Gyatso đều sẽ sa vào biển tình cuộn cuộn, khó tự thoát ra. Nhà viết kịch thời Minh Thang Hiến Tổ^[9] từng viết trong vở *Đình Mẫu Đơn*^[10]: “Người như Đỗ Lệ Nương, quả có thể nói là người có tình vậy. Tình không biết bắt đầu từ đâu, một mực sâu đậm, lúc sống có thể vì tình mà chết, chết rồi lại có thể vì tình mà sống. Sống không nguyện ý chết vì tình, chết mà không thể sống lại, đều chẳng phải là chí tình.” Chúng ta đều là người sống vì tình, chết vì tình, dù không cắt đứt được danh lợi, không vứt bỏ được vinh hoa, nhưng vẫn bắt cần chìm đắm trong sông tình, trả giá nặng nề cho cú sẩy chân của mình.

[9] Thang Hiến Tổ (1550-1616): nhà văn, nhà biên kịch nổi tiếng của Trung Quốc vào cuối thời nhà Minh, người Lâm Xuyên, Giang Tây.

*[10] **Đình Mẫu Đơn**: còn có tên là Hoàn hôn ký, sáng tác năm 1598, sau khi Thang Hiến Tổ từ quan về Lâm Xuyên. Nội dung miêu tả thiếu nữ Đỗ Lệ Nương và thư sinh Liễu Mộng Mai gặp gỡ trong mộng, sau đó Lệ Nương tìm lại giấc mộng không được, ốm tương tư mà chết. Liễu Mộng Mai sau đó đào mộ Lệ Nương lên, Lệ Nương sống lại, cùng Mộng Mai sum vầy hạnh phúc.*

Ngắm tháp Phật đối xứng nơi xa, không biết là vị cao tăng nào vì kiếp trước của mình xây tháp và thề nguyện ở đây. Chúng ta chẳng phải cao tăng, không vì tu hành, không vì truy vấn đời trước lại tràn đầy hiếu kỳ và nhung nhớ đối với nơi này. Có lẽ chúng ta định sẵn chỉ là khách qua đường, không cho nổi mảnh đất này bất cứ hứa hẹn nào, nhưng cũng không cần dò hỏi nhân quả hợp tan. Nếu thật sự có thể tìm được nhân duyên kiếp trước, thế thì chuyến đi này không hối tiếc, xin Đức Phật phong ấn tôi ở đường cổ A Lạp xa xăm, vĩnh viễn không trở về.

Duyên hợp

Có người nói, phong cảnh trên thế gian này phải đích thân trải nghiệm mới tìm được cảm xúc sâu sắc nhất. Còn tôi lại cho rằng, nơi đến trong mơ, cũng vẫn có thể chân thực tới khắc cốt ghi tâm.

Đời người như nước trôi, chớp mắt đã qua đi, mỗi ngày chúng ta đều bận rộn như con sâu cái kiến, dưới áp lực cuộc sống, đã chẳng có bao nhiêu thời gian hỏi han triết lý nhân sinh. Đợi đến khi bụi trần lắng đọng, lại phát giác tuổi xuân đã lặng lẽ rời xa chúng ta, cảm giác gặp nhau xiêu lòng trước kia đã không còn nữa. Chẳng ai sinh ra đã bằng lòng làm một kẻ cướp đoạt, lẽ nào không biết những nhân vật hô mưa gọi gió thường vào lúc hoàng hôn trắng treo ngọn liễu tự mình chặm máu trị thương?

Tôi vốn là một người không có chí lớn, chỉ muốn sống cuộc đời thanh thản, vui chút thú nhàn tản, viết vài quyển sách phiếm. Cho dù như thế, trong lòng vẫn sẽ hoang vu, khi không có gì cả, đành nhờ vào phong cảnh bốn mùa, ngày hè hái sen hóng mát, cuối đông hong sách sưởi ấm. Vốn cho rằng đời này gần gũi một rẻo non nước Giang Nam, xây gian nhà nhỏ có hàng rào, trồng ít hoa cỏ, khung cửa sổ đơn sơ, phơi mấy chiếc áo hoa, thì sẽ cảm kích rơi lệ vì cuộc sống yên ổn êm đềm này. Nhưng lại không biết rằng, trong lòng mình cũng có khát vọng khó kìm chế. Lúc nhàn tịnh, sẽ bị một khúc nhạc cổ khuấy động tâm tình, sẽ vì một tấm ảnh cũ hồn bay phách lạc, sẽ bị một bài thơ tình sâu sắc dẫn đến chân trời.

Biết bao duyên trước đã thành quá khứ, thật ra thứ không nắm bắt được là thời gian róc rách chảy xuôi. Trăm ngàn năm nay, đời người lần lữa, thời gian lưu luyến, điều khiến ta ghi nhớ thật sự không nhiều. Bất kể lòng dạ con người rộng rãi đến đâu, có thể thu giữ bao nhiêu câu chuyện, đến cuối cùng đều phải trả lại cho năm tháng. Có người nói, phong cảnh trên thế gian này phải đích thân trải nghiệm mới tìm được cảm xúc sâu sắc nhất. Còn tôi lại cho rằng, nơi đến trong mơ, cũng vẫn có thể chân thực tới khắc cốt ghi tâm.

Đối với Tây Tạng, tôi cũng đầy hiếu kỳ và khát vọng. Chỉ biết rằng, tất cả phong cảnh của mảnh đất này như một cuốn kinh khó mà lĩnh ngộ. Kinh văn, thánh kinh lại có ý vị sâu xa, nội dung tinh thâm, chứa đựng ý thiền

không nói bằng lời. Tôi thường đi lễ chùa, cầm về mấy quyển sách kinh, không đọc, chỉ đặt yên ở một góc, cùng chia sẻ một quãng thời gian cõi Phật với tôi. Tôi biết, sách kinh là cảm ngộ nơi sâu linh hồn của vạn vật tự nhiên, là tâm của biển biếc nương dâu^[1]. Mỗi người trong lòng đều có một quyển sách kinh, chỉ là trải nghiệm đời người khác nhau, sẽ có sự đọc hiểu khác nhau.

[1] Biển biếc nương dâu: chỉ những sự thay đổi lớn lao.

Nhớ đến bài văn “Ngồi tàu lửa đi Lhasa^[2]”, một cô gái không ngăn được kinh phước pháp phôi vầy gọi, đặt chân lên con đường hướng về Tây Tạng. Lhasa là một thành phố đầy thần kỳ và biến số, chẳng bao lâu, thành phố lạnh lẽo hoang vắng ấy đã trở thành nơi người đời hồn mơ lòng nhớ. Thành phố này mang vẻ linh hoạt huyền ảo và tưởng tượng vô tận, những dòng thơ sao mà nhiều cảm dỗ, khiến chúng ta chìm đắm.

[2] Lhasa: thủ đô truyền thống của Tây Tạng, hiện nay là thủ phủ của Khu tự trị Tây Tạng. Lhasa tiếng Tạng nghĩa là “vùng đất thần thánh, thiêng liêng”.

Có thangka^[3], có màn thêu,

Có sư tri sự đang kêu bác đèn.

Lạt Ma lạt giở sách kinh,

Tín đồ trước Phật rập mình thành tâm.

[3] Thangka (còn được viết là Tangka hay Thanka): là loại tranh vẽ hoặc thêu, treo ở các tự viện và nơi thờ Phật tại gia đình, có thể cuộn lại được, hầu hết có dạng hình chữ nhật. Tranh thể hiện cuộc đời của Đức Phật, các vị Lạt Ma danh tiếng, chư Bồ Tát, thánh thần, Pháp Luân, Mạn Đà La...

Còn tôi, cũng bị bức bách làm tín đồ của nó, phủ phục trên con đường thiên lộ^[4] thần kỳ, viết nên bài thơ khiến người sống lòng dâng trào. Đó chính là “Sắc lam Thanh Tạng”, một màu xanh lam thuần khiết, xanh lam cao quý, xanh lam ưu sâu, xanh lam xa xưa. Tôi sợ mình vô ý xông vào, sẽ

quấy nhiễu giấc mộng sau rèm vắng nơi đất thánh, lại không biết rằng, trên mảnh đất thần thánh này, bằng lăng khói lửa chất phác nhất của nhân gian. Người Tạng ở đây, sinh ra vì số mệnh, họ tin tưởng nhân quả luân hồi. Do đó trong mắt họ, mỗi một ngọn cỏ gốc cây, một hòn đá, thậm chí một hạt bụi hồng, đều có thể gửi gắm sâu sắc. Vì thế, bạn có thể tìm kiếm được những truyền thuyết cảm động ở mọi nơi trên chốn này.

[4] Thiên lộ: Đường sắt Thanh Tạng, nối thành phố Tây Ninh tỉnh Thanh Hải với thành phố Lhasa Tây Tạng, dài 1.956km, chính thức vận hành từ 1/7/2006.

Miền đất nơi bò cừu sinh trưởng, nơi tuyết đọng ngàn năm, nơi kinh phước cắm đầy này cũng là nơi vun trồng tình cảm. Khi lần đầu tiên đọc được câu thơ “*Thế gian sao có đôi đường vẹn, Chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng*”, tôi liền quyết định viết một bài cảm tưởng về vị tình tăng tên là Tsangyang Gyatso ấy. Nào ngờ người chung tình với câu thơ đó quá nhiều, tôi chỉ là một hạt bụi cát dưới sóng cả, lời chúc phúc dâng lên Ngài thật sự quá nhỏ nhoi không đáng kể. Nếu sau khi con người chết đi đúng là có linh hồn, nhiều năm đã trôi qua, phải chăng Tsangyang Gyatso vẫn còn đang phiêu diêu trên mảnh đất này?

Tsangyang Gyatso, tên của Ngài ở Tây Tạng nhiều đứa trẻ lên ba đều biết, Ngài từng là Phật sống, được muôn người triều bái dưới trời xanh. Nhưng người ta lại mong đợi Ngài hơn với tư cách là vị tình tăng, ở nơi giáp ranh của Phật và tình, viết những câu thơ cảm động trời đất. Thơ tình của Ngài lưu lại trên thế gian, tựa như ma thuật, đã mê hoặc muôn ngàn người đời. Chỉ cần nhắm mắt, liền có thể thấy một thiếu niên tuấn tú, khoác áo sư màu đỏ, nhìn chúng sinh với ánh mắt buồn rầu thương xót. Ngài là linh đồng chuyển thế, đến thế gian là để giúp người, tình yêu cá nhân định sẵn chỉ là khói mây, dù Ngài nặng tình đến đâu, đời người cũng chỉ có thể là một giấc mộng.

Mọi việc trên đời đều có nhân trước quả sau, hoa hồng đến nhân gian vì lá xanh, mùa xuân lộng lẫy vì tuyết trắng, biển biếc dờn dỗi vì nương dâu. Còn cung Potala sừng sững trên Hồng Sơn^[5] ở tây bắc Lhasa, được khánh thành để nghênh đón công chúa Đại Đường. Tương truyền 1.300 năm trước vào đầu thế kỷ VII sau Công nguyên, sau khi vua Tây Tạng Songtsän Gampo^[6] dời đô đến Lhasa, vì cưới công chúa Văn Thành của nhà Đường, đặc biệt

xây dựng trên Hồng Sơn ba ngôi nhà lầu chín tầng có tổng cộng một ngàn gian phòng, đặt tên là cung Potala. Một tòa cung điện to lớn đẹp đẽ, hùng vĩ mà hoa lệ, tinh xảo mà trang nhã. Để an ủi lòng nhớ quê nhà của công chúa Văn Thành, Songtsän Gampo cho xây ao hồ hình đài trong cung điện, trồng nhiều cây hoa tươi đẹp, mô phỏng kết cấu hoàng cung ngự uyển Đại Đường, gieo hạt giống văn minh cho tòa thành cổ hoang vắng này.

[5] Hồng Sơn (Marpori): được xem là núi thiêng của Bồ Tát Quán Thế Âm.

[6] Songtsän Gampo (Tùng Tán Cán Bố, ?-649): vị tán phổ (vua) thứ 33 của Thổ Phồn, người sáng lập đế quốc Tây Tạng, cũng là người chấn hưng Phật giáo Mật Tông tại Tây Tạng.

Lịch sử sẽ không lưu lại tên nàng, mà trên mảnh đất ấy của cao nguyên Thanh Tạng, cũng chẳng có miêu của công chúa Văn Thành.

Cung Potala, sau khi được xây dựng lại vào thế kỷ XVII đã trở thành nơi ở mùa đông của Đạt Lai Lạt Ma các đời, cũng là trung tâm thống trị của chính trị tôn giáo hợp nhất ở Tây Tạng. Cả tòa cung điện hội tụ phong cách Tạng, xây tựa vào núi, khí thế hùng vĩ chấn động tâm linh. Cung Potala dưới trời chiều mang vẻ lãnh đạm và nghiêm nghị không tranh với đời, có lẽ rời xa nhiều loạn quá lâu, nó giờ đây rất mực yên tĩnh, rất mực ung dung, lại rất mực vô tội. Đây là một tòa cung điện được trao cho truyền kỳ và linh tính, trong đó giữ kín quá nhiều vong linh tịch mịch. Nơi này có tấm cung của Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 - Điện Đức Đan Cát, nếu linh hồn Ngài không chết, phải chăng có thể lưu lại vết tích mờ nhạt cho những người vì tìm kiếm Ngài mà đến đây?

Đằng kia những trác mã^[7] già nua tay cầm chuyển kinh luân^[8], tụng niệm những câu kinh mà chúng ta nghe không hiểu, nhưng chúng ta biết rõ, họ thành kính như vậy là để cầu phúc, tích công đức, thoát ly nỗi khổ luân hồi. Gió cát trên mảnh đất này đã điêu khắc nét tang thương của riêng người Tạng trên khuôn mặt họ, là sự ban ơn của năm tháng, cũng là dấu ấn của tuổi tác. Tôi biết, Giang Nam cầu nhỏ nước chảy thật sự đã đi xa, còn tôi và sa mạc hoang nguyên này, đã gần đến nỗi đụng chạm da thịt, gần đến nỗi có thể nghe được hơi thở của nhau.

[7] Trắc mã: xưng hô của người Tạng đối với nữ giới.

[8] Chuyển kinh luân (Mani luân): một loại pháp khí của Phật giáo Tây Tạng, hình ống, có thể xoay được. Trên mặt khắc sáu chữ âm ngôn “Om Mani Padme Hum”, bên trong đặt kinh Phật. Xoay kinh luân một vòng (thông thường phải xoay theo chiều kim đồng hồ) tương đương niệm kinh văn chứa bên trong một lần.

Tín ngưỡng

Phải chăng có một nơi bạn chưa từng đến, mà lần đầu gặp gỡ lại có cảm giác cách biệt nhiều năm? Từng gốc cây ngọn cỏ, từng hạt cát hạt bụi ở đó, đều hiển hiện trong mơ, đượm vẻ lạ lẫm lẫn quen thuộc tựa như xa cách một đời.

Phải chăng có một nơi bạn chưa từng đến, mà lần đầu gặp gỡ lại có cảm giác cách biệt nhiều năm? Từng gốc cây ngọn cỏ, từng hạt cát hạt bụi ở đó, đều hiển hiện trong mơ, đượm vẻ lạ lẫm lẫn quen thuộc tựa như xa cách một đời. Có lẽ đây chính là duyên phận mà nhà Phật thường nói, bởi vì có duyên, nên mới vừa gặp đã xiêu lòng, mới khó lòng rời bỏ. Tôi là cô gái tin ở duyên phận, dù cứng cỏi, lại luôn rủ mảy cúi đầu vì một cảm động tế nhị nào đó.

Đặt chân tới Tây Tạng cũng như sa vào một trận luân hồi thần bí khôn lường, bạn sẽ bị những phong thổ nhân tình không rõ nguyên do kia nhấn chìm. Nhất là Phật giáo Tạng truyền đông đảo, từ trong lịch sử xa xưa tiếp diễn đến ngày nay, nhiệt tình và si mê của người Tạng đối với tôn giáo chẳng có mấy may nguội lạnh. Tín ngưỡng không thể khinh nhờn đó truyền từ đời này sang đời khác, trước mặt Thần Phật muôn đời bất diệt, họ thậm chí có thể hy sinh không hối hận. Đó chính là số mệnh, chẳng một ai có thể chọn lựa xuất thân, có lẽ bạn thích cầu đá dương liễu, trăng lạnh hoa mai, vậy mà quanh quẩn trước mắt lại là khói vắng đại mạc, đất tuyết hoang nguyên. Nhưng chúng ta không thể quay lưng với thề ước kiếp trước, vứt bỏ trách nhiệm, bèn ngàn núi muôn sông cất bước độc hành.

Một người không tùy tiện hứa hẹn, lại bằng lòng thề thốt thành khẩn vì một đóa hoa sen thánh khiết, bằng lòng quỳ mãi không dậy vì một ngọn đèn bơ. Trong thế giới luân hồi tràn đầy ảo tưởng, vạn vật đều là bụi nhỏ, bụi nhỏ cũng có thể thành Phật. Con người vì có tín ngưỡng mà áp ủ hy vọng đối với cuộc sống. Những người Tạng cư trú chốn cao nguyên, tin vào sự tồn tại của Thần Phật, đời đời phủ phục dưới chân núi xanh, vừa nói chuyện với thần linh, vừa chăn ngựa thả cừu, sống giản đơn yên ổn, tiêu dao tự tại. Trong mắt họ, tất cả cỏ cây đều có linh tính, tất cả non nước đều có lời hứa, tất cả bò cừu đều có luân hồi. Mọi người đều là tín đồ của Phật, mọi người đều có tấm lòng thuần túy, trong lòng đều trồng một cây bồ đề.

Lúc đó, Phật giáo Tạng truyền có rất nhiều giáo phái, chia làm Gelug^[1] (*Hoàng Giáo*), Nyingma^[2] (*Hồng Giáo*), Kadam^[3] (*Hắc Giáo*), Kagyu^[4] (*Bạch Giáo*), Sakya^[5] (*Hoa Giáo*), giữa họ cũng không thiếu những vụ tranh đấu, loại trừ lẫn nhau. Mãi đến đầu thế kỷ XVII, ở vùng Thanh Hải và Mông Cổ, địa vị chủ đạo của Gelug (*Hoàng Giáo*) đã xác lập, nhưng đấu tranh với các giáo phái khác vẫn ngấm ngầm sóng gió. Chúng ta luôn mong thế giới này gió yên sóng lặng, mong tất cả buồn thương đau đớn đều được nụ cười và khoan dung xóa nhòa, mong giữa người và người không cần phân tranh, không phải tổn thương. Nhưng thực tế vẫn trái với nguyện vọng, dù thanh tịnh như Đức Phật, quảng đại như Đức Phật, cũng có lúc bất lực.

[1] Phái Gelug (Cách Lô): Gelug nghĩa là “Hạnh Đức, Thiện Quy”, phái Gelug là “tông phái của những hiền nhân tuân thủ thanh quy giới luật”. Cũng được gọi là Hoàng Giáo hay phái Hoàng Mạo vì các vị sư phái này mang mũ màu vàng. Do Đại sư Tsongkhapa (Tông Khách Ba) sáng lập vào thế kỷ XIV.

[2] Phái Nyingma (Ninh Mã): Nyingma nghĩa là “Cổ, Cừu”, phái Nyingma là phái Cổ Mật hay Cừu phái vì được sáng lập sớm nhất, giáo lý truyền xuống từ thế kỷ VIII, hình thành vào thế kỷ XI. Cũng được gọi là Hồng Giáo hay phái Hồng Mạo vì các vị sư phái này thường mang mũ màu đỏ. Tôn thờ Đại sư Liên Hoa Sinh là thủy tổ.

[3] Phái Kadam (Cát Đương): Kadam nghĩa là “dùng lời dạy của Phật để chỉ dẫn người phạm tiếp nhận đạo lý Phật giáo”. Sáng lập năm 1056. Đến thế kỷ XV phái Gelug nổi lên, mà phái Gelug phát triển trên cơ sở giáo lý của phái Kadam, do đó phái Kadam sáp nhập vào phái Gelug.

[4] Phái Kagyu (Cát Cừ, Ca Nhĩ Cự): phái Khẩu Truyền hay Nhĩ Truyền, do chư đạo sư trực tiếp truyền miệng lại cho đệ tử, chứ không qua văn tự. Được gọi là Bạch Giáo vì y phục của các vị sư phái này có thêm sọc màu trắng. Do Đại sư Marpa Lotsawa (Mã Nhĩ Ba) sáng lập.

[5] Phái Sakya (Tát Ca): Sakya nghĩa là “Màu Xám”. Do tu viện chính của phái này là tu viện Sakya xây ở nơi đất màu xám nên đặt tên như vậy. Lại do trên tường bao quanh tu viện chính tô vẽ hoa văn ba màu đỏ - trắng - đen tượng trưng cho trí tuệ - từ bi - sức mạnh của ba vị Bồ Tát Văn Thủ - Quán Thế Âm - Kim Cương Thủ, nên còn gọi là Hoa Giáo. Sáng lập vào thế kỷ XI bởi Đại sư Konchog Gyalpo (Cổng Khước Kiệt Bồ).

Ngày 15 tháng 12 năm 1616, Đạt Lai Lạt Ma thứ 4 Yonten Gyatso^[6] đột nhiên qua đời ở tu viện Drepung^[7], hưởng dương 28 tuổi. Về cái chết của Yonten Gyatso, có người nói là Tsangpa Khan Phuntsok Namgyal^[8] phái người ám sát. Lúc đó Tsangpa Khan bị bệnh, nghe nói là do Đạt Lai thứ 4 Yonten Gyatso nguyên rửa ông ta, nhưng bị Tsangpa Khan phát hiện, bèn phái người giết chết Yonten Gyatso. Đương nhiên, đây chỉ là truyền thuyết, bầu trời mây khói mịt mù, lịch sử cũng trở nên mơ hồ không rõ, đời người phù du như giấc chiêm bao, không ai có thể xác định năm đó đã xảy ra chuyện gì. (Lúc đó Tsangpa Khan nghi Đạt Lai nguyên rửa, dẫn đến mắc nhiều bệnh, liền công khai mệnh lệnh không cho Đạt Lai chuyển thế, nhờ Ban Thiện^[9] Lobsang Chökyi Gyaltsen^[10] nhiều lần yêu cầu, mới chuẩn y tìm kiếm linh đồng Đạt Lai thứ 5.”)

[6] Yonten Gyatso (Vân Đan Gia Mục Thố, 1589-1616): Đạt Lai Lạt Ma thứ 4.

[7] Tu viện Drepung (Triết Bạng): nằm cách ngoại ô Lhasa khoảng 7km về phía tây, xây năm 1416, vốn là nơi cư ngụ của các vị Đạt Lai Lạt Ma trước khi Đạt Lai thứ 5 xây lại cung Potala. Tại đây còn có trường đại học Phật giáo, có lúc số tăng sĩ tu học lên đến cả 10.000 người.

[8] Tsangpa (Tạng Ba) là một triều đại thống trị phần lớn Tây Tạng từ năm 1565 đến 1642. Khan (Hãn) trong tiếng Mông Cổ là một tước hiệu có nhiều nghĩa, ban đầu có nghĩa là thủ lĩnh một bộ tộc, đôi khi cũng có thể dịch là vua, hoàng đế. Phuntsok Namgyal là vị vua Tsangpa cai trị trong khoảng thời gian 1603-1620.

[9] Ban Thiện Lạt Ma (Panchen Lama): chức vị cao thứ hai trong phái Gelug sau Đạt Lai Lạt Ma. “Ban Thiện” nghĩa là “Đại học giả”. Danh hiệu này do Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 tặng cho thầy mình là Lobsang Chökyi Gyaltsen, trụ trì tu viện Tashinlhunpo trong thế kỷ XVII. Ban Thiện Lạt Ma được xem là hóa thân của Phật A-di-đà, và cũng được xem là một dòng tái sinh.

[10] Lobsang Chökyi Gyaltsen (La Tang Khurót Cát Kiên Tán, 1570-1662): Ban Thiện Lạt Ma thứ 4.

Đúng vậy, sau khi Yonten Gyatso qua đời, theo quy củ của Phái Gelug, phải tìm kiếm linh đồng chuyển thế. Người sinh trưởng ở miền đất này, đều

là tín đồ của Phật Đà, tín đồ của vận mệnh, họ tin tưởng con người có ba kiếp, chết rồi sẽ chuyển thế luân hồi, tái tục duyên chưa hết của kiếp trước. Một người bắt đầu từ khi sinh ra, lúc ngây ngô chưa biết sự đời, đã phải gánh vác trách nhiệm và nợ nần, vinh nhục và giàu nghèo của kiếp trước. Chúng ta cho rằng có thể sửa đổi số mệnh, hóa ra là không thể từ bỏ, do đó luôn cảm thấy bản thân phải sống thân bất do kỷ. Có lẽ bạn chỉ muốn làm một người dân bình thường, lại cứ sinh vào nhà vua chúa. Có lẽ bạn muốn thống trị thiên hạ, trở thành bá chủ hô mưa gọi gió, nhưng lại lưu lạc thành tên giặc cỏ lỗ mãng.

Cuộc đời đã được định sẵn, bạn và tôi đều không thể chọn lựa, chẳng muốn nước chảy bèo trôi, rốt cuộc vẫn phải mặc cho vận mệnh sắp đặt. Ngawang Lobsang Gyatso^[11] là Đạt Lai Lạt Ma thứ 5. Năm 1617, Ngawang Lobsang Gyatso sinh ra ở huyện Qonggyai, Lhoka, Tiền Tạng^[12], thuộc gia tộc Qonggyaipa. Gia đình Ngài là địa chủ phong kiến ở Lhoka, cũng là quý tộc dưới trướng chính quyền Phagmodrupa^[13]. Một con em quý tộc vừa sinh ra đã được đội lên vàng hào quang hoa lệ, vốn cho rằng đời này sẽ giữ nghiệp nhà giàu có, cưới vợ sinh con, sống cuộc sống sung túc mà tầm thường. Nhưng Đức Phật đã trao cho Ngài sứ mệnh lớn hơn, khi Ban Thiên thứ 4 Lobsang Chökyi Gyaltsen nhận định Ngài là Đạt Lai thứ 5, cuộc đời của Lobsang Gyatso liền có biến đổi trời long đất lở.

[11] Ngawang Lobsang Gyatso (A Vương La Bốc Tạng Gia Mục Thổ, 1617-1682): Đạt Lai Lạt Ma thứ 5, và có lẽ là vị nổi danh nhất, được người Tạng tôn trọng gọi là “Đại sư thứ năm”. Ngài là vị Đạt Lai đầu tiên khởi xướng chế độ “chính quyền tăng lữ”, nắm giữ quyền cai trị Tây Tạng. Kể từ đó, Đạt Lai Lạt Ma là người lãnh đạo tinh thần tôn giáo cũng như chính trị tại Tây Tạng.

[12] Qonggyai (Quỳnh Kết) là một huyện của địa khu Lhoka (Sơn Nam), khu tự trị Tây Tạng, Trung Quốc. Địa khu Lhoka nằm ở đông nam Tây Tạng, trung và hạ phần của thung lũng sông Yarlung Tsangpo, được coi là vùng đất khai sinh của văn minh Tây Tạng. Nó có ranh giới với Lhasa ở phía bắc, Nyingchi ở phía đông, Shigatse ở phía tây, có biên giới quốc tế với Ấn Độ và Bhutan ở phía nam. Thủ phủ là trấn Tsetang, cách Lhasa 183km.

Tiền Tạng: gồm Lhasa và địa khu Lhoka.

Ngài rốt cuộc không phải là người phàm, thiên tư thông minh, đỉnh ngộ, tài năng kiến thức xuất chúng, sáu tuổi được đón vào tu viện Drepung phụng dưỡng, tiếp nhận nền giáo dục đặc biệt. Trong lịch sử Phật giáo Tạng truyền,

Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso là một nhân vật vô cùng quan trọng, Ngài bình định chiến loạn, xây lại cung Potala, xác lập địa vị thống trị của phái Gelug ở Tây Tạng. Một nhân vật mưu lược kiệt xuất, một vị anh hùng kiến công lập nghiệp, được muôn người thành kính quỳ bái, đồng thời cũng trải qua thử thách của khói lửa chiến trường. Chúng ta dường như nhìn thấy một người cầm lái, không sợ mưa gió, cầm vững tay lái ngược bao sóng cả, cuối cùng đến được bờ bên kia đầy hoa sen.

Lúc đó Tây Tạng là thời đại thống trị của chính quyền địa phương Karma^[13], do Đệ Ba^[14] quản lý chính sự, phái Karma Kagyu^[15] và Tsangpa Khan áp dụng chính sách áp bức tàn phá đối với Hoàng Giáo. Khoảng năm 1630, chính quyền Tsangpa Khan lợi dụng cơ hội các thế lực địa phương tranh chấp nội bộ, thừa cơ phát động một cuộc đấu tranh chống Hoàng Giáo, khiến Đạt Lai thứ 5 tránh về Lhoka. Lúc đó Hoàng Giáo ở Tây Tạng và vùng Kham^[16] Thanh Hải, thậm chí ở nhiều nơi thuộc Mông Cổ đều rất được đông đảo nhân dân ủng hộ. Sau một thời gian trù hoạch, Đạt Lai thứ 5 và Ban Thiền thứ 4 thượng nghị, cử người đến Thanh Hải bí mật triệu Gushi Khan^[17] dẫn binh tiến vào Tây Tạng. Do đó mới lật đổ nền thống trị của chính quyền địa phương Karma, ủng hộ Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 kiến lập chính quyền Ganden Phodrang^[18].

[13] Chính quyền Karma: chính quyền liên minh giữa Tsangpa Khan và phái Karma Kagyu.

[14] Đệ Ba hay Đệ Tì (Desi) là dịch âm tiếng Tạng, nghĩa gốc là “tù trưởng bộ lạc, thủ lĩnh”. Cuối thời Minh, người thống trị Tây Tạng Tsangpa Khan cũng xưng là Đệ Ba. Đến thời Thanh, phái Gelug nắm quyền, trước sau bổ nhiệm tám vị Đệ Ba, là quan chức cao nhất quản lý sự vụ hành chính của chính phủ địa phương Tây Tạng. Trong đó nổi tiếng nhất là Đệ Ba thứ 5 Sangye Gyatso (Tang Kết Gia Thố).

[15] Karma Kagyu: Chỉ phái có thế lực mạnh nhất và ảnh hưởng lớn nhất trong phái Kagyu.

[16] Kham: từng là một trong ba vùng truyền thống của Tây Tạng (Ü-Tsang, Amdo, Khan), hiện nay được chia ra giữa các đơn vị cấp tỉnh của Trung Quốc là Khu tự trị Tây Tạng, Tíร์ Xuyên, Thanh Hải, Vân Nam. Đây là nơi dân tộc Khampa, một phân nhóm của dân tộc Tây Tạng sinh sống.

[17] Gushi Khan (Cổ Thùy Hãn): thủ lĩnh của bộ lạc Khoshut (Hòa Thạc Đạt) của người Mông Cổ tại vùng hồ Thanh Hải.

[18] Ganden Phodrang (Cam Đan Pha Chương): tên tâm cung của Đạt Lai Lạt Ma ở tu viện Drepung. Trước khi xây lại cung Potala, Đạt Lai thứ 5 luôn sống ở đây, và nắm giữ quyền lực chính trị tôn giáo Tây Tạng thời đó, Ganden Phodrang cũng trở thành từ đồng nghĩa với chính phủ địa phương Tây Tạng, nên giới sử học gọi đó là “chính quyền Ganden Phodrang”.

Không phải thành lập chính quyền Ganden Phodrang thì có nghĩa Lobsang Gyatso là vua của Tây Tạng. Trên thực tế, địa phương Tây Tạng hoàn toàn chịu sự khống chế của Gushi Khan. Lobsang Gyatso kêu ngạo, với hoài bão lớn lao của Ngài, làm sao cam tâm thần phục thế lực Mông Cổ? Ngài phải mưu cầu địa vị chính trị độc lập, không phụ thân phận Đạt Lai thứ 5 của Ngài. Khi chính quyền Ganden Phodrang thành lập, đúng vào lúc vương triều nhà Minh sắp sụp đổ tan tành. Nội địa chiến tranh loạn lạc, thế lực Mãn Thanh ở quan ngoại^[19] nhanh chóng lớn mạnh, đối với họ, giang sơn Đại Minh dễ lấy như trở bàn tay. Hoàng Giáo đứng đầu bởi Đạt Lai thứ 5 và Ban Thiền thứ 4, để củng cố địa vị thống trị đã có, quyết định tìm kiếm sự ủng hộ từ chính quyền Mãn Thanh ngày càng hùng mạnh. Năm 1642, Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso phái Khutuktu^[20] Ila Kuksasn làm đại biểu, lên đường đến Thẩm Dương^[21].

[19] Quan ngoại: vùng đất phía đông Sơn Hải Quan hoặc vùng đất phía tây Gia Dụ Quan, Trung Quốc.

[20] Khutuktu (Hô Đồ Khắc Đồ): Chức hàm cao tăng Phật giáo Tạng truyền, chỉ xếp sau Đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma.

[21] Thẩm Dương: thành phố thủ phủ của tỉnh Liêu Ninh ở đông bắc Trung Quốc. Từ 1625-1644, đây là kinh đô của Mãn Thanh, còn có tên là Thịnh Kinh.

Lúc đó, Thanh Thái Tông Hoàng Thái Cực^[22] dẫn các thân vương bồi lặc^[23], đại thần ra ngoài thành nhiệt tình nghênh đón, theo quan điểm của Hoàng Thái Cực, chuyến viếng thăm của người Tạng là do ý trời sắp đặt, là tượng trưng cao xanh bảo hộ triều Thanh. Do đó, Hoàng Thái Cực còn hướng lên trời làm lễ ba quỳ chín lạy, sau khi vào thành, lại đích thân đến nơi ở của sứ Tạng thăm hỏi. Sứ Tạng lưu lại tám tháng ở Thẩm Dương, được Mãn Thanh niềm nở khoản đãi. Đến khi quay về Lhasa, Hoàng Thái Cực còn viết thư trả lời cho cả Đạt Lai, Ban Thiền và Gushi Khan, đồng thời khen ngợi Đạt Lai Lạt Ma “cứu vớt chúng sinh”, “trợ hưng Phật pháp”. Còn ban tặng lễ vật hậu hĩ, bày tỏ sự xem trọng của Mãn Thanh đối với Phật giáo

Tạng truyền.

[22] Hoàng Thái Cực (1592-1643): vị Hoàng đế thứ 2 của nhà Thanh, miếu hiệu Thanh Thái Tông, cai trị từ năm 1627 đến năm 1643.

[23] Thân vương: người được phong vương trong họ hàng thân thuộc của hoàng đế. Bối lạc: tước vị quý tộc thời Thanh, địa vị ở dưới thân vương, quận vương.

Tất cả phảng phất bụi trần lắng đọng, Đạt Lai hai mươi lăm tuổi Lobsang Gyatso trải qua phân tranh biến ảo, cuối cùng trở thành lãnh tụ hô mây gọi gió của chính trị tôn giáo toàn Tây Tạng. Mãn Thanh như một ngọn núi sừng sững cao chót vót, đà lớn mạnh của nó vượt xa Mông Cổ, Lobsang Gyatso với ánh mắt và tầm nhìn thâm thúy của Ngài, đã tranh thủ được sự ủng hộ và chấp nhận hết sức đặc lực của chính quyền Mãn Thanh. Điều này cũng có nghĩa địa vị của phái Gelug ở Tây Tạng được củng cố triệt để, còn Lobsang Gyatso cũng thành vị anh hùng được người Tạng sùng bái.

Bản thân sinh mệnh kỳ thực là thuần túy mà sạch sẽ, nhưng trong quá trình trưởng thành, dần dần chúng ta đã nhuộm quá nhiều bụi hồng. Trong hành trình cuộc đời, mỗi người đều có nhiều tao ngộ không thể tránh khỏi, hoặc dửng dưng đối diện, hoặc hoảng hốt chạy trốn, hoàn toàn ở lựa chọn của bản thân. Lobsang Gyatso từ khi sinh ra đã bị vận mệnh chi phối, do đó khi Ngài tư tưởng dồi dào, cũng muốn chi phối vận mệnh. Dù chúng ta là người mạnh hay kẻ yếu, chỉ cần sống trong năm tháng yên tĩnh mà huyền não này, tươi tỉnh đó, âu sầu đó, vui vẻ đó, cũng đau đớn đó.

Cảnh mộng

Phật viết kinh thư không chữ trên mình mỗi người, chỉ đợi người có duyên đọc hiểu. Phật đặt ra câu đố thâm sâu cho mỗi miền đất, chỉ đợi người có duyên suy đoán.

Đêm qua, tôi mơ thấy mình đã đi Tây Tạng, ở một tu viện không biết tên, nhìn thấy một cây bồ đề lá rụng đầy. Có sư sãi khoác cà sa màu đỏ thẫm cúi đầu gập gập đi lại, làm thảm lá trên mặt đất thoảng xao động. Cung điện trùng điệp trong gió lạnh hiu hắt tỏa ra một nỗi cô độc cách biệt với đời, tựa hồ ở đây từng có một tai họa lớn, giờ đây chim chóc bay hết, không người làm chủ. Trên lầu đài vắng vẻ, có một chú tiểu ngồi nghiêm trang, hai tay chấp trước ngực, chú tiểu trông rất đỗi bình yên vô sự, thế giới hỗn loạn không khuấy nhiễu được cảnh giới thanh tịnh của chú. Tôi nhìn thấy trong mắt chú vẻ hiền lành và thương xót tôn trọng vạn vật. Ký ức trôi thật xa, chỉ một chiếc lá rụng, liền khiến tôi thức tỉnh.

Chú tiểu có lẽ là Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 nổi tiếng trong lịch sử, Tsangyang Gyatso. Bất kể ba trăm năm trước hay ba trăm năm sau, cái tên này đều như một vì sao lấp lánh, hào quang chiếu rọi trên thân mỗi người, nhưng lại xa xăm không tài nào với tới. Tôi là cô gái bình thường nhất chốn hồng trần, định sẵn không thể cùng Ngài kết duyên; khi đọc thơ Ngài, sẽ ngẫu nhiên ảo tưởng, có lẽ một kiếp nào đó, tôi là cành cây ngọn cỏ được Ngài đoái thương, là chú cá đỏ được Ngài phóng sinh. Nghĩ như vậy, sau khi tỉnh mộng không đến nỗi quá hụt hẫng, không đến nỗi gió bụi vô chủ.

Trong mơ luôn có quê cũ không về được, tỉnh lại vẫn sẽ tràn đầy khát vọng nóng bỏng và ảo tưởng tình sâu đối với miền đất ấy. Phật viết kinh thư không chữ trên mình mỗi người, chỉ đợi người có duyên đọc hiểu. Phật đặt ra câu đố thâm sâu cho mỗi miền đất, chỉ đợi người có duyên suy đoán. Điều nói lịch sử đã trở thành quá khứ, bánh xe thời gian nghiền chúng vụn nát tan tành, chúng ta không cần thêm sương trên tuyết nữa. Chúng ta luôn cho rằng lịch sử ngàn năm có những bí mật tìm hiểu mãi chẳng hết, nhưng lại không biết rằng, năm tháng cũng sẽ mài giũa nó càng ngày càng mỏng. Dù không thể tùy ý sửa đổi, nhưng thông qua chấp vá của nhiều người khác nhau, chuyện cũ ủ kín lâu ngày cũng dần dần mất đi mùi vị năm xưa.

Điều nói, người có duyên có thể nhìn thấy kiếp trước kiếp này của mình trong hồ thánh ở Tây Tạng, có thể lập lời thề ước vĩnh hằng trên núi tuyết. Giờ đây, chúng ta lại đến mảnh đất thần bí này, chứng kiến những quá khứ rồi ren của Phật giáo Tạng truyền. Năm 1644, vó sắt của Bát Kỳ^[1] sau nhiều năm hăng hái chiến đấu đã đạt được mong muốn mở toang tường thành cuối cùng của vương triều Đại Minh, quân Thanh vốn quen nhìn đại mạc hào

hùng, cuối cùng cũng được hưởng thụ sông núi ôn nhu của phương Nam. Sau khi vua Thuận Trị^[2] trẻ tuổi lên ngôi, liền phái người đi Tây Tạng mời Đạt Lai Lạt Ma đến Bắc Kinh^[3]. Nhưng sau khi nhận được lời mời của triều Thanh, Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 Lobsang Gyatso chỉ dâng tặng lễ vật và hỏi thăm sức khỏe vua Thuận Trị, chứ không dự định lên đường vào kinh theo lời mời. Sau đó vương triều Thanh lại liên tiếp ba lần phái người chuyên trách vào Tây Tạng, nồng nhiệt mời Đạt Lai thứ 5 đến thăm nội địa^[4]. Còn Đạt Lai thứ 5 một trong ba lần đó thoái thác, nói với quan viên triều Thanh đến Tây Tạng mời Ngài rằng: “Ta nay không đi, nhưng ta ắt sẽ đi.”

[1] Bát Kỳ: là một chế độ tổ chức quân sự đặc trưng của người Mãn Châu và nhà Thanh sau này. Đặc trưng của Bát Kỳ là một đơn vị được phân biệt bằng một lá cờ khác nhau, tổng cộng có tám lá cờ cơ bản mà theo đó mọi người dân Mãn Châu đều thuộc một trong tám “Kỳ”, đứng đầu là một kỳ chủ và tư lệnh tối cao là Đại Hãn, đó vừa là các đơn vị dân sự vừa mang tính chất quân sự.

[2] Thuận Trị (1638-1661): vị Hoàng đế thứ 3 của nhà Thanh, tên húy là Phúc Lâm, miếu hiệu Thanh Thế Tổ.

[3] Bắc Kinh: thủ đô của Trung Quốc, trung tâm chính trị của quốc gia trong phần lớn thời gian suốt bảy thế kỷ qua.

[4] Nội địa: vùng đất cách biên cương hoặc duyên hải tương đối xa.

Năm 1645, Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 xây dựng lại cung Potala. Ngài hy vọng gửi gắm mộng tưởng cao xa thần kỳ của mình vào tòa cung điện huy hoàng rộng lớn này. Năm xưa vua Tây Tạng Songtsän Gampo vì công chúa Văn Thành của Đại Đường xây cung Potala đẹp để đường hoàng này, hàm ý nó là tượng trưng cho vương giả chí tôn. Nó khí thế hiên ngang đứng sừng sững trên Hồng Sơn, chim ưng bay qua, vạn vật thế gian đều phải cúi đầu xưng thần với nó. Lobsang Gyatso yêu thích tòa cung điện thâm sâu mà tịch mịch này, nơi đây có thể chứa đựng mọi cảnh tượng gió mây của thế gian, cũng có thể khiến Ngài đứng trên đỉnh cao của thế giới, một mình thưởng thức hiển hách và mệnh mạng của cõi Phật. Năm 1648, Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso dời trung tâm chính quyền về cung Potala. Từ đó cung Potala trở thành nơi ở và nơi tiến hành các hoạt động tôn giáo chính trị của Đạt Lai Lạt Ma các đời.

Vì giữ lời hứa, tháng Giêng năm 1652, Đạt Lai thứ 5 được quan viên triều

Thanh đi cùng, dẫn dắt tùy tùng ba ngàn người, khởi hành từ Tây Tạng, đến thăm nội địa. Hành trình lần này mất thời gian gần một năm, sau khi đến Bắc Kinh, vua Thuận Trị và Đạt Lai thứ 5 gặp nhau ở bãi săn bắn Nam Uyển. Vua Thuận Trị niềm nở tiếp đãi Lobsang Gyatso, đồng thời ngay hôm đó lệnh cho Bộ Hộ^[5] trích cúng dường chín mươi ngàn lượng bạc. Khi Đạt Lai thứ 5 lưu lại Bắc Kinh, luôn ở tại chùa Tây Hoàng mà Đại Thanh xây riêng cho Ngài ngoài cửa An Định, hưởng đãi ngộ trọng hậu của khách quý tối cao.

[5] Bộ Hộ: tên gọi của một cơ quan hành chính thời kỳ phong kiến tại một số quốc gia Đông Á như Trung Quốc, Việt Nam... tương đương với Bộ Tài Chính ngày nay.

Có lẽ là từ nhỏ sinh trưởng nơi đất tuyết hoang nguyên, quen nhìn trời xanh bao la trống trải, quen với thảo nguyên bò cừu đầy đàn; phú quý và phồn hoa của kinh đô không hề khiến Lobsang Gyatso quá đổi lưu luyến. Tình cảm của Ngài đối với cung Potala hơn hẳn Tử Cấm Thành^[6], Ngài nhớ làn nước xanh trong của hồ thánh, nhớ tư thế một chú chim ưng chao liệng, còn cả những con dân đất Tạng phủ phục dưới chân Ngài.

[6] Tử Cấm Thành (Cố Cung) nằm ở trung tâm thành phố Bắc Kinh, là cung điện của các triều đại từ giữa nhà Minh đến cuối nhà Thanh. Diện tích 720.000 m², gồm 800 cung và 8.886 phòng, được UNESCO công nhận là Di sản thế giới vào năm 1987.

Chỉ lưu lại Bắc Kinh hai tháng, Đạt Lai thứ 5 bèn lấy lý do: “Nơi này thủy thổ không hợp, nhiều bệnh, mà tùy tùng cũng bệnh”, đề nghị vua Thuận Trị cho phép trở về Tây Tạng. Vua Thuận Trị lập tức chuẩn tấu, ban tặng lễ vật quý giá, lệnh vương công đại thần mở tiệc tiễn đưa Ngài. Tháng năm năm đó, khi Đạt Lai thứ 5 đến Đại Cát^[7], vua Thuận Trị phái quan viên mang theo sách vàng viết bằng bốn thứ tiếng Mãn, Mông, Tạng, Hán và ấn vàng đuổi theo đến Đại Cát, chính thức sắc phong Đạt Lai thứ 5 là “Tây Thiên Đại Thiện Tự Tại Phật Sở Lĩnh Thiên Hạ Thích Giáo Phổ Thông Ngõa Xích Lạt Đạt Lạt Đạt Lai Lạt Ma^[8]”. Có sự ủng hộ đặc lực của vương triều Đại Thanh, Đạt Lai thứ 5 từ đó củng cố được địa vị chính trị tôn giáo ở Tây Tạng.

[7] Đại Cát: Nay là huyện Lương Thành, nội Mông Cổ.

[8] Thích Giáo: Phật Giáo, Phổ Thông: thông hiểu tất cả kiến thức Phật học, Ngõa Xích Lạt Đạt Lạt: dịch âm tiếng Phạn, nghĩa là Kim Cương Thủ.

Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso vào ở trong cung Potala, dùng vàng bạc từ nội địa mang về, xây dựng mới mười ba tu viện Hoàng Giáo tại Tiền Tạng và Hậu Tạng^[9], gọi là Hoàng Giáo thập tam lâm. Ngài trở thành lãnh tụ chính trị tôn giáo vĩ đại nhất của Tây Tạng, được muôn người lễ bái, mặt trời soi sáng. Chúng ta không thể phủ nhận, Lobsang Gyatso thật sự có duyên với Thiền Phật, nếu không Ngài làm sao có thể từ một con em nhà giàu bình thường, nhập vai Lạt Ma dễ dàng như thế? Ngài trở hết tài năng trong Phật giáo Tạng truyền loạn lạc, khiến bầu trời lịch sử vẩn vũ gió cát từ đây trong sáng không bụi.

[9] Hậu Tạng: Địa khu Shigatse.

Đến những năm cuối đời, Đạt Lai thứ 5 đã không mấy hỏi han chính sự, Ngài vì muốn chuyên tâm viết kinh sách, ủy nhiệm tất cả chính vụ cho Đệ Ba Sangye Gyatso^[10] chủ trì. Vào năm Khang Hy^[11] thứ 18 (*năm 1679*), Sangye Gyatso được Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 bổ nhiệm làm Đệ Ba, Sangye Gyatso trẻ tuổi gánh vác ủy thác to lớn của Đạt Lai thứ 5, dôi dào sức sống tham gia vào chính vụ của Tây Tạng. Thế nhưng nơi có người thì vĩnh viễn có phân tranh, cục diện bề ngoài tưởng như gió yên sóng lặng, kỳ thực là ngầm ngầm nổi sóng. Sangye Gyatso tiếp nhận chức vụ Đệ Ba, có nghĩa y sẽ đảm đương tất cả trọng trách quản lý chính vụ Tây Tạng, bất kể vinh nhục, đều không oán không hối.

[10] Sangye Gyatso (Tạng Kết Gia Thố, 1653-1705): Nhà chính trị, học giả của Tây Tạng. Giữ chức Đệ Ba trong một thời gian dài từ 1679 đến 1705.

[11] Khang Hy (1654-1722): vị Hoàng đế thứ 4 của nhà Thanh, trị vì từ năm 1661 đến năm 1722, tên húy là Huyền Diệp, miếu hiệu Thanh Thánh Tổ. Ông là vị hoàng đế tài ba, người đã thiết lập sự thịnh trị dài lâu trên 130 năm của nhà Thanh sau một loạt binh lửa can qua.

Năm 1682, Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 Lobsang Gyatso 66 tuổi qua đời vì bệnh tật ở cung Potala. Nhưng Sangye Gyatso vì ổn định cục thế, quyết định giữ kín không phát tang, lợi dụng danh nghĩa của Đạt Lai thứ 5 tiếp tục nắm giữ chính quyền. Trong bóng tối, y lại âm thầm tra xét, tìm kiếm tung tích linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5. Vị linh đồng này chính là Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso, trước khi chưa chào đời, đã định sẵn cả đời thân bất do

kỷ. Có lẽ Ngài không giống Đạt Lai thứ 5, có một trái tim có thể cùng thiên hạ tranh đoạt, có thể đặt mình trên mây, nhìn xuống muôn dân. Nhưng vận mệnh trao cho họ vai trò giống nhau, Phật sống. Sự viên tịch của một vị Phật sống, chẳng qua là chuyển dời linh hồn, hóa thân làm người với một thể xác khác mà thôi. Linh hồn của họ cứ như vậy đời đời tiếp nối, lưu truyền mãi mãi.

Trên thực tế, chuyển thế nào chỉ có Phật sống, nếu mỗi một người đều tìm kiếm kiếp trước của mình thì sẽ lại trải qua một quá trình ra sao? Chúng ta đều là người bình thường, do đó sự sống hay cái chết của chúng ta đều chẳng có gì là kỳ lạ. Mỗi một sinh mệnh đến hoặc đi, đều như bụi cát, rơi xuống dòng sông dài của năm tháng mênh mang, không ai có thể tìm kiếm ai. Chúng ta kiên trì truy tìm ván bài của kiếp trước, đến cuối cùng lật bài ra, lại phát hiện lá bài ấy không hẳn là của mình. Dùng sự cố chấp cả đời để đổi lại nuối tiếc đường ấy, rốt cuộc có xứng đáng hay không?

Dù một đời huy hoàng hay ảm đạm, vào ngày chết đi đều sẽ tan tành như mây khói. Sự qua đời của Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso khiến tôi nhớ đến giấc mơ đêm qua, lá bối rơi đầy, đến cuối cùng cũng chẳng để lại vết tích. Muôn ngàn phong cảnh trên thế gian, chỉ cần một trận gió đã thổi tan hết rồi. Không hiểu chúng ta còn chìm đắm chốn hồng trần, vui không thấy một lưu luyến điều gì? Tranh đoạt thứ gì? Không quên được chuyện gì?

Luân hồi

Dù là như vậy, chúng ta vẫn sẽ bỏ lỡ quá nhiều cơ duyên, bỏ lỡ quá trình một đóa hoa hé nở, bỏ lỡ một hạt cát chảy trôi, bỏ lỡ khoảnh khắc tái ngộ một người.

Người chết rồi thật sự có chuyển thế luân hồi được hay không? Tôi từng không chỉ một lần hỏi bản thân như vậy, chẳng ai có thể cho tôi đáp án

chuẩn xác. Nếu có, phải chăng nuôi tiếc kiếp này, có thể lưu lại kiếp sau bù đắp? Sự tốt đẹp kiếp này, có thể tiếp diễn đến kiếp sau? Nhưng đó chung quy vẫn chỉ là nếu như, dù chúng ta tin tưởng nhân quả luân hồi, kiếp này vẫn sẽ phạm phải lỗi lầm không thể tha thứ. Mỗi người cả đời đều phải trải qua nhiều kiếp số, dù có thể lật giở quá khứ, biết trước tương lai, vẫn không tránh khỏi thịnh suy đã định sẵn như nhau. Con người bắt đầu từ khi sinh ra, đã diễn từng màn kịch hoặc bi hoặc hài, mãi đến khi chết mới có thể chấm dứt tất cả vương bận.

Nếu như có chuyển thế, kiếp này đã phải gánh vác trách nhiệm vì kiếp trước, lại phải tích thiện vì kiếp sau, cứ tuần hoàn như vậy, làm sao có một kết thúc? Vì chúng ta bình thường, do đó có thể sống qua loa, không nhất thiết gánh vác quá nhiều nghiệp chướng và nợ nần, cũng không phải tính toán tiền nhân quả báo. Còn về kiếp trước là gì, kiếp sau lại sẽ chuyển thế làm gì, đều không quan trọng, thứ chúng ta có cũng chỉ là kiếp này ngắn ngủi. Nhưng ở Tây Tạng, những vị Đạt Lai Lạt Ma viên tịch các đời đều có thể tìm được linh đồng chuyển thế của mình. Vì họ là Phật sống, cho nên có quá trình chuyển thế không tầm thường, chỉ có chuyển thế mới có thể tiếp tục sự mệnh Đức Phật gửi gắm trên người họ.

Về việc làm sao tìm kiếm linh đồng chuyển thế của Đạt Lai Lạt Ma, cũng như một bí mật xa xưa, khiến người đời tràn đầy ảo tưởng, truy tìm lời giải đáp hoàn mỹ nhất. Nhiều vị Phật sống trước khi viên tịch sẽ để lại di chúc, nói cho đệ tử của mình biết, Ngài sẽ chuyển thế ở một địa phương nào đó. Có một dạng khác là thần dụ, thần linh nhập vào cơ thể con người, truyền đạt ý chỉ của mình. Thần có thể chỉ ra phương hướng ra đời của linh đồng, thậm chí cho biết tên cha mẹ linh đồng. Cũng có thể thông qua cao tăng đắc đạo xem bói, biết được phương vị của linh đồng. Còn có hồ thánh, đợi sau khi xác định được phương vị tổng quát, cùng một phương vị có thể sẽ xuất hiện nhiều linh đồng cùng một thuộc tính, lúc ấy cần quan sát hồ thánh. Thành kính cầu khẩn, trong hồ sẽ hiển hiện một số cảnh tượng kỳ diệu, cảnh tượng có thể truyền đạt địa phương cụ thể mà linh đồng sinh ra.

Vì linh đồng chuyển thế đều sẽ có đặc trưng phi phạm, lời nói cử chỉ của họ, thậm chí điềm báo trước lúc ra đời đều có khác biệt rất lớn với người thường. Họ tiếp nối linh hồn của Phật sống, cũng tiếp nối linh tính của Phật sống, do đó sau khi sinh ra còn có thể nhớ lại nhiều đoạn đời của kiếp trước,

có thể phân biệt ra đồ vật kiếp trước đã dùng, nói những lời kiếp trước từng nói, thậm chí nhận ra người quen kiếp trước. Dù chúng ta tin hay không, tất cả nhân quả này đều được bảo tồn, hết đời này đến đời khác linh đồng chuyển thể của Phật sống đều dùng những phương thức này tìm kiếm. Bởi vì chân thực, khiến chúng ta càng thêm tin tưởng tồn tại của Thần Phật, tin tưởng thế gian này thật sự có linh hồn bất tử, thật sự có luân hồi sinh sôi bất diệt.

Dù là như vậy, chúng ta vẫn sẽ bỏ lỡ quá nhiều cơ duyên, bỏ lỡ quá trình một đoá hoa hé nở, bỏ lỡ một hạt cát chảy trôi, bỏ lỡ khoảnh khắc tái ngộ một người. Người kết duyên với Phật, trên mình nhất định có khí chất không tầm thường, họ đầy lòng thương xót, hiểu sự cảm ơn, sống tỉnh táo mà lại trầm tĩnh. Dẫu Đạt Lai Lạt Ma có ý chí của Đức Phật, tạo ra đạo tràng bồ đề chốn nhân gian, độ hóa muôn ngàn người đời, họ có linh hồn bất tử, thể xác họ lại không khác biệt với người thường, phải trải qua sinh lão bệnh tử như nhau, có buồn vui ly hợp như nhau. Người và người trên thế gian này vốn dĩ giống nhau, mỗi người đều đi trên cùng một con đường, cuối cùng đến được chốn về bình yên. Bất kể bạn do dự không quyết, hay vì nghĩa không chùn, thời gian tựa thanh kiếm sắc, lạnh lùng vô tình như nhau.

Ở sườn nam của núi Himalaya^[1] có một địa phương gọi là Monyu, dân tộc Monpa^[2] đời đời cư trú tại đây. Dân tộc cổ xưa này tình quê chất phác, phong tục cởi mở, cách xa huyên náo, không tranh với đời. Nhà ở của người dân Monpa đều lấy vật liệu tại chỗ, dùng gỗ, tre, đá, cỏ tranh... để xây, khi ngủ trải da thú hoặc thảm len, mặc nguyên y phục mà nằm. Cuộc sống tản mạn khiến họ không câu nệ tiểu tiết, uống rượu mạnh, hát tình ca, tổ tiên đời đời sinh sống hạnh phúc, tự do yêu đương trên mảnh đất yên tĩnh này.

[1] Himalaya (Hy Mã Lạp Sơn): một dãy núi ở châu Á, phân chia tiểu lục địa Ấn Độ khỏi cao nguyên Tây Tạng. Mở rộng ra, đó cũng là tên của một hệ thống núi hùng vĩ bao gồm cả Himalaya, Karakoram, Hindu Kush và các dãy núi nhỏ khác trải dài từ Pamir Knot. Himalaya theo tiếng Phạn nghĩa là “nơi ở của tuyết”. Đây là dãy núi cao nhất hành tinh, có mười bốn đỉnh núi cao nhất thế giới với độ cao trên 8.000m, cao nhất là đỉnh Everest. Dãy Himalaya trải khắp bảy quốc gia: Bhutan, Trung Quốc, Ấn Độ, Nepal, Pakistan, Myanmar và Afghanistan. Nó cũng là nơi khởi nguồn của ba hệ thống sông lớn trên thế giới: sông Ấn, sông Hằng - Brahmaputra và Trường Giang.

[2] Monpa (Môn Ba): một dân tộc sinh sống chủ yếu tại bang Arunachal Pradesh đông bắc Ấn Độ, Khu tự trị Tây Tạng Trung Quốc và Bhutan.

Người dân Monpa có tín ngưỡng của mình, họ đời đời tin thờ phái Nyingma (*Hồng Giáo*), tôn trọng vạn vật tự nhiên, tin tưởng nhân quả luân hồi. Ở nơi này, tôn giáo và tình yêu không hề mâu thuẫn, tôn giáo chỉ là tín ngưỡng trong lòng, còn tình yêu lại là thần thoại đẹp đẽ nhất thế gian. Trên mảnh đất thần thánh cổ xưa này, mỗi một ngọn cỏ góc cây đều có linh tính, mỗi một hòn đá đều biết nói chuyện, mỗi một con bò con cừu đều có tình cảm. Ngàn năm rồi lại ngàn năm, mặc cho thế gian gió mây biến ảo, nơi này vẫn chất phác như thuở ban đầu.

Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso sinh ra trong một gia đình nhà nông bình thường ở làng nhỏ trên mảnh đất tươi đẹp yên bình này. Năm ấy, là năm 1683 sau Công nguyên, năm Khang Hy thứ 22. Ngày Ngài chào đời, có cảnh tượng kỳ lạ bảy mặt trời cùng mọc, cột vàng chiếu rọi, là chuyển thế của Liên Hoa Sinh^[3], bí điển “Thần quỹ dị giáo” thế kỷ XII có tiên đoán. Nguyên quốc tịch Bhutan, dân tộc Monpa, sau khi ra đời một năm mới có người biết, là con cả trong nhà, cha mẹ tin thờ Hồng Giáo, tức là phái Nyingma do Đại sư Liên Hoa Sinh sáng lập.

[3] Liên Hoa Sinh (Padmasambhava): Đại sư Ấn Độ đã truyền Phật giáo sang Tây Tạng và sáng lập phái Nyingma vào thế kỷ thứ VIII. Tương truyền Ngài sinh ra trong một hoa sen nên có tên này.

Ở ngôi làng cổ xưa này, trời xanh nước biếc, cỏ non cừu béo. Hàng trăm năm nay, người dân Monpa an cư lạc nghiệp ở đây, hưởng thụ thời gian yên bình mà tự nhiên ban cho. Trước giờ không biết, một làng quê mộc mạc như vậy cũng sẽ có sinh mệnh không tầm thường giáng lâm. Cha mẹ của Tsangyang Gyatso là nông dân lương thiện, cần cù, cũng là giáo đồ Hồng Giáo thành kính. Do đó cảnh tượng kỳ lạ xuất hiện trên bầu trời khi Tsangyang Gyatso sinh ra khiến họ cho rằng đứa con này là Phật tổ ban ơn, là ông trời khen thưởng nét chăm chỉ, phúc hậu nhiều đời của người dân Monpa.

Người cha người mẹ hiền lành không biết rằng, đứa con này là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5, cũng không biết con mình sau này sẽ vào ở trong cung Potala, được muôn dân lễ bái. Càng không thể biết, cuộc đời vốn phải huy hoàng của con, lại tô đầy sắc thái bi kịch. Chàng trai anh tuấn xuất thân từ quê hương của những bản tình ca này đã trở thành nhà thơ lãng mạn

nổi tiếng trong lịch sử Tây Tạng. Nếu không có vương hậu của kiếp trước, Tsangyang Gyatso sẽ giống như tất cả người dân Monpa, trên mảnh đất đầm ấm này, cùng một cô gái xinh đẹp tự do yêu đương, kết hôn sinh con.

Sự việc trên đời, xưa nay đều là có được có mất, bạn cho rằng đã sở hữu mặt trời duy nhất của nhân gian, lại không biết sớm đã đánh mất mặt trăng trong sáng nhất. Bạn cho rằng mình là bá chủ làm mưa làm gió có thể nắm giữ thiên hạ, lại không biết đồng thời cũng mất đi hạnh phúc giản đơn nhất của đời người. Nhiều lúc, không phải bạn không đi truy tìm nên thân vận mệnh không đáp xuống người bạn. Ba trăm năm trước Tsangyang Gyatso chỉ muốn cùng cô gái mình yêu yên ổn trông nom một vùng đồng cỏ, dắt ba con bò con cừu, bình dị qua ngày, lại bị kéo lên ngai Phật của cung Potala, làm Đạt Lai Lạt Ma mà chúng sinh kính ngưỡng. Thế nhưng, Ngài lại trở thành vật hy sinh của chính trị Tây Tạng, trở thành con rối mà Sangye Gyatso tìm ra để ứng phó với Khang Hy.

Đều nói người tin số mệnh là người tiêu cực bi quan. Nhưng tôi lại cho rằng, con người bởi vì tin tưởng vào số mệnh, mà càng tỏ ra ôn hòa điềm đạm. Đã có số mệnh, chúng ta sẽ không cố chấp sửa đổi những chương tiết đã biên soạn sẵn của đời người, sẽ không cắt bỏ những đoạn tình sâu sắc hay nông cạn ấy. Tôi thường hay nói, bất kể bạn và tôi sống theo phương thức nào, hoặc vì bản thân, hoặc vì người khác, đều làm con cò bị năm tháng sắp đặt, không có cả quyền lợi chọn lựa trắng đen. Nói như vậy, không có nghĩa cuộc sống của chúng ta sẽ có nhiều bi ai đến thế, chỉ là đời người sóng cả trùng điệp, ai cũng phải học cách bảo vệ bản thân. Con người chỉ có khi không bị thương, mới không làm tổn thương người khác; chỉ có khi tỉnh táo, mới có thể điểm hóa người khác; chỉ có khi yêu quý bản thân, mới yêu thương bảo vệ người khác.

Tsangyang Gyatso mà chúng ta mong đợi, đức vua lớn nhất của cung Potala, người tình đẹp nhất của đường phố Lhasa, đã đến nhân gian như thế. Ba trăm năm trước, tại một ngôi làng nhỏ xa xôi của Tây Tạng. Vị Đạt Lai Lạt Ma này định sẵn sẽ khiến vô số người say mê, không phải vì Ngài có tâm nguyện to lớn dường nào, có hoài bão sâu xa dường nào, cũng không phải vì Ngài tay cầm quyền trượng thần thánh, được tôn vinh cao nhất. Thứ chúng ta si luyến là thơ tình của Ngài, là chặng đường sinh mệnh mê ly mà đẹp đẽ như mơ của Ngài. Ngài dùng cuộc đời truyền kỳ mà bi kịch, đổi lấy

hoài niệm và cảm động vĩnh viễn của đời người. Chẳng biết, đây có xem là nét đẹp vô tư hay không? Lại có xem là tròn vẹn tàn khuyết hay không?

Bí mật

Đi qua thời trai trẻ, năm tháng bắt đầu không khoan dung, mỗi ngày điều ta có thể làm chính là thu thập những hồi ức đã già đi, giả vờ bản thân còn sở hữu cảnh xuân muôn hồng ngàn tía.

Lúc con người còn thơ ấu, luôn cảm thấy thời gian trôi qua quá chậm, dường như mình là đứa bé không lớn nổi, chẳng có cả khả năng đứng dưới gốc cây rướn người hái quả. Nhưng thật sự đến lúc vĩnh biệt tuổi xuân xanh, mới cảm thấy thời gian quá đổi vô tình, không cho ta cơ hội quay đầu ôn lại giấc mơ xưa. Đi qua thời trai trẻ, năm tháng bắt đầu không khoan dung, mỗi ngày điều ta có thể làm chính là thu thập những hồi ức đã già đi, giả vờ bản thân còn sở hữu cảnh xuân muôn hồng ngàn tía. Quá trình của sinh mệnh cũng như gương buồm ra khơi, đã không thể xoay chuyển phương hướng con thuyền, lại hà tất để tâm nó có xuôi theo dòng nước mùa xuân cuộn cuộn chảy về đông hay chẳng?

Tsangyang Gyatso sinh trưởng giữa non nước Monyu, cho rằng mình có một tuổi thơ hạnh phúc. Là con cả trong nhà, Ngài được cha mẹ hết lòng cưng chiều. Ngài như một chú chim ưng non vui vẻ tự do trên thảo nguyên, tuy chưa đủ lông đủ cánh, nhưng không cần lo lắng gió mưa xâm phạm. Mỗi ngày, Ngài cùng đám bạn trẻ chăn thả đàn cừu, cười nói vui đùa. Có lúc, Ngài lẳng lặng gói đầu lên bãi cỏ, ngắm mây trắng trôi dạt dưới trời xanh, trong đầu thoáng hiện một số chuyện cũ chưa từng xảy ra nhưng lại lơ mơ phảng phất. Ngài yêu mến mảnh đất đã cho mình sinh mệnh này, quyến luyến cỏ đại nhẹ nhàng lay động trong gió, thích thú ngắm mái tóc dài đen mượt của cô gái làng bên.

Tsangyang Gyatso khi còn rất nhỏ đã biết mình và các bạn không giống nhau. Bắt đầu từ khi có kỷ ước, ngày thường ngoài chăn thả chơi đùa với bạn bè, Ngài còn được định kỳ bí mật sắp xếp học kinh ở một nơi gọi là tu viện Basang. Tu viện Basang tọa lạc tại huyện Cona^[1] của Lhoka, là nơi người Monpa tụ tập sinh sống, sùng bái Hồng Giáo, tôn trọng tình yêu. Ở đây, sự sãi có thể kết hôn với phụ nữ ngoài đời, do đó bên ngoài tu viện thường vang vọng những bản tình ca du dương.

[1] Cona (Thác Na): một huyện của địa khu Lhoka, khu tự trị Tây Tạng, Trung Quốc.

Khi Tsangyang Gyatso chưa thôi nôi, gia đình người nông dân bình thường này đột nhiên có khách quý đến thăm, đó chính là sứ giả do Đệ Ba Sangye Gyatso phái đến. Sứ giả đem đến một tin tức động trời, y nói cho cha mẹ Tsangyang Gyatso biết, con trai cả của họ là linh đồng chuyển thể của Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso. Vinh hoa từ trên trời rơi xuống này trong khoảnh khắc nhắm trúng họ, khiến đôi vợ chồng thường dân lương thiện ấy luống cuống. Thế nhưng, tin tức này không có nghĩa là Tsangyang Gyatso sẽ phải lập tức rời Monyu, đi đến Lhasa xa xôi, ngồi trên ngai Phật quyền quý của cung Potala, từ đó diễn tiếp cuộc đời Phật sống của Ngài.

Có câu họa là nơi phúc tựa, phúc là nơi họa nấp. Sự đời biến ảo vô thường, khi bạn chìm đắm trong niềm vui sướng tuyệt vời khôn tả, lại đâu hay có tâm tư bi thương đang lặng lẽ chờ bạn.

Cha mẹ Tsangyang Gyatso biết rõ con trai họ chính là linh đồng chuyển thể của Đạt Lai thứ 5, sẽ bước vào cung Potala rực rỡ huy hoàng trong truyền thuyết, trở thành đức Phật sống chí cao vô thượng, được muôn người tôn sùng, nhưng lại không thể không giữ kín như bưng bí mật lớn lao này, vì dù là dân thường chốn Monyu hẻo lánh, cũng biết trong xã hội tầng trên của Lhasa luôn diễn ra đấu tranh chính trị tàn khốc mà kịch liệt. Họ không thể biết được, con mình trong tương lai bị cuốn vào trong những đấu tranh ấy, sẽ gánh chịu hưng thịnh vinh nhục thế nào. Không biết, ẩn tình giấu diếm này mai kia chiếu cáo thiên hạ, sẽ dấy lên sóng to gió lớn ra sao.

Không ai có thể đoán trước tương lai, cũng giống như ban đầu không thể dự liệu gia đình nghèo nàn trong sạch này lại sẽ giáng lâm một linh đồng

chuyển thể của Đạt Lai Lạt Ma. Nếu nói đây là sủng ái của cao xanh đối với họ, lại vì sao buộc họ cố sống cố chết giữ kín bí mật lớn tày trời này, đến nỗi cả ngày hoảng hốt không yên. Khi Tsangyang Gyatso hai tuổi, liền được định kỳ bí mật sắp xếp học kinh ở tu viện Basang. Đứa bé còn chưa tỏ sự đời này không hề biết sứ mệnh gian khó Phật tổ trao cho mình. Chỉ có cha mẹ của bé, ngày tháng từ đó về sau, mỗi ngày đều như đi trên băng mỏng.

Tsangyang Gyatso thơ bé học tập kinh văn ở tu viện Basang, thầy dạy kinh sách cho Ngài là mấy vị cao tăng đặc đạo do Đệ Ba Sangye Gyatso cử đến. Một ngày kia, nếu bạn đến Tây Tạng, đi qua tu viện Basang cũ kỹ vắng vẻ, phải chăng sẽ nảy sinh nỗi buồn da diết đối với nơi từng khóa chặt tuổi thơ của Tsangyang Gyatso? Kỳ thực sâu thẳm trong tâm hồn chúng ta, lẽ nào lại không mềm yếu như thế, luôn bị một chút tình cảm êm đềm nho nhỏ làm cảm động đến bồi hồi. Khi ngoài cửa sổ vang vọng một bản tình ca uyển chuyển, chúng ta muốn biết, năm xưa Tsangyang Gyatso dựa bàn đọc kinh, phải chăng sẽ bị tình ca bay bổng cắt đứt suy nghĩ sâu lắng, gọi mở tưởng tượng xa vời vô tận đối với tình yêu của Ngài?

Ta và nàng gặp gỡ,

Trong rừng nam Monpa.

Ngoài chim vệt dẻo miệng,

Chẳng một ai biết qua.

Chim vệt biết nói à,

Đừng lộ bí mật ra.

Xin anh vệt nhà ta,

Lặng yên thêm chút nữa.

Chị họa mi rùng liều,

Muốn hát một khúc ca.

Tsangyang Gyatso ba trăm năm trước đã lớn lên trong tiếng đọc kinh văn và những bản tình ca. Mười bốn năm đằng đẵng trôi qua, Ngài đã trở thành một thiếu niên tiêu sái như cây ngọc trước gió. Ở miền đất tự do luyến ái và kết hôn này, chàng trai trẻ Tsangyang Gyatso vẫn luôn cho rằng mình có thể cùng cô gái nhà bên mắt qua mây lại, bày tỏ tình cảm. Lúc ấy, cha Tsangyang Gyatso sớm đã qua đời, chỉ có người mẹ hiền một mình vất vả giữ kín bí mật không ai biết kia, sống ngày tày năm. Bà nhìn thấy con cưng tình xuân nảy nở, chìm đắm trong ảo tưởng ngọt ngào, chỉ có thể âm thầm than thở. Bà không biết ngày nào cảnh tượng trước mắt sẽ bỗng nhiên tan biến, khi bí mật sáng tỏ trên đời, đứa con này có thể chịu đựng tổn thương mà vinh quang muôn trượng mang lại hay không?

Trên đời này chẳng ai hiểu rõ con mình bằng một người mẹ, mẹ Tsangyang Gyatso biết rõ con mình từ nhỏ đã có một trái tim đa cảm. Trên khuôn mặt tuần tú của Ngài thiếu đi khí thế lẫm liệt nhả khói phun sương, dư nhu tình quyến luyến ôn hòa như nước. Trong đôi mắt sâu thẳm kia mang một nỗi ưu sầu bẩm sinh. Một thiếu niên cảm thương rơi lệ vì hoa cỏ, thì thầm trò chuyện cùng bò cừu, si mê tình ca, định sẵn là tình lang đẹp nhất trên thảo nguyên. Có lẽ chúng ta nên tha thứ cho một đứa trẻ ngây ngô không biết thân thế thật sự của mình, đứa trẻ ấy chẳng may may kiếng dè theo đuổi tình yêu, tịnh không phạm phải lỗi lớn tày trời gì cả.

Chính những khúc tình ca ngân nga cảm động lòng người khiến Ngài mê hoặc sâu sắc, chính mảnh đất nảy nở hoa tình này đã chôn xuống hạt giống lãng mạn trong đáy lòng Ngài. Khi bí mật chưa công bố với đời, tình yêu của Tsangyang Gyatso thật là vô tội. Ngài ôm ấp niềm vui của tình xuân, viết nên văn chương hoa mỹ của mộng mơ, trái tim khát vọng tình yêu ấy của Ngài đâu thấy tóc bạc ngày càng nhiều thêm của mẹ, thấy được ưu tư đè nặng đáy lòng mẹ? Ngài không có tội, nhưng nhiều năm sau, Ngài lại chịu sự trừng phạt vô tình bởi thói đa tình của mình. Đây chẳng lẽ cũng là nhân quả đời này Ngài phải nhận? Nếu phải, sẽ dùng tu hành một đời để xóa bỏ hết

thầy nghiệt trái tiền duyên.

Đều nói người trong cuộc mê, người ngoài cuộc tỉnh, một người quá tỉnh táo, có lẽ sẽ sống mệt mỏi hơn bất kỳ ai khác. Có lẽ chúng ta đều nên hồ đồ một chuyến, đối với nhiều người nhiều việc, giả vờ không nhìn thấy, như vậy phải chăng sẽ sống nhẹ nhõm hơn? Tsangyang Gyatso trước mười bốn tuổi, chính là người ở trong cuộc nhưng lại không biết câu đó. Đời người thật khéo trêu cợt, khi một người quyết ý thề chết không hối vì tình yêu, bạn làm sao nhắn tâm cho người đó biết, thật ra cả đời này, người đó định sẵn ngồi trên ngai Phật, cô độc đến chết.

Quyển hai: Hoa rơi còn đa tình hơn nàng

Núi thần

Cảnh vật trên đời vốn không có tình cảm, từng cành cây ngọn cỏ, từng hạt cát hạt bụi, đều là do con người thêu dệt những câu chuyện và truyền thuyết phủ lên trên mới có máu thịt, mới có điểm tựa.

Mỗi người đều từng có một thời thanh xuân trẻ trung, đều từng có một cuộc tình rực rỡ như pháo hoa, tuy rằng ngắn ngủi, nhưng suốt đời khó quên. Thế gian này có nhiều việc có thể quay trở lại, nhưng thời gian qua đi và tình cảm bỏ lỡ lại một đi không trở lại. Cho dù như thế, ai cũng không thể xóa đi những thứ từng có được, những đoạn đời ấy được niêm phong trong ký ức, lâu bền không phai. Do đó, chúng ta sẽ luôn trầm tư một hồi lâu vì một tấm ảnh cũ ố vàng, sẽ nước mắt lưng tròng vì tình cờ nghe được một bài hát xưa, sẽ cảm động khôn nguôi vì một cảnh gặp lại sau bao ngày xa cách.

Khi tôi được biết nhiều người vì đọc thơ tình của Tsangyang Gyatso mà lựa chọn sắp xếp hành trang lặn lội đường xa đến Tây Tạng, trong lòng không khỏi nảy sinh muôn vàn cảm xúc. Tôi luôn tin tưởng những người này đi Tây Tạng không đơn thuần là vì tìm kiếm kiếp trước kiếp này của Tsangyang Gyatso. Họ càng muốn biết, trên mảnh đất phong tình lãng mạn đó, rốt cuộc đã từng có mối tình duyên không giống người phàm ra sao. Rốt cuộc là một vị Đạt Lai Lạt Ma thế nào mới có thể viết ra câu thơ: “*Thế gian sao có đôi đường vẹn, Chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng.*” Mà những người khách qua đường vội vã đó, đều là người chí tình, sở dĩ họ ngàn dặm xa xôi tìm hiểu câu chuyện thần kỳ của người khác, là vì đáy lòng họ cũng cất giấu một chuyện xưa không ai hay biết.

Chỉ có những ai từng yêu mới dễ dàng cảm động bởi tình yêu của người

khác. Cảnh vật trên đời vốn không có tình cảm, từng cành cây ngọn cỏ, từng hạt cát hạt bụi, đều là do con người thêu dệt những câu chuyện và truyền thuyết phủ lên trên mới có máu thịt, mới có điểm tựa. Nếu không có công chúa Văn Thành năm xưa gả đi, không có thơ tình của Tsangyang Gyatso, cao nguyên Tây Tạng hoang vu kia có lẽ sẽ thiếu đi nhiều sắc thái lãng mạn. Cung Potala tráng lệ cũng chẳng qua là ảo ảnh của thời gian, cần cỗi vì thiếu những mẫu chuyện xưa. Giờ đây, vì có sự tồn tại của chúng, dù trải qua bao nhiêu năm tháng, đều không đến nỗi bị thời gian bòn rút sạch trơn.

Tình cảm chân thật và tư tưởng phong phú có thể khiến một mảnh đất hoang vu trong nháy mắt nở đầy hoa. Khi chúng ta đi lại ở mỗi chốn xưa Tsangyang Gyatso từng sống, dạo bước trên mỗi nẻo đường Ngài từng đi qua, đều không nhịn được tự hỏi: Ngài thật sự đã từng ở nơi này ư? Phải chăng có thể bước trùng lên dấu chân của Ngài? Trên lan can kia, liệu có còn lưu lại hơi ấm bàn tay Ngài? Hết lần này đến lần khác đọc thơ tình của Ngài, chỉ cảm thấy cỏ cây nơi đây đều thông hiểu tâm linh, hiểu được tình cảm. Chúng từng chứng kiến tình yêu đẹp đẽ của Tsangyang Gyatso, từng nghe những lời âu yếm Ngài cùng cô gái mình thương đã nói, nhớ lại mỗi lời ước hẹn Ngài đã trao.

Ba trăm năm, thời gian sao mà dài đằng đẵng, triều đại đổi thay, con người thay đổi, chỉ có cây cỏ vẫn xanh tươi, đá núi vẫn vững chãi như xưa. Nhân gian là kịch trường, biết bao máu lệ chảy thành sông, tràn ngập đến mức không ai thu dọn. Mà chúng ta của hôm nay, vì lẽ gì còn phải tổn thương nhau, vì lẽ gì không thể giống như gió mát trăng thanh, dung chứa lẫn nhau, chung sống yên bình? Tôi tin rằng, những người đã đến Tây Tạng, đã thấy núi tuyết thảo nguyên, đã từng uống nước hồ thánh, lòng của họ từ đó sẽ trong trẻo sáng láng. Sẽ hiểu được người sống trên đời thật chẳng dễ dàng, hết thấy duyên phận đều phải cố gắng trân trọng, tất cả mọi người đều nên chúc phúc cho nhau.

Lịch sử là chân thực, ba trăm năm trước, đích xác từng có một Tsangyang Gyatso, trên mảnh đất Tây Tạng bao la cũng thực sự lưu giữ chút ít vết tích của Ngài. Ngài sinh ra ở nơi này, tâm tình và câu chuyện cả đời cũng giao phó cho nơi này, rất nhiều câu thơ đều chạm khắc trên mảnh đất này. Rời xa Tây Tạng, Ngài sẽ không còn là Tsangyang Gyatso, do đó mỗi người nhớ nhung Tsangyang Gyatso đều sẽ nhớ nhung Tây Tạng. Chúng ta hy vọng

mình kiếp này có thể đích thân đến đây, có thể chính miệng hỏi một tiếng, vị tình tăng chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng ấy, ba trăm năm qua, Ngài vẫn khỏe chứ? Linh hồn của Ngài phải chẳng thật sự vẫn luân hồi tiếp tục? Giờ đây, chúng ta nên đến chốn nào tìm Ngài?

Tsangyang Gyatso trước mười bốn tuổi, đúng là có thể chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng. Ngài vừa học kinh ở tu viện Basang, vừa nghe những bản tình ca cảm động ngoài cửa sổ, cùng âm thầm hẹn hò với cô gái làng bên. Ngài thậm chí còn cảm thấy vào tuổi xuân xanh, không hết lòng yêu nhau một lần là uổng phí đời người. Ở nơi vốn dĩ trai gái có thể tự do luyện ái, tình yêu của Tsangyang Gyatso như đất trời tháng 4, oanh bay cỏ mọc, không chút e dè. Ngài chẳng may may biết bí mật về linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5, dù Ngài thông tuệ hơn những thiếu niên khác, tràn đầy linh khí, nhưng cũng chỉ cho rằng mình là một người may mắn, được ông trời quan tâm chiều cố mà thôi.

Phía xa tu viện Basang, có núi thần Bonri^[1] nguy nga hùng vĩ. Trên ngọn núi thần này, có một cây thần cực lớn, trên cây treo đầy kinh phước pháp phoir, cây cao chọc trời, rất có linh tính. Rất nhiều người đi kora quanh núi, từ trời nam đất bắc không nề muôn dặm xa xôi rong ruổi, chỉ để đến ngọn núi thần này dập đầu bái lạy, nguyện một lời thề ước ở dưới cây. Tsangyang Gyatso lúc đó thường hay đứng lặng hồi lâu ở ban công tu viện, nhìn cây thần trên núi thần từ xa, âm thầm cầu khẩn cho ước mơ non nớt trong lòng.

[1] Núi thần Bonri: Núi thần được đạo Bon nguyên thủy ở Tây Tạng tôn sùng, cao khoảng 4.500m.

Giờ lành đôi vận đến,

Phước cầu phúc dựng lên.

Ta nhận lời thực nữ,

Tôi làm khách làng bên.

Tsangyang Gyatso đa tình thật sự đã yêu, Ngài và ý trung nhân yêu nhau trong khu vườn hoan lạc mỹ lệ. Ánh nắng cao nguyên cho cỏ dại hoa xuân đầy đủ hơi ấm, cũng kích thích tình cảm rạo rực của những thiếu niên thiếu nữ nơi này. Họ có thể hát đối đáp tình ca để cuồng nhiệt bày tỏ tình yêu trong lòng, có thể không chút e dè phung phí tuổi xuân tràn trề. Đó là quyền lợi mà sinh mệnh trao cho họ, khi tuổi xuân đi xa, những con sóng tình yêu ấy sẽ thật sự trở thành nước chảy cuộn cuộn, một đi không trở lại.

Đỗ quyên bay đến thăm,

Dem hương xuân thơm ngát.

Ta và nàng gặp nhau,

Lòng vui sướng dào dạt.

Miệng cười khoe răng trắng,

Hóp mắt hôn ai kia.

Nếu thật lòng thương mến,

Xin thế chẳng chia lìa.

Thật ra tâm nguyện của Tsangyang Gyatso rất đời bình thường, Ngài chẳng qua chỉ muốn kẻ cận cùng người yêu trên mảnh đất lãng mạn quen thuộc, cùng một dòng suối, một đám mây, một bãi cỏ, mấy con bò con cừu nướng tựa lẫn nhau, sống bình lặng, yên ổn vô sự. Họ cùng chăn thả, cùng làm thơ, sinh đôi trai gái dễ thương, sở hữu hạnh phúc bình thường nhất trên đời. Tâm nguyện nhỏ nhoi biết bao, lại không đáng kể biết bao, đây là hạnh phúc mà một làng quê nhỏ của Tây Tạng, thậm chí bất cứ một làng quê nhỏ nào trên thế gian đều có thể cho họ.

Hỏi người tình trong mộng,

Có gần gũi trọn đời?

Đáp: Trừ phi tử biệt,

Sống - mãi chẳng chia rời.

Nếu nàng vì học đạo,

Rời bỏ ta ra đi,

Thiếu niên ta nhất định,

Theo vào chốn tu vi.

Đúng vậy, điều Ngài muốn chính là một người bạn tình ngọt ngào, sống chết có nhau cả đời như thế. Ngài không hề biết rằng thảo nguyên rộng lớn này, làng quê chất phác này lại không thỏa mãn được tâm nguyện nhỏ bé của Ngài. Bất cứ người nào cũng có thể mưu cầu niềm hạnh phúc đơn giản ấy, duy chỉ có Ngài - Tsangyang Gyatso, định sẵn không có duyên với phàm trần. Một cuộc tình bình thường lại là kiếp nạn số mệnh dành cho Ngài. Đích thực như thế, khi một ngày kia Ngài đứng trên đỉnh cao không ai với tới nhìn xuống chúng sinh, Ngài sẽ hiểu rõ, thì ra “cao ngất lạnh lùng sao^[2]” là thế nào.

[2] Nguyên văn là “Cao xứ bất thắng hàn”, một câu trong bài từ “Thủy điệu ca đầu” của Tô Đông Pha thời Tống.

Tình yêu, trước khi đến, bạn không biết là gì, sau khi đến rồi, bạn sẽ

không còn là chính mình nữa. Biết bao người cả đời đều đang tìm tìm kiếm kiếm, mong mỗi tìm được người mình yêu và người ấy cũng yêu mình, song thực tế thường trái với nguyện vọng. Thế nhưng khi thật sự có được, lại có bao nhiêu người sẽ cố gắng trân trọng? Những hứa hẹn đã trao ấy, phải chăng thật sự có thể vĩnh viễn? Những người từng yêu ấy, phải chăng đến cuối cùng đều thành khách qua đường? Sống hết cuộc đời dài đằng đẳng, người và việc đáng để chúng ta hồi tưởng, còn có thể sót lại bao nhiêu?

Dù Tsangyang Gyatso từng có tình yêu, nhưng cuối cùng không thể cùng người thương bầu bạn lâu dài, do đó Ngài sẽ chìm đắm một đời trong dòng sông tình ái. Nếu Ngài trọn vẹn mơ ước, kết hôn sinh con với cô gái mình yêu, lại phải chăng thật sự sẽ trọn đời hạnh phúc? Đời người biết bao câu chuyện khiến ta sinh lòng tiếc nuối trước những lệch lạc sai sót, chúng ta đạo diễn từng màn kịch, nhìn hết sống chết ly biệt, lại bất lực không thể làm gì. Tình cảm của con người, nếu có thể thu phát như ý, nói bắt đầu là bắt đầu, nói kết thúc là kết thúc, chẳng có lưu luyến, cũng không vương vấn, thế thì tốt biết dường nào?

Bao nhiêu người đứng nơi đầu sóng ngọn gió khăng khăng làm theo ý mình, đến sau chót, chung quy cũng không chống chọi nổi vận mệnh cố chấp. Thấy đời người thịnh suy, chúng ta luôn trách năm tháng quá ép người, xưa nay chưa hề hỏi xem, bản thân đã gieo nhân trước ra sao. Suy cho cùng, thời gian cũng như đám thổ phỉ, dọc đường đánh cướp chúng ta. Tsangyang Gyatso, linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5, gánh vác bí mật của mười bốn năm, rốt cuộc vẫn là bị bức bách đến bước đường cùng.

Vĩnh biệt

Khi còn trẻ, tôi từng yêu một người, cho rằng không có anh, ngày tháng rực rỡ đến mấy cũng đều tẻ nhạt vô vị. Đến khi duyên phận đã hết, tôi mới tỉnh ngộ, bản thân thật ra không nặng tình đến thế.

Đều nói trên đời này, bí mật giấu kín bao lâu, rồi đến cuối cùng cũng có một ngày sẽ phơi bày giữa thanh thiên bạch nhật. Đồng thời nhiều chân tướng cũng sẽ theo dòng chảy thời gian, bị vùi lấp dưới bùn đất của lịch sử, không thấy mặt trời. Cái gọi là bí mật, là điều che giấu không cho ai biết, Phật giáo chỉ phép thuật sâu xa giấu kín. Xưa nay luôn cho rằng, bí mật đến lúc chín muồi, sẽ tự nhiên bóc trần hoàn hảo vô khuyết. Cố ý đi bới móc một bí mật, đó là tàn nhẫn. Khi còn trẻ, tôi từng yêu một người, cho rằng không có anh, ngày tháng rực rỡ đến mấy cũng đều tẻ nhạt vô vị. Đến khi duyên phận đã hết, tôi mới tỉnh ngộ, bản thân thật ra không nặng tình đến thế.

Ba trăm năm trước, mẹ Tsangyang Gyatso giấu bí mật ấy trong lòng, ngày ngày lo sợ không yên. Bà biết bí mật sớm muộn cũng sẽ bị vạch trần, e sợ con trai chìm đắm trong tình yêu sẽ khó mà chịu đựng được đả kích đột ngột này. Linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5, đối với nhiều người, là vinh dự cầu cũng không được, là chính quả tu luyện ngàn năm khó đạt. Nhưng không phải bất cứ ai cũng cần danh hiệu này, không phải bất cứ ai cũng tiếp nhận nổi chức con nhà quý tộc này. Biết bao người sinh ra trong nhà vua chúa cảm khái muôn vàn, chỉ hy vọng kiếp sau chuyển thế, rơi vào nhà thường dân, không cần chịu đựng tranh đấu và phiền nhiễu vô vị ấy.

Năm 1696, khi bình định phiên loạn Dzungar^[1], vua Khang Hy tình cờ từ miệng một tù binh biết được tin Đạt Lai thứ 5 đã qua đời từ nhiều năm trước. Khang Hy rất đỗi phẫn nộ đối với việc Sangye Gyatso giấu kín không bẩm báo, muốn phát binh chinh phạt hỏi tội. Chân tướng vừa bị vạch trần, Sangye Gyatso đã sống trong lo âu, pháp phòng mười lăm năm biết rằng, rốt cuộc mình vẫn không thoát khỏi kiếp nạn này. Y gắng gượng khiến mình trấn tĩnh, một mặt cùng Ban Thiên thứ 5 trù hoạch, nhanh chóng công bố thân phận của linh đồng chuyển thế, đồng thời phái sứ giả rước Ngai đến cung Potala, chuẩn bị lễ lớn tọa sàng^[2]. Một mặt khác gửi thư tâu lên triều đình, mấy năm nay giấu không phát tang hoàn toàn không phải là ý mình, mà là tuân theo di chúc của Đạt Lai thứ 5, vì để ổn định cục diện chính trị Tây Tạng, đợi khi bụi trần lắng đọng, mới chiếu cáo với thiên hạ thân phận của linh đồng chuyển thế.

[1] Hãn Quốc Dzungar (Chuẩn Cát Nhĩ): là một đế quốc du mục trên thảo nguyên châu Á, nằm trên khu vực trải dài từ cực tây của Vạn Lý Trường Thành đến miền đông Kazakhstan hiện nay, và từ miền bắc Kyrgyzstan hiện nay đến miền nam Siberia. Hãn Quốc bị nhà Thanh sáp nhập vào năm 1756-1759, phần lớn lãnh thổ của nó nay thuộc địa giới Tân Cương, Trung Quốc.

[2] Tọa sàng: nghi thức tôn giáo trọng đại và tất yếu trong quá trình truyền thừa của Phật sống ở các tự viện Phật giáo Tây tạng, linh đồng chuyển thể chính thức kế nhiệm Phật sống và đối xung hô bằng danh hiệu của Phật sống.

Do Sangye Gyatso lời lẽ khẩn thiết, giọng điệu khiêm tốn, Khang Hy thấy lý do y đưa ra xét về tình cũng có thể tha thứ, hơn nữa mấy năm nay Đại Thanh vào trong quan ải vẫn phải chinh chiến liên miên, để ổn định cục diện chính trị Tây Tạng, nhà vua cũng đành bỏ qua. Khang Hy không những không trừng phạt, ngược lại còn phái sứ giả đến Tây Tạng tham gia lễ lớn tọa sàng của Đạt Lai thứ 6, và ban cho nhiều vàng bạc châu báu cùng Phật cụ pháp khí. Một bí mật che giấu đã mười lăm năm kinh động xuất hiện trên đời, cho rằng sẽ dẫn đến sóng to gió lớn, không ngờ lại hời hợt lướt qua rất nhanh như thế. Sangye Gyatso lòng dạ cực kỳ sâu xa, từ khi tiếp nhiệm chức vụ Đệ Ba, chưa từng có giây phút nhẹ nhõm. Nhất là để giữ kín một bí mật tày trời mười lăm năm, nỗi mệt nhọc y gánh chịu không thua kém bất cứ ai.

Trước đó, Sangye Gyatso đã chuẩn bị sẵn sàng đón nhận trừng phạt, vốn cho rằng chỉ ném đá dò đường, qua được bao nhiêu hay bấy nhiêu, lại không ngờ có thể nhẹ nhàng qua sông như vậy.

Ba trăm năm trước, khi thân phận Phật sống của Tsangyang Gyatso được công khai, phải là vào mùa nào? Tôi nghĩ chắc phải là mùa thu, vì chỉ có mùa này mới hiểu được tình cảm ly biệt, chỉ có mùa này mới có thể đảm đương vai diễn sứ giả tiễn đưa. Chúng ta có thể thử tưởng tượng tình cảnh một ngày nọ sứ giả Sangye Gyatso phái tới đặt chân đến làng nhỏ Monyu. Mười lăm năm trước, bọn họ bí mật đến, không làm phiền bất cứ người nào trong tộc Monpa. Lần này, họ tỏ ra đường hoàng, rầm rộ mà long trọng. Tin tức về linh đồng chuyển thể của Đạt Lai thứ 5 như một tiếng sấm mùa xuân, đã kinh động sự bình lặng và yên ổn mấy trăm năm nay của ngôi làng nhỏ miền núi. Người dân Monpa đời đời chất phác không ngờ được rằng, chỉ là một góc nhỏ hẹp bên trời, lại ẩn giấu một vì sao sáng lấp lánh. Hào quang của Ngài trong chớp mắt tỏa ra, khiến ánh nắng cao nguyên cũng theo đó ảm đạm thất sắc.

Đây là một vinh dự lớn nhường nào, ngay cả Tsangyang Gyatso cũng bị vinh quang bất ngờ này làm chấn động, nhất thời khó gánh nổi sức nặng sinh

mệnh giao cho. Lúc đó, Ngài đang cùng ý trung nhân ngắm lá đỏ, thả bò cừu, suy nghĩ về tương lai hạnh phúc trên ngọn núi mùa thu. Khi Ngài biết mình được vinh quang từ trên trời rơi xuống nhắm trúng, quả thực cũng có vui sướng lướt qua trong lòng. Bất cứ người nào cũng đều hiểu rõ, mỗi một vị Phật sống cuối cùng đều sẽ bước lên ngai Phật cao ngất của cung Potala, được muôn dân lễ bái. Tsangyang Gyatso mười lăm tuổi, vẫn là một đứa trẻ vừa mới khôn lớn, nội tâm mềm yếu của Ngài làm sao ngăn nổi cảm dỗ tà trời ấy.

Tsangyang Gyatso được sứ giả do Sangye Gyatso phái đến vội vã rước đi khỏi địa phương nhỏ bé Monyu. Ngài thậm chí còn không kịp từ giã với bà con hàng xóm, không kịp nói một câu ly biệt với cô gái mình thương, không kịp lau đi vệt nước mắt trên mặt người mẹ đã điểm tóc bạc bên mai, liền cứ thế được sứ giả dọc đường gió bụi đưa đến Lhasa xa xôi. Chiếc mũ vàng lóng lánh của Phật sống kia đem đến cho Ngài ảo tưởng vô hạn, Ngài gần như là ngâm nga tình ca, mơ giấc mơ đẹp bước vào cung Potala vàng son rực rỡ. Thiếu niên mười lăm tuổi ấy thậm chí còn ảo tưởng cho rằng, đợi mình ngồi lên ngai Phật thì có thể có cả thiên hạ, có thể yêu người mình yêu, sống cuộc sống mình mong muốn.

Tsangyang Gyatso mười lăm tuổi căn bản không biết, chỉ cần Ngài ngồi lên ngai Phật của cung Potala, từ đó sẽ vĩnh biệt với tình yêu nhân gian, ý trung nhân sẽ cùng Ngài trở thành người đứng nước lũ vĩnh viễn. Càng không biết rằng, vị Phật sống chí cao vô thượng trong mắt người đời chẳng qua là một con cờ trên bàn cờ của Sangye Gyatso, là một sự giao phó của hần trước vua Khang Hy. Trên đời này biết bao vua chúa đều hữu danh vô thực, trở thành con rối để kẻ khác khống chế thiên hạ. Phật sống tuy không phải là vua chúa, lại tôn quý tối cao như vua chúa, thậm chí càng vinh diệu thần kỳ. Trong mắt người đời, Phật sống phải có một trái tim từ bi tế thế, phải có pháp lực vô biên, có thể độ hóa đông đảo chúng sinh. Thế nhưng chẳng ai tin rằng, dù là Phật, cũng có những bất lực và nỗi bi ai thân bất do kỷ.

Năm 1697, Tsangyang Gyatso được chọn là “linh đồng chuyển thế” của Đạt Lai thứ 5, tháng 9 năm đó, từ Lhoko rước đến Lhasa, khi đi ngang qua huyện Nagarzê^[3], tôn Ban Thiên thứ 5 Lobsang Yeshe^[4] làm thầy, cạo đầu thọ giới sa di^[5], lấy pháp danh Lobsang Rinchen Tsangyang Gyatso^[6]. Ông

trời cuối cùng đã đem thứ Tsangyang Gyatso vốn nên có trả lại cho Ngài, song không ai từng hỏi, đây phải chăng thật sự là thứ Ngài mong muốn. Ngay cả bản thân Tsangyang Gyatso cũng không hiểu rõ, cuộc đời Ngài từ đó sẽ có được những gì, mất đi những gì. Chẳng lẽ một người đến với nhân gian, đều là vì đòi nợ và trả nợ? Đợi đến khi đòi lại những thứ bị thiếu, trả hết những thứ cần trả, chúng ta còn theo đuổi thứ gì? Tranh chấp thứ gì?

[3] Nagarzê (Lăng Ca Tử): một huyện của địa khu Lhoka, khu tự trị Tây Tạng, Trung Quốc.

[4] Lobsang Yeshe (La Tang Ích Hi, 1663-1737): Ban Thiền Lạt Ma thứ 5

[5] Thọ giới sa di: Sau khi linh đồng chuyển thế vào tự viện, nhất định phải thọ giới sa di, bày tỏ bằng lòng tiếp nhận tu hành, sống cuộc sống tự viện. Khi thọ giới, có một vị Phật sống cao tuổi đứng bên linh đồng, Ngài nói một câu, linh đồng nói theo một câu, đó là những giới luật giản đơn phải nghiêm khắc tuân thủ.

[6] La Tang Nhân Khâm Thương Ương Gia Thố.

Hoa rơi vẫn trôi theo nước chảy, biển biếc đã hóa nương dâu. Tsangyang Gyatso triệt để thoát ly với cuộc sống đã qua, từ đó không thể quay về làng nhỏ miền núi thời thơ ấu nữa. Không ngờ, ngày ấy vội vã rời đi lại thành vĩnh biệt, ngày thu đó tựa như ngày thu cuối cùng trong cuộc đời Ngài. Bởi vì, suốt đời này Tsangyang Gyatso cũng không còn nhìn thấy lá đỏ đẹp đẽ như thế nữa. Trong khoảnh khắc, Ngài thốt nhiên hiểu rõ, những nhân vật và cảnh tượng quen thuộc trong quá khứ, sau này chỉ có thể gặp được trong mơ. Mơ, Ngài bắt đầu hy vọng mình có thể ngủ thiếp đi, và cứ mơ mãi.

Tọa sàng

Muốn gọi một con chim, nhờ nó đưa tin đến phương xa, tiếng hót nghẹn ngào của nó dường như cho Ngài biết, nó sống chẳng hề tự do, dù nó có một đôi cánh bay lượn, vậy mà thân vẫn bắt do kỷ.

Lại nằm mơ, trong mơ tôi đã đến cung Potala, trong ảo ảnh giấc mơ, tôi nhìn thấy hải thị thần lâu^[1]. Rất nhiều người thành kính quỳ lạy dưới chân Phật Đà. Kinh phướn pháp phới, lay động tín ngưỡng kiếp này, kinh luân chuyển động, thức tỉnh ký ức kiếp trước. Cả tòa cung điện dưới nắng nóng hầm hập của cao nguyên, thật là tráng lệ huy hoàng, thật là độc đáo vô song. Tòa cung điện này ngưng tụ lịch sử loang lỗ tang thương, cất giữ những câu chuyện tự cổ chí kim, rơi đầy bụi trần mù mịt của năm tháng. Thế nhưng nó trong sạch, thanh bạch đứng sừng sững trên Hồng Sơn mệnh mang. Lại rất mực khoan dung, tấm lòng bao la có thể thu nạp vạn vật trên đời.

[1] Hải thị thần lâu: hiện tượng quang học trong tự nhiên, tia sáng khúc xạ sinh ra ảo ảnh ở cự ly xa hoặc trên bầu trời.

Khi tỉnh lại, mới phát hiện người ở trong cung Potala là Tsangyang Gyatso. Một thiếu niên xuất thân từ địa phương nhỏ Monyu, nào đã thấy cung điện to đẹp đàng hoàng như vậy. Trong cuộc sống của Ngài, xưa nay chỉ có đất lề quê thói chất phác, chỉ có bãi cỏ, khe suối, nhà tranh, bò cừu. Mở mắt ra, Ngài không nhìn thấy bạn bè thuở nhỏ cùng khôn lớn, không nhìn thấy cô gái đã nguyện lời hẹn ước làng bên, không nhìn thấy mẹ hiền tha thiết yêu thương Ngài. Cảnh tượng trước mắt giống như giấc mộng kê vàng^[2], lầu gác cung điện, nhà vàng thêm ngọc, mang một khí thế khoan thai và quý phái không thể diễn tả thành lời. Cung Potala chính là một kho báu văn hóa dân tộc Tạng cực lớn, cất giấu quá nhiều văn vật lịch sử và báu vật. Còn Tsangyang Gyatso cứ thế rơi vào một giấc mơ hoa lệ của kiếp trước, không ngừng không nghỉ mơ tiếp, chẳng biết tới ngày nào mới có thể hoàn toàn tỉnh lại.

*[2] Giấc mộng kê vàng: Theo **Châm trưn**g ký của Trầm Ký Tế đời Đường, có chàng Lư Sinh, gặp vị đạo sĩ Lữ Ông trong quán trọ Hàm Đan, Lư Sinh than nghèo khó. Đạo sĩ cho chàng mượn một chiếc gối, bảo chàng gối lên mà ngủ. Bấy giờ chủ quán đang nấu một nồi cơm kê vàng. Trong mơ Lư Sinh hưởng trọn một đời vinh hoa phú quý. Khi tỉnh dậy, cơm kê vàng vẫn chưa chín. Sau dùng để ví với sự vô mộng, chuyện tốt muốn thực hiện rốt cuộc sôi hổng bỏng không.*

Tháng 10 năm 1697, một điển lễ tọa sàng long trọng đã tổ chức ở Lhasa, Tsangyang Gyatso mười lăm tuổi chính thức vào làm chủ nhân của cung Potala, trở thành Đạt Lai Lạt Ma thứ 6. Ngài được nâng lên tầm cao của Thần Phật, được muôn người quỳ bái dù khi đó Ngài vẫn mơ hồ, vẫn bất lực,

và cả một chút kinh ngạc vui mừng. Ngài dập đầu cảm thán: “Làm trái lệnh của Thượng Sư^[3], thật cảm thấy hổ thẹn”. Lúc đó, Ngài cảm giác bản thân thật sự là Phật, chúng sinh dưới chân là con dân của Ngài, sứ mệnh của Ngài chính là độ hóa họ, dốc hết tất cả, vì họ tiêu trừ khổ nạn. Thế nhưng Ngài thật sự có pháp lực vô biên của Phật chăng? Chẳng lẽ chỉ cần vừa ngồi lên ngai Phật cao ngất, Ngài liền thật sự thành Phật, có thể khiến tất cả thấy khiếm khuyết của thế gian biến thành trọn vẹn?

[3] Thượng Sư: dịch từ tiếng Phạn “guru” nghĩa là Đạo sư, Đại sư, Đạo sĩ, đối ứng với “Lạt Ma” trong tiếng Tạng.

Không, không phải như vậy. Mãi đến sau này, Tsangyang Gyatso mới biết trên con đường dẫn đến cõi Phật này, Ngài cô độc, không có người đồng hành và người xướng họa, con đường này đầy dẫy chông gai, khiến Ngài vết thương chồng chất. Đó là vì trái tim của Ngài trước sau vẫn mang tình yêu chân thật nhất của nhân gian, không vượt qua được rào cản của tình yêu hồng trần, cho nên dù Ngài có linh tính của Phật, cuối cùng chỉ là rước thêm tiếc nuối. Thế gian này xưa nay không có sự việc hoàn mỹ, giống như trăng tròn trăng khuyết, hoa nở hoa tàn, tụ hợp ly tan. Khi bạn dốc lòng lao vào, muốn bắt chấp tất cả vì một người, vì một việc, tất nhiên phải tiếp nhận sự trừng phạt của vận mệnh.

Vị Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi anh tuấn Tsangyang Gyatso ngồi trên ngai Phật ngất ngưỡng, ngay cả Đệ Ba Sangye Gyatso và Ban Thiền đương thời đều đối với Ngài rất mực cung kính. Ngài thâm nhủ với bản thân, từ đây Ngài chính là vua của cung Potala, nắm giữ từng cành cây ngọn cỏ, từng viên gạch viên ngói của nơi này. Ngài thật sự quá ngây thơ, Ngài không biết rằng, bản thân chẳng qua là một vị vua hữu danh vô thực, đừng nói không thể thống trị chúng sinh, ngay cả vận mệnh của mình cũng không thể làm chủ. Theo quy định điều lệ chuyển thế của Phật sống, linh đồng chuyển thế phải tròn mười tám tuổi mới có thể đích thân chủ trì chính sự. Lúc đó Tsangyang Gyatso mười lăm tuổi, cho nên Ngài nhất thiết phải đợi đến ba năm sau mới có thể tự mình chấp chính. Trước lúc đó, tất cả chính sự sẽ đều do Đệ Ba và Ban Thiền cùng xử lý.

Tsangyang Gyatso giữ địa vị thủ lĩnh chính giáo Tây Tạng, sống ở cung điện cao nhất của cung Potala, được nhiều sư sãi bao quanh. Thế nhưng Ngài

cô độc, thậm chí sống rất vất vả mệt mỏi. Vì thân phận của Ngài đặc biệt, linh đồng chuyển thế trước đây từ bốn, năm tuổi trở đi đã tọa sàng tiếp nhận giáo dục chính thức. Còn mười lăm năm này của Tsangyang Gyatso đều sống nơi làng quê nhỏ bé xa xôi, bầu bạn cùng dòng suối hoa núi, cỏ dại bờ cừu, những bản tình ca xao xuyến lòng người, và nụ cười khoe hàm răng trắng bóng của cô gái làng bên. Dù Ngài cũng từng học kinh văn ở tu viện Basang, nhưng thầy dạy kinh lúc đó quản thúc Ngài không nghiêm, hơn nữa đó là học tập định kỳ, không thuộc chế độ cả ngày. Lúc đó Tsangyang Gyatso còn chưa biết thân phận của mình, chỉ nghĩ là cha mẹ sắp đặt, muốn Ngài học kinh, tham thiền, đọc hiểu từ bi.

Giờ đây, Tsangyang Gyatso hằng ngày phải đối mặt với sự đốc thúc nghiêm khắc của thầy dạy kinh, tất cả thời gian của Ngài đều là ngồi yên đọc kinh, rất nhiều kinh văn liên miên không dứt bầy trước mặt Ngài, khiến Ngài cảm thấy mệt mỏi chưa từng có. Lúc đó Sangye Gyatso bắt đầu hơi sốt ruột, y biết rõ thiếu niên này đã bị gió hoang cao nguyên thấm nhuộm, muốn triệt để gột bỏ tính buông thả trên người Ngài, không phải là chuyện có thể làm được trong một sớm một chiều. Ba năm, y phải dùng thời gian ba năm, thuần phục đứa trẻ đã bỏ bê mười lăm năm này, khiến đứa trẻ đó trở thành một vị Đạt Lai thứ 6 hoàn hảo, lãnh tụ chính trị vĩ đại. Chỉ là sau ba năm, Sangye Gyatso thật sự nở đem chính quyền cả đời khổ tâm vun vén, hai tay dâng cho Tsangyang Gyatso hay sao? Không ai có thể đưa ra một câu trả lời khẳng định, bao gồm bản thân Sangye Gyatso.

Thật ra chúng ta đều là nô lệ của danh lợi, biết rõ đời người chẳng qua nổi trầm nổi, vẫn phải chém giết tranh đoạt, liều mạng đến nổi máu chảy đầu rơi. Hôm nay bạn giẫm lên hài cốt người khác ngồi hưởng thiên hạ, ngày mai ai sẽ vì bạn thu thập ván cờ tàn của giang sơn? Các bậc vua chúa lúc có thiên hạ, liền tìm kiếm thuốc tiên khắp nơi, tu luyện đan dược, hy vọng có thể trường sinh bất tử, e sợ giang sơn cực khổ dành được sẽ theo sự kết thúc của sinh mệnh chớp mắt hóa thành số không. Họ biết rõ trên đời này không hề có phương thuốc bất tử, nhưng vẫn nghĩ đủ mọi cách tìm kiếm. Có lẽ đó là vì không cam tâm, không cam chịu tâm huyết một đời của mình phó mặc cho dòng nước cuốn trôi. Thế nhưng sức người thật sự có thể làm gì được số trời? Vua chúa được tôn xưng là con trời (*thiên tử*), nhưng con trời và người thường cũng chẳng có phân biệt. Còn Đạt Lai Lạt Ma được tôn xưng là Phật sống, họ cũng là xương phàm thai tục, dù có linh hồn không chết, lại chẳng

có thể xác không già.

Có lẽ Tsangyang Gyatso trước giờ chưa từng nghĩ phải ngồi ôm thiên hạ, hô mây gọi gió. Từ khi vào ở trong cung Potala, Ngài mới biết, cuộc sống ở đây còn lâu mới tốt đẹp như tưởng tượng trong lòng, nhìn thấy trong mắt. Ngài như một chú chim sẻ lông vàng, bị nhốt vào chiếc lồng đẹp đẽ sang trọng, mỗi ngày đợi người chủ cho ăn, thỉnh thoảng cùng y đi dạo trước lầu sân vắng, ngắm phong cảnh mênh mông vô biên phương xa, muốn bay lượn, lại phát giác sớm đã bị vận mệnh chặt đứt lìa đôi cánh. Ngài khát vọng tự do, ngày ngày cô độc ngóng nhìn ngoài cửa sổ, hy vọng sẽ có người đi qua, sinh lòng thương xót giúp Ngài trốn thoát. Lúc đó, Ngài hầu như quên mất, bản thân là Phật, quên rằng sứ mệnh Ngài vào ở trong cung Potala là để cứu rỗi chúng sinh, để họ không phải chìm đắm trong bùn lầy trần thế.

Đúng vậy, chìm đắm, giờ đây người thật sự chìm đắm là Ngài. Hàng ngày đọc kinh văn khô khan, tham ngộ Phật pháp phức tạp. Thầy dạy kinh của Tsangyang Gyatso đối với Ngài đặc biệt nghiêm khắc, vì chỉ cần một chút lơ lửng là sẽ bị Đệ Ba trừng phạt khắc nghiệt. Sangye Gyatso bận rộn xong chuyện chính sự, có lúc còn đích thân giảng bài cho Tsangyang Gyatso, điều này khiến Ngài càng thêm lo sợ không yên. Chúng ta dường như có thể tưởng tượng được tình cảnh ba trăm năm trước, một thiếu niên mười lăm tuổi bị nhốt trong cung điện phồn hoa của cung Potala: tay ôm sách kinh, ngồi nằm không yên, Ngài luôn nghĩ cách làm sao để có thể thoát ly khỏi trói buộc, trở lại cảnh tiêu dao ngày xưa của mình.

Trên thực tế, Phật sống các đời đều từ lúc thơ ấu đã được chỉ định là linh đồng chuyển thế, kiếp này của họ cũng chỉ là đứa trẻ bình thường, lại phải gánh vác trách nhiệm của kiếp trước mà họ không hề hay biết. Bất kể họ có bằng lòng hay không, nhất định phải có sự khác biệt với những đứa trẻ khác. Không thể trưởng thành thuận theo tự nhiên, không thể sống tự do tự tại; khi họ còn rất nhỏ, đã bị nhốt vào chiếc lồng tu hành, tiếp nhận phán xét của số mệnh. Suốt đời này, ngay cả quyền lợi lựa chọn họ cũng không có, định sẵn phải dùng hạnh phúc bình thường đổi lấy kính ngưỡng của muôn dân. Cô độc ngồi trên ngai Phật, sách kinh là tri âm, tràng hạt là giai nhân, Phạn âm^[4] là tình ca, đèn bơ là ánh sáng duy nhất.

[4] Phạn âm: chỉ tiếng đọc kinh.

So ra, Tsangyang Gyatso bay nhảy ngang dọc mười lăm năm chốn phàm trần, chẳng phải may mắn hơn các linh đồng chuyển thế khác ư? Ít nhất Ngài từng có thời gian tự tại an nhàn, từng tắm trong gió núi trắng thanh dịu dàng, từng cùng cô gái xinh đẹp đa tình nói chuyện yêu đương. Chỉ chẳng qua hết thấy những điều tốt đẹp này như hạc vàng đi xa, không trở lại nữa. Đào hồng rụng rồi vẫn sẽ có khi lại nở, trăng sáng lặn xuống phía tây rồi sẽ có lúc mọc lên, người yêu ly biệt vẫn còn có ngày gặp lại, nhưng Tsangyang Gyatso, thì mãi mãi vĩnh biệt cõi hồng trần rồi rắm.

Không kịp rồi, tất cả đã quá muộn. Anh tức thật sự rất đẹp, nhưng khi bạn ăn vào, mới biết đó là một loại thuốc chứa kịch độc. Sau khi hiểu rõ thì đã trúng độc quá nặng. Bạn muốn trở thành vua của cung Potala, thì tất nhiên phải trải qua dày vò người thường không thể chịu đựng. Tsangyang Gyatso không quản nóng lạnh, vất vả học tập Phật pháp ở đây, dù trong lòng Ngài ít nhiều không tình nguyện, thậm chí nóng nảy không yên, nhưng Ngài rất cuộc vẫn là linh đồng chuyển thế, trong cốt cách có tính Phật và linh tuệ. Trong thời gian ngắn ngủi, việc học tập của Tsangyang Gyatso đã tiến bộ vượt bậc, điều đó khiến Sangye Gyatso cảm thấy an ủi, đôi khi lơ đãng, sẽ mỉm cười với Ngài.

Nụ cười đó đối với Tsangyang Gyatso thật nhợt nhạt yếu ớt. Mỗi khi màn đêm buông xuống cung Potala, mọi người tản hết, mỗi một đồ vật ở đây đều tẩy hết lớp phấn son trang điểm ban ngày, tỏ ra yên tĩnh vô cùng. Lúc này lòng Tsangyang Gyatso bị nỗi cô độc gặm nhấm, Ngài nhớ làng nhỏ miền núi đã cho Ngài tất cả những điều tốt đẹp. Nhớ màu bầu trời đêm ở đó, nhớ hương thơm của hoa dại, nhớ hình ảnh người dân Monpa uống rượu ca hát bên đồng lửa, nhớ người mẹ khâu vá da chồn dưới đèn, càng nhớ tình cảm dịu dàng khi Ngài cùng ý trung nhân hò hẹn dưới trăng.

Trong kiếp này ngắn ngủi,

Được sung hạnh vô cùng.

Kiếp sau thời thơ ấu,

Phải chăng lại tương phùng?

Sau khi tỉnh mộng, Ngài đã lệ rơi đầm đìa, cả cung Potala rộng lớn này, chỉ có ánh trăng hắt xuống giường Phật của Ngài. Muốn gọi một con chim, nhờ nó đưa tin đến phương xa, tiếng hót nghen ngào của nó dường như cho Ngài biết, nó sống chẳng hề tự do, dù nó có một đôi cánh bay lượn, vậy mà thân vẫn bắt do kỷ. Vạn vật trên đời đều đang sống, đều đang hô hấp, và cũng đều thân bất do kỷ.

Chim lồng

Có người nói, một người quá đỗi hoài cựu, không hẳn là vì quá khứ xiết bao rực rỡ, mà là vì anh ta không thể yên lòng với hiện trạng. Đời người rồi ren, nào ai dám khoe mình có đủ sức mạnh chặn đứng được muôn ngàn gió bụi.

Chỉ vào lúc thực sự mất đi, con người mới tưởng nhớ da diết sự tốt đẹp đã từng có, những thước phim trước đây như hình với bóng, luôn hiện lên trong tâm trí. Lúc này, chúng ta đều không kìm được phải hỏi bản thân, không bỏ xuống được rốt cuộc là vì ưa hoài niệm, hay là vì quá khứ thật sự đáng thương tiếc? Có người nói, một người quá đỗi hoài cựu, không hẳn là vì quá khứ xiết bao rực rỡ, mà là vì anh ta không thể yên lòng với hiện trạng. Đời người rồi ren, nào ai dám khoe mình có đủ sức mạnh chặn đứng được muôn ngàn gió bụi. Khi bạn không thể tiếp nhận phong cảnh xa lạ, không thể thích ứng cuộc sống mới mẻ, thì tất nhiên sẽ hoài niệm sự vật đã từng quen thuộc mà ấm áp.

Một người trông có vẻ mạnh mẽ, thực ra nội tâm anh ta lại là tường thành xây bằng băng mỏng, gặp lửa thì tan, vừa xô liền đổ. Một người trông có vẻ mềm yếu, nội tâm anh ta lại được xây bằng gạch ngói tỉ mỉ, đơn giản chắc

phác, kiên cố vững chắc. Thế nhưng tất cả những điều này, đều bắt nguồn từ tao ngộ của đời người, nếu dậm đường năm tháng bằng phẳng suôn sẻ, vết thương lòng ít, chẳng đến nỗi yếu đuối không chịu nổi. Nếu vận mệnh gặp ghềnh trắc trở, trong lòng tất nhiên ngàn trăm lỗ thủng, đến lúc đó, dù bạn vá víu thế nào, cũng không thể chấp vá nên bộ dạng ban đầu.

Thế gian này có những việc có thể hối hận, có những việc ngay cả tư cách hối hận cũng không có. Ví như Tsangyang Gyatso, khi hàng ngày Ngài đọc thuộc kinh văn vô vị, tay cầm tràng hạt cứng ngắc, ngồi cùng một loại đàn hương, sâu trong nội tâm, chắc chắn Ngài sẽ hối hận vì ban đầu không làm khác đi. Nhưng Ngài có tư cách hối hận chẳng? Năm xưa Ngài được sứ giả rước vào cung Potala, căn bản đã không có đường nào chọn lựa, vì Ngài được số mệnh định sẵn là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5, kiếp này chỉ có thể sống vì kiếp trước. Bất kể Ngài bằng lòng hay không, Ngài đều phải tiếp nhận điển lễ tọa sàng, tiếp nhận vinh dự chí cao vô thượng này. Nếu Ngài cũng từng có vui sướng, đó là bởi vì chàng thiếu niên mười lăm tuổi còn có một trái tim non nớt. Vận mệnh đột ngột thay đổi khiến Ngài không có thời gian suy nghĩ đây rốt cuộc là một niềm vinh dự hay là một nỗi tiếc nuối.

Đây là quà tặng ông trời ban thưởng cho Ngài, một phần quà tặng không thể chối từ, lại nặng nề như núi. Chưa ai từng hỏi Ngài có gánh vác nổi hay không, đến với thế gian này, Ngài định sẵn trở thành truyền kỳ. Khi Ngài ngồi trên ngai Phật của cung Potala, đứng ngồi không yên đọc kinh, tham thiền, cõi lòng lại theo gió mát nhơn nhơn lượn ngoài cửa sổ bay đến phương xa. Làng nhỏ hẻo lánh từng gọi là quê hương ấy cho Ngài niềm vui quên hết tất cả, lại không cho nổi Ngài một chốn về yên ổn bình dị. Chốn về của Ngài là ở đâu? Chốn về của thể xác Ngài nhất định là cung Potala, nhưng chốn về của tâm linh, lại là làng quê miền núi tên là Monyu ấy.

Mỗi người trong lòng đều có tín ngưỡng thuộc về mình, tín ngưỡng này không nhất thiết là tôn giáo. Bạn có thể tín ngưỡng một gốc cây, tín ngưỡng một ngọn cỏ, tín ngưỡng một con cừu, còn có thể tín ngưỡng tình yêu. Nếu để Tsangyang Gyatso lựa chọn, tôi nghĩ Ngài sẽ chọn suốt đời trông nom một gian nhà nhỏ đơn sơ, kề cận người yêu của mình và cảnh vật thiên nhiên Ngài luôn yêu thích. Mặc dù sâu trong nội tâm Ngài cũng tôn sùng Phật giáo, thích đọc kinh văn, nhưng những điều này lại không thể trở thành toàn

bộ cuộc sống, chỉ có thể xem là một kiểu tô điểm. Sinh mệnh của Ngài định sẵn là không hoàn hảo, vì Ngài bị gông xiềng dẫu dàng của tình yêu trói buộc, muốn vùng dậy thoát ra, kiếp này e rằng không thể.

Trước đó, chẳng ai nói với Ngài, một người dân Monpa chất phác lãng mạn không thể có tình yêu. Khi Ngài bắt đầu biết yêu, cùng cô gái làng bên ái mộ lẫn nhau, vì sao không ai nói cho Ngài biết, kiếp này của Ngài định sẵn không có hôn nhân trọn vẹn. Vị Phật sống trong cung Potala - Tsangyang Gyatso bị ai than thở: “Nếu đời này vĩnh viễn bị giam cầm trong tòa cung điện đẹp đẽ này, thế thì xin giao trả cho ta kiếp trước, có lẽ ta còn có thể chọn lựa lại một lần nữa, chịu chuyển thế luân hồi một lần nữa”. Lẽ nào Ngài không biết, chuyển thế luân hồi sớm đã viết sẵn trên đá tam sinh^[1], đi qua Vong Xuyên của năm tháng, chẳng ai có thể chọn lựa vận mệnh tương lai cho mình.

[1] Theo tín ngưỡng Á Đông, Điện Diêm Vương thứ 10 ở địa ngục cai quản việc chuyển tiếp đầu thai. Tại điện này có câu Nại Hà bắc qua sông Vong Xuyên (Sông Quên). Ven sông có một tảng đá, gọi là đá Tam Sinh, ghi lại kiếp trước kiếp này kiếp sau của con người. Những linh hồn được đi đầu thai trở lại làm người đều phải qua Vong Đài (Đài Quên), uống canh của Mạnh Bà để quên hết chuyện kiếp trước.

Sương trắng trên cỏ lác,

Sứ giả của gió đông.

Chính là hai kẻ ấy,

Chia cắt hoa và ong.

Thiên nga yêu hồ nước,

Muốn ở thêm một hồi.

Nhưng mặt hồ băng đọng,

Làm buốt giá tim tôi.

Mùa xuân này, mùa xuân của Lhasa, trong gió xuân dịu dàng, Tsangyang Gyatso ngửi thấy hương thơm thanh khiết thoang thoảng của cỏ xanh, nhìn thấy mây trắng nhàn nhã lướt qua trước cửa sổ. Những cảnh vật tự nhiên này lại gợi lên trong lòng Ngài khát vọng vô hạn đối với quê hương. Điều nói Phật là vạn năng, có thể nhìn rõ ràng thấu suốt tất cả mọi thứ trên thế gian, nhưng Tsangyang Gyatso giờ đây, được xưng là Phật sống, vì sao không thể xử lý ngay cả cuộc đời của chính mình? Nỗi nhớ như cỏ dại ngập tràn nơi đáy lòng, khiến Ngài lúng túng. Không ai thật sự hiểu được tâm sự của Ngài, Ngài mong chờ hoàng hôn, mong chờ đêm đến, lúc đó, cho dù quạnh quẽ, thời gian ngắn ngủi đó lại thật sự thuộc về bản thân.

Ban ngày, Tsangyang Gyatso cực nhọc học tập kinh văn, không dám một phút lơ là. Chỉ vào lúc đêm khuya, cả tòa cung điện yên tĩnh hẳn, Ngài mới dám lấy bút mực ra, khẽ viết thơ tình. Con người chính là như thế, khi bạn có, có lẽ sẽ cảm thấy tất cả chẳng quan trọng lắm. Sau khi mất đi, lại ngày mong đêm nhớ, mong mỗi một ngày đoạt về được báu vật thất lạc. Thật là mâu thuẫn, nhưng không biết bắt đầu từ lúc nào, chúng ta đã thích mâu thuẫn như vậy, bằng lòng vương vấn không thôi với những tâm tư mơ hồ.

Xin Lạt Ma đặc đạo,

Chỉ đường sáng cho tôi.

Do chẳng hồi tâm được,

Lại đến bên nàng rồi.

Khuôn mặt sư nghĩ mãi,

Chẳng hiện ra trong lòng.

Dung nhan nàng hiện rõ,

Dù có nghĩ hay không.

Chữ màu đen viết xong,

Nhòe bởi mưa và nước.

Tâm tư muốn viết ra,

Muốn xóa không xóa được.

Dù là như thế, Tsangyang Gyatso cũng không phải không hề động lòng đối với quyền lực. Trong tòa cung điện vĩ đại này, Ngài là Phật sống, vốn phải có địa vị chí tôn và phong lưu vương giả, thống trị muôn dân trăm họ. Nhưng giờ đây, trong không gian rộng lớn này, Ngài không có cả tư cách nói chuyện. Ngài khát khao thời gian ba năm sớm qua đi, bản thân có thể chủ trì chính sự, trong điện lớn uy nghiêm này, cất lên tiếng nói của mình. Không phải Tsangyang Gyatso tham luyến quyền quý, trong cục thế đã không thể thay đổi, Ngài chỉ biết cúi đầu khuất phục. Đã không thể trở lại được như trước, Ngài cũng không thể đắm chìm trong hiện tại, Ngài là Phật sống, cần tuân theo phương thức của Phật sống để tiếp tục sinh tồn.

Do đó, ba năm nay, Tsangyang Gyatso dù không quên được ngày tháng tươi đẹp của quá khứ, không quên được người tình mơ xanh ngựa gỗ, nhưng Ngài cũng sống rất tỉnh táo. Ngài hiểu được sâu sắc, chỉ có học tập thành tựu, Đệ Ba Sangye Gyatso mới giao phó chính quyền cho Ngài. Cuộc sống như chim trong lồng ba năm khiến Ngài cảm thấy linh tính còn lại trên người mình đang dần dà mất đi, tình cảm mãnh liệt đối với cuộc sống ngày trước

cũng lặng lẽ nhạt dần. Tsangyang Gyatso giống như một cây cỏ khô, cần ánh nắng và mưa móc tưới nhuần mới có thể sống lại. Đúng vậy, Ngài khát khao sống lại, khát khao thật sự ngồi trên ngai Phật cao ngất, bàn việc với các sư trong điện lớn, lắng nghe tiếng nói của muôn dân, dùng sức mạnh của mình, giải nạn trừ lo cho họ.

Mùa hoa nở đã qua,

Ong chó nên râu rĩ.

Duyên yêu nhau đã tận,

Ta cũng chẳng sầu bi.

Nếu duyên phận quả thật đã hết, cũng không cần quá đổi bi thương. Cứ đem ký ức chôn chặt đáy lòng, lúc không người, một mình trầm tư, tưởng tượng từng vui vẻ bên nhau, chỉ là ngắn ngủi đến nỗi giống như một làn hoa nở. Hoa lỡ mất mùa nở rộ, vẫn còn có năm sau, duyên phận Ngài bỏ lỡ, có thể tìm lại được không? Không thể nghĩ ngợi nữa, một người quá đổi chìm đắm trong ngày hôm qua là tự chuốc lấy đau khổ. Nếu đời này Tsangyang Gyatso đều không thể rời cung Potala, thế thì lối thoát duy nhất của Ngài, chính là giải thoát bản thân. Hồng trần và cõi Phật, cách nhau một dãy núi, một dòng sông, Ngài hoặc là tung người nhảy qua, hoặc là ngồi thuyền vượt sông.

Tuy nhiên, Tsangyang Gyatso cuối cùng cũng chịu đựng qua ba năm, gian khổ ba năm, trói buộc ba năm, Ngài phải chăng nên phá kén mà ra? Làm một chú bướm đẹp để tự tại, kiêu ngạo nhẹ nhàng bay lượn giữa trăm khóm hoa. Dầu là một đám mây trôi, không gốc không rễ, ít nhất cũng có thể trời cao biển rộng. Mười tám tuổi, cũng đã chờ đến mười tám tuổi, đây là tuổi Đạt Lai Lạt Ma tự mình chấp chính. Tsangyang Gyatso mười tám tuổi đã từ một thiếu niên anh tuấn trở thành một thanh niên trí tuệ sáng suốt, đọc kinh niệm Phật ba năm khiến Ngài thoát khỏi bản tính hoang dại của thảo nguyên, có học thức thâm thúy.

Nhưng vì sao Sangye Gyatso cứ lần lữa không chịu giao quyền trọng đến tay Ngài? Ngồi trên ngai Phật của cung Potala, dù ngày nào cũng có người rạp mình dưới chân Ngài, nhưng Ngài trước sau như một, không có mảy may quyền lực chấp chính. Ngài vẫn là con cò do Sangye Gyatso sắp xếp, so với lúc trước, càng thêm nhu nhược, càng thêm bó tay hết cách. Chẳng lẽ chính sự rối rắm khiến Sangye Gyatso bận đến nỗi quên mất hay sao? Y làm sao có thể quên cơ chứ? Nhấn nại ba năm, nói quên liền một nét bút sổ toẹt hết thấy như thế hay sao?

Không, Sangye Gyatso không hề quên, nếu y thật sự quên, Tsangyang Gyatso vẫn phải nhốt mình trong phòng đọc kinh niệm Phật, chứ không thể ngồi trên điện lớn, lắng nghe các sư lễ bái. Tất cả những điều này chẳng qua là cảnh giả, vì Sangye Gyatso sẽ ở sau lưng giả vờ cùng Tsangyang Gyatso bàn bạc chính sự; trên thực tế, quyền quyết định vẫn nắm chắc trong tay Sangye Gyatso. Hơn nữa y thường vẫn nhắc đến vấn đề trả lại quyền cho Ngài, chỉ là mỗi lần Tsangyang Gyatso ngẩng đầu mong đợi, cuối cùng đều kết thúc bằng thất vọng.

Tsangyang Gyatso trẻ tuổi không biết nên đòi một lời giải thích với ai. Nhìn Phật cầm hoa mỉm cười^[2], Ngài cũng cười, chỉ là Ngài cười một cách ẩn nhẫn, cười một cách bất lực, cười một cách hoàn toàn không có vẻ ung dung và ôn hòa của nhà Phật. Ngài là vua của cung Potala, chỉ là trên sân khấu không ai hỏi han, một mình đạo diễn một màn kịch buồn vui vô thường.

[2] Cầm hoa mỉm cười (Niêm hoa vi tiếu): là một giai thoại thiên, ghi lại sự kiện Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đưa cánh hoa lên khai thị, tôn giả Ca Diếp mỉm cười. Đây là biểu thị cho pháp môn lấy tâm truyền tâm, một pháp môn siêu ngôn ngữ, siêu văn tự. Trong pháp môn này chỉ có sự giao cảm, rung động giữa hai tâm thức thầy và trò, và hai tâm thức này đã đồng nhất. Đó là cái tâm vi diệu Niết bàn.

Hỏi Phật

Lời thề trong dĩ vãng đều thành mây khói. Câu chuyện của ngày hôm qua cũng đã kết thúc. Tsangyang Gyatso nên hiểu rõ, tươi héo vô ý, hợp tan tùy duyên. Chỉ là khi Ngài đứng trên bờ sông thời gian, ngắm bóng hình của kiếp phù du, vẫn cảm khái muôn vàn.

Trên đời này quả thật có quá nhiều chuyện sơ suất ngẫu nhiên, rất nhiều bỏ lỡ, rất nhiều lướt vai, khiến người dở khóc dở cười. Rất nhiều người thích sắp xếp sẵn hành trình cho mình, ghi chép hết những việc muốn làm vào trang sách của đời người. Nhưng sự đời muôn vàn biến hoá, quá trình có lẽ còn có thể đoán trước, kết cuộc lại luôn nằm ngoài dự liệu. Thế là chúng ta không ngừng thêm bớt sửa đổi tình tiết, không ngừng nhân nhượng cầu toàn, đến cuối cùng, giữa tưởng tượng và thực thể lại khác biệt một trời một vực.

Cung Potala, một tòa cung điện đẹp đẽ trên cao nguyên Tây Tạng, một sân khấu tô vẽ đậm mực của nhân gian. Biết bao linh đồng chuyển thế xóa đi quá khứ, thay đổi tâm tình ở đó. Thế nhưng không phải bạn nghe theo ai, người đó sẽ cho bạn mãn nguyện. Tsangyang Gyatso dùng thời gian ba năm, muốn đổi lấy quyền trọng cho rằng theo lý đương nhiên thuộc về Ngài, cuối cùng cũng chỉ như bọt nước, chớp mắt đã tan. Ví như chúng ta nghĩ đủ mọi cách muốn uống một tách trà, nhưng vì thời gian chờ đợi quá dài, cầm trong tay đã nguội lạnh, uống vào đã không phải là mùi vị ấy nữa. Nhưng như vậy, ít nhất chúng ta vẫn ngửi được hương thơm của trà, còn Tsangyang Gyatso, ngồi trong cung điện sâu thẳm trống trải, chỉ cảm nhận được nỗi quanh quẩn và bất lực vô biên.

Có người nói, Tsangyang Gyatso may mắn. Giờ đây nghĩ lại, Ngài quả thật may mắn hơn Đạt Lai Lạt Ma mấy đời trước đó. Những linh đồng chuyển thế ấy từ nhỏ đã phải tiếp nhận học tập Phật giáo chính quy, họ nào có tuổi thơ vô tư, thời gian lãng mạn. Còn Tsangyang Gyatso, mười lăm năm nay không hề biết thân phận của mình, Ngài trải qua những ngày tháng đơn thuần đẹp đẽ nhất của đời người mà không có bất cứ áp lực và gánh nặng nào. Mười lăm năm dài, dùng vui vẻ của mười lăm năm, đổi lấy năm tháng sau này thân bất do kỷ, cũng là xứng đáng.

Thế nhưng không ai quy định rằng, Tsangyang Gyatso phải hài lòng, phải trả giá vì quá khứ hạnh phúc của mình. Dù Ngài ở cung Potala, khổ tu ba

năm, cũng không thể bù đắp cơ duyên đã từng lỡ mất. Bắt đầu từ khi Đệ Ba Sangye Gyatso dự tính giấu không phát tang đối với cái chết của Đạt Lai thứ 5, Tsangyang Gyatso đã mất đi thời cơ tốt nhất để trở thành Đạt Lai thứ 6. Sangye Gyatso làm sao nữa để nhường lại chính quyền nắm giữ mấy mươi năm cho một đứa trẻ đã buông thả chốn nhân gian mười lăm năm, y thật sự yên tâm sao? Dù hiện tại Tsangyang Gyatso đã có thành quả tu luyện ba năm, đối với Sangye Gyatso, còn xa mới đủ tiêu chuẩn trong lòng y. Tài thao lược kiệt xuất của Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso đã bén rễ sâu vững trong lòng y, những thành tựu phi phàm ấy, Tsangyang Gyatso há có thể thay thế?

Do đó, dù Tsangyang Gyatso mới mất trông chờ, Sangye Gyatso cũng trước sau không giao cây quyền trượng đại diện cho vương giả ấy vào tay Ngài. Tsangyang Gyatso lại chắt vật sống qua hai năm trong chờ đợi và ẩn nhẫn. Hai năm này, Ngài hết sức khiến mình bình tĩnh, hòa nhã đối đãi mỗi một việc, mỗi một người. Hai năm này, Ngài khiến mình triệt để chìm đắm trong Phật pháp mênh mông, dường như muốn quên hết mọi thứ của thời niên thiếu. Không phải là quên, đúng ra là gói ghém lại quá khứ một cách hoàn hảo, cất kín ở một góc không thể dễ dàng chạm đến của nội tâm. Dù vất vả, nhưng Ngài đã làm được, kinh Phật khiến lòng Ngài dần dần bình tĩnh. Ngài tự nhủ rằng, lúc không sức đánh trả, điều duy nhất có thể làm, chính là nhẫn.

Việc đòi quả thật tối sáng khó đoán, buồn vui thất thường, Tsangyang Gyatso hết sức khiến mình bình tĩnh trong chờ đợi, lại vẫn bị một tin tức bất ngờ làm tổn thương cùng cực. Mẹ và hàng xóm từ Monyu xa xôi đến thăm Ngài, mang đến cho Tsangyang Gyatso nỗi kinh ngạc như đã xa cách một đời, đồng thời cũng mang đến một tin tức khiến Ngài đau buồn mãi không thôi. Tin tức này đã đập tan hoàn toàn niềm tin Ngài kiên định không dời mấy năm nay. Từ khi rời khỏi Monyu, Tsangyang Gyatso bị nhốt trong cung Potala, một chiếc lồng mỹ miều, chỉ dựa vào hồi ức đẹp đẽ ngày trước để sống qua ngày. Trong vô số giấc mơ lúc nửa đêm, Ngài đều ảo tưởng mình và ý trung nhân hò hẹn trên bãi cỏ dưới ánh trăng, nói những lời nói dịu dàng, trong mơ, Ngài ngửi mùi hương của nàng, ngắm nụ cười ngọt ngào của nàng.

Lời thề non hẹn biển,

Nàng từng trao cho ta.

Lại giống như nút thắt,

Chưa đựng đã bung ra.

Đò ngang dẫu vô tâm,

Đầu ngựa luôn ngoảnh lại^[1].

Người yêu không tình nghĩa,

Quay lưng chẳng đoái hoài.

[1] Ở Tây Tạng đò ngang đều khắc đầu ngựa gỗ, đầu ngựa ngoảnh nhìn lại phía sau.

Nàng chẳng phải mẹ sinh,

Lớn trên cây đào ấy?

Sao tình yêu của nàng,

Tàn nhanh hơn hoa vậy?

Giấc mơ đó đã bị đánh thức một cách tàn nhẫn, thậm chí còn không cho Ngài bất cứ cơ hội nào để nghỉ lấy hơi. Cô gái Monpa cùng Ngài thề non hẹn biển đã khoác áo cưới làm cô dâu của người khác. Lòng Tsangyang Gyatso triệt để tan nát bởi tin tức này, tình cảm vui vẻ ngày xưa hiện rõ mòn một trước mắt, lời thề đã trao vẫn còn quanh quẩn bên tai, vì sao chớp mắt tất cả

đã ngấm ngấm thay đổi? Chẳng lẽ lời thề thật sự nhẹ nhàng như giấy mỏng?
Chẳng lẽ lòng người dễ dàng thay đổi như thế? Tình yêu Ngài khổ sở si mê
gìn giữ, ở nơi nàng, thật sự nhỏ bé không đáng kể như thế hay sao?

Người yêu ta tha thiết,

Bị kẻ khác cười rồi.

Ta tương tư khổ sở,

Còn da bọc xương thôi.

Có thể dùng thông lọng,

Để bắt được ngựa hoang.

Người thay đổi lòng dạ,

Sức thần khó giữ nàng.

Có lẽ chúng ta nên trách, thế là không công bằng cho cô gái người Monpa kia, Tsangyang Gyatso năm xưa vội vã rời đi, thậm chí không kịp nói cả một lời từ biệt. Sau khi nàng biết tin Ngài là linh đồng chuyển thế, biết họ kiếp này không còn hy vọng gặp nhau, ắt hẳn nàng đã khóc đến đứt từng khúc ruột. Mấy năm nay, họ hoàn toàn không có tin tức của nhau, chỉ có thể giữ thước phim âm áp của quá khứ để chữa lành vết thương. Biết rõ là một sự chờ đợi không có kết cục, nhưng nàng vẫn si dại chờ ở ngã tư đường lúc ly biệt, lừa dối bản thân có lẽ sẽ có kỳ tích xảy ra. Nhưng nỗi si tình của nàng chỉ đổi lại ánh mắt khác thường của mọi người, và những lời nhiếc móc tàn nhẫn của người nhà. Khi nhiều cô gái cùng trang lứa với nàng lần lượt xuất giá, lý do mà nàng đưa ra thật là bạc nhược, yếu ớt.

Tsangyang Gyatso thật sự đã trách lầm nàng, nàng kiên trì đến cuối cùng bằng sự quyết liệt của mình. Dù người dân Monpa thuần phác đôn hậu, nhưng họ cũng không cho phép một cô gái trẻ tuổi si dại chờ đợi vì một lời ước hẹn không kỳ hạn. Bất kể nàng có bao nhiêu tuổi xuân có thể lãng phí, cũng không thể sánh với thời gian bất tận. Nếu Tsangyang Gyatso đặt mình vào hoàn cảnh của nàng mà nghĩ cho nàng, nhất định sẽ hối hận khi bản thân viết ra câu thơ tàn nhẫn như vậy. Nếu nói phụ bạc, là Ngài rời khỏi trước, tuy có nỗi khổ, nhưng rốt cuộc vẫn là Ngài phụ nàng. Từ lúc Ngài vào ở trong cung Potala, có nghĩa tất cả lời thề đều sẽ hóa thành tro bụi, Ngài chẳng có tư cách sở hữu tình yêu, chẳng có tư cách oán trách cô gái vô tội ấy thay lòng gả làm vợ người khác.

Chỉ cần Tsangyang Gyatso nhắm mắt suy nghĩ, thì có thể nhìn thấy tình cảnh thê lương của ý trung nhân, nàng chờ đợi trong tuyệt vọng, cuối cùng không chịu đựng nổi lời chỉ trích của mọi người, rưng rưng nước mắt khoác áo cưới, làm cô dâu của người khác. Suốt đời này, nàng làm sao còn có thể có được hạnh phúc chân chính? Mỗi tình đầu chôn trong đáy lòng, mỗi năm, nỗi nhớ đều theo cỏ xuân lan tràn, linh hồn nàng định sẵn không yên ổn vì Ngài. Nếu nàng đọc được bài thơ của Tsangyang Gyatso, lại sẽ thôn thức rơi lệ ra sao? Có lẽ chúng ta không nên oán trách ai, duyên phận bạc bẽo ấy đã khiến họ đau lòng cùng cực, làm sao nữ chỉ trích làm thương tâm thêm.

Đây phải là lúc Tsangyang Gyatso sa sút nhất, đau khổ nhất. Kiếp sống con rối năm năm, khiến lý tưởng tự mình chấp chính của Ngài tan vỡ, giờ đây lại ném trọn nỗi đau thất tình xé lòng, khiến Ngài nguội lòng nản chí. Vị Phật sống đau khổ tuyệt vọng không thể tĩnh tâm để suy xét mọi việc. Ngài không biết, cục diện chính trị của Tây Tạng lúc đó vẫn đang lung lay trong gió, dã tâm của Lha-bzang Khan^[2] khiến Đệ Ba Sangye Gyatso không dám có mảy may sơ suất. Dù không bị dục vọng quyền lực thúc đẩy, Sangye Gyatso cũng không dám giao chính quyền cho một đứa trẻ tiếp xúc sự đời chưa nhiều, chưa từng tham gia chính sự. Tsangyang Gyatso làm sao hiểu rõ, đấu tranh chính trị khốc liệt vượt xa đấu tranh tình cảm, một trận giết chóc sẽ đem đến tổn thương thâm trầm nhất trần gian, sẽ khiến người dân khốn khổ. Tổn thương tình cảm tuy là địa ngục nhân gian, nhưng cá nhân so với chúng sinh, sẽ tỏ ra quá đỗi nhỏ bé.

[2] Lha-bzang Khan (La Tạng Hãn): cháu của Gushi Khan (Cổ Thủy Hãn), thủ lĩnh của bộ lạc Khoshut (Hòa Thạc Đặc).

Nhà Phật tin vào nhân quả, lẽ nào tất cả cảnh ngộ hôm nay của Tsangyang Gyatso là nhân Ngài đã từng gieo, phải gặt lấy quả? Mấy năm nay, cuộc đời Ngài có biến hóa biến biếc nương dâu, đây lẽ nào chính là đau khổ mà Phật sống phải gánh chịu, cái giá phải trả ra? Nếu phải, Ngài chẳng có lời nào để nói, cứ xem là phúc báo của đời này vậy. Hy vọng trải qua kiếp nạn này, ngày tháng về sau, có thể trời cao biển rộng. Nhưng Ngài vẫn cảm thấy một nỗi tuyệt vọng trước giờ chưa từng có, vì Ngài uống là Phật sống, đừng nói cứu giúp người đời, ngay cả bản thân mình cũng không giải thoát được.

Lời thề trong dĩ vãng đều đã thành mây khói. Câu chuyện của hôm nay cũng đã kết thúc. Tsangyang Gyatso nên hiểu rõ, tươi héo vô ý, hợp tan tùy duyên. Chỉ là khi Ngài đứng trên bờ sông thời gian, ngắm bóng hình của kiếp phù du, vẫn cảm khái muôn vàn. Đời người, thật ra chính là một cuốn sách kinh không chữ, Tsangyang Gyatso đã tu luyện nhiều năm cũng đọc không hiểu, tham không thấu. Trong lúc bất lực, Ngài đành hướng về Đức Phật, đưa ra câu hỏi hoang mang mà tình sâu.

Bến đò

Bất cứ một ai tin vào duyên phận đều sẽ hiểu rõ, tình duyên trên đời này nên hợp thì hợp, nên tan thì tan, khi duyên phận đã hết, một khắc cũng sẽ không lưu lại.

Bất cứ một ai tin vào duyên phận đều sẽ hiểu rõ, tình duyên trên đời này nên hợp thì hợp, nên tan thì tan, khi duyên phận đã hết, một khắc cũng sẽ không lưu lại. Có lúc duyên phận giữa người với người chẳng bằng một ngọn cỏ, cỏ còn có thể trải qua xuân tươi thu héo, còn duyên phận mỏng manh, ngắn ngủi như một giấc mộng đêm xuân. Đúng vậy, tựa hồ có một giấc mộng, sau khi tỉnh mộng, bạn đứng lặng hồi lâu trước cửa sổ trong gió

lạnh, phát giác mình lại trở về buổi ban đầu của sinh mệnh, chẳng còn gì cả.
Nhưng tuy rằng trắng tay, phải chăng vẫn còn trong sạch? Còn tinh khiết?

Nhà thơ Đài Loan Tịch Mộ Dung từng có một bài thơ, “Bến đò”.

Cho em nắm lấy tay chàng,

Giã từ, rồi lại nhẹ nhàng rút tay.

Nhớ nhung bén rễ từ đây,

Lâng lâng như ở trên mây bông bèo.

Núi sông vốn dĩ trang nghiêm,

Vì ly biệt, bỗng trở nên dịu dàng.

Cho em nắm lấy tay chàng,

Giã từ, rồi lại nhẹ nhàng rút tay.

Tháng năm ngưng đọng từ đây,

Trong tim lệ nóng sánh tày sông sâu.

Muôn vàn bắt lặc nhìn nhau,

Bến đò trống trải, tìm đâu hoa cài.

Đem lời chúc phúc tặng ai,

Ngày mai, hai đứa ở hai phương trời...

Bến đò của Tịch Mộ Dung là bến đò của ly biệt, tràn đầy tình cảm nhớ mãi không quên và tâm ý chia tay lưu luyến. Những năm qua, không biết đã cảm động bao nhiêu người si tâm không đổi vì tình yêu. Cũng không biết bắt đầu từ lúc nào, tôi đã thích bến đò, bến đò của đời người, bến đò của năm tháng. Thuyền bè qua lại xuất phát từ nơi này, lại từ phương xa trở về nơi này. Do đó, gặp gỡ cũng là bến đò, ly biệt cũng là bến đò, duyên đến cũng là bến đò, duyên đi vẫn là bến đò. Hai chữ “bến đò” ẩn chứa quá nhiều tình cảm của đời người, tụ hợp ly tan. Bến đò của tôi, có lẽ là thanh đạm, sẽ không có nhiều khách qua đường lai vãng, chỉ ngẫu nhiên có kẻ lênh đênh trôi giạt đi ngang, mây nhạt gió nhẹ.

Tôi nghĩ đến bến đò của Tsangyang Gyatso, cũng là ly biệt. Khi Ngài được biết ý trung nhân làm vợ người khác, trái tim vốn đã tan tác tả tơi của Ngài càng bị nghiền nát thành tro bụi. Thật ra năm xưa Ngài bị đưa vào cung Potala có nghĩa là duyên phận của họ đã triệt để kết thúc, có nghĩa giữa họ từ đó định sẵn mỗi người một phương. Ngày thu ấy là bến đò ly biệt của đời người, một người vì nợ cũ của kiếp trước đi xa đến chân trời, một người vì ước hẹn không có kết cuộc chờ đợi hư vô. Tsangyang Gyatso là vua của cung Potala, là một vị vua không có vương hậu. Tình yêu trong tòa cung đẹp đẽ này đã trở thành một truyền thuyết xa xưa. Songtsän Gampo và công chúa Văn Thành từng có một tình yêu, nhưng sau khi Đạt Lai thứ 5 xây lại cung Potala, nơi này đã trở thành đạo tràng bồ đề không trai gái yêu đương, rời xa mộng tưởng điên đảo.

Đối với Tsangyang Gyatso, tất cả những điều này thật sự là quá trề tràng. Người ta nói tình yêu là thuốc độc, Ngài đã trúng độc quá nặng. Nếu trước giờ chưa từng có bắt đầu, nếu khi chưa tỏ việc đời Ngài đã bị đem vào cung Potala dốc lòng học tập kinh văn, có lẽ Ngài sẽ là một vị Lạt Ma không hiểu tình yêu, không có dục vọng. Trong ấn tượng của chúng ta, luôn cảm thấy Phật là vô tình, vì Người không thể có tình, không thể rơi lệ. Nhưng nếu Phật thật sự vô tình, sao lại đem lòng thương xót độ hóa chúng sinh? Nhà Phật có quá nhiều thanh quy giới luật, lẽ nào tuân thủ thanh quy, quy ẩn núi sâu rừng thẳm, không hỏi mọi việc trên đời, chính là đắc đạo, chính là từ bi hay sao? Còn một nhà sư lưu luyến tình ái, ăn thịt uống rượu, truyền dương Phật pháp ở chốn sâu hồng trần, lại trở thành tội ác hay sao?

Việc khiến nhiều người nghi hoặc trên thế gian này quá nhiều, chúng ta không thể khắc chế dục vọng của mình, vậy thì vì sao phải oán trách tham sân si luyến của kẻ khác? Lẽ nào Phật thì phải triệt để vô tư, Phật thì phải sống vì đông đảo chúng sinh? Nếu như Tsangyang Gyatso không phải là linh đồng chuyển thế, cuộc đời của Ngài sẽ là một cảnh tượng khác, trong không gian nhỏ hẹp thuộc về Ngài, bình dị yên ổn, không tiếng không tăm. Chẳng có nếu như, Ngài đã ngồi trên ngai Phật chói vót của cung Potala, thì phải trả giá vì vinh dự chí tôn. Ngài đã bị quấy nhiễu, bị thế tục quấy nhiễu, bị tình cảm quấy nhiễu, do đó Ngài không vui vẻ, do đó viết nên câu thơ bất lực đường này.

Một là đừng gặp gỡ,

để khỏi quyến luyến nhau.

Hai là đừng quen biết,

để khỏi tương tư nhiều^[1].

[1] Đào Bạch Liên dịch

Nếu thế giới này chẳng ai quen biết ai, có lẽ sẽ thật sự yên tĩnh không một tiếng động. Nhưng im lìm như vậy còn được xem là nhân gian khói lửa hay sao? Tsangyang Gyatso nói không gặp nhau, không biết nhau, nhưng bất cứ một ai tồn tại chốn phàm trần đều không thể nào chẳng gặp nhau, chẳng nợ nhau. Nhớ lại câu thơ của Nạp Lan Dung Nhược^[2]: “*Nhân gian nhược chích như sơ kiến (Đời người nếu chỉ như gặp gỡ lần đầu)*”. Mỗi người đều mong mỗi cuộc gặp gỡ giữa người và người thưở ban đầu đều đẹp đẽ như thế, thuần nhất như thế. Không có tổn thương, không có bụi bặm, không có tình yêu sâu đậm, cũng không có oán hận thấu xương. Thử hỏi, đời người như vậy, còn có mùi vị gì?

[2] Nạp Lan Tĩnh Đức, tự Dung Nhược (1655-1685), là một nhà thơ người Mãn Châu đời nhà

Thanh, tài hoa nhưng yếu mệnh, được tôn là “Người viết từ hay nhất đầu đời Thanh”. Ông để lại nhiều tác phẩm thâm trầm nỗi sâu bi, lụy khổ.

Đã lạc vào phàm trần, thì nên tuân thủ quy tắc của phàm trần, không sợ sống chết, dám yêu dám hận. Dù bị khói lửa cay xè đến nước mắt đầm đìa, cũng phải thúc ngựa vùng roi, nhảy sóng chèo thuyền, dốc toàn lực sống mái một trận, không chừa đường lui. Tuy nói là thế, khi bạn bị gió mưa đao kiếm đả thương đến ngàn trăm lỗ thủng, ai là người trị thương cho bạn? Có mấy ai là dũng sĩ chân chính, đứng đầu sóng ngọn gió, đợi phán xét của vận mệnh, chờ thời gian đến chia cắt. Không ai thật sự nguyện ý nhìn thấy người dân khốn khổ, máu thịt bầy nhầy, lòng của nhiều người đều hướng đến hòa bình, hướng đến yên ổn. Cho nên mới theo đuổi sự lãng mạn và nhu tình, mới yêu thích thơ của Tsangyang Gyatso, mới tha thứ tội lỗi mà Ngài, thân là Phật vẫn lưu luyến tình ái nhân gian, phạm phải.

Có người nói, Tsangyang Gyatso thật sự là cố giữ sai lầm không chịu tỉnh ngộ. Thời gian tròn năm năm, ra sức học tập kinh văn, tham ngộ Phật pháp, lại vẫn không tránh khỏi trận tình kiếp to lớn này. Thơ của Ngài khiến mọi người chứng thực thân phận tình tăng của Ngài, trong cả quá trình tu Phật, Ngài trước sau không quên người đẹp phần hồng. Cũng có người nói, đây mới là Tsangyang Gyatso chân chính, một người chí tình chí tính, người thâm nhập hồng trần, mới có thể tu luyện thành Phật. Phật không phải là hư vô, Phật cũng là hóa thân của con người, vì tham thấu mọi việc trên đời, mới đứng ngoài cuộc, nhàn tản trên mây. Có lẽ trong quá trình tu hành, Tsangyang Gyatso nhất thiết phải trải qua tình kiếp mới có thể thành Phật, một vị Phật trong thế giới Sa-bà^[3], độ hóa chúng sinh.

[3] Thế giới Sa-bà (Ta-bà, Samsara): Theo kinh điển Phật giáo, các loài chúng sinh hữu tình hiện sinh luân hồi trong thế giới Sa-bà hay còn gọi là Tam Giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Chúng ta rất muốn biết, sau khi thất tình, Tsangyang Gyatso rốt cuộc sẽ lựa chọn lại một phương thức sống ra sao. Phải chăng Ngài sẽ bước ra khỏi vũng bùn tình cảm, đoạt lại quyền trượng từ tay Đề Ba Sangye Gyatso, dùng địa vị thủ lĩnh chính giáo Tây Tạng của Ngài, bắt đầu thật sự nắm giữ quyền lực chính giáo? Hay là từ đó an phận thủ thường nghe lệnh Như Lai, tịnh tâm tham thiền trong cung Potala? Hiển nhiên tất cả những điều này đều không phải, tính tình của Ngài đã định sẵn cuộc đời nay mai của Ngài. Cũng

giống như một vở kịch, lúc bắt đầu, chúng ta đã có thể đoán trước kết cuộc. Dù là như thế, chẳng mấy ai có thể bình tâm tĩnh khí quan sát cả quá trình, tâm tình chúng ta vẫn thấp thỏm theo từng tình tiết.

Thật ra cục diện chính trị Tây Tạng lúc đó một bầu hỗn loạn, mà Tsangyang Gyatso lại chìm đắm trong cảm xúc bi thương cá nhân không thể tự thoát ra. Tsangyang Gyatso không hề để tâm quyền thế, thậm chí không để tâm địa vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 của Ngài. Thế nhưng điều đó không có nghĩa là Ngài chẳng có mảy may công hiến và giáo hóa đối với chúng sinh, chỉ là phương thức Ngài lựa chọn khác hẳn. Ngài dùng tình cảm chân thành và từ bi khiến người đời cảm nhận được, Phật pháp không phải là cao không với tới, thiền không chỉ là vi siêu độ bản thân, tu luyện kiếp sau. Kiếp này lòng của chúng ta đã đầy đủ nông nổi, cần thơ ca tràn đầy linh tính và nhu tình của Ngài để tịnh hóa, chỉ có kiếp này đạt được giải thoát, mới sẽ có luân hồi kiếp sau.

Ngài rút cuộc vẫn là Tsangyang Gyatso, dục vọng quyền lực và tình yêu, Ngài chọn lựa điều sau. Đối với người hướng đến thế giới tinh thần, tình yêu là thứ cực kỳ xa xỉ, người thật sự có thể sở hữu nó không nhiều, càng huống chi là một vị Phật sống không thể tiêm nhiễm tình cảm nhân gian. Biết rõ như thế, Ngài vẫn cô độc ngạo nghễ đi tiếp, xem như không có mục đích, tùy tiện bay bổng, nhưng trong lòng Ngài biết rõ mình rút cuộc muốn điều gì. Cho dù thế giới của Ngài là gió sương mưa tuyết, những người si mê thơ tình của Ngài như chúng ta, lại có lý do gì chọn lựa nửa đường từ bỏ?

Quyển ba: Vì nàng tiều tụy muốn thành bụi

Phong tình

Có lúc thay vì tỉnh táo, nhiều người lại mong ước có thể sống mơ màng như kẻ trong mộng. Đó là vì đời người có quá nhiều gánh nặng, khi chúng ta không thể trốn tránh, thì đôi khi cũng cần buông thả.

Có lẽ chúng ta đều biết, chỉ cần sinh mệnh không đứt đoạn, câu chuyện đời người sẽ vẫn tiếp tục. Một câu chuyện kết thúc, đồng nghĩa một câu chuyện khác bắt đầu. Biết bao duyên phận đến đến đi đi, chúng ta sẽ có được những gì? Mất đi những gì? Nếu tất cả tình cảm mãnh liệt của một người đều hao mòn hết, phải chăng thế giới của anh ta từ đó sẽ yên lặng vắng vẻ?

Có người nói, nếu bạn thật sự đã chán ngán thành phố xô bồ, hãy chọn cách một mình đi xa đến chân trời. Đến trấn nhỏ Ô Trấn^[1] mộc mạc yên tĩnh, đến thành cổ Lệ Giang^[2] u nhã mà lại phong tình, hoặc đến Tây Tạng, cao nguyên cách bầu trời rất gần, có thể tiện tay hái lấy mây trắng. Nhưng những nơi ấy thật sự là yên tĩnh ư? Sẽ không xảy ra chuyện gì sao? Trong phim *Dòng chảy thời gian*^[3], cô Anh đến Ô Trấn một lần, liền nảy sinh một mối tình ghi lòng tạc dạ với cậu Văn người Ô Trấn, khó mà thoát ra. *Dưới ánh mặt trời*^[4] trên Kim Đỉnh núi tuyết Ngọc Long^[5] ở Lệ Giang, có một đôi nam nữ dùng mạng sống khắc họa tình yêu ở đây. Còn Tây Tạng từng có một vị tăng như Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso, mảnh đất này, dù từng hoang vu ra sao, về sau đều sẽ nở đầy hoa tình.

[1] Ô Trấn: thị trấn cổ nằm ở phía bắc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

[2] Lệ Giang: đô thành cổ nằm ở tây bắc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, là nơi sinh sống của các dân tộc Bạch, Nạp Tây và Tạng. Thành cổ Lệ Giang (bao gồm Đại Nghiên, Thúc Hà và Bạch Sa) đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1997.

[3] Dòng chảy thời gian: phim truyền hình Trung Quốc, tên gốc “Tự thủy niên hoa”, các diễn viên Huỳnh Lỗi (vai Văn) và Lưu Nhược Anh (vai Anh), một phần ngoại cảnh được quay ở Ô Trấn.

[4] Dưới ánh mặt trời: phim truyền hình Trung Quốc, tên gốc “Nhất mễ dương quang”, các diễn viên Hà Nhuận Đông, Tôn Lệ, một phần ngoại cảnh được quay ở Lệ Giang.

[5] Núi tuyết Ngọc Long: một dãy núi gần Lệ Giang, tỉnh Vân Nam, Trung quốc, có tất cả mười hai đỉnh núi cao trên 5.000m quanh năm tuyết phủ, đỉnh cao nhất là Phiến Tử Đầu cao 5.596m.

Ở khu phố cổ của Lhasa, có một con đường đi kora là phố Barkhor^[6]. Người đến đây nhất định sẽ không quên ghé vào một nơi. Kiến trúc của phố Barkhor đa số đều là màu trắng, riêng góc đông nam của phố Barkhor có một tòa lầu nhỏ hai tầng sơn toàn sắc liệu màu vàng, đây chính là quán rượu Makye Ame^[7] nổi tiếng, cung điện bí mật của Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 Tsangyang Gyatso năm xưa. “Makye Ame” là một truyền thuyết đẹp lưu truyền ở Tây Tạng, có ý nghĩa là “người mẹ thánh khiết, thiếu nữ thuần khiết”, hoặc có thể mở rộng là “giấc mơ đẹp đẽ”. Tsangyang Gyatso từng là một anh chàng đẹp trai phong lưu hào phóng ở quán rượu nhỏ này, Dangsang Wangpo. Sự xuất hiện của Ngài sẽ khiến tất cả ánh mắt trong quán Makye Ame đều ngưng đọng.

[6] Phố Barkhor: hay phố Bát Giác, là con đường đi kora xung quanh chùa Jokhang (Đại Chiêu Tự), Lhasa.

[7] Mã Cát A Mễ.

Mặt trăng sáng vàng vạc,

Trên đỉnh núi phía đông.

Khuôn mặt nàng rạng rỡ,

Hiện lên nơi đáy lòng

Bao nhiêu năm đã trôi qua, bài thơ Tsangyang Gyatso viết cho Makye Ame vẫn lưu truyền đến nay. Ngài chân thực bày tỏ tâm ý tốt đẹp của trai gái hồng trần, quán rượu Makye Ame, vì Tsangyang Gyatso, đã cất chứa phong tình mà nơi khác không có. Biết bao khách qua đường đi ngang chốn này, trong quán rượu tràn trề vẻ dịu dàng, nhắm nháp một ly rượu ngon, lưu lại chút ít cõi lòng. Tên tuổi xa lạ, mặt mũi xa lạ, không ai quen biết ai, nhưng họ thật sự đã gặp nhau. Ở cùng một nơi, nghĩ đến cùng một người, một người đã rời xa ba trăm năm, hồn phách của Ngài phải chăng sẽ vào lúc đèn hoa vừa thấp sáng trôi dạt đến chốn này? Ở đây, cùng một cô gái trẻ tuổi thời nay, kết một đoạn duyên phận mỏng manh, chỉ một đêm say thôi, tới khi trời sáng lại ai đi đường nầy.

Tsangyang Gyatso bị cung Potala giam cầm đã năm năm, đã trải qua đau khổ thất tình, đã chịu đựng kiếp sống con rối, trái tim của Ngài bắt đầu rạo rực, như cỏ xanh lan tràn ngoài cửa sổ, như làn gió ấm áp thảng thốt. Chẳng biết là thử thách của Phật tổ đối với Ngài, hay là trong số mệnh Ngài định sẵn sẽ có một giấc mơ đẹp để, hoặc là vì nguyên nhân nào khác. Tsangyang Gyatso vào một ngày vô ý, phát hiện trong chiếc lồng son đẹp để này hóa ra có một cửa ngách nhỏ không người qua lại, không người canh giữ, điều này có nghĩa là Ngài có thể từ trong cửa ngách lên ra ngoài, thông qua con đường này đến thành cổ Lhasa.

Con đường này đem đến cho gian phòng đóng kín một làn ánh sáng ấm áp, cũng tiếp dòng máu mới cho trái tim sắp sửa lạnh ngắt của Tsangyang Gyatso. Ngài vứt bỏ năm năm khép mình vào khuôn phép, không nhu nhược nữa, Ngài phải nhân lúc nửa đêm không người từ cửa ngách đi ra ngoài, đến thành Lhasa tươi đẹp, sống hết mình một lần vì bản thân. Nơi náo nhiệt nhất ban đêm, chính là một quán rượu nhỏ trên phố Barkhor. Tsangyang Gyatso bước ra cửa ngách, thay trang phục hoa lệ, đội mái tóc giả đẹp để, trong nháy mắt Ngài lách mình biến thành một chàng trai anh tuấn tiêu sái. Ngài tự đặt một cái tên, gọi là Dangsang Wangpo^[8]. Ngài phải đến một quán rượu đèn đuốc huy hoàng, dự một buổi yến tiệc thịnh soạn của tuổi thanh xuân, tạm biệt thân phận Phật sống, Ngài sẽ là tình lang đẹp nhất thành Lhasa.

[8] Đăng Tang Ưông Ba

Khi ở trong cung Potala,

Là Phật sống Tsangyang Gyatso,

Mua say trên đường phố Lhasa,

Là lãg tử Dangsang Wangpo.

Trên đường phố của thành Lhasa, Tsangyang Gyatso tuần tú tình cờ gặp một đám hát rong trẻ tuổi, họ đều có tuổi xuân phơi phới, tụ tập một chỗ uống rượu ca hát, cười đùa vui chơi. Trước đây Tsangyang Gyatso chỉ ở địa phương nhỏ Monyu uống rượu ca hát với người trong họ, chưa từng được chiêm ngưỡng vẻ phồn hoa của đô thị này. Ngài đã sớm chán ghét cuộc sống khô khan đơn điệu như kẻ tù tội suốt năm năm, một đêm mua say khiến Ngài thật sự nếm được mùi vị tốt đẹp của tuổi hoa gấm vóc. Tsangyang Gyatso cảm thấy cuộc sống như vậy mới là đăi ngộ một thanh niên tiêu sái hai mươi tuổi nên hưởng thụ. So ra, mỗi ngày ngồi trên ngai Phật của cung Potala, được mọi người cung kính lễ bái, thật là chẳng chút thú vị.

Lẽ nào người trên đời đều là như thế, những thứ mình có được, đều cảm thấy không hoàn mỹ. Những thứ không có, lại cứ nghĩ đủ mọi cách khát khao đạt được. Con người vì có theo đuổi, có tưởng nhớ, mới vĩnh viễn không có thỏa mãn. Những thanh niên lang thang đầu đường xó chợ của Lhasa kia, lại rất mực hâm mộ Tsangyang Gyatso tuổi tác tương đương với họ. Hâm mộ Ngài sinh ra đã có danh hiệu Phật sống cao quý, không cần phiêu bạt chốn nhân gian khói lửa, không cần thân phục dưới chân bất cứ người nào. Nhưng lại không biết, tất cả những điều đó là khổ nạn ông trời áp đặt cho Ngài, Ngài chỉ muốn cuộc sống bình thường, tự do không gò bó, có thể giống tất cả trai trẻ, ban ngày làm việc, ban đêm uống rượu vui chơi hết mình ở quán rượu.

Có lúc thay vì tỉnh táo, nhiều người lại mong ước có thể sống mơ màng như kẻ trong mộng. Đó là vì đời người có quá nhiều gánh nặng, khi chúng ta không thể trốn tránh, thì đôi khi cũng cần buông thả. Tsangyang Gyatso năm mười lăm tuổi, mơ hồ vì kiếp trước chưa biết của mình, làm Đạt Lai Lạt Ma

thứ 6, gánh vác trách nhiệm. Vì đến quá gấp gáp, lại thêm cuộc sống tựa chim lồng năm năm, Ngài càng khao khát cơn say hơn bất cứ ai. Do đó khi Tsangyang Gyatso có cơ hội rời cung Potala, đi trên đường phố Lhasa, người tiêu sái nhất, phong lưu nhất, phóng túng nhất, triệt để nhất, chẳng ai ngoài Ngài.

Chỉ một đêm vui mặc sức đã khiến Tsangyang Gyatso cảm thấy hưng phấn và vui vẻ trước giờ chưa từng có. Trước khi trời sáng, Ngài đứng giờ về đến bên cửa ngách dưới chân Hồng Sơn, dùng chìa khóa mà tự mình lắp để mở cửa, đi vào cung Potala như chẳng có việc gì xảy ra. Trở về tẩm cung của mình, nhanh chóng gỡ tóc giả trên đầu xuống, thay áo sư màu đỏ, đứng trước gương, Ngài lại đã trở thành Đạt Lai thứ 6, vị vua lớn nhất của cung Potala. Lần đầu tiên, Ngài đứng trước gương nở một nụ cười hài lòng ngọt ngào với chính mình. Dù trên mặt vẫn còn tràn trề ý say chưa tỉnh, nhưng Ngài hiểu rõ một cách tỉnh táo, cuối cùng cũng đã triệt để sống một lần vì bản thân.

Thế nhưng rượu ở đầu phố Lhasa tựa như một ly thuốc độc, ném một lần sẽ ghiền. Người của Tsangyang Gyatso đã trở về cung Potala, lòng của Ngài vẫn lưu lại ở quán rượu nhỏ trên phố Barkhor, không quên được khói lửa nhân gian mù mịt nơi đó, không quên được tiếng cười nói vui vẻ trên đường phố. Năm năm rồi, đây là lần đầu tiên Ngài đi ra cung Potala, hơn nữa là vào ban đêm, một mình khẽ khàng lên ra ngoài. Chuyển vị hành của Ngài thật là kích thích, thật chẳng dễ dàng, điều đó khiến Ngài càng thêm lưu luyến và hướng đến thế giới bên ngoài. Trái tim được buông thả một lần giống như chim ưng bay lượn cuồn cuộn, bay thật cao, thật xa, muốn thu về, đã là không thể.

Ban ngày, Tsangyang Gyatso ngồi nghiêm trang trên ngai Phật chí tôn, nghe Thượng Sư nghiêm cẩn trước mặt thảo luận việc cúng tế, tiếp nhận lễ bái của họ. Đệ Ba Sangye Gyatso trước sau một mực nghiêm khắc với Ngài, nhưng đã không còn quan trọng nữa, Tsangyang Gyatso không để tâm. Ngài đã không quý báu gì vị trí Phật sống này, không quý báu gì cây quyền trượng không có được kia, cũng không muốn quan tâm cục diện chính trị rối rắm của Tây Tạng. Cũng không muốn vì chúng sinh, đọc những kinh văn đã sớm vô vị, nghe tiếng niệm Phật đơn điệu. Một chút lưu niệm cuối cùng còn lại của cung Potala đối với Ngài, cũng bị khói lửa của phố Barkhor phủ kín.

Không kịp nữa rồi, trái tim buông thả ấy đã bay quá xa. Người đa tình xưa nay đều quyết liệt, Ngài có thể không cúi cái đầu cao ngạo vì danh lợi, nhưng sẽ khom người cúi đầu vì một phút tự do. Chúng ta nên biết, Tsangyang Gyatso sẽ không an phận thủ thường sống trong cung Potala nữa, Ngài nhất định sẽ lại chuốc say trong quán rượu nhỏ trên phố Barkhor. Đợi đến khi màn đêm buông xuống, lúc những người đi kora đã rời khỏi, quạ sẽ im tiếng, cả cung điện trầm lắng ngủ say, Ngài sẽ thay trang phục hoa lệ, đội tóc giả, lại làm chàng trai anh tuấn tên Dangsang Wangpo. Mà đa tình như Ngài, lại chỉ cùng những kẻ đàn hát kia uống rượu vui tràn hay sao? Trong quán rượu đèn đuốc lò mờ kia, nhất định sẽ có một ả dạ oanh xinh đẹp chờ đợi Ngài, nhưng lần gặp gỡ tình cờ đó sẽ đem đến cho Ngài một trận tình kiếp ra sao?

Nếu để Tsangyang Gyatso dùng thân phận Phật sống và tu hành năm năm đổi lấy một cuộc tình, Ngài sẽ chẳng chút do dự rời khỏi cung Potala. Dù lang thang trên đường phố Lhasa, làm một lãng tử, Ngài cũng cam tâm tình nguyện. Tiếp nhận phiêu bạt, là vì e sợ trái tim bị giam cầm, dù lênh đènh trôi dạt là chốn về, Ngài cũng cố chấp không hối hận.

Khói lửa

Tình cảm tựa nước vỡ bờ, ào ạt chảy xiết, đối với Tsangyang Gyatso, giờ đây Ngài sống trong cung Potala là Phật sống đã mất đi hồn phách, còn Dangsang Wangpo tiêu dao ở quán rượu nhỏ trên phố Barkhor mới chân thực là mình.

Gặp gỡ trong năm tháng thanh xuân chẳng cần bất cứ ước hẹn nào, ngẫu nhiên đi lướt qua nhau, lơ đãng ngoái nhìn một thoáng đều có thể kết nên một đoạn duyên phận. Chúng ta đều từng có những năm tháng vô cùng tươi đẹp, vì người mình yêu dốc hết tất cả tình cảm mãnh liệt, thao thao thề thốt trước núi cao sông sâu. Tự cho rằng là giống đa tình, sau khi trải qua quá trình quán quýt, bắt đầu cảm thấy chán ngán, khi đó, nhận ra thề non hẹn

biển lúc trước chỉ là một trò chơi của tuổi trẻ. Sống trên đời này, chúng ta phải tuân thủ quy tắc, quy tắc nhân sinh, quy tắc tình yêu, bèo nước gặp nhau định sẵn sẽ là khách qua đường, khi duyên hết chớ nên khổ sở cưỡng cầu.

Sau này cuối cùng tôi đã hiểu vì sao Tsangyang Gyatso không giữ thanh quy giới luật, lưu lạc nơi đầu đường xó chợ của thành cổ Lhasa. Vì là một chàng trai hai mươi tuổi, nội tâm Ngài tuôn chảy dòng máu sôi sục, buộc Ngài an phận ngồi trên ngai Phật chí cao vô thượng không động lòng phàm, vinh dự áp đặt ấy là một sự tàn nhẫn.

Tsangyang Gyatso là Phật sống, nhưng Ngài cũng là một người có máu có thịt. Một ngày kia Ngài cũng sẽ già cỗi rồi chết đi, chúng ta sẽ nhìn thấy một vị Phật sống độ hóa chúng sinh, một sinh mệnh tươi tắn, chỉ còn lại một bộ hài cốt yên tĩnh. Dù linh hồn Ngài không chết, có thể chuyển thế, nhưng đó đã là kiếp sau, kiếp này tất cả đều sẽ chấm dứt cùng với kết thúc của sinh mệnh. Nhiều người cho rằng Tsangyang Gyatso lựa chọn tình yêu, là vì Ngài không hiểu thấu Phật pháp cao thâm, là vì Ngài vẫn chưa nhìn thấu bản chất đời người. Còn tôi lại không nghĩ thế, Tsangyang Gyatso mà tôi cảm nhận, phải hiểu rõ đời người ngắn ngủi, mọi nhường nhịn và trốn tránh đều là phụ bạc bản thân. Ngài tin nhân quả, tin kiếp sau, càng tin kiếp này là duy nhất của mình.

Nhiệt tình tích tụ nơi đáy lòng Tsangyang Gyatso một khi được thắp sáng, phải rừng rực bùng cháy, bùng thả hết mình. Khi Tsangyang Gyatso từ cửa ngách cung Potala bước ra đường phố Lhasa vào đêm đó, có nghĩa cánh cửa tình cảm của Ngài lại bị đẩy ra. Một sinh mệnh bị giam cầm năm năm, có được một lần cơ hội sẽ không còn nhân nhượng cầu toàn sống qua ngày nữa. Tình cảm tựa nước vỡ bờ, ào ạt chảy xiết, đối với Tsangyang Gyatso, giờ đây Ngài sống trong cung Potala là Phật sống đã mất đi hồn phách, còn Dangsang Wangpo tiêu dao ở quán rượu nhỏ trên phố Barkhor mới chân thực là chính mình.

Quán rượu nhỏ về đêm, đèn đuốc rực rỡ mê ly, nhiều trai gái trẻ tuổi trong thành Lhasa không hẹn mà đến, ở đây uống rượu vui đùa, ca hát nhảy múa, chỉ để phô diễn đến cùng tuổi xuân nóng bỏng. Tựa hồ chỉ có họ có thể tùy ý làm càn, có thể say khướt trong ánh trăng trong suốt, chẳng chút bận tâm.

Đây là một cuộc hẹn ước vô tình, đêm đến tụ tập, trời sáng giải tán, chẳng ai hỏi ai đến từ nơi nào, và sẽ trở về nơi nào. Gặp nhau hôm nay hoặc là gặp lại ngày mai, cũng có thể là chia tay vĩnh viễn. Nhưng những điều này đều không quan trọng, điều họ cần là hiện tại, là sở hữu đương nhiên, là đoạn tuyệt đột ngột.

Dangsang Wangpo chắc chắn là chàng trai phóng khoáng nhất, phong lưu nhất trong quán rượu, khuôn mặt tuần tú, ánh mắt tựa sóng nước mùa thu và khí độ xuất sắc của chàng, khiến những cô gái xinh đẹp ở đó tim đập thành thịch. Nhưng ở đây cũng có một cô gái người Qonggyai dung mạo siêu phàm như tiên nữ tên là Dawa Dolma^[1], nụ cười ngọt ngào, giọng hát du dương của nàng khiến nàng đương nhiên là phượng hoàng mỹ lệ nhất trong đám người rộn ràng nhộn nhịp. Một đôi người ngọc như vậy, chỉ một thoáng ánh mắt nhìn nhau, đã có giao kết tâm linh.

[1] Đạt Oa Trác Mã

Nàng mỉm cười tươi tắn,

Nhìn khách khứa đang ngồi.

Con người đẹp xoay chuyển,

Lại dăm dăm nhìn tôi.

Giữa đám đông Lhasa,

Người Qonggyai nổi bật.

Ý trung nhân của ta,

Chính là người đẹp nhất.

Tsangyang Gyatso thông tuệ tất nhiên hiểu rõ, cô gái người Qonggyai Dawa Dolma sẽ là kiếp nạn trong số mệnh của Ngài. Có lẽ do rượu trong quán quá đỗi khiến người mê say, cũng có thể nụ cười dịu dàng, sóng mắt khêu gợi của giai nhân quá đỗi khiến người si luyến, bất kể là phúc hay họa, Ngài đều phải để mình chìm đắm. Tsangyang Gyatso biết rằng, Ngài cần nàng, cần tình yêu thương vỗ về êm ái của nàng, ngửi hơi thở thơm tho của nàng, để từ từ san bằng vết thương trong lòng Ngài. Một mối tình rời xa, cần một mối tình khác bù đắp, dù là Phật sống cũng không cam chịu tịch mịch, cũng không ngăn cản nỗi cảm dỗ ôn nhu.

Nhờ bà chủ quán rượu nhỏ ân cần mai mối, họ đã đêm đêm gặp nhau, bên nhau như thế, quán quít bịn rịn, không nỡ chia lìa. Người đẹp Qonggyai đã cho Tsangyang Gyatso nhu tình và hoan lạc trước giờ chưa từng có, đó là một niềm cực lạc nhân sinh được giấu kín. Ngài nghĩ, dù ở cõi Phật, tu luyện đến cảnh giới cao nhất, cũng chẳng qua đến thế mà thôi. Đến nay cũng không ai có thể nói rõ, khoái lạc thể xác và khoái lạc tinh thần, loại nào khiến con người càng hồn xiêu phách lạc. Có lẽ chỉ đích thân cảm nhận mới nói ra được loại khoái lạc nào thích hợp với mình. Tsangyang Gyatso cảm thấy bản thân cách cõi Phật ngày càng xa, Ngài lúc này, chỉ nguyện ý là Dangsang Wangpo sa vào phàm trần, hưởng thụ khoái lạc tốt cùng của tình yêu.

Gặp nhau không dễ, tuy rằng khi màn đêm buông xuống, đợi cung Potala ngủ say Tsangyang Gyatso liền có thể xuống núi gặp gỡ Dawa Dolma. Nhưng chờ đợi luôn dài đằng đẳng, dùng chờ đợi mòn mỏi ban ngày để đổi lại giai nhân một đêm, Tsangyang Gyatso vẫn cảm thấy chưa đủ thỏa ý. Tình yêu đến lúc nồng nàn, phân ly khoảnh khắc đều là dày vò. Huống chi trong lòng Tsangyang Gyatso vẫn luôn lo lắng, chỉ sợ một ngày nào đó, hành tung của mình bại lộ, lúc ấy lời thề Ngài đã hứa với người đẹp Qonggyai trên giường êm đềm ấm liệm còn có thể là vĩnh hằng? Không lo nỗi nhiều như thế, mỗi một đêm, họ đều hận đêm xuân ngắn ngủi, gà sớm gáy sáng.

Gà trống đừng gáy sớm,

Vì ta và người yêu,

Lời trong lòng muốn nói,

Vẫn còn rất nhiều điều.

Chụp mũi lên trên đầu,

Bím tóc hất ra sau.

Người nói ngồi chơi nhé,

Người dặn chó đi mau.

Người tham lòng khó chịu,

Người hẹn sớm gặp nhau.

Đây chính là tình yêu, chỉ có người lún sâu trong tình yêu, khi bên nhau mới cảm thấy thời gian không nhiều, không đủ. Khi xa nhau, lại sẽ oán trách thời gian trôi quá chậm, đợi đến bao giờ mới có thể gặp lại lần nữa. Chỉ một cơn gió nhẹ hay một ngọn cỏ lay đều sẽ kinh động đến giấc mơ của họ. Điều họ mỗi ngày mong mỏi, là đêm tối mau đến, là chú gà trống lúc sớm mai kia, phải chẳng có thể quên gáy, như vậy họ sẽ giả vờ bình minh chưa đến, giả vờ đêm còn tối.

Vì sao đời người hợp hợp tan tan liên tiếp như vậy? Người đẹp Qonggyai Dawa Dolma không biết, sau khi trời sáng, vị tình lang đối với nàng rất điệu dàng này đi về chốn nào. Nàng cũng không biết, trong cung Potala trang nghiêm hoa lệ, có một cửa ngách nhỏ bí mật, dẫn đến tấm điện của Phật sống. Còn chàng Dangsang Wangpo anh tuấn là vị vua đến từ cung Potala, là Phật sống chí cao vô thượng. Nàng phải rạp mình dưới chân Ngài, vì tình yêu kiếp này cầu xin nguyện vọng vĩnh cửu. Con người chỉ có tự cứu mình rồi mới có thể cứu người, Tsangyang Gyatso vương sâu vào lưới tình, không

thể giải thoát bản thân thì làm sao có thể giải thoát chúng sinh? Tình cảm là nút thắt sâu nhất trong lòng, trăm quanh ngàn quẩn, phải chăng ném hết yêu hận, mới có thể hờ hững đứng dung một chút?

Tsangyang Gyatso mỗi ngày đều diễn cùng một vở kịch, ban ngày Ngài là Phật sống của cung Potala, dạo bước trên mây, nhìn xuống chúng sinh. Ban đêm Ngài là lãng tử của đường phố Lhasa, rơi vào bụi trần, ném thử khói lửa. Ngài không ngại phiền phức hóa trang hai nhân vật, nhiều lần thay đổi trang phục, liên tục đội cỏi tóc giả, đi về trên con đường núi giữa cung Phật và thế tục. Tất cả những điều này, Ngài làm không chút sơ hở, kẻ biết sự tình chỉ có con chó vàng già nua trung thành.

Chó vàng lông rậm rạp,

Lòng sáng láng vô cùng.

Chớ nói ta đi vắng,

Trời sáng mới về cung.

Con chó trung thành, trước khi bình minh đến sẽ canh giữ bên cửa ngách nhỏ, đợi người chủ trẻ tuổi. Chỉ khi nhìn thấy con chó vàng già này, Tsangyang Gyatso mới yên tâm. Hoan tình một đêm khiến Ngài càng thêm dồi dào tinh lực, sải chân nhanh nhẹn bước qua ngưỡng cửa, đi về phía thềm đá dài, trở về tắm điện. Không ai biết, chiếc giường Phật này đã rất lâu không có hơi ấm con người, mỗi tối chỉ có ánh trăng nhẹ nhàng rải lên trên, đem bí mật phơi bày không sót chút nào.

Phương đông đã trắng, bầu trời nhuộm ráng mây sớm, đặc biệt say lòng người. Lúc này sư sãi dậy sớm quét dọn lá rụng trong sân, tưới nước cắm sen, chờ những người đi kora từ trời nam đất bắc xa xôi đến tòa điện Phật thánh khiết này, được tắm mình trong ánh sáng Phật. Đây là tín ngưỡng, đời người không có tín ngưỡng sẽ thật là thiếu thốn, thật là nông cạn. Đã tín ngưỡng Phật, có nghĩa là từ đó thanh đạm yên ổn; đã tín ngưỡng tình yêu, có nghĩa là đòi sống đòi chết. Hôm nay tôi chọn theo đuôi hồi ức trong câu

chuyện của người khác, ngày mai sẽ là ai đứng trước cửa sổ tuyết rơi, giả vờ tưởng nhớ tôi của ngày hôm nay?

Tội chúng

Có người nói, chúng ta trần trụi đến với thế giới này, tất cả những gì có được đều là do ông trời ban tặng. Con người phải có lòng cảm ơn, thêm một chút thỏa mãn, bớt một chút trách móc, có lẽ sẽ vui vẻ hơn nhiều.

Có người nói, chúng ta trần trụi đến với thế giới này, tất cả những gì có được đều là do ông trời ban tặng. Con người phải có lòng cảm ơn, thêm một chút thỏa mãn, bớt một chút trách móc, có lẽ sẽ vui vẻ hơn nhiều. Một ngày kia chúng ta đều sẽ ra đi, khi ra đi vẫn phải trả lại mọi thứ có được, bất kể bạn xiết bao lưu luyến thế gian này cũng chẳng ích gì. Biết rõ như thế, vì sao mọi người không thể sống bình an vô sự, vì sao luôn có người khơi dậy sóng gió trên mặt nước êm đềm? Không biết phải tu luyện bao nhiêu năm mới có một lần chuyển thế tôn quý là thế, vì sao cơ duyên này vừa khéo đã cho Ngài? Biển biếc phải ngàn năm mới có thể biến thành nương dâu, vì sao lại cứ để Ngài gặp được?

Tsangyang Gyatso hưởng thụ mật ngọt và hạnh phúc tình yêu đem đến cho Ngài, nhưng mỗi khi Ngài về đến cung Potala, trước lễ bái của chúng sinh, lại khó tránh khỏi buồn bã như đánh mất thứ gì. Quan hệ qua lại ấy thật sự có thể lâu dài sao? Không biết một ngày nào, cánh cửa ngách nhỏ thông đến thành Lhasa kia sẽ bị người phát giác, thậm chí con chó vàng trung thành kia cũng sẽ già chết vào một đêm tuyết nào đó. Hoặc là người đẹp Qonggyai Dawa Dolma lỡ hẹn vào một đêm trăng mờ gió lộng. Đời người biến ảo vô thường, Ngài không thể tính trước, dù cao quý như Phật, cũng không thể tự làm chủ vận mệnh của mình, không thể thỏa mãn tâm nguyện nhỏ nhoi của mình.

Nếu cùng người yêu đầu,

Chung sống đến bạc đầu,

Giống như từ đáy biển,

Vớt được hạt minh châu.

Có lúc, Tsangyang Gyatso cảm thấy mình chính là một chiếc lá trên gốc cây của Dawa Dolma, vốn định sẵn nương tựa vào nhau, yêu thương nhau, nhưng cuối cùng vẫn phải chấp nhận biệt ly tan tác. Các thanh niên đến với quán rượu nhỏ trên phố Barkhor, chỉ muốn có một đêm vui hết mình, chưa từng nghĩ đến trời đất lâu dài. Chỉ có Tsangyang Gyatso là khác với họ, Ngài đã trải qua đau khổ thất tình, khi Ngài gặp được người đẹp Qonggyai, những mong trọn đời bên nhau, vĩnh viễn yêu thương. Nhưng vô số lần Ngài hỏi bản thân, Tsangyang Gyatso, người thật sự có nổi sao? Người có thể cho nàng sự vĩnh viễn sao?

Lúc hoang mang, Tsangyang Gyatso bắt đầu có đôi chút mâu thuẫn, Ngài không biết mình thật lòng trao ra, có đổi lại thêm một lần ruồng bỏ hay không? Dù Ngài có đủ nhiều tuổi xuân để có thể lưu luyến quên về trên đường phố của thành Lhasa, nhưng Ngài không phải là những thanh niên bình thường nơi đầu phố kia, có thể đến đi tùy ý không bị gò bó. Nếu có một ngày, người đời phát giác chàng Dangsang Wangpo phóng khoáng phong lưu kia chính là Tsangyang Gyatso Phật sống của cung Potala, Ngài sẽ đón nhận phán xét và chỉ trích thế nào? Ngài xem cách nhìn của người đời đều là vô nghĩa. Điều Ngài lo sợ là ý trung nhân rời xa, vì Ngài không biết trên đời này rốt cuộc còn có bao nhiêu thật lòng.

Tốt nhất không gặp gỡ,

Đỡ thân hồn đảo điên.

Không quen thân cũng tốt,

Tránh vương vấn buồn phiền.

Làn da nàng mềm mịn,

Gợi ôm ấp triền miên.

Chẳng lẽ tình giả dối,

Lừa tiền kẻ thiếu niên.

Không biết người đẹp Qonggyai Dawa Dolma đọc được câu thơ tình lang Dangsang Wangpo viết, trong lòng sẽ nảy sinh bi thương thế nào. Một người con gái nguyện ý dốc hết tất cả vì chàng trai mình yêu, đổi lại nghi ngờ và hiểu lầm của chàng, sau khi nàng biết, vẫn sẽ chung thủy dâng hiến hay sao? Nhưng nàng sẽ chẳng bao giờ biết, vì nàng đang chìm đắm trong hạnh phúc, quên hết tất cả. Tsangyang Gyatso mỗi đêm đều đến đúng hẹn, mang cho ý trung nhân quà tặng và châu báu tinh xảo, Ngài sủng ái nàng tựa như châu báu trên tay. Khi nàng dịu dàng tựa vào lòng Ngài, Tsangyang Gyatso sẽ cười nhạo tất cả nghi kỵ của mình là kẻ khờ tự chuốc lấy phiền não.

Yêu được ngày nào hay ngày đó, vị Phật sống trẻ tuổi Tsangyang Gyatso nghĩ vậy. Dù có một ngày thật sự rời xa, Ngài cũng có thể thứ lỗi cho nàng, rốt cuộc đã từng có dâng hiến, chẳng ai có thể áp đặt bất cứ gánh nặng nào cho ai. Dù lời thề ước còn chưa nguội lạnh, trên sân khấu đèn đuốc vẫn sắp tàn, vở kịch vẫn phải đến hồi kết thúc. Tsangyang Gyatso không lo xuể nhiều như thế, Ngài chỉ muốn sở hữu hiện tại. Sức nặng của người đẹp Qonggyai trong lòng Ngài, vượt xa địa vị của Phật sống, cao hơn đỉnh vàng lấp lánh của cung Potala, cao hơn tất cả trời mây trên đời.

Từng nói, bí mật giữ kín đến đâu cũng sẽ có một ngày bị vạch trần. Khi bí mật không còn là bí mật nữa, thì có gì lo lắng? Có gì lấp liếm? Không biết bắt đầu từ khi nào, mọi người trong thành Lhasa sôi nổi bàn tán, chàng lãng

tử phong lưu Dangsang Wangpo đêm đêm lưu luyến nơi quán rượu trên phố Barkhor chính là vị Phật sống trẻ tuổi trong cung Potala. Tin tức kinh người ấy vốn tưởng rằng sẽ dấy lên sóng to gió lớn, nhưng người trong thành vẫn sống bình chân như vại. Họ chỉ xem chuyện này là đề tài chuyện phiếm lúc trà dư tửu hậu, có người coi như việc ấy có thật, có người mỉm cười cho qua.

Còn những người trẻ tuổi chìm đắm ở quán rượu ban đêm kia hoàn toàn không để tâm những chuyện này. Họ tụ tập một chỗ uống rượu ca hát, xưa nay không hỏi thân phận đôi phương, vì đây là một đám người nhiệt tình không hối, không cần chịu trách nhiệm vì bất cứ hành vi phóng túng nào. Dangsang Wangpo vẫn là người nổi bật trong đám người này, họ cùng nhau vui thả cửa, sảng khoái uống cạn hết thủy phiên não trên đời. Chẳng ai quan tâm ngày mai sẽ ra sao, không quan tâm bên mình có ẩn giấu một vị Phật sống hay không. Khi say túy lúy, Tsangyang Gyatso không kiêng kỵ những lời đồn đại của phố chợ, thậm chí còn dùng giọng điệu khiêu khích ngạo nghễ ca rằng:

Lời người ta đàm tiếu,

Tự nhận nói chẳng sai.

Thiếu niên chân nhẹ bước,

Vào quán rượu tìm ai.

Tsangyang Gyatso lúc này đã sớm không còn là một thiếu niên nhu nhược, trải qua tu hành năm năm, hơn nữa quãng thời gian này được phàm trần rèn luyện, Ngài bắt đầu trở nên dũng cảm. Ngài không cam tâm làm một con chim trong lồng nữa, Ngài phải đủ lông đủ cánh, tìm kiếm một con đường sống sáng sủa cho bản thân. Biết bao việc trên đời, trải qua cũng thật ung dung, khi bạn cho rằng trời long đất lở, thật sự phát sinh, cũng chẳng qua là nhẹ nhàng như chuồn chuồn điểm nước. Nhưng có lúc, bạn vẫn phải trả cái giá không thể biết trước vì một số sai lầm. Tsangyang Gyatso chìm đắm trong thế giới hoan lạc, không ý thức được những điều này, Ngài giận dữ cho rằng, cho dù bị phát hiện thì làm gì được ta.

Có lẽ lời nói và hành động khác thường gần đây của Tsangyang Gyatso khiến Đệ Ba Sangye Gyatso sinh nghi, có lẽ những lời đồn đại kia trên đường phố Lhasa lọt vào tai y, có lẽ y cũng có một thời trẻ tuổi, cũng từng yêu thương thật lòng, cũng có lẽ y cứ giữ mãi quyền trọng, trong lòng hồ thẹn áy náy đối với đứa trẻ này. Tóm lại, Sangye Gyatso xưa nay vốn nghiêm khắc, lại giả vờ không hay không biết, cũng không truy hỏi đối với hành vi của Tsangyang Gyatso. Ngày nào y cũng mệt nhoài với chính sự, chẳng còn bụng dạ nào đi chỉ trích hành tung kỳ lạ vào ban đêm của Tsangyang Gyatso. Y không biết rằng, việc bỏ mặc của y có thể gây nên hậu quả không thể sửa chữa; lòng từ bi của y, có lẽ đã trở thành một sự tàn nhẫn.

Đây là một sai lầm đẹp đẽ, nhưng Tsangyang Gyatso biết rõ là sai lầm mà vẫn để mình mắc phải. Sự dung túng của Sangye Gyatso, khiến Tsangyang Gyatso càng chẳng chút kiêng dè, họ suy lòng khắc biết chẳng cần nói ra, cho rằng làm đến không chút sơ hở thì có thể che giấu tất cả. Thế nhưng người đi trên bờ sông rồi sẽ có lúc bị nước sông tạt ướt vạt áo. Cũng giống như Tsangyang Gyatso, mỗi ngày đi về trên con đường núi giữa điện Phật và thế tục, làm sao có thể muôn lần không sơ suất một lần.

Mỗi người sinh ra đều được sắp xếp sẵn mệnh số, khi bạn có quá nhiều, ông trời sẽ dùng phương thức khác đoạt đi một vài thứ nào đó. Cũng như Tsangyang Gyatso, thời gian mấy tháng sống hết mình tiêu hao, khiến hạnh phúc còn lại của Ngài đã chẳng nhiều nhận gì. Ngài một lòng muốn níu giữ tình duyên, rốt cuộc vẫn là ngắn ngủi, tựa như một cơn gió mát, dịu dàng mỏng manh trên mặt, lại chẳng thể nào nắm bắt được. Điều biết giấc mộng thật sự rất đẹp, nhưng sau khi tỉnh mộng, bạn sẽ phải dốc túi trả lại những thứ có được, cho đến khi cháy túi.

Đó là một đêm đông đẹp đẽ, hoa tuyết nhẹ nhàng mặc sức vờn bay, quán rượu trên phố Barkhor dường như càng náo nhiệt hơn ngày thường. Họ quây quần bên lò hâm rượu, ngắm tuyết bay lả tả, hưởng thụ cảnh đẹp ông trời ban tặng cho nhân gian. Ngày hôm đó người đến cung Potala cầu nguyện ra về từ sớm, Tsangyang Gyatso cũng đến quán rượu sớm hơn thường ngày. Một người có hồn thơ chắc chắn sẽ yêu tuyết, đêm đó Tsangyang Gyatso đã uống rất nhiều rượu, Ngài phải uống say mới thôi.

Sau khi uống say, Tsangyang Gyatso cùng người đẹp Qonggyai Dawa Dolma quần quýt mãi không rời, Ngài hoàn toàn không phát giác ra thần vận mệnh sắp trừng phạt thói phóng túng của Ngài. Hoan tình của một đêm đó sẽ là cuối cùng, mà hoa tuyết là quà tặng đẹp nhất cao xanh ban cho họ. Khi duyên đến bạn chẳng ngăn cản nổi, khi duyên đi bạn cũng không thể níu kéo. Duyên phận đối với mỗi người đều công bằng, dù bạn là Phật chí cao, hay là lãng tử lưu lạc đầu đường xó chợ, đều xem như nhau.

Sự việc bại lộ bắt nguồn từ trận tuyết lớn trắng xóa đẹp đẽ này. Một màu trắng tinh không tì vết, lại đem đến cho Tsangyang Gyatso một tai nạn không thể tránh khỏi. Sáng sớm của đêm đông, Tsangyang Gyatso rời khỏi chăn êm nệm ấm, lưu luyến không nỡ từ biệt người tình. Tuyết đọng dày cộp che lấp con đường lên núi, thấy trời sắp sáng hẳn, sư sãi trong cung Potala sẽ dậy sớm mở cửa quét tuyết, Tsangyang Gyatso đành vội vã đi gấp. Thế nhưng Ngài đã sơ ý, trên đất tuyết lưu lại hai hàng dấu chân sâu hoắm, một dấu dẫn đến điện Phật trang nghiêm, một dấu dẫn đến cỏi trần xô bồ.

Đây là chứng cứ phạm tội, là chứng cứ không thể chối cãi. Tuyết trắng đã bán đứng Ngài, tiết lộ thói đa tình của Ngài. Sư sãi dậy sớm mở cửa tu viện, hai hàng dấu chân trên tuyết đã chứng thực lãng tử Dangsang Wangpo trên đường phố Lhasa chính là vị Phật sống Tsangyang Gyatso trong cung Potala. Vị Phật sống chí tôn không giữ thanh quy, lưu luyến tình yêu phạm trần, điều này có nghĩa Ngài sẽ đón nhận trừng phạt ra sao?

Sai lầm

Con người có lúc không bằng một ngọn cỏ gốc cây, cỏ cây sẽ suốt đời cảm ơn ánh nắng và mưa móc cho nó năm tháng ẩm nhuận, còn con người khi mất mát, sẽ hoàn toàn quên hết vị ngọt ngào và hạnh phúc của hoa đẹp trắng tròn.

Một người trong mơ, luôn mơ thấy mất đồ, đó là vì y lo sợ mất mát. Chúng ta mỗi ngày đều đang đánh mất, đều đang bỏ lỡ, đánh mất thời gian như nước chảy róc rách, bỏ lỡ những tao ngộ đẹp đẽ trong tuổi xuân biên biếc. Đối với nhiều người, cuộc sống của họ là chuỗi dài oán trách những thứ có được quá ít, những thứ mất đi lại quá nhiều, vui vẻ quá ít, bi thương quá nhiều. Con người có lúc không bằng một ngọn cỏ gốc cây, cỏ cây sẽ suốt đời cảm ơn ánh nắng và mưa móc cho nó năm tháng âm nhuần, còn con người khi mất mát, sẽ hoàn toàn quên hết vị ngọt ngào và hạnh phúc của hoa đẹp trắng tròn.

Lần này, Tsangyang Gyatso thật sự đã đánh mất. Ngài luôn lo lắng bí mật sớm muộn có ngày bị người phát hiện, bèn dùng thân phận thật thật giả giả che đậy hành tung của mình. Nhưng việc càng lo sợ càng dễ xảy ra. Ngài tin tưởng hoa tuyết óng ánh, những hạt tuyết tràn trề thanh khiết ấy đã rơi vào câu thơ của Ngài, đồng thời cũng đã phản bội Ngài. Ngài cuối cùng không hối hận, đã từng lập lời thề, bởi vì yêu, có thể lưu đày đến chân trời, thê lương suốt quãng đời còn lại.

Ngồi ngay ngắn trong điện lớn trang nghiêm, đối diện với vẻ hiền từ của Phật, Ngài áp sát trán trên nền gạch điện thờ, không phải cầu xin Phật tha thứ, chỉ muốn nói với Phật, Ngài thật sự là vô ý. Vô ý bội bạc, vô ý phụ lòng, vốn dự định suốt đời là Phật, trong cung điện to đẹp đàng hoàng, đối diện dòng người hành hương vô tận, giảng kinh thuyết pháp cho họ, vô tư cống hiến vì họ. Tiếc rằng tình khó kìm chế, thắng cảnh diệu kỳ khôn tả này chẳng bằng một lúm đồng tiền của cô gái Qonggyai. Điều Ngài cần là cùng ý trung nhân sống ở một nơi thế ngoại đào nguyên^[1] nho nhỏ, bình yên với đồng ruộng vườn rau tự cấp tự túc. Không có phồn hoa nhốn nháo của thành thị, chỉ có đất lành quê thói chất phác, sống những ngày tháng không cần quan tâm thế giới bên ngoài thay đổi thế nào.

[1] Thế ngoại đào nguyên: Đào Tiềm đời Tấn trong “Ký Suối Hoa Đào” đã miêu tả một miền đất cách tuyệt với đời, không chịu tai họa chiến tranh, yên vui đẹp đẽ. Người sau mượn đó để chỉ miền đất không chịu ảnh hưởng của bên ngoài hoặc thế giới đẹp đẽ trong ảo tưởng.

Ngày bí mật bị vạch trần, vị Phật sống trẻ tuổi Tsangyang Gyatso còn bình tĩnh hơn trước, dù con đường tình cảm đi đến tận cùng hay không, ít nhất Ngài vẫn sở hữu hiện tại. Ngài đọc kinh văn, viết tình ca dưới ánh đèn

chập chờn. Nếu có một ngày Ngài thật sự chẳng còn gì cả, những bài tình ca này sẽ giống như gió từ cung điện cao ngất bay ra, vượt qua núi tuyết hoang nguyên, lan tỏa đến mỗi một góc ngách của Thanh Tạng. Dù là giữa chợ đông, trong quán rượu, trong lều vải, những người đa tình trên cao nguyên đều sẽ truyền xướng nó không ngừng. Vì có tình yêu, mới có từ bi và khoan dung. Mỗi đóa hoa sen đều cần tình cảm vun tưới; mỗi ngọn đèn dầu thơm đều cần âm áp thấp sáng; mỗi con người đều cần bờ đề độ hóa.

Đêm hôm đó, Tsangyang Gyatso nghe thấy tiếng ca của mình được đồng lửa thấp sáng, hương thơm của dầu bơ lan tràn giữa bầu trời trong suốt. Những chiếc chuyển kinh luân kia cứ thế ngày đêm xoay vòng không biết mệt mỏi, chúng vốn có ý tốt, dẫn dắt nhiều người chìm đắm trong cõi trần rời xa rồi ren. Tsangyang Gyatso yêu thích nơi này, nếu cuộc sống có thể không bị trói buộc, nếu ngày tháng có thể pha trộn gia vị tình yêu, Ngài cam nguyện suốt đời bầu bạn với Đức Phật, công hiến tất cả tư tưởng. Thế nhưng đời người có biết bao điều không như ý, việc Ngài phải đối diện rất cuộc cũng là lựa chọn. Nếu chọn mai lạnh cao ngạo, nghĩa là không có duyên với hoa sen mát lành. Nếu chọn tuyết trắng dương xuân, nghĩa là mất đi rừng phong thu muộn.

Cho rằng chẳng qua là cố chấp với tình yêu của một người trẻ tuổi, nhất thời mê man tâm tính, chỉ cần từ đó giữ nghiêm thanh quy, Ngài vẫn là Đạt Lai Lạt Ma tôn quý vô song của cung Potala. Tsangyang Gyatso không biết thói buông thả và đa tình của mình đã trở thành cái cớ hoàn mỹ mà Lha-bzang Khan dùng để đánh dẹp Sangye Gyatso. Sự phản bội của Ngài đối với Phật tử đã trở thành lưỡi dao sắc bén để đối phó Ngài trong tay Lha-bzang Khan. Nếu Ngài chỉ là một người dân bình thường, dù phạm phải tội lớn tày trời, cũng chẳng qua là lấy mạng đền mạng thôi. Nhưng Ngài không phải, Ngài là thủ lĩnh chính giáo Tây Tạng, liên quan muôn ngàn chúng sinh. Một sinh một diệt, đều là chuyện xưa mây khói.

Lha-bzang Khan dâng thư cho vua Khang Hy ở xa tận thành Bắc Kinh, chỉ ra việc xấu Ngài đã vi phạm thanh quy, lừa dối chúng sinh. Và thâm độc nói rằng một lãng tử chẳng có chút đạo hạnh tu hành thì không thể là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5 thao lược kiệt xuất. Tsangyang Gyatso chỉ chẳng qua là một món hàng giả mạo mà năm xưa Đệ Ba Sangye Gyatso

tìm đến để ứng phó nhà vua, là con cò y dùng để độc chiếm chính quyền Tây Tạng. Mấy năm nay, Tsangyang Gyatso là con rối của Đệ Ba Sangye Gyatso, trước giờ không dính dáng đến chính sự. Đệ Ba Sangye Gyatso đã lừa dối chúng sinh thiên hạ, lừa dối vua Đại Thanh, hành vi dối trên lừa dưới này phải chịu xử phạt nghiêm khắc.

Một câu “không phải là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5”, nói rất hùng hồn, dường như đã là tội chứng xác thực, không cho phép狡辯. Tấu chương này khiến vua Khang Hy hơi dao động, năm xưa Đệ Ba Sangye Gyatso giấu không phát tang suốt mười lăm năm tròn đối với cái chết của Đạt Lai thứ năm, sau đó là vì Khang Hy tra ra, y mới đưa linh đồng chuyển thế trở về, cử hành điển lễ tọa sàng. Giờ đây bản tấu của Lha-bzang Khan không thể không khiến Khang Hy hoài nghi thân phận chân thực của Tsangyang Gyatso. Chẳng lẽ Sangye Gyatso quả thật to gan làm xằng, che giấu chân tướng của linh đồng chuyển thế? Tìm một thiếu niên không rõ lai lịch ở dân gian tới giữ chức Phật sống?

Trước khi chân tướng chưa làm sáng tỏ, Khang Hy đa mưu túc trí không tin lời nói phiến diện của Lha-bzang Khan, nhà vua phái sứ giả đến Tây tạng để điều tra thật giả vị Phật sống trẻ tuổi này. Khi sứ giả nhìn thấy Tsangyang Gyatso phong thái khác thường, thông tuệ hơn người, nghi hoặc dường như thay đổi. Sứ giả dâng thư trình báo Khang Hy: “Lạt Ma này không biết có phải là hóa thân của Đạt Lai thứ 5 hay không, nhưng quả thật có pháp tướng thánh thể viên mãn.” Đồng thời còn đính kèm thơ tình của vị Phật sống này lưu truyền trong thành Lhasa, những câu thơ thật tươi đẹp, rung động lòng người, là độc, cũng là thuốc. Chẳng lẽ Ngài thật sự là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5? Chẳng lẽ hành vi lãng tử của Ngài chỉ là vì Phật động lòng phàm? Thế nhưng Phật có thể động lòng phàm chăng?

Vị Phật sống vi phạm thanh quy Tsangyang Gyatso vốn nên chịu trừng phạt của giới luật. Nhưng vì lẽ gì thơ tình của Ngài lại sưởi ấm tâm ý con người như thế, đó không phải là kinh văn tối nghĩa khó hiểu, không phải là điều lệ đạo đức nhạt nhẽo hư vô, mà là cảm động, diễn giải bởi sinh mệnh và tình cảm mãnh liệt, là tiếng gọi đến từ linh hồn. Bắt đầu có những trái tim mềm yếu xúc động vì nó, lỗi Ngài đã phạm dường như chẳng phải là tội không thể tha. Có lẽ đáy lòng mỗi người đều xao xuyến tình cảm êm đềm, có lẽ trong lòng mỗi người đều có một bóng hình ghi lòng tạc dạ, có lẽ kiếp số

của Tsangyang Gyatso cũng là kiếp số của đời người.

Có điều sai rất cuộc vẫn là sai, những ai từng phạm sai lầm đều phải gánh vác hậu quả vì sai lầm của mình. Dù Khang Hy không lập tức trừng phạt Tsangyang Gyatso, nhưng Đệ Ba Sangye Gyatso lại không dám dung túng Ngài tùy tiện làm càn nữa. Mà cung Potala dường như đã không khóa nổi trái tim phóng đảng vì tình của Ngài, sự quản thúc lỏng lẻo đối với Ngài ngày xưa của Sangye Gyatso đã khiến thói ngỗ ngược của Tsangyang Gyatso ngày càng tăng thêm. Con ngựa hoang bị thả lỏng đã thoát cương mà đi, giờ nên làm sao để thu phục nó?

Trong lúc bất lực, Sangye Gyatso đành cầu xin Ban Thiệu thứ 5 Lobsang Yeshe giúp đỡ, y hy vọng Tsangyang Gyatso sẽ nghe theo lời khuyên của Ban Thiệu, cứu vớt Ngài thoát khỏi biển tình cuộn cuộn. Đợi đến một ngày kia sau khi tỉnh ngộ, có lẽ Tsangyang Gyatso sẽ phát hiện ra rằng, thế gian thật sự có thể hoàn toàn đổi mới. Trên thực tế, Sangye Gyatso hiểu rõ hơn bất cứ ai, đứa trẻ này bướng bỉnh dường nào, đa tình dường nào. Nhưng Sangye Gyatso đã không còn cách nào khác, Lha-bzang Khan làm sao chịu để yên cho họ?

Tu viện Tashilhunpo^[2] ở Shigatse^[3], là trụ sở của Ban Thiệu Lạt Ma các đời. Ban Thiệu thứ 5 Lobsang Yeshe cũng có nghe nói về hành vi kinh hãi thể tục của Tsangyang Gyatso, Ngài phải khuyên nhủ, làm lễ thọ giới tỳ khưu^[4] cho Tsangyang Gyatso. Ngài không hy vọng nhìn thấy vị Phật sống trẻ tuổi này vì tình mất đứt tiền đồ, sa vào đầm lầy sâu thẳm khôn lường. Sự mê loạn của Phật sống sẽ khiến cả Hoàng Giáo gió mây biến ảo, lúc đó, tước cục thế sóng lớn cuộn cuộn, ai còn có thể ra sức cứu vãn?

[2] Tu viện Tashilhunpo (Trác Thập Luân Bồ): xây năm 1447 bởi đệ tử của Tsongkhapa.

[3] Shigatse hay Xigazê (Nhật Khách Tắc): là một địa khu của Khu tự trị Tây Tạng, Trung Quốc. Về mặt lịch sử, hầu hết địa khu từng là một phần của tỉnh Tsang, thuộc Tây Tạng cũ. Trung tâm hành chính của địa khu là thành phố Shigatse.

[4] Giới tỳ khưu: còn gọi là giới cụ túc, chỉ giới luật các vị tỳ khưu và tỳ khưu ni phải tiếp nhận và tuân thủ, thọ giới tỳ khưu là chính thức có được tư cách tỳ khưu, tỳ khưu ni.

Năm 1702, Tsangyang Gyatso hai mươi tuổi đến Shigatse. Tu viện Tashilhunpo dưới ánh nắng lấp lánh hào quang rực rỡ, nó chỉ thẳng lên trời xanh, dường như biết trước ý trời, quang ảnh mê ly, soi rọi con sóng nhấp nhô trong lòng Tsangyang Gyatso. Còn Ngài vẫn giữ vẻ mặt bình tĩnh điềm đạm, dường như người đến đây thọ giới là một nhà sư không liên quan gì với Ngài. Thượng Sư đi theo bên cạnh thấy thần sắc khác thường của Ngài lại sinh lòng bất an, vì họ không biết vị Phật sống trẻ tuổi này rốt cuộc đang nghĩ gì. Vẻ trầm mặc của Ngài tựa như mặt trời lặn chậm chậm chìm xuống phía tây, mang theo một nỗi cô độc cách biệt với đời và đoạn tuyệt lạnh lẽo.

Đêm nay tôi bắt đầu cảm thấy bất an vì cái tên Tsangyang Gyatso. Đọc qua thơ tình của Ngài, tôi đã hiểu, trên đời Ngài không thể thoát ly biển tình được nữa, dù linh hồn Ngài rất cố gắng đến gần bên Phật. Tôi từng thề ước, đời này chỉ làm một cô gái trong cõi trần, kiếp sau lại nghe Phật giảng thiền. Nhưng thời khắc này tôi lại muốn làm một người hành hương vô danh của cung Potala, một mình đi trên thềm đá dài hun hút. Hoặc vượt ra khỏi hồng trần muôn trượng, cùng Ngài đi đến đạo tràng bồ đề; hoặc vì Ngài ở chốn hồng trần sâu nhất, soi gương trang điểm.

Chấp mê

Tạm thời ném trách nhiệm và sứ mệnh sang một bên, Ngài không còn là vị vua lớn nhất của cung Potala, Ngài chỉ muốn làm lãng tử không tên trên đường phố Lhasa, làm tình lang tuần tú của Dawa Dolma.

Có một số nơi mà đời này nhất định phải đi, chỉ có đích thân thăm thú non nước phương xa, khiến giấc mơ hư ảo trở thành chân thực sống động, mới không uổng công đến nhân gian này một chuyến. Nhưng khi chúng ta nhìn thấy tình cảnh trong mơ, phong cảnh tuyệt đẹp như vậy, liệu chúng ta có thể yên lặng không lời hay chẳng? Há chẳng biết, mỗi hạt bụi trần rơi xuống đều sẽ quấy nhiễu nó. Khi chúng ta bước vào tu viện Tashilhunpo ở Shigatse Tây Tạng, nên hiểu rằng, từng cành cây ngọn cỏ, từng viên gạch ngói, từng vị sư

vị sai ở đây, đều không nên bị làm phiền.

Màu sắc của mặt trời khi lặn thật sự rất đẹp, tu viện Tashilhunpo không biết được ai tráng lên một lớp màu đỏ rực, tựa như hoàng hôn đã uống say. Con đường lát đá được năm tháng mài bóng kia đã cất giữ biết bao nỗi lưỡng lự hoang mang và cố chấp của khách hành hương. Chúng ta nên tin rằng, ở đây trước sau đều có một lá kinh phướn pháp phôi, chờ đợi bạn và tôi. Chỉ là đứng lặng hồi lâu trước điện Phật trang nghiêm, ngắm trời xanh mênh mông rộng lớn, nghe tiếng chuông đồng trong treo lay tỉnh ký ức kiếp trước, không biết những người đột nhập đất thánh này đi vào cảnh thiền, còn có thể bước ra hay không?

Ba trăm năm trước, vị Phật sống tên là Tsangyang Gyatso ấy thọ giới ở đây, một ngọn đèn bơ cũ kỹ của tu viện Tashilhunpo nhớ được tình cảnh năm đó. Tsangyang Gyatso trẻ tuổi ngồi trang nghiêm trước mặt Ban Thiền thứ 5 và mấy vị Thượng Sư, Ngài nhắm mắt niệm kinh, sắc mặt lạnh nhạt như băng. Mặc cho đại sư khuyên giải và hướng dẫn, vẻ bình tĩnh của Ngài khiến mọi người cảm thấy hết sức lúng túng và đáng tiếc. Thời khắc đó Ban Thiền thứ 5 hiểu rõ, đời người trăm dạng, dù bước vào cửa Phật, đông đảo sư sai vẫn mọi người có một duyên pháp và số mệnh riêng. Có người muốn danh lợi, có người muốn tình yêu, có người chỉ nguyện suốt đời ở bên Phật tử, không mong không cầu. Ngắm vị Phật sống bình tĩnh trước mặt, Ban Thiền bắt đầu cảm thấy lời nói của mình thật yếu ớt, bất lực.

Tsangyang Gyatso rót cuộc cũng quỳ bái dưới gối Ban Thiền thứ 5, dập đầu thật sâu, kiên định nói rằng: “Làm trái mệnh lệnh của Thượng Sư, thực sự hổ thẹn. Đệ tử biết rõ chân tướng trên đời đều là không, nhưng đệ tử đã không thể quay đầu, kính xin Thượng Sư thu hồi sa di đã thọ trước đây, để đệ tử hoàn tục.” Tsangyang Gyatso như một hồ nước phẳng lặng, dáng bình tĩnh và kiên định của Ngài, lại khiến cả tu viện Tashilhunpo lập tức sóng lớn cuộn cuộn, các sư theo đó đồng loạt quỳ xuống. Họ chẳng ai lường được, vị Phật sống trẻ tuổi này lại cam nguyện vứt bỏ địa vị chí cao vô thượng, chọn lưu lạc cõi tục, làm một người hát rong bình thường mua say trên đường phố.

Lẽ nào Ngài thật sự bị tình yêu làm mờ hai mắt, làm rối thần trí? Nếu không sao Ngài lại có thể chẳng chút do dự từ bỏ mọi thứ đang có, buông bỏ

Phật tổ mà Ngài yêu kính, và cả những con dân ngày ngày về châu Ngài. Phật lẽ nào không từ bi khoan dung? Nhưng Ngài rõ ràng quá đỗi ích kỷ, chỉ vì tình yêu cá nhân, vì một cô gái Qonggyai, bỏ rơi đông đảo chúng sinh. Ngài còn là vị Phật sống muôn dân kính mộ chẳng? Song nhìn vào ánh mắt u uất của Ngài, vì sao chẳng ai nổi trách tội Ngài? Đó là vì chẳng ai có thể giữ được lòng dạ sắt đá trước tình cảm chân thực. Lúc này tình ca của Tsangyang Gyatso đã từ cung Potala lan đến bầu trời tu viện Tashilhunpo. Các sư quý mãi không đứng dậy, mắt ngấn lệ, chẳng biết nên xử lý thế nào.

Tsangyang Gyatso yêu cầu trả giới sa di hoàn tục, quả thật khiến các sư có mặt ở đó kinh hãi, ánh mắt không sợ sệt của Ngài toát lên một vẻ quyết liệt thề không chịu thôi. Đúng thế, Ngài đã nhu nhược quá lâu, lần này Ngài không thể cho phép bản thân nhận nhin tiếp nữa. Tạm thời ném trách nhiệm và sứ mệnh sang một bên, Ngài không còn là vị vua lớn nhất cung Potala, Ngài chỉ muốn làm lãng tử không tên trên đường phố Lhasa, làm tình lang tuần tú của Dawa Dolma. Ngài muốn vì bản thân sống thật tốt một lần, đời người phải vui hết mình, phải rồi, vui hết mình.

Một thanh niên đã nếm trộm quả cấm, đứng trước những cám dỗ, không thể nào ngoảnh mặt làm ngơ. Tsangyang Gyatso dùng mạng sống bảo vệ tình cảm, bị người đời vạch trần, lại đâu cam lòng cúi đầu nhận tội. Vì cấm kỵ, lòng Ngài càng thêm khao khát hướng đến tình cảm mãnh liệt và cám dỗ phong phú. Dù Ngài đối diện đao thương búa rìu, xông vào đám rùng rợn hang hỏ, Ngài cũng vì nghĩa không chùn bước. Do đó Ngài đã có dũng khí chống đối Thượng Sư, đã có gan quay lưng với Phật tổ, đã có dự tính đương đầu với Sangye Gyatso.

Tùng là một thiếu niên cô độc hoang mang, bị năm tháng thôi thúc trưởng thành, Ngài học được cách cự tuyệt, hiểu được thói ích kỷ. Nhưng chúng ta nên tin là Ngài vô tâm, Ngài vốn không có ý làm khó bất cứ ai, phụ lòng bất cứ ai, Ngài chẳng qua chỉ muốn làm chính mình. Nhưng mạng linh hồn của kiếp trước trên người, Ngài phải trả giá suốt đời vì kiếp trước mà Ngài không muốn có, đây là trách nhiệm Ngài không thể chối bỏ. Khi chúng ta cho rằng Tsangyang Gyatso từ đây có thể giống như chim ưng, dang cánh bay lượn dưới trời xanh, số phận đã nói với Ngài một tiếng: Xin lỗi.

Từ khi Tsangyang Gyatso đến với nhân gian, cuộc đời Ngài đã viết sẵn sách phán quyết. Sangye Gyatso luôn nghiêm khắc quản thúc Ngài đột nhiên có chút lo sợ, e rằng đứa trẻ bướng bỉnh này sẽ chống cự đến chết. Nhưng y muốn Tsangyang Gyatso chết sao? Nếu Tsangyang Gyatso chết rồi, cục diện chính trị của Tây Tạng há chẳng danh chính ngôn thuận rơi vào tay y? Lúc đó, y có thể tiếp tục đi tìm một linh đồng chuyển thế, làm con rối của y. Nhưng Lha-bzang Khan chịu tha cho y chăng? Vua Đại Thanh có thể bỏ qua cho y chăng? Không, Sangye Gyatso nhất thiết buộc Tsangyang Gyatso ở lại, tiếp tục làm con cò trong tay y, khi qua sông, y cần Ngài.

Lha-bzang Khan nghe được chuyện này, cũng vội vàng đuổi đến, y phải chặn đứng quyết định của Tsangyang Gyatso, vì y lo lắng Tsangyang Gyatso ra đi, sẽ khiến Sangye Gyatso có cơ hội để lợi dụng. Đối với Lha-bzang Khan, vị Phật sống hữu danh vô thực này cũng không phải là mục tiêu y thật sự muốn đối phó, cung tên y giương lên kia, là muốn nhắm chuẩn trái tim Sangye Gyatso bắn ra. Đến lúc đó muốn đánh bại Tsangyang Gyatso, đương nhiên dễ như trở bàn tay, không phí chút sức lực nào. Sự việc thật là buồn cười, Lha-bzang Khan chẳng phải dâng thư cho vua Khang Hy, tố cáo Tsangyang Gyatso là Phật sống giả mạo ư? Vì sao lúc này lại lo sợ Ngài kiên quyết ra đi, có thể thấy một người vì ham muốn quyền lực, không hề tiếc rẻ bất chấp thủ đoạn, nuốt lời lật lọng.

Chẳng ai biết vì lý do nào khiến Tsangyang Gyatso thu hồi lời Ngài nói ra ở tu viện Tashilhunpo. Là bởi nhần nhin Sangye Gyatso? Là bởi e sợ quyền uy của Lha-bzang Khan? Bởi Ngài trước sau không bỏ được những người hành hương nườm nượp không dứt? Hay vì Sangye Gyatso đã đáp ứng Ngài điều kiện gì đó? Tóm lại, Tsangyang Gyatso tiếp tục ở lại trong cung Potala, làm Phật sống chí tôn của Ngài, tâm nguyện nhỏ nhoi không đáng kể kia rốt cuộc không thể thực hiện. Bộ áo sư màu đỏ kia khoác lên trên người, vì sao luôn khiến Ngài phiền lòng rồi ý?

Tsangyang Gyatso mưu đồ chạy trốn trong mưa, nhưng đi một vòng, lại trở về chỗ cũ. Khách hành hương của cung Potala không mấy may giảm bớt vì tin đồn chốn phố chợ, họ không tin, không tin lời đơm đặt của Lha-bzang Khan, trong lòng họ, Tsangyang Gyatso chính là Phật sống của họ. Một vị tình tăng có thể viết ra những câu thơ tuyệt đẹp như thế thì sao có thể là Đạt Lai giả được? Ngài rõ ràng chính là hóa thân của Thần Phật, những câu thơ

của Ngài chính là đồng lửa rừng rực trong đêm tuyết, là đốm xanh ẩn hiện trong sa mạc, là tia sáng bùng nổ trong tăm tối.

Những bài tình ca sinh động này được truyền xướng ngày càng vang dội trên đường phố Lhasa. Quán rượu nhỏ trên phố Barkhor, vì từng được một thanh niên phong lưu tên Dangsang Wangpo ghé thăm nên đêm đêm đông nghịt khách. Họ đều biết, chàng lãng tử chìm đắm ở quán rượu này chính là vị Phật sống Tsangyang Gyatso ở trong cung Potala. Nhưng điều này không hề ảnh hưởng lòng kính mến của họ đối với Ngài, ngược lại khiến họ cảm thấy, vị Phật này là từ bi nhất, vì Ngài không đứng ở nơi cao xa không với tới, đợi họ ngược đầu mong ngóng, mà thâm nhập dân gian, cùng họ hưởng thụ vẻ đẹp của khói lửa mật mờ.

Hóa ra lòng người đều mềm yếu, khao khát tình cảm êm dịu và hạnh phúc như thế. Chúng ta xưa nay đều không muốn thấy thế giới này chìm đắm trong giết chóc, không muốn phải gánh chịu nạn cướp bóc to lớn mà chiến tranh mang đến. Nếu mỗi một người đều có lòng lương thiện, yên vui với nếp sống bình dị, ở thành thị nhỏ thuộc về mình cười tươi như hoa nở, ca hát như oanh yến, thế thì đẹp biết bao! Có lẽ không cần chờ đến khi giông hết ngàn cánh bướm, ném đủ trăm mùi vị, mới cam nguyện kề cận đồng quê non xanh nước biếc, sống những ngày tháng thanh đạm nhất. Lúc ấy, phải chăng có một cây bút nặng tình ghi lại bầu trời xanh thẳm, áng mây tinh khiết, và những câu chuyện êm đêm kia giữa xóm làng với xóm làng cổ xưa?

Tan vỡ

Đây chẳng phải là vô tình, mà là phép tắc sinh tồn, mỗi một ngày, đều có những người khác nhau đến đến đi đi, chúng ta không cần ghi nhớ quá nhiều, chỉ cần thuận hòa bên nhau, mỉm cười ly biệt.

Đeo tay nải lên, tôi vẫn ở phương xa, phương xa của tâm linh, phương xa

của cảnh mộng. Tôi biết, mỗi tác đất ở đây đều không thuộc về tôi, dù tôi rất muốn trân trọng, xem nó là đất nước của tôi, thành phố của tôi, nhưng rốt cuộc chỉ là mối tình đơn phương. Sau khi trời sáng, tôi sẽ phải rời khỏi nơi đây, rời khỏi quán rượu nhỏ trên phố Barkhor, mặt trời ngày mai không liên quan đến tôi, vì tôi là khách lạ chốn chân trời. Ở đây, tôi chẳng lưu lại bất cứ dấu vết nào, tôi không hy vọng sau này có một ngày, ai đó đến đây gọi ra tên họ của tôi, rồi vô tình trở thành người nhớ trong cuộc đời anh ta. Tôi không bằng lòng, tôi là khách qua đường vội vã, tay áo phát phơ, tỏ rõ lòng ung dung hờ hững của tôi.

Khi không có người, năm tháng đã hoang phế ba trăm năm, biết bao lần oanh bay cỏ mọc, biết bao lần sen tuyết nở hoa, song người thật sự đã đi xa. Sau khi người rời xa, quán rượu vẫn mở cửa đón khách, vẫn cười nói vui vẻ, khách khứa ngồi đầy. Tuy nói đời người trống trải, nhưng kẻ sống vẫn cứ vui vẻ, chỉ có kẻ chết trầm mặc im lìm. Bi thương là ngăn ngại, chúng ta có thể hoài niệm, nhưng chẳng ai vĩnh viễn chìm đắm vì nó. Đây chẳng phải là vô tình, mà là phép tắc sinh tồn, mỗi một ngày, đều có những người khác nhau đến đến đi đi, chúng ta không cần ghi nhớ quá nhiều, chỉ cần thuận hòa bên nhau, mỉm cười ly biệt.

Khi nào dắt nàng dạo bước hồng trần. Tôi như nghe thấy ba trăm năm trước Tsangyang Gyatso bắt lực than thở với cô gái Qonggyai Dawa Dolma. Ngài nắm chặt tay nàng, thắm thiết nói: “Hãy tin ta, có một ngày nhất định sẽ dắt nàng dạo bước hồng trần”. Lúc đó, họ vẫn đang quán quýt trong một gian phòng nhỏ ở quán rượu. Cuối cùng Ngài vẫn không cho nàng biết, Ngài là Phật sống chí tôn của cung Potala. Khi tin đồn xôn xao, nàng đã biết rõ, chàng trai giống như đứa trẻ nằm bên cạnh thật ra chính là Đức Phật nàng từng quỳ bái. Nàng im lặng, không nói. Chỉ nghĩ, yêu được ngày nào hay ngày ấy, vì nàng hiểu rõ hơn bất cứ ai, một ngày kia Ngài sẽ thực sự rời khỏi, đến vương quốc thuộc về Ngài, thế giới của Ngài. Nàng không hối hận vì cuộc gặp gỡ với Phật kiếp này. Chỉ là tâm nguyện được dắt nàng dạo bước hồng trần trong kiếp này còn có thể hoàn thành hay chăng?

Từ tu viện Tashilhunpo trở về cung Potala, Tsangyang Gyatso càng thêm trầm mặc. Mỗi ngày ngoài việc tụng niệm kinh văn, ngồi xếp bằng tham thiền, Ngài đứng ở khung cửa sổ nhỏ của tấm điện nhìn về phương xa, ngắm núi đồi nhấp nhô, mây trắng nhờn nhơ. Trọn đời này, Ngài đã chẳng có bao

nhieu khát vọng, việc hoàn tục thất bại ở tu viện Tashilhunpo cũng đập nát giấc mơ cuối cùng của Ngài. Biết bao người tỉnh mộng hồng trần, hy vọng gõ mở cửa Phật, từ đó thanh đạm qua ngày, cầm hoa mỉm cười, nhật lá hoan hỉ. Mà Ngài lại muốn chạy trốn khỏi cũi tù của cõi Phật, sống cuộc sống chẵn thả cùng người thân nơi quê nhà. Ngài không nén được nhớ nhung người mẹ đã cho Ngài bú mớm, bạn bè chơi đùa với Ngài, và cả cô gái Ngài đã từng ôm hôn. Quá xa xôi rồi, xa xôi đến nỗi tưởng như đã cách mấy đời, mọi thứ trước mắt đều chứng thực Ngài chẳng có gì cả.

Tsangyang Gyatso rốt cuộc chỉ là một quân cờ hết sức quan trọng giữa Sangye Gyatso và Lha-bzang Khan, Ngài kẹt giữa cuộc đấu tranh của họ, phiền muộn đến gần như ngạt thở. Mỗi ngày, Ngài đều chờ cơ hội, hy vọng mình có thể chạy khỏi cung Potala, đến quán rượu nhỏ Makye Ame trong thành Lhasa. Tsangyang Gyatso tin rằng, ý trung nhân của Ngài vẫn sẽ chờ Ngài trở về chốn đó, nàng sẽ không dễ tin lời đồn của thế tục, họ từng thề non hẹn biển, đã nói cùng dặt tay nhau dạo bước hồng trần. Nhưng Ngài rốt cuộc vẫn phải phụ nàng, không làm được lãng tử đường phố, Ngài đau lòng khôn xiết.

Đêm đó, Tsangyang Gyatso yêu cầu Sangye Gyatso cho phép Ngài tới phố Barkhor của Lhasa một lần nữa, vền vền một lần nữa thôi, rồi sau này Ngài sẽ chỉ kẻ cận bên Phật. Sangye Gyatso đáp ứng thỉnh cầu của Ngài, y muốn Ngài triệt để cắt đứt si niệm, từ đó an lòng sống trong cung Potala, tiếp tục nghe theo sự sắp xếp của y. Tsangyang Gyatso không biết rằng, trước đó không lâu, Sangye Gyatso đã phái người bí mật đến quán rượu nhỏ, đưa Dawa Dolma về Qonggyai. Ra lệnh cha nàng tìm kiếm đối tượng cho nàng, nhanh chóng gả đi, nếu không sẽ đem đến vận rủi cho cả gia tộc. Cách làm của Sangye Gyatso chính là nhằm triệt để đập tan hy vọng cuối cùng ở hồng trần của Tsangyang Gyatso, không phải do y tàn nhẫn, mà là cục thế ép buộc. Dao kiếm của Lha-bzang Khan lúc nào cũng có thể đâm vào trái tim họ, mọi từ bi và lời lỏng đều là vô trách nhiệm với chính bản thân.

Mặt trời lặn xuống núi phía Tây, sắc chiều âm u bao phủ bốn bề, Tsangyang Gyatso cởi áo sư, thay y phục hoa lệ đã lâu không mặc, đội mái tóc giả lên. Ngài trong gương vẫn tuấn tú như thế, nhưng gầy guộc hơn ngày trước rất nhiều, thần sắc của Ngài có mong đợi, có vui mừng, có sợ hãi, cũng có buồn rầu. Cuối cùng Ngài cũng có thể gặp cô gái ngày mong đêm nhớ,

song lần gặp gỡ này thật sự sẽ là vĩnh biệt sao? Thề ước của quá khứ, Ngài nên lấy gì để thực hiện? Không thể nghĩ nữa, lúc này Tsangyang Gyatso chỉ muốn nhanh chóng xuống núi, đến quán rượu nhỏ Makye Ame, cùng người đẹp Qonggyai uống thỏa thích. Chỉ cần một đêm khuynh thành, một đêm là được.

Màn đêm xưa nay vẫn nghiêng thành như thế, chỉ về đêm con người mới có thể buông thả bản thân, không cần đeo đẳng gánh nặng vì hành vi cuồng vọng của mình. Ban ngày là dành cho những người có chuẩn bị, ban đêm thì là để linh hồn được phóng túng mặc ý. Biết bao khách cầm ca trẻ tuổi trong thành Lhasa như nước triều đổ về nơi này, uống rượu nếp nồng đượm, hát những bài hát tình ca cảm động, chỉ để một ngày nào đó về già, có thể nói với người khác rằng, tuổi thanh xuân của tôi đã trôi qua không hối tiếc.

Bước chân vào quán rượu nhỏ, Tsangyang Gyatso trông thấy một đám thanh niên đang vui tràn, ngâm nga bài hát mình viết. Tất cả quang ảnh như hôm qua hiện lại, dù họ mê đắm trong hoan lạc của mình, vẫn có người nhìn thấy lăng tử phong lưu Dangsang Wangpo bước đến. Lúc này họ đã biết thân phận của Dangsang Wangpo, hiểu rõ Ngài chính là Phật sống tôn quý của cung Potala. Họ hướng ánh mắt nhiệt liệt về phía Ngài, nhưng không ai quỳ bái Ngài, ở nơi này, Ngài chỉ là một lăng tử, là khách qua đường cùng họ duy hý nhân sinh. Những người trẻ tuổi xem đời như vở kịch này hoàn toàn không muốn để ý tới thân phận của ai, điều họ cần chỉ là niềm khoan khoái đêm nay có rượu, đêm nay say.

Không nhìn thấy bóng dáng xinh đẹp của Dawa Dolma, bóng dáng khiến Ngài hồn bướm mơ tiên ấy, vì sao đêm nay không xuất hiện nữa? Bà chủ quán cũng biết thân phận chân thực của Dangsang Wangpo, nhưng bà không vạch trần, chỉ nhẹ nhàng nói cho Ngài biết một tin tức. Dawa Dolma của Ngài sau này cũng sẽ không trở lại nữa, nửa tháng trước, nàng bị người ta đưa đi khỏi quán rượu, rất vội gấp gáp, không để lại lời nhắn nhủ nào. Mấy ngày trước, nghe người ta đồn, cha Dawa Dolma đã tìm được đối tượng cho nàng, không lâu sau, nàng sẽ làm cô dâu của người khác.

Cảnh ngộ tương tự lại xảy ra với cùng một người, lần này Tsangyang

Gyatso vô cùng bình tĩnh, vì Ngài biết dù trời long đất lở cũng không thể thay đổi được kết cục. Mấy năm nay, Ngài đã học cách ẩn nhẫn, chỉ là trái tim bị tình yêu cửa đứt, chảy máu không ngừng, Ngài không nỡ chạm đến. Ngài hồn bay phách lạc lang thang trên đường phố Lhasa, đêm nay, Ngài là một lãng tử chân chính, ôm bầu tâm sự đau lòng đứt ruột, không tỏ cùng ai. Ngài là Phật sống, không thể quang minh chính đại đi vội tới Qonggyai, đưa Dawa Dolma trốn đến chân trời. Sau khi trời sáng, Ngài sẽ mang vết thương trở về cung Potala, từ nay về sau, ngày đêm chặm máu tự trị thương.

Ngài vẫn nhớ lời bà chủ quán, từ khi Ngài rời khỏi quán rượu, trên phố đã có quá nhiều tin đồn về Ngài. Nhưng Dawa Dolma mỗi ngày vẫn si dại chờ đợi Ngài, nàng vững tin, tình lang của nàng sẽ quay trở lại, sẽ cùng nàng nắm tay dạo bước hồng trần. Lời thề đã thành tuyết bay lả tả, gặp nước liền tan. Không biết trên đời này vì sao lại có nhiều tên đao phủ như thế, vì sao cứ tàn nhẫn vung đao chặt đứt tình duyên vốn tốt đẹp như thế. Lòng chúng thật sự không đau xót chút nào ư? Gió lạnh lướt qua, Tsangyang Gyatso phát giác mình đã đầm đìa nước mắt.

Ong sinh ra sớm quá,

Hoa nở rộ muộn rồi.

Gặp nhau thì đã trễ,

Duyên phận bạc như vôi.

Mặt trời chiếu bốn châu,

Vòng quanh núi, trở lại.

Còn người ta yêu thương,

Biên biệt ra đi mãi.

Người như bến ngóng đợi,

Lòng như phướn bay tung.

Tên ta và người ấy,

Sách vận mệnh ghi chung.

Không thể trách tội, chỉ than duyên bạc. Cứ xem là một chuyện ngoài ý muốn trong đời người, yêu nhau ngoài ý muốn, biệt ly ngoài ý muốn. Nhưng trên quyển sách số mệnh chắc chắn sẽ có một góc viết song song tên của họ, dù có ngày họ gặp nhau hay không, tên của Dangsang Wangpo và Dawa Dolma sẽ vĩnh viễn ở bên nhau, ở bên nhau.

Quyển bốn: Chuyến này đừng hận chân trời xa

Thành bại

Những câu thơ bay tới tấp như bướm bướm, vượt qua thảo nguyên, bay qua biển xanh, dừng lại ở những nơi cần tình cảm ấm áp. Chỉ là những bài thơ tình này có nhiều bản dịch, chúng ta có thể lựa chọn một bản mình yêu thích, sao chép cảm đọc.

Một kẻ hồ hững tín ngưỡng sẽ không hiểu tín ngưỡng trong lòng người chiếm vị trí quan trọng đến thế nào. Trên truyền hình và tranh ảnh trên mạng, chúng ta thường được thấy cảnh nhiều người Tạng hành hương đi đến tu viện làm lễ. Họ nhất bộ nhất bái, vái lạy trời xanh, cúi đầu xuống đất mẹ, thành kính đến nỗi khiến người xem rơi lệ. Những người này, không kẻ nam nữ, không kẻ già trẻ, không kẻ sang hèn, đều dùng cùng một phương thức, đi đến điện thờ thần thánh trong lòng. Họ không cần phải thề ước, chỉ vì tín ngưỡng trong lòng, nguyện ý gió mưa vẫn lên đường, quỳ mãi không dậy.

Trong lòng những người này, Phật là thần thánh không thể xâm phạm, là ký thác lâu dài về tinh thần kiếp này của họ. Trước lòng thành kính và si tình của họ, vẻ cao quý của chúng ta trở nên thật là hèn mọn. Mỗi khi tôi nhìn thấy những hình ảnh này, thường không nén nổi xúc động mà hỏi bản thân: “Người hạnh phúc không?” Được sống yên ổn là một việc hạnh phúc biết bao. Đây là một nhóm người hiền lành, lòng từ bi của họ sẽ khiến chúng ta dạt dào cảm động. Mọi tội ác và chiến tranh, đều là sự trừng phạt đối với bản thân, là tượng trưng của nhu nhược bi ai và vô tri ngang ngược. Trên mảnh đất tràn trề linh tính này, mọi người đều trở nên tươi cười rạng rỡ, mọi trái tim đều nên tinh khiết không vương bụi trần.

Dù trên đường đến Tây Tạng, hay ở mỗi góc ngách của cõi trần, đều lưu

truyền thơ của Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso. Những câu thơ bay tới tập như bướm bướm, vượt qua thảo nguyên, bay qua biển xanh, dừng lại ở những nơi cần tình cảm ấm áp. Chỉ là những bài thơ tình này có nhiều bản dịch, chúng ta có thể lựa chọn một bản mình yêu thích, sao chép cảm đọc. Thậm chí thêm bớt sửa đổi theo sở thích và cảm giác của mình, dốt hết khả năng khiến mình cảm động. Những bài thơ tình và thiền hòa quyen này, giống như một làn gió mát dịu, vuốt ve lòng người. Nơi chúng đến, hoang nguyên mọc lên đầy hoa, sa mạc tuôn chảy suối mát.

Lúc đó, hai con bò Yak^[1] giận dữ trên cao nguyên, Lha-bzang Khan và Sangye Gyatso đã mở màn một cuộc chiến lớn đẫm máu long trời lở đất. Còn Tsangyang Gyatso ngồi trên điện mé bên của cung Potala, nhắm mắt niệm kinh, viết tiếp những bản tình ca, bình tĩnh chờ đợi kết cục liên quan với Ngài. Nếu Phật muốn Ngài trả hết nợ của kiếp trước, thế thì tình ca chính là an ủi duy nhất của Ngài trong kiếp này. Có người nói, Tsangyang Gyatso sinh ra vì Phật, cũng có người nói, Ngài sinh ra vì tình, cũng có người nói Ngài sinh ra vì văn chương, xưa nay chưa ai từng nói Ngài sinh ra vì bản thân.

[1] Bò Yak hay Bò Tây Tạng là một loài bò lông dài được tìm thấy trong suốt khu vực Himalaya ở miền nam Trung Á, bao gồm cao nguyên Thanh Tạng và xa về phía bắc tới tận Mông Cổ. Bò lông dài và rậm bờm xồm giúp chúng không bị lạnh.

Dù trong mắt Sangye Gyatso, Tsangyang Gyatso là một Đạt Lai Lạt Ma ích kỷ, Ngài kém xa Đạt Lai thứ 5 thao lược kiệt xuất, nhưng có lúc y lại không thể không cảm động bởi sự đa tình của đứa trẻ này. Chỉ đáng tiếc họ sinh ra đã bị cuốn vào trong cục diện chính trị rối ren, muốn thoát thân đã là điều không thể. Sangye Gyatso biết, y đã chẳng còn sức khuyên nhủ thuyết phục Tsangyang Gyatso, tất cả đã quá muộn. Số mệnh Ngài định sẵn chỉ thích hợp làm một vị tình tăng, dùng tình cảm lay động lòng người, đối với Ngài, mọi tranh đấu đều là tàn nhẫn.

Trước uy hiếp hùng hổ của Lha-bzang Khan, Sangye Gyatso xưa nay vốn thâm trầm nhiều mưu lại có đôi chút cảm giác lực bất tòng tâm. Chẳng lẽ y đã già rồi sao? Không, Sangye Gyatso đang tuổi bốn mươi, có tinh lực dồi dào và sinh mệnh thịnh vượng. Một mình nắm giữ chính quyền Tây Tạng hai mươi năm, trải qua biết bao gió mưa, chẳng phải đều là một mình y tự gánh

vác vượt qua hay sao? Nhưng y dường như đã chán nản với tranh đấu và sát phạt, mỗi lần y tĩnh tọa trong điện thờ cung Potala, phát hiện ra cố gắng một đời của mình cũng chỉ là làm không công cho người khác hưởng. Người chúng sinh quý báu vẫn là vị Phật sống không lo chính sự kia, dù Ngài phạm phải sai lầm không thể tha thứ, cũng không hề ảnh hưởng đến địa vị tôn quý của Ngài trong lòng người đời.

Sangye Gyatso thật sự là người chiến thắng sao? Y có quyền lực tối cao, Phật sống là con rối của y, thế nhưng y rốt cuộc cũng chỉ là Đệ Ba, vĩnh viễn cũng không thể trở thành Phật sống, không thể danh chính ngôn thuận ngồi trên ngai Phật cao ngất, được khách hành hương thành kính quý báu. Đã đến lúc cần phân thắng bại, bất kể thành công hay thất bại, y đều phải dốc hết toàn lực sống mái một trận. Tranh đoạt kéo dài khiến y mệt mỏi không chịu nổi, cuộc sống cả ngày lo sợ không yên, thật sự đã trải qua quá đủ rồi.

Khi Lha-bzang Khan còn chưa thật sự phát động tiến công đối với Sangye Gyatso, Sangye Gyatso đã chọn hành động trước. Năm 1705, Sangye Gyatso mua chuộc nội thị phủ Khan, hạ độc vào thức ăn nước uống của Lha-bzang Khan. Ván cờ y tự cho là mưu tính tỉ mỉ, dễ dàng bị Lha-bzang Khan xảo quyệt nhìn thấu, gian tế phải đi không giữ lời hứa, đã bán đứng y. Một cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi đã mở màn trong đêm tối. Vùng đất thánh khiết đã bình yên mấy mươi năm lại phải nhuộm máu tanh.

Đây là điều Tsangyang Gyatso không muốn nhìn thấy, dù Ngài xem thường kết cục của mình, nhưng không muốn nhìn thấy ngày càng nhiều chúng sinh hài cốt chất chồng, lưu lạc khổ đau vì kiếp nạn lớn này. Thực ra trận chiến này không kéo dài bao lâu, Lha-bzang Khan như con sói đói khát, lòng đầy thù hận và dục vọng tham lam, giương ngọn cờ “Thanh quân trắc^[2]”, rầm rộ cử binh đánh dẹp Sangye Gyatso. Những người lương thiện không bao giờ muốn chứng kiến cuộc chiến tranh tàn khốc ấy, không muốn nghe thấy tiếng mài dao xoèn xoẹt trong đêm vắng, không muốn nhìn thấy mảnh đất kia bị nhuộm đỏ bởi máu tươi.

[2] Thanh trì loạn thần tặc tử bên cạnh nhà vua.

Bao nhiêu người khuyên ngăn đều vô ích, Lha-bzang Khan bị dục vọng

quyền lực bành trướng lấp đầy suy nghĩ, đã không thể bỏ đao kiếm xuống dàn hòa. Y đã quyết chí phải giành được thắng lợi, lúc này y làm sao nỡ từ bỏ quyền lực trong tầm tay, trở lại sống những ngày yên ổn vô sự? Mưu tính nhiều năm, tâm huyết nhiều năm, há chẳng phải sẽ trôi theo dòng nước chảy về đông? Không, không tận mắt nhìn thấy Sangye Gyatso đầu rơi xuống đất, kiếp này của y sẽ không được yên ổn. Một người sinh ra vì dục vọng quyền lực, nhất định phải dùng máu tươi tể lễ chặng đường sinh mệnh trắc trở của y. Quyết đấu giữa tôn giáo và thế tục, oanh liệt mở màn, lạnh lẽo hạ màn.

Sangye Gyatso đã thua, thua thê thảm, khi chiến tranh còn chưa bắt đầu, y đã đoán trước được kết cuộc. Khoảnh khắc đầu rơi xuống đất, y dường như chẳng may may lưu luyến đối với thế gian tràn đầy ánh nắng này. Thứ y có thể có được, sớm đã có được; thứ không có được, dù cố gắng hết sức ra sao, cũng không thuộc về y. Có lẽ người đời không biết, cuộc chiến tranh này do Sangye Gyatso cố ý khiêu khích gây nên, y là anh hùng, anh hùng tất nhiên có cách chết của anh hùng, do đó y phải chết ở chiến trường. Chỉ có con bò Yak ngang ngạnh Lha-bzang Khan có thể đối kháng với y, Sangye Gyatso hy vọng dòng máu của mình tuôn chảy trên mảnh đất y quyền luyến suốt đời.

Cái chết thật là bi tráng thê lương. Kẻ chiến thắng Lha-bzang Khan, giây phút nhìn thấy Sangye Gyatso đầu rơi xuống đất, phải chẳng thật sự khoái chí đến sung sướng lâm ly? Có lẽ y hiểu rõ hơn bất cứ ai, một ngày kia, y cũng phải đối mặt với cái chết bi tráng như vậy. Dù y ngông nghênh càn rỡ cỡ nào, trước cái chết đều phải đón nhận một cuộc chiến tranh đẫm máu, dùng nó để chứng thực ý nghĩa sinh tồn của y. Nhưng tuyệt đối không phải lúc này, Lha-bzang Khan lúc này nên kiêu ngạo tự mãn hướng lên trời cười lớn, xưng vương xưng bá với người đời, cúi đầu xưng thần trước dục vọng quyền lực.

Khoảnh khắc Sangye Gyatso chết, tròng hạt trên tay Tsangyang Gyatso bị đứt, đây là điềm báo, Tsangyang Gyatso đã biết trước kết cuộc. Kết cuộc của Sangye Gyatso chính là kết cuộc của Ngài, Ngài đã mất đi người bảo vệ cuối cùng. Nhiều năm nay, Sangye Gyatso đoạt mất quyền lợi Ngài nên hưởng, nhưng lại cho Ngài bần cảnh tránh gió vững chãi. Tsangyang Gyatso không hận y, lại sinh lòng đau buồn và thương xót. Nếu nhiều năm nay không có Sangye Gyatso chủ trì cục diện chính trị Tây Tạng, Ngài làm sao có cuộc

gấp gở đẹp đẽ trên đường phố Lhasa? Bất kể sự rời xa của cô gái Qonggyai có liên quan đến Sangye Gyatso hay không, Tsangyang Gyatso đều không muốn ghi nhớ thù hận. Ngài đã thực sự yêu và sở hữu, hạnh phúc ấy bất cứ Đạt Lai Lạt Ma nào cũng chưa từng có.

Quỳ trước Phật, Tsangyang Gyatso lần đầu tiên thành kính thừa nhận sai lầm của mình, cũng bình tĩnh chờ đợi kết cuộc bản thân có thể đoán trước. Ngài không sợ chết, nhưng đáng vẽ của Ngài mang cả tiếc nuối. Chết rồi thì không thể tụng kinh, không thể làm thơ, không thể gặp lại ý trung nhân, không thể nhìn thấy khách hành hương quỳ bái dưới chân Ngài. Ngài đột nhiên hối hận vì thói tùy tiện trong quá khứ, Ngài là Phật sống, không nên vì tình yêu cá nhân, bỏ rơi chúng sinh không quan tâm. Thật sự đã quá muộn, Sangye Gyatso vừa chết, cả cung Potala liền trở nên một tòa thành trống rỗng, còn ai có thể chỉ điểm non sông trong tòa thành này?

Dưới ánh trăng lạnh lẽo, Tsangyang Gyatso nhìn thấy bóng của mình, một cái bóng tịch mịch. Rất muốn ra đi, rời xa tòa thành này, cùng cô gái mình yêu nắm tay dạo bước hồng trần. Không trở về được nữa, điều giờ đây Ngài có thể làm, chính là bó tay chịu trói. Số phận sẽ cho Ngài phán quyết cuối cùng, dù công bằng hay không công bằng, tội của Ngài, tự mình chịu.

Khói mây

Dạo bước chốn hồng trần, cười ngấm cõi đời trôi nổi, chẳng qua chỉ là một áng khói mây. Nhưng thật sự mấy ai có thể hờ hững quên nhau, quên đi danh lợi, quên đi tình cảm, quên đi mọi thứ mình từng có?

Dạo bước chốn hồng trần, cười ngấm cõi đời trôi nổi, chẳng qua chỉ là một áng khói mây. Nhưng thật sự mấy ai có thể hờ hững quên nhau, quên đi danh lợi, quên đi tình cảm, quên đi mọi thứ mình từng có? Khi một ngày kia, bạn muốn bình yên sinh tồn trên đời, từ đó sống những ngày không phiền

nhieu, phải chăng như vậy, thì có thể sở toẹt những hết thấy những rồi ren trong dĩ vãng? Người từng yêu, có thể vứt bỏ, lỗi đã phạm, có thể tha thứ, lời hứa đã trao, có thể không nhất thiết thực hiện.

Chết là giải thoát, sống là gánh vác. Có người nói cái chết của Sangye Gyatso, là vì một người đàn bà, một người đàn bà từng bị y cự tuyệt. Người đàn bà này vì yêu sinh hận, lúc y rơi vào nguy hiểm, quyết liệt vung đao thay y kết liễu tất cả. Còn tôi cũng bằng lòng thêm vào một đoạn chuyện đẹp để cho cái chết của Sangye Gyatso, tô vẽ sắc thái tình cảm cho cuộc sống chính trị hai mươi năm của y. Có lẽ cái chết như thế cũng là đẹp để. Cái chết của anh hùng nên là trên chiến trường, da ngựa bọc thây. Anh hùng còn có một cách chết khác, chính là chết dưới kiếm của hồng nhan, làm quỷ cũng phong lưu.

Trên mảnh đất tình ca lan tỏa khắp trời ấy, dù cốt cách cứng rắn, cũng khó tránh mềm lòng trước phong hoa tuyết nguyệt. Trên cao nguyên, những con người đa tình kia mỗi ngày hát lại tình ca của Tsangyang Gyatso, cô gái xinh đẹp, chàng trai anh dũng, kể cả sư sãi trong cung Potala cũng bị tiếng hát ban đêm hấp dẫn, thường quên lật giờ quyền sách kinh trên tay. Trước khi Sangye Gyatso xuống tay với Lha-bzang Khan, phải chăng vì đã nghe tình ca của Tsangyang Gyatso, mà có cảm ngộ mới đối với đời người? Phải chăng y nhớ tới cô gái thời trẻ đã phụ bạc mà sinh lòng tiếc nuối và áy náy, do đó muốn nhanh chóng kết thúc tất cả?

Cái chết của vị anh hùng trên thảo nguyên Sangye Gyatso khiến tôi cảm thấy xót xa. Dù sự nắm quyền của y thay đổi số phận một đời của Tsangyang Gyatso, nhưng y lại hiểu được đạo lý nước đầy thì tràn, thịnh cực tất suy. Vào lúc bản thân lừng lẫy nhất, y lựa chọn kiên quyết quay người, hoàn toàn bất chấp lãnh thổ mà y đã tốn tâm lực cả đời xây dựng nên. Lẽ nào y đã xem nhẹ chuyện cái chết của y sẽ đem đến một nạn hủy diệt mới cho Tsangyang Gyatso, hơn nữa chính quyền Tây Tạng sẽ rơi vào trong tay Lha-bzang Khan? Thật sự cam tâm như vậy ư? Nghiệp bá ngàn xưa đều sẽ cùng chìm xuống theo mặt trời lặn, mây khói tan biến, còn có gì không cam tâm?

Còn Lha-bzang Khan ngàn ngạt ý chí chiến đấu, bị thắng lợi và vui sướng

bao bọc, làm sao chấp nhận được việc không đắp xong núi đất chỉ vì thiếu một sọt đất vào lúc này. Y trừ đi mối hiểm họa lớn âm ỉ khó đối phó là Đê Ba Sangye Gyatso, có thể nói giống như trút bỏ gánh nặng, còn con cò nhỏ Tsangyang Gyatso, đối với y đã không còn giá trị lợi dụng, Tsangyang Gyatso lúc này đã trở thành hòn đá ngáng chân Lha-bzang Khan một mình nắm lấy quyền lực chính trị Tây Tạng. Vị Phật sống trẻ tuổi, thân thể bạc nhược, làm sao cản nổi muôn ngàn người ngựa của Lha-bzang Khan? Muốn trừ đi Tsangyang Gyatso, đối với Lha-bzang Khan, thật chẳng tốn mảy may sức lực.

Ngài không sợ, ngồi nghiêm trang trên ngai Phật cao ngất, lần đầu tiên Tsangyang Gyatso cảm thấy mình thật giống Phật, hiền từ, ôn hòa, an lành, điềm tĩnh, thương xót. Khách hành hương đến cung Potala vẫn nườm nượp không ngớt, họ sẽ không vì cái chết của Sangye Gyatso mà rời bỏ Phật, không vì thói phóng đảng đa tình của Phật sống mà mất đi lòng kính trọng với Ngài. Họ càng không tin lời đơm đặt Lha-bzang Khan tung ra, không tin người viết những câu thơ tình cảm sâu đậm như vậy lại là Phật sống giả mạo. Chúng sinh thương tiếc Tsangyang Gyatso nặng tình và bi thương, Ngài có gút mắc tình cảm giống như dân thường, cam nguyện lưu lạc xuống nhân gian, cùng sống chết với cõi phàm, hướng đến tự do, theo đuổi tình yêu. Do đó, Tsangyang Gyatso chính là vị Phật sống chí cao vô thượng trong lòng họ, dù chuyện đời thay đổi ra sao, họ đều ủng hộ, kính yêu Ngài đến chết.

Nhưng những người hành hương lương thiện làm sao chống nổi Lha-bzang Khan hung mãnh bạo ngược? Y quyết chí phải giành được chính quyền Tây Tạng thêm muốn đã lâu, giờ đây bất cứ ai cũng không thể ngăn cản quyết định của y. Thử hỏi, ai có thể khiến nước lũ vỡ bờ dừng bước trong chớp mắt? Dù lúc này để y dùng sinh mạng đánh đổi, y cũng không tiếc. Từ xưa đến nay, biết bao người vì một cây quyền trượng, một chiếc ngai báu, một khối ngọc tủy^[1] tan xương nát thịt, máu tung ba thước mà không hề nuối tiếc. Dục vọng quyền lực là độc dược, trước khi nhiễm độc, có thể bạn còn trong sạch, sau khi nhiễm rồi, nó sẽ xâm nhập vào xương tủy bạn, cả tư tưởng cũng bị ăn mòn.

[1] Ngọc tủy truyền quốc là ấn triện của hoàng đế Trung Quốc, bắt đầu từ thời nhà Tần, được truyền qua nhiều triều đại, tượng trưng cho quyền lực tối cao của hoàng đế, cũng được coi là quốc bảo. Muốn củng cố tư cách hoàng đế của mình, các vua chúa dù là cướp ngôi hay được nhường ngôi, thường tìm cách chiếm cho được ngọc tủy.

Lha-bzang Khan đã trúng loại độc này, không thuốc nào giải được, chỉ có thỏa mãn lòng tham của y, một ngày kia khi y sở hữu tất cả, không còn gì để theo đuổi nữa mới có thể bình tâm. Nhưng con hổ hung mãnh, kể từ ngày làm vua chốn rừng sâu, liền sinh lòng từ bi, không mong không cầu ư?

Con người cần phải giác ngộ, Đức Phật thương xót con người, chỉ dẫn dắt bạn làm sao ra khỏi cảnh mê, chứ không thể thay thế suy nghĩ của bạn. Phật sẽ tha thứ sai lầm của bạn, nhưng không thể ngăn cản hành vi của bạn. Đối với Tsangyang Gyatso như nhược, đối với Lha-bzang Khan dũng mãnh, hoặc đối với chúng sinh như cây cỏ, Phật đều công bằng như nhau, không mảy may thiên vị. Song mỗi người có duyên phận và tạo hóa của mình, một người lỡ bước vào đường mê, không nghe khuyên giải, Phật cũng bất lực. Cũng giống như Tsangyang Gyatso, Ngài mỗi ngày đều tụng niệm kinh văn, lắng nghe Phật hiệu^[2], vẫn không đặt tình yêu xuống được. Lẽ nào duyên Phật của Tsangyang Gyatso không sâu? Ngộ tính của Ngài không cao? Không, đều không phải, tất cả những điều này đều là cục diện định sẵn trong số mệnh, không thoát ra được, chỉ có thể chấp nhận.

[2] Phật hiệu: chỉ danh hiệu “A Di Đà Phật” mà những người tin Phật thường tụng niệm.

Lha-bzang Khan muốn trừ khử Tsangyang Gyatso, không cần thu thập chứng cứ phạm tội, những bản tình ca bay lượn đầy trời kia có thể dễ dàng gỡ chiếc mũ Phật sống của Ngài. Nhưng loại bỏ Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 không phải là chuyện tùy theo ý muốn. Suy cho cùng Ngài vẫn là người thống trị cao nhất của chính giáo Tây Tạng, hơn nữa địa vị của Ngài trong lòng dân chúng Tây Tạng không thể lay chuyển, lòng yêu kính của họ đối với Ngài đã đạt đến mức gần như si mê. Lha-bzang Khan biết đã không thể lôi kéo sư sãi trong cung Potala và dân chúng Tây Tạng, y cần mượn một con dao, dùng dao người khác danh chính ngôn thuận chặt cái đầu của Tsangyang Gyatso xuống.

Thật ra Lha-bzang Khan không hề muốn Tsangyang Gyatso chết, vị Phật sống đa tình vô tội này từ đầu đến cuối đều chỉ là con rối của Sangye Gyatso. Sự tồn tại hữu danh vô thực của Ngài xưa nay không phải là uy hiếp đối với Lha-bzang Khan. Thứ Lha-bzang Khan tham luyến chính là ngai báu của

Ngài, dù y cũng không thể danh chính ngôn thuận ngồi lên, nhưng có thể tìm một vị Phật sống giống Tsangyang Gyatso, làm con rối của y, tĩ mĩ đạo diễn một màn kịch như Sangye Gyatso năm xưa. Vì quyền lực của y, hy sinh Tsangyang Gyatso cũng chẳng có gì đáng tiếc.

Tất cả những điều này, Tsangyang Gyatso không thể không biết, dù Ngài không tham gia chính sự, hiền lành đến nỗi không hiểu thói đời hiểm ác, nhưng trong lòng Ngài tỏ tường, Ngài biết rõ những điều đó, chỉ không nói ra mà thôi. Ngài hiểu rõ năm xưa Sangye Gyatso luôn coi Ngài là quân cờ để khống chế cục diện chính trị Tây Tạng, cũng hiểu rõ Lha-bzang Khan đang trăm phương ngàn kế muốn lôi Ngài từ trên ngai báu xuống. Nhưng Ngài một mực bình tĩnh, Ngài đột nhiên rất muốn trân trọng chiếc ngai báu đang rung rinh trước gió mưa này. Quỳ trước Phật, ngược đầu nhìn Phật, Phật hiền hòa từ bi trước sau như một. Thừa Đức Phật, nếu còn có kiếp sau, con nguyện suốt đời vì Người. Ngài đã khóc, khóc không thành tiếng.

Lha-bzang Khan nhẫn nhịn nhiều năm đã nôn nóng không thể chờ đợi được nữa, y phải thân tín cấp tốc vào quan ải, y phải báo cáo với vua Khang Hy ở thành Bắc Kinh, Đệ Ba Sangye Gyatso có ý đồ cầu kết người Dzungar mưu phản, đã bị y xử tử. Đồng thời trong thư liệt kê các thói hư tật xấu của Tsangyang Gyatso, hành vi buông thả không chịu ràng buộc, bản tính mê rượu háo sắc, một người không giữ thanh quy giới luật thật sự không thể là linh đồng chuyển thế của Đại Lai thứ 5. Y khẩn xin vua Khang Hy phế truất Đạt Lai giả Tsangyang Gyatso do Sangye Gyatso lập nên, triệt để vạch trần trò lừa dối nhiều năm này. Đồng thời yêu cầu một lần nữa tìm kiếm Đạt Lai Lạt Ma chân chính, trả lại cho Tây Tạng một thời buổi thái bình trong sáng.

Thế giới này thật thật giả giả, ai có thể phân biệt rõ ràng? Điều nói là thật giả không được, là giả thật không xong, nhưng đến cuối cùng ai định chắc một tiêu chuẩn cho thật giả. Bao nhiêu kẻ dối đời trộm tên, vẫn vinh quang sống trọn một đời, lại có bao nhiêu người khư khư giữ lấy hư danh, sống tạm bợ vất vả. Có câu kẻ thắng làm vua, thua làm giặc, dù dòng máu chảy trên người bạn cao quý dường nào, khi sa sút, chỉ có thể làm bụi trần dưới chân kẻ khác mà thôi. Thật giả của thân phận Tsangyang Gyatso đã không cách nào phân biệt, Lha-bzang Khan nằng nặc khẳng định Ngài là Đạt Lai giả, Tsangyang Gyatso đã mất đi chỗ dựa, cô lập không viện trợ, còn có thể gắng gượng chèo chống bao lâu trong cung Potala?

Hóa ra con dao Lha-bzang Khan muốn mượn chính là vua Đại Thanh. Duy chỉ có nhà vua có thể dùng một tờ giấy mỏng, một con dấu đỏ để đuổi Tsangyang Gyatso từ ngai Phật cao ngất, gỡ xuống chiếc mũ vàng của Ngài, cởi xuống áo sư của Ngài, khiến Ngài trong nháy mắt từ Phật sống tôn quý trở thành bá tánh bình thường. Đời người chính là một vở kịch, hôm nay diễn vai vua chúa, ngày mai có thể là áo vải. Phật sống có số mệnh của Phật sống, nhà vua có bất lực của nhà vua, Lha-bzang Khan cũng có bi ai của Lha-bzang Khan. Việc họ làm chẳng qua là cố gắng diễn nốt vở kịch này, còn phụ lòng ai, làm tổn thương ai, bản thân cũng không cách nào nắm bắt.

Kiếp số

Trải qua bao nhiêu xuân đi thu đến, trước sau không thể đo đạc dặm đường hồng trần rốt cuộc còn bao xa. Khi bạn mệt mỏi cũng không thể dừng lại nghỉ ngơi, vì thời gian cứ luôn vội vã đuổi theo, từ bờ bên này đuổi sang bờ bên kia.

Trải qua bao nhiêu xuân đi thu đến, trước sau không thể đo đạc dặm đường hồng trần rốt cuộc còn bao xa. Khi bạn mệt mỏi cũng không thể dừng lại nghỉ ngơi, vì thời gian cứ luôn vội vã đuổi theo, từ bờ bên này đuổi sang bờ bên kia. Một ngày nọ bạn dừng bước, có nghĩa là hành trình sinh mệnh sắp sửa kết thúc, mà bạn cũng đã hoàn thành sứ mệnh sinh tồn của mình. Có những người chán ngán phàm trần, một lòng cầu đỉnh ngộ siêu thoát, làm một ngọn cỏ gốc cây yên tịnh trước Phật, thấm nhuộm linh tính của Thiên. Có những người lại nguyện ý rời xa cảnh Thiên, cam nguyện rơi vào lưới trần, lưu lạc nơi thời loạn lạc, sống tinh tảo mà đau khổ.

Rốt cuộc cũng có người không tin, Tsangyang Gyatso có thể giữ được bình tĩnh khi đối mặt với phán quyết. Ngài chẳng phải là một vị tình tăng ư? Ngài đúng ra phải nhu nhược, e sợ hết thảy gió mưa rung chuyển trên đời, mọi tổn thương đối với Ngài sẽ là chí mệnh. Chúng ta vẫn tranh luận, những

thứ Tsangyang Gyatso có được và mất đi, rốt cuộc thứ nào nhiều hơn, thứ nào ít hơn. Không ai có thể đưa ra một câu trả lời chính xác, vì theo đuổi và mong tưởng của mỗi người khác nhau. Còn tôi tin chắc, đời này Tsangyang Gyatso đã được sống trong hạnh phúc, tuy tình yêu Ngài muốn không có kết quả, nhưng Ngài lại từng chân thực sở hữu. Địa vị Phật sống của Ngài dù lung lay sắp đổ, nhưng muôn ngàn khách hành hương lại chưa từng từ bỏ Ngài. Lịch sử cũng vì sự tồn tại của Ngài mà ghi lại một nét bút sâu sắc, để chúng ta đời sau ghi nhớ.

Lha-bzang Khan trình thư cho Khang Hy sẽ có kết cuộc thế nào, không cần nói cũng rõ. Vua Khang Hy anh minh, từ khi đăng cơ năm tám tuổi đến nay chưa từng dám xem nhẹ giang sơn. Nhà vua nam chinh bắc chiến mấy mươi trận, luôn nhìn sự đời mờ mịt một cách sáng suốt tỉnh táo. Lần này, Lha-bzang Khan dâng thư, dụng ý là gì, nhà vua xem qua đã rõ. Thật ra về lời đồn liên quan đến Tsangyang Gyatso, Khang Hy cũng nghe được không ít, nhà vua không hề có lòng thù địch đối với vị Phật sống trẻ tuổi mà lại đa tình này. Nhà vua từng phái người đến Tây Tạng điều tra chân thân của vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 6, tuy không có kết quả xác định, nhưng nhà vua có thể dự cảm vị Phật sống này tuyệt đối không phải người thường.

Chỉ là đế quốc Đại Thanh lúc này tuy có thể xem là thái bình thịnh thế, nhưng non sông ôn nhu phương Nam không hề khiến Khang Hy một mực mê muội. Nhà vua biết rõ phiền loạn trên thảo nguyên sẽ không ngừng nghỉ, nhiều con sói xám vì không được thỏa mãn, vẫn sẽ tru lên trong đêm vắng khiến nhà vua không thể yên lòng. Lần này Lha-bzang Khan tuy giúp nhà vua trừ đi Sangye Gyatso tinh khôn mạnh mẽ, nhưng thế lực của con sói giáo quyết Lha-bzang Khan cũng nhờ đó được mở rộng. Dù Khang Hy không cần e dè y, nhưng vẫn không thể xem thường sự tồn tại của y. Khang Hy không thể không biết, Lha-bzang Khan đến tìm nhà vua mượn dao giết người, loại trừ được Tsangyang Gyatso, Lha-bzang Khan sẽ chẳng cần kiêng kỵ, nắm giữ quyền lực chính giáo Tây Tạng.

Khang Hy không có ý đặt Tsangyang Gyatso vào chỗ chết, thậm chí vào lúc nửa đêm không người, nhà vua thi thoảng còn lật xem tập thơ sứ giả mang từ Tây Tạng về. Nhà vua gần như không dám tin, những câu thơ nặng tình đẹp đẽ đó lại do một vị Phật sống ngồi thiền trên mây, vốn nên cắt đứt hết thấy ý nghĩ trần tục viết ra. Nhà vua bỗng nhiên bắt đầu có đôi chút kính

phục, đôi chút yêu thích đôi với Ngài, vì nhà vua biết Tsangyang Gyatso ngồi ở tầm cao muôn dân không thể với tới, nhưng Ngài lại dám lưu đầy bản thân xuống phạm trần, nhàn du chốn dân gian, yêu cuồng nhiệt, sống chân thực. Còn Khang Hy cũng có ngôi cao như vậy nhưng lại bị giang sơn trói buộc, chẳng khi nào dám buông thả. Tsangyang Gyatso có thể sống vì lòng mình, theo đuổi tình yêu thế tục, mà Khang Hy lại phải sống vì muôn dân trăm họ, sớm đã đánh mất bản thân.

Nhà vua là quân vương, phải bảo vệ đất nước của mình, con dân của mình. Còn tình cảm cá nhân vĩnh viễn chỉ là nhỏ bé, một vị quân chủ anh minh, mãi mãi đều không thể có tình cảm mềm yếu, nếu không nhất định sẽ tạo nên đồ vỡ càng lớn. Chính trị là vô tình, bao nhiêu người phải làm vật bồi táng của nó, nhưng nó vẫn chưa thỏa mãn, một mực lạnh lùng đòi lấy. Rất đáng tiếc, Tsangyang Gyatso định sẵn phải làm vật hy sinh của chính trị, đây là điều duy nhất Ngài có thể làm được. Dù Khang Hy có lòng bảo vệ Ngài, cũng đã quá muộn.

Một vở kịch diễn đến cao trào thì không thể thay đổi vai chính. Dù bao nhiêu người không ngừng rơi lệ, chung quy vẫn phải diễn nốt kết cuộc. Đã là người xem, hà tất phải coi là thật, đã là thanh y^[1], việc gì phải thương tâm. Tsangyang Gyatso không có lòng làm thanh y trong kịch, nhưng Ngài lại nhất thiết phải đeo tấm mặt nạ, lúc thì là Phật sống, lúc thì là lăng tử, trong thời gian vô tình, thực hiện luân hồi bi ai. Mọi người đều cho rằng Ngài có quyền lực chí cao vô thượng, chỉ bản thân Ngài mới hiểu rõ, mình đã sống một cách hèn mọn biết bao. Chẳng qua muốn cùng ý trung nhân ở bên nhau, chẳng qua muốn vẽ mây cho nàng suốt đời, cuối cùng trở thành mê muội mà cuộc đời này khó vượt qua.

[1] Thanh y: một vai diễn trong hí khúc, mặc áo màu xanh.

Khang Hy sáng suốt không xử sự theo tình cảm, cục diện chính trị Tây Tạng cần được ổn định, không thể dẫn đến rối loạn lớn hơn bởi một Tsangyang Gyatso. Nếu nói chính trị là một canh bạc, mọi đồ vật đều có thể làm con tính, nhưng giang sơn lại không thể đem ra cược, vì không thua nổi. Nhà vua trước giờ đều không mạo hiểm, đừng nói là vì Tsangyang Gyatso, dù là vì tình cảm của bản thân, nhà vua cũng không dám. Do đó Khang Hy biết rõ mình là lưỡi dao sắc bén Lha-bzang Khan mượn để giết Tsangyang

Gyatso, cũng đành dốc túi trao ra. Đây là một mũi tên độc Lha-bzang Khan chuẩn bị sẵn sàng, y cầm chắc sẽ khiến Tsangyang Gyatso đứt ruột.

Cứ xem như là sự trừng phạt mà một vị Phật sống phạm giới cần gánh chịu, vì cục diện chính trị Tây Tạng, vì giang sơn Đại Thanh, Khang Hy hy sinh Ngài, cũng không tiếc. Chỉ mong sự hy sinh ấy, có thể khiến mảnh đất này từ đâu không còn sát phạt máu tanh, trở lại thánh khiết và bình yên như lúc trước. Người dân lương thiện có thể hạnh phúc chăn thả, vui vẻ ca hát, đời đời kiếp kiếp an cư lạc nghiệp trên thảo nguyên. Khang Hy rút cuộc vẫn hao tổn tâm tư, nhà vua phái Thị lang^[2] Hách Thọ đến Tây Tạng, sắc phong Lha-bzang Khan làm “Dực Pháp Công Thuận Hãn^[3]”, ban cho y một chiếc ấn vàng. Ra lệnh phế bỏ chức vị ở cung Potala của Tsangyang Gyatso, “chấp hiến kinh sư”.

[2] Thị lang: Chức quan thời xưa. Thời Minh Thanh, Thị lang tương đương Thứ trưởng các bộ của chính phủ, địa vị sau Thượng thư (tương đương Bộ trưởng).

[3] Dực Phát: Phò tá, giúp đỡ Phật pháp.

Chấp hiến kinh sư, chính là áp giải Tsangyang Gyatso từ Tây Tạng về kinh. Trong mắt người khác đây là trừng phạt nghiêm khắc đối với Tsangyang Gyatso, thực ra là cách Khang Hy bảo vệ Ngài. Vì Khang Hy hiểu rõ, Tsangyang Gyatso bị phế bỏ chức vị ở Tây Tạng thì sẽ là tù nhân dưới thềm của Lha-bzang Khan, nhưng Ngài vẫn được muôn dân ủng hộ, với cá tính của Lha-bzang Khan, làm sao dễ dàng tha cho một người lúc nào cũng mang lại mối uy hiếp cho y? Do đó Khang Hy sai người áp giải Tsangyang Gyatso đến kinh thành, giúp Ngài thoát khỏi sự mưu hại của Lha-bzang Khan. Trước tiên phải giữ được tính mệnh thì sau này mới có thể tính toán về sự đi hay ở của Ngài.

Bất kể Tsangyang Gyatso có phải là linh đồng chuyển thế thật sự hay không, đã từng phạm sai lầm thế nào, nhưng Ngài chung quy vẫn là một người chí tình chí tính. Cá tính từ bi mềm yếu của Ngài trước giờ không gây tổn hại cho một ai, lại bị người khác thao túng số phận một cách vô tội. Đồng thời Ngài trải qua lễ lớn tọa sàng, từng được muôn dân quỳ bái, từng vào ở trong cung Potala, từng làm vương giả chân chính. Một vị vương giả,

dù cùng đường bí lối, cũng không nên bị chà đạp đến mức chẳng còn tôn nghiêm. Nhưng Khang Hy cũng không thể cho Ngải tự do, vì với tính tình của Ngải, chỉ cần vừa cởi áo sư, chắc chắn sẽ tiếp tục du hí hồng trần. Lúc đó, với địa vị của Ngải trong lòng dân chúng Tây Tạng, họ sẽ hết sức ủng hộ Ngải, lẽ nào lại chẳng gây nên một trận gió mưa chẳng thể ngăn cản?

Cách làm của Khang Hy có thể nói dụng tâm vất vả, nhưng người hiểu rõ lại có mấy ai? Khi sứ giả phái đi truyền đạt ý chỉ của vua Đại Thanh sẽ gây nên sóng to gió lớn dường nào? Trăng có tối sáng tròn khuyết, người cũng như vậy, khi bạn khuyết mờ, có lẽ chính là lúc người khác tròn sáng. Lhabzang Khan cuối cùng cũng thỏa nguyện giành được quyền lực mình muốn, trừ đi tâm phúc đại họa Sangye Gyatso, lại sắp sửa đuổi được Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso. Từ đây mảnh đất Tây Tạng sẽ mặc cho con chim ưng hùng mạnh này dang cánh ngang dọc, khi tâm nguyện cả đời y được thỏa mãn, phải chăng cũng sẽ có một chút trống vắng nhợt nhòa?

Bồ đề

Mỗi người đang sống đều có trách nhiệm, nhưng những điều này cũng chỉ là khói bụi rơi trên vạt áo, vừa thổi đã tan. Đối với những bóng lưng đã không thể níu giữ, thành tâm nói một tiếng trân trọng, chẳng phải là tốt hơn hay sao?

Hãy làm một đám mây trôi ngẫu nhiên bồng bềnh trên bầu trời, đi lướt qua tất cả vinh nhục của phàm trần, còn những bụi hồng hời hả đi đến đâu kia chỉ là khói lửa của người khác, chúng ta chẳng cần tốn công để ý. Dù là như thế, nhưng chúng ta vẫn sẽ lạc lối vì những vẻ đẹp hư ảo, sẽ rầu rĩ vì một câu chuyện không có kết cuộc. Mỗi một lần quay đầu, đều là vì có người và việc không thể cắt bỏ, mỗi một lần thương cảm, đều là vì hồng trần còn có bận tâm khó dứt. Mỗi người đang sống đều có trách nhiệm, nhưng những điều này cũng chỉ là khói bụi rơi trên vạt áo, vừa thổi đã tan. Đối với những bóng lưng đã không thể níu giữ, thành tâm nói một tiếng trân trọng,

chẳng phải là tốt hơn hay sao?

Khi những người dân lương thiện vẫn đang chần thả trên thảo nguyên, truyền xướng tình ca tuyệt diệu mà Phật sống viết, Lha-bzang Khan đã nôn nóng đem thánh chỉ của Khang Hy đến nơi. Cung Potala thần thánh trang nghiêm tụ tập rất nhiều sư sãi, còn có những người hành hương gió bụi dặm trường. Cái chết của Sangye Gyatso khiến họ đã có dự đoán nhạy cảm, biết vị Phật sống tôn quý của họ sắp sửa phải đương đầu với một tai kiếp lớn. Họ quyết ý ở bên Ngài cùng chống chọi lại trận gió bão này, dùng nó để chứng minh lòng kính yêu của họ đối với Phật sống và tín ngưỡng cháy mãi không tắt trong lòng.

Chấp hiến kinh sư. Lha-bzang Khan ra vẻ trịnh trọng truyền đạt ý chỉ của vua Khang Hy, nụ cười hơi nhếch trên khóe miệng và ý chế giễu nhiệt liệt trong lòng y, thoáng nhìn đã thấy rõ mòn một dưới ánh dương. Y không nói dối, tất cả những điều này đều là sự thật, bên trên có con dấu Khang Hy tự tay đóng. Lha-bzang Khan giáo quyết khiến cho vua Đại Thanh tin Đạt Lai thứ 6 không phải là Phật sống thật, dễ dàng phá hủy giang sơn Đệ Ba Sangye Gyatso mười mấy năm khổ tâm vun vén. Hiện giờ y không cần tự mình ra tay, chỉ cần mượn chỉ thị của nhà vua giết chết Tsangyang Gyatso. Giải về kinh thành, Tsangyang Gyatso sẽ chịu một số phận ra sao? Chẳng ai đoán biết được, nhưng bất cứ ai cũng hiểu rõ, vua Đại Thanh uy nghiêm làm sao có thể tha thứ cho một vị Phật sống giả, một lăng tử mê rượu háo sắc?

Vị Phật sống chí cao vô thượng trong lòng họ chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành một tên tù nhân, chuyển đi này mây núi muôn dặm, lạnh dữ khó lường, còn có ngày trở lại hay sao? Những người dân chất phác lương thiện ấy trước giờ đều tin tưởng tất cả sinh linh trên mảnh đất này đều có tình cảm, núi thần hồ thánh, cỏ xanh bò cừu, đều hiểu được lời nói của họ, có cùng tín ngưỡng. Vị Phật sống mà họ thành kính lễ bái sớm đã bén rễ trong lòng họ, bất cứ lời đơm đặt nào đối với họ cũng là nói nhảm, vào tai này ra tai kia.

Các sư nhất trí không chịu thừa nhận cách nói của Lha-bzang Khan, yêu cầu biện hộ với vua Khang Hy, nói Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso là lạc lối bồ đề, là du hý tam muội^[1]. Lạc lối, đúng vậy, Ngài là một gốc bồ đề mọc

trước Phật, vì tuổi trẻ vô tri, không chống nổi những cám dỗ của khói lửa nhân gian, sa nhàm lưới trần, kết một cuộc tình duyên. Ai chẳng từng có thời trai trẻ, ai chẳng từng phạm phải lỗi lầm, Phật không phải từ bi hay sao? Chẳng lẽ một đứa trẻ lầm đường lạc lối không nên được tha thứ, không nên được bỏ qua?

[1] Du hý tam muội: Tam muội là dịch âm chữ Phạn “samādhī”, nghĩa là chính định, dùng công tu hành trừ sạch được hết trần duyên mà nhập vào cõi màu, rỗng không vắng lặng. Du hý tam muội: nhập định xuất định thuận mặc tự nhiên.

Phật chẳng phải đã nói quay đầu là bờ ư? Nếu Ngài bằng lòng quay đầu, lỗi đã phạm được đền bù, tất cả chẳng phải có thể làm lại từ đầu sao? Hoa rồi mờ mắt người, tình yêu đẹp đẽ chính là một cảnh hoa nở rục rở, mà Tsangyang Gyatso vì trẻ tuổi đa tình, bị vẻ xán lạn che mờ đôi mắt, xét về tình thì có thể tha thứ. Phật trước giờ đều không trừng phạt chúng sinh, chỉ dẫn dắt những người lỡ bước lạc lối vào đường ngay, khiến người tu dưỡng không đủ đọc lại kinh văn, tham ngộ bồ đề.

Du hý tam muội cũng là như thế, Tsangyang Gyatso chỉ là một đứa trẻ hiểu đời chưa sâu, không thể chịu nổi cám dỗ của tình yêu, ném trộm trái cấm. Ngài chẳng qua chỉ muốn cùng ý trung nhân nắm tay dạo bước hồng trần, yêu hết mình một lần, dùng tuổi thanh xuân đổi lấy một lần tim đập mạnh. Trước giờ chưa từng hỏi sẽ có hậu quả ra sao, Ngài thậm chí còn ảo tưởng cho rằng, mình không hại người chính là từ bi lớn nhất. Tsangyang Gyatso viết thơ tình chỉ để bày tỏ tình cảm chân thực trong lòng, cũng chưa từng nghĩ những vần thơ này sẽ lưu truyền đến dân gian. Ngài đến phố Barkhor uống rượu, gặp gỡ cô gái Qonggyai, cũng chỉ là để khuây khỏa nỗi buồn, chưa từng nghĩ chuyện này lại trở thành lý do Lha-bzang Khan dùng để loại bỏ Ngài.

Trò chơi của một cá nhân, bi ai của muôn ngàn người. Thân là Phật sống, không thể bài trừ tất cả tạp niệm, không thể tâm thần bình tĩnh, Ngài có lỗi. Nhưng lỗi của Ngài, không có nghĩa Ngài không phải Đạt Lai thật. Bất cứ ai cũng biết, đây là cái có Lha-bzang Khan dùng để đối phó Tsangyang Gyatso, mà lời biện hộ các vị sư già đưa ra đã trở thành nói suông, không mấy may tác dụng. Y muôn dặm xa xôi đi đến kinh thành, xin về thánh chỉ của vua Đại Thanh, làm gì có chuyện vì mấy vị sư già mà từ bỏ quyền lực địa vị y

chìa tay lấy được. Không có đất vãn hồi, mặc cho họ đầm đìa nước mắt biền hộ van nài, lòng dạ lạnh lùng cứng rắn của Lha-bzang Khan chẳng mảy may lay động.

Tsangyang Gyatso một mình ngồi yên trên lầu mé bên của cung Potala, Ngài không thể không biết thế giới ngoài kia đã rối ren đến mức nào. Ngài không sợ chết, nhưng Ngài không nỡ rời mảnh đất đã bao dung Ngài, tôn vinh Ngài, không nỡ rời dân chúng đã tin tưởng Ngài, phụng dưỡng Ngài. Ngài không thể không biết, lần này đặt chân lên con đường núi cao sông rộng, sau này sống chết chưa rõ, cũng chẳng còn có ngày trở về. Ngắm Phật một lần nữa, điều Ngài có thể làm chỉ là than thở. Nếu không phải Ngài buông thả, có lẽ Đệ Ba Sangye Gyatso sẽ không chết, dù y nắm chặt cây quyền trượng vốn thuộc về Phật sống, nhưng y cũng có một trái tim yêu quý muôn dân Tây Tạng.

Sangye Gyatso nào đã thật sự làm tổn thương Tsangyang Gyatso? Y không tín nhiệm Ngài, là bởi trong mắt Sangye Gyatso, Tsangyang Gyatso chỉ là một đứa bé nhu nhược đa tình. Ngài không có dự vọng đối với chính trị, do đó không gánh vác nổi lá cờ nặng nề của chính giáo Tây Tạng. Tất cả những gì y làm, không chỉ là vì thỏa mãn dự vọng và chí hướng cá nhân đối với quyền lực, dù chiếc ngai báu nạm vàng dát ngọc kia khiến y từng mất ngủ lúc nửa đêm, nhưng đây không phải là vương vị thế tục. Có lẽ tấm máu hăng hái chiến đấu, dốc hết tất cả sống mái một trận có thể đổi lại áo rồng bọc thân, chuyển thế của Phật sống sớm đã có nhân duyên từ trước, thứ Sangye Gyatso có thể có được là quyền lực thật sự, chiếc ngai báu kia mãi mãi là trang sức chạm trổ hư cấu trong mộng, chẳng chút dây mơ rễ má với y.

Náo kịch đã tạo thành, chưa chờ tới kết cuộc cuối cùng thì người xem còn chưa thể ra về. Cung Potala lúc này bị bao vây đến giọt nước không lọt, mọi người từ các góc ngách trên cao nguyên núi tuyết hội tụ về bên Đạt Lai, rạp mình quỳ lạy trên quảng trường cung điện. Gió xuân se lạnh lướt qua vạt áo họ, lướt qua khuôn mặt đầm đìa nước mắt của họ. “Nếu Đại sư này không phải là chuyển sinh của Đạt Lai thứ 5, ma quỷ đập nát đầu ta.” Đây là lời họ nói, rất thành khẩn, rất kiên định, vừa nói vừa khóc.

Những người dân hiền lành xưa nay chưa từng trách móc việc làm rời kinh phản đạo của Phật sống. Hành vi hoang đường mà trong mắt Lha-bzang Khan cho là không thể tha thứ, thì trong lòng chúng sinh lại là sự cố chấp của vị Phật sống dám vì tình yêu bất chấp bản thân. Nhưng lòng dạ rộng rãi và trái tim từ bi của họ không thể sửa đổi giới luật nghiêm ngặt Phật tổ quy định ra, không thể vượt qua rào cản cấm đoán của thế tục. Họ bất lực tụ tập một chỗ, quỳ bái trên mặt đất băng giá, đau lòng khôn xiết.

Nỗi lưu luyến và lòng kính yêu của họ đối với Tsangyang Gyatso càng chọc giận Lha-bzang Khan. Nhưng Tsangyang Gyatso không đợi quân đội của Lha-bzang Khan ra tay, đã ra khỏi gác bên, bình tĩnh đối diện với Lha-bzang Khan. Mấy giây ngắn ngủi, đôi mắt trong sáng kia khiến Lha-bzang Khan cảm thấy kinh hoàng vô cớ. Y thừa nhận một cách sâu sắc, chàng trai vô cùng tuấn tú trước mắt chính là Đạt Lai thật sự. Biết rõ là sai lầm, y vẫn phải đã sai thì sai luôn, chỉ cần trừ bỏ Ngài, cung Potala vàng son rực rỡ này từ nay sẽ là vương quốc của y. Y sẽ thay thế Sangye Gyatso thống lĩnh muôn dân Tây Tạng, dù họ có ủng hộ y hay không, y chỉ cần kết quả.

Nhìn dân chúng quỳ đầy trên mặt đất, Tsangyang Gyatso bình tĩnh cuối cùng cũng không thể kìm nén được, để dòng lệ nhạt nhòa đôi mắt. Ngài thực sự động lòng vì những chúng sinh tín ngưỡng Ngài một cách đơn thuần này. Thói ngỗ ngược trong quá khứ đã là một tàn cục không thể thu dọn, bày trên khám thờ Phật rộng lớn của cung Potala, tán loạn bừa bộn. Kết cuộc ấy khiến Tsangyang Gyatso trong lòng hổ thẹn, thẹn với chúng sinh, thẹn với Phật tổ, cũng thẹn với giai nhân. Vinh dự và ân sủng được hưởng nhiều năm nay đã đến lúc phải trả lại, bao gồm buồn khổ bị cầm tù, cũng đã đến lúc cần kết thúc.

Thảm kịch

Ngài xưa nay không hy vọng bản thân suốt đời ru rú trong cung Potala, làm một vị Phật sống hữu danh vô thực, trở thành con cò người khác mặc ý

sắp đặt. Do đó mới năm lần bảy lượt tùy tiện làm càn, gây ra thảm kịch không thể vãn hồi này.

Có một số nơi nên được con người vĩnh viễn ghi nhớ, dù lưu truyền bao nhiêu năm tháng, những câu chuyện đã từng xảy ra vẫn rõ mồn một như hiển hiện trước mắt, phảng phất như mới hôm qua. Cũng có người nói, đời người vốn dĩ đã có quá nhiều gánh nặng, chúng ta nên học cách lãng quên. Một người không nên dễ dàng hứa hẹn điều gì, đã hứa thì phải làm được. Dù đối với một chiếc lá cây, một con sâu cái kiến, một làn khói lửa, cũng phải có sự trình bày. Người và người vốn dĩ khác nhau, chúng ta không thể lấy tiêu chuẩn của mình để đo lường người khác, cũng không thể lấy phương thức sống của người khác làm quy tắc của mình.

Khó rời bỏ cuối cùng cũng phải rời bỏ. Ba trăm năm trước, tu viện Drepung của Lhasa cử hành một cuộc biệt ly đau đớn, nung nấu một trận gió bão vô tình. Tu viện Drepung là một trong sáu tu viện lớn của Hoàng Giáo^[1], quy mô hoành tráng, quần thể kiến trúc màu trắng nối tiếp nhau san sát trải đầy sườn núi, nên gọi là Drepung, tượng trưng cho sự phồn vinh. Tu viện Drepung xinh đẹp là tu viện lớn nhất trên toàn thế giới, số lượng sư sãi lúc đông nhất lên tới trên mười ngàn người. Đứng yên hồi lâu ở bất cứ một phương vị nào của tu viện Drepung, đều có thể nhìn thấy núi non trùng điệp nhấp nhô và những áng mây vĩnh viễn không tan. Ngày nay nó yên tĩnh tọa lạc trên mảnh đất mênh mông thánh khiết của cao nguyên, có bao nhiêu người còn nhớ được ba trăm năm trước nó cũng từng trải qua một cuộc tranh đấu gió tanh mưa máu?

[1] Sáu tu viện lớn của Hoàng Giáo: Drepung, Sera, Ganden (Lhasa, Khu tự trị Tây Tạng), Tashilhunpo (Shigatse, Khu tự trị Tây Tạng), Kumbum (Tây Ninh, Thanh Hải), Labrang (Cam Túc).

Mãi đến hôm nay, người đến tu viện Drepung lễ bái vẫn nườm nượp không ngớt, họ đều chỉ là một số khách hành hương bình thường, đeo tay nải, xoay kinh luân, mục đích là triều bái Phật tổ trang nghiêm. Họ từ nhiều nơi khác nhau đến thành cổ Lhasa, mang theo ước hẹn của kiếp trước, không hồi hận ở kiếp này. Ba trăm năm trước, dòng người như nước triều tuôn chảy, nhưng họ không phải đến lạy Phật cầu nguyện, mà là vì hăng hái quên mình giải cứu vị Phật sống trẻ tuổi Tsangyang Gyatso. Chẳng ai muốn để một miền đất thánh khiết chịu sự tiếm nhiễm vẩn đục của cõi trần, chẳng ai

không mong yên bình thanh tịnh mà lại muốn bốn bề chiến tranh.

Tsangyang Gyatso, vị Phật sống chí cao vô thượng của cung Potala năm xưa, trong khoảnh khắc trở thành tên tù dưới thềm. Cảnh ngộ kịch tính của Ngài khiến vô số dân chúng nảy sinh cảm khái họa phúc khó lường. Họ là những người tin ở số mệnh, tin tưởng cỏ cây bò cừu nơi này đều có chuyển thể luân hồi, đều có thể biết kiếp trước đời này. Nhưng họ không tin vị Phật sống họ kính yêu ủng hộ lại là giả, không tin một người trẻ tuổi chí tình chí tính lại phải gặp biến số to lớn dường ấy.

Điều duy nhất họ có thể làm được, chính là hết sức giúp Tsangyang Gyatso thoát khỏi kiếp nạn này, chỉ cần không rơi vào tay Lha-bzang Khan, thì có thể không phải chịu trừng phạt của vua Khang Hy. Họ vốn là những mục dân tự do nhất trên thảo nguyên, không quan tâm chính sự nước nhà, không hóng hót chuyện phải trái trên đời, chỉ giữ tín ngưỡng của mình, quý bái Phật sống họ nhận định. Chẳng lẽ điều này cũng là sai ư? Vì sao luôn có nhiều người muốn khiêu khích phân tranh, vì một địa vị hư ảo, cam nguyện khuấy nát bình yên của họ?

Hôm ấy ánh nắng thật là rực rỡ, nhưng dân chúng đến tiễn đưa trong gió lại cảm thấy lạnh lẽo thấu xương. Khi sứ giả của Khang Hy và quân đội Lha-bzang Khan áp giải Tsangyang Gyatso từ cung Potala ra, quanh co đi đến tu viện Drepung, một hành động mưu tính từ lâu đã triển khai trong chớp mắt. Mười vị sư sãi thừa lúc quân lính không phòng bị, nhanh chóng xông lên phía trước cứu Tsangyang Gyatso từ trong đội ngũ của chúng. Tsangyang Gyatso còn chưa rõ chuyện gì xảy ra, cửa tu viện Drepung đã đóng chặt. Một số sư sãi còn lại và tín đồ lập tức chắn ngay trước cửa, con đường trước tu viện Drepung kẹt cứng như nêm cối.

Trong tu viện Drepung, Tsangyang Gyatso từ trong tình cảnh kinh động tâm phách vừa rồi hoàn hồn trở lại, Ngài vô cùng cảm động trước sự ủng hộ của các sư sãi đối với Ngài. Nhưng Ngài hiểu rõ hơn bất cứ ai, các sư chống lại Lha-bzang Khan chẳng khác nào châu chấu đá xe. Sứ giả vua Đại Thanh phái đến và quân đội rầm rộ của Lha-bzang Khan làm sao có thể buông tha cho Ngài, các sư bất chấp hậu quả giải cứu Ngài như thế, sẽ đem đến tổn thương cho chính bản thân họ. Lha-bzang Khan chỉ cần cho họ một tội danh

cướp đi khâm phạm, thì có thể giết chết dân chúng cản đường ngay tại chỗ mà không bị quy vào tội giết người.

Quân Mông Cổ ngoài tu viện đằng đằng sát khí, có xu thế dùng vũ lực xông lên, nhưng mấy trăm vị võ tăng đứng sừng sững trước cửa tu viện, đông đảo dân chúng cũng vây quanh, không chịu nhượng bộ mảy may. Quân đội võ trang toàn bộ của Lha-bzang Khan đã bao vây vòng trong vòng ngoài tu viện Drepung, giằng co như thế nửa ngày, một trận tranh đoạt đẫm máu ngay lập tức sẽ diễn ra. Lha-bzang Khan phần nộ đã không còn nhẫn nại nữa, lệnh cho quân đội dùng vũ lực xông tới cửa tu viện, nhiều tín đồ bị chúng giẫm đạp dưới chân, đao kiếm vô tình vung lên chém tới tấp vào những người vô tội này.

Một trận chiến đẫm máu diễn ra ở tu viện thần thánh trang nghiêm, so với trong thế tục càng tàn khốc hơn, càng bi tráng hơn. Tsangyang Gyatso không nỡ nhìn thấy những con dân vô tội ủng hộ Ngài phải chết dưới đao kiếm của binh sĩ Lha-bzang Khan nữa. Không muốn đời này của mình thêm nhiều tội nghiệt nữa. Ngài đi ra khỏi tu viện, bó tay chịu trói. Nhưng nhìn thấy máu tươi tuôn chảy như suối, Ngài hiểu ra, rốt cuộc vẫn là quá muộn. Chẳng có một cuộc đấu tranh nào diễn ra mà không phải đạp trên máu tươi và hài cốt. Quay đầu nhìn cung điện hoa lệ, vương vị sáng chói trong lịch sử, đều ẩn giấu quá nhiều bi kịch và đau xót.

Ở âm tào địa phủ,

Diêm vương có tấm kính.

Người phải trái không rõ,

Kính thiện ác phân minh.

Xin Hộ pháp Kim Cương

Khấp trên trời dưới đất

Trở pháp lực thần thông,

Diệt kẻ thù đạo Phật.

Chẳng lẽ nhân gian này thật sự có một tấm gương sáng, có thể soi thấy phải trái thiện ác, có thể nhìn được rõ ràng cảnh đời vẩn đục, lòng người lãnh đạm? Gương sáng phủ bụi, lòng người trá trở, quá nhiều dối trá và lừa gạt, quá nhiều xấu xa và phản bội, cản chúng ta ngăn chặn. Phật phù hộ chúng sinh, chúng sinh hướng đến Phật. Nếu mỗi người đều ít một chút dục vọng, nhiều một chút ý tốt, có lẽ thế gian này sẽ không có nhiều giết chóc như thế. Trước thói ngu muội và tàn nhẫn của người đời, khi Phật không thể khuyên ngăn thì chỉ còn biết than thở. Lẽ nào Phật thật sự có thể hiển linh, dùng pháp lực thần thông của Người để vỗ về người hiền, diệt trừ kẻ dữ?

Khi Tsangyang Gyatso bị áp giải đi, các sư hô lớn Phật hiệu, rơi lệ rờn rờn; tín đồ cúi đầu gào khóc, kinh động trời đất. Ngài không quay đầu, đó là vì Ngài không nỡ để họ nhìn thấy trong mắt Ngài đang rung rung lệ. Bóng lưng ấy là một điềm dữ, có nghĩa Tsangyang Gyatso lần này đi kinh thành, sẽ vĩnh viễn chẳng có ngày về. Đột nhiên tôi cảm thấy Tsangyang Gyatso chính là một đóa sen mọc rễ trong bùn loãng, từ kiếp trước được bứng trồng đến kiếp này, lại từ kiếp này dời đến một góc khuất không ai hay biết nào đó.

Năm xưa, những tín đồ kia vô cùng nhiệt liệt đón Ngài đến, giờ đây lại vô cùng bi tráng tiễn Ngài đi. Ngài từng rực rỡ như sao sớm, dù là đêm đen cũng không che lấp nổi ánh sáng của Ngài. Ngày nay Ngài rơi xuống trần ai, đón nhận số phận bị năm tháng chôn vùi. Ngài xưa nay không hy vọng bản thân suốt đời ru rú trong cung Potala, làm một vị Phật sống hữu danh vô thực, trở thành con cò người khác mặc ý sắp đặt. Do đó mới năm lần bảy lượt tùy tiện làm càn, gây ra thảm kịch không thể văn hồi này.

Trong mỗi vở kịch của đời người đều ẩn giấu một kết cuộc, chúng ta tự biên tự diễn tình tiết kịch, cố chấp cho rằng có thể theo ý tưởng ban đầu diễn đến cuối cùng, thật ra người bị lừa dối nhiều nhất chính là bản thân. Tsangyang Gyatso cho rằng mình không để lại thứ gì, cho rằng mình ra đi như vậy thì có thể từ đây không còn tin tức. Chỉ mong hồn phách mình

quanh quần trên mảnh đất đã nuôi dưỡng Ngài, khăn cầu nhân dân Tây Tạng triệt để lãng quên Ngài. Ngài không biết, tình ca của Ngài giống như hương lửa trong cung Potala, mãi mãi không tắt.

Tsangyang Gyatso chưa từng rời khỏi cao nguyên, sớm đã nghe nói kinh thành phồn hoa như gấm. Mảnh non sông ấy từng thai nghén vô số câu chuyện anh hùng đuổi hươu Trung Nguyên^[2], máu biếc cát vàng. Còn có phương Nam thanh nhã, ấp ủ nhiều truyền thuyết cảm động về tình yêu trai gái quyền luyến không rời. Ngài từng khao khát phóng đăng, hướng đến phiêu bạt, cùng ý trung nhân nắm tay dạo bước nhân gian, giờ đây số phận thỏa mãn tâm nguyện của Ngài, chỉ có điều bên mình thiếu đi một má hồng. Nhìn về phương xa, tưởng tượng bờ bên kia mà mình chưa từng đến, không hiểu nó cất giữ khói lửa ra sao? Khói lửa vốn nên thuộc về phàm trần đó vốn không liên quan với Ngài, giờ đây cần Ngài một mình ném trái.

[2] Sử ký của Tư Mã Thiên viết: “Tàn mắt con hươu, thiên hạ cùng săn đuổi”, sau dùng để chỉ việc tranh giành thiên hạ. “Đuổi hươu Trung Nguyên” nghĩa là tranh đoạt vùng Trung Nguyên.

Ngài không hề cô độc, sự sãi tiền biệt Ngài, tín đồ tiền biệt Ngài. Nhưng vì sao bước chân lại nặng nề như thế, chẳng phải là vội đi đến chỗ chết hay sao? Ngài nên không sợ, vua Đại Thanh có thể làm gì được Ngài? Người gọi là Khang Hy ấy, lẽ nào chưa từng có nỗi bi ai tương tự - bi ai của vương giả. Đó là một tầm cao cách biệt với đời, bất cứ một người bình thường nào cũng không thể cảm nhận được nỗi tịch liêu và hoang vu trong đó.

Tsangyang Gyatso xem cuộc đời mình là một quyển sách kinh mà người khác đọc không hiểu, Ngài luôn lạnh lùng lật xem, những ngày không biết nguyên nhân ấy, hoảng hốt mà tỉnh táo, mơ hồ mà rõ ràng. Sách kinh không phải là thơ tình, không có vần luật, không có bằng trắc, không có đau buồn, cũng không có thương cảm. Chỉ có một đoạn nhỏ ý thiên, một đoạn lớn trống trải hoang vu. Khiến người hồ đồ càng thêm hồ đồ, người tỉnh táo càng thêm tỉnh táo. Mà Tsangyang Gyatso thì là một người nửa tỉnh nửa mê.

Năm tháng có tình, đời thừa không bến. Đây là hành trình lần thứ hai trong đời Tsangyang Gyatso. Ngài từng từ địa phương nhỏ bé Monyu chốn quê nhà, mang theo tâm sự ngây ngô chẳng biết gì đến Lhasa, đón nhận thân

phận cao nhất Phật ban cho. Hôm nay lại từ cung Potala lưu đầy đến kinh thành xa xôi, chuẩn bị đón nhận sự trừng phạt nghiêm khắc nhất của vua Đại Thanh. Đều nói Phật sống có linh tính thông thấu nhất thế gian, Ngài đúng ra có thể biết trước ngày mai của mình. Nhưng Tsangyang Gyatso đeo một thân xiềng xích, nhìn phương xa thăm thẳm, cảm thấy bản thân thật sự là một cây bồ đề lạc lối, giống như một câu đố, thê lương đi lại giữa thế gian.

Thề ước

Tình ca của Ngài quanh quẩn trên cao nguyên, như áng mây đầy trời, có làn khói không dứt. Kinh phước pháp phôi trong gió, như đang vẫy tay, cũng là đang kêu gọi. Còn có những kinh luân chuyển động mãi không ngừng, kể về những lời người đời nghe mãi không hiểu.

Dường như mọi câu chuyện đều không thiếu được một đoạn ly biệt. Nếu nói bắt đầu là vì kết thúc, thế thì gặp gỡ là để biệt ly. Trong mắt nhiều người, ly biệt nên mang một vẻ đẹp thê lương thương cảm, nhưng tôi cho rằng, có nhiều ly biệt lại đem đến cho người cảm giác như trút bỏ gánh nặng. Vì không phải cứ sống với nhau là khiến người người vui vẻ, thời gian lâu rồi thường sinh ra lòng chán ngán. Lúc đó, điều mong mỏi chính là ly biệt, dù ngắn ngủi hay lâu dài, chỉ nguyện ý xa nhau. Chưa từng nghĩ, vừa xa cách đã là một đời. Luôn muốn tìm cơ gặp lại, nhưng vẫn bị năm tháng phũ phàng, từ nay về sau, không còn gặp nhau được nữa.

“Trường đình ngoại, cổ đạo biên, phương thảo bích liên thiên^[1]...” Biệt ly trong tưởng tượng nên là như vậy, đường cũ lưu luyến, trường đình tiễn biệt, người ra đi kéo vạt áo lau nước mắt, cảm thương vô hạn. *“Phong tiêu tiêu hệ Dịch Thủy hàn, tráng sĩ nhất khứ hệ bất phục hoàn^[2].”* Hoặc là sông Dịch tiễn biệt, thê lương bất tận. Còn tôi luôn nghĩ đến tình cảnh ba trăm năm trước khi Tsangyang Gyatso rời đất tuyết cao nguyên, mây núi mênh mông, gió trắng lồng lộng, thì nên là một vẻ hoang vắng thế nào? Vạn vật đều đang tiễn biệt Ngài, rơi lệ vì Ngài, cảnh tượng này so với tiễn biệt ở

trường đình và sông Dịch càng làm cảm động lòng người, càng bi ai thế lương.

[1] Ngoài trường đình, bên đường cũ, cỏ thơm xanh tận chân trời. Đây là ca khúc “Tống biệt”, nhạc John Pond Ordway (Mỹ), lời Lý Thúc Đồng (Trung Quốc).

[2] Gió hiu hắt chừ, sông Dịch lạnh ghê. Tráng sĩ ra đi chừ, không bao giờ về. Đây là hai câu thơ Kinh Kha ứng tác với các bạn đi tiễn ở sông Dịch, trước khi sang Tần hành thích vua Tần.

Lần này Ngài đi, giống như Kinh Kha hành thích vua Tần, vĩnh viễn không trở lại. Không ai có thể đoán trước được số mệnh tương lai của Ngài, ngay cả bản thân Ngài, đó cũng là một điều khó đoán, có thể là khởi đầu mới trong cuộc đời Ngài, có lẽ chỉ là kết thúc. Tình ca của Ngài quanh quẩn trên cao nguyên, như áng mây đầy trời, vương làn khói không dứt. Kinh phướn phấp phới trong gió, như đang vẫy tay, cũng là đang kêu gọi. Còn có những kinh luân chuyển động mãi không ngừng, kể lể những lời người đời nghe không hiểu. Có chúc phúc, có bịn rịn, có cảm thán...

Sau khi Ngài rời khỏi cung Potala, con chó vàng già từng giữ bí mật cho Phật sống cô độc chết đi. Không ai biết nó từng có lời hẹn với Đạt Lai thứ 6; những ngày ấy, chó vàng trung thành canh giữ ở cửa bên cung Potala, đợi người chủ của nó trở về trước bình minh. Nếu không phải trận tuyết lớn kia đã tiết lộ bí mật Tsangyang Gyatso một mình ra ngoài cung, con chó vàng già đến chết cũng sẽ bảo vệ người chủ trẻ tuổi. Chuyện trên đời thật sự là nhân quả liên kết với nhau, Phật sống rời khỏi cung điện đẹp đẽ sang trọng thuộc về Ngài, con chó vàng già giữ cửa dùng cái chết để chứng minh lòng kiên trinh. Chỉ là tất cả quá trình này, đều lặng lẽ âm thầm, không ai hay biết.

Năm xưa Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso dẫn mấy ngàn sư sãi, rầm rầm rộ rộ từ Lhasa xuất phát, đến thành Bắc Kinh, được vua Đại Thanh tiếp đãi với lễ tiết tối cao. Giờ đây cũng cùng là Đạt Lai Lạt Ma, nhưng Tsangyang Gyatso lại đeo hình cụ, bị áp giải về kinh. Một vị Phật sống, một tên tù phạm, giống như một vở hý kịch bi ai, một màn luân hồi buồn cười. Đạt Lai thứ 6 chẳng phải là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5 sao? Nếu linh hồn thật sự có thể không chết, với công hiến của Lobsang Gyatso đối với

chính giáo Tây Tạng, kiếp này sao phải chịu dày vò như thế? Chúng ta không nên hoài nghi như Lha-bzang Khan, chúng ta nên giống tất cả tín đồ Tây Tạng, tin tưởng Tsangyang Gyatso là Phật sống thật, vì Ngài có một trái tim còn từ bi đa tình hơn Phật. Ngài là lạc lối bồ đề, Phật sẽ không vì Ngài lạc lối mà lưu đày Ngài.

Ở Tây Tạng có một truyền thuyết mỹ lệ thế này, sau khi Tsangyang Gyatso đi khỏi, tất cả các cô gái từng say đắm Ngài trong thành Lhasa đều sơn phòng ốc nhà mình thành màu vàng, làm kỷ niệm vĩnh viễn. Các cô mong mỏi, biết đâu Tsangyang Gyatso sẽ bước ra từ mảng sắc vàng tươi ấm áp này, mỉm cười với họ, uống rượu ca hát cùng họ, ôm hôn họ. Truyền thuyết thật là đẹp để thẩm thiết, nếu tôi sống ở thành Lhasa, cũng sẽ sơn nhà mình thành màu vàng, không vì kết tình duyên với Tsangyang Gyatso, chỉ vì một câu chuyện sinh động đến nỗi có thể khiến người rơi lệ.

Ba trăm năm đã qua, rất nhiều ngôi nhà nhỏ màu vàng tươi trong truyền thuyết sớm đã không còn tồn tại nữa, thậm chí không hề để lại một dấu vết nào. Nhưng tôi tin truyền thuyết là thật, các cô gái nhất định sẽ dùng phương thức si tình để hoài niệm Dangsang Wangpo, tình lang đẹp nhất trong thành Lhasa. Ngày nay chỉ còn lại quán rượu nhỏ tên Makye Ame trên phố Barkhor, ngôi nhà nhỏ không chút bắt mắt, nhưng mỗi ngày khi đèn hoa vừa thấp lên là khách khứa ra vào tấp nập. Họ đến từ các thành phố khác nhau, mang theo bụi đất của các địa phương khác nhau, tín ngưỡng khác nhau, chỉ vì một tâm tình giống nhau. Là thơ tình của Tsangyang Gyatso đã cảm động họ, là tình yêu của Ngài đã lay động họ, do đó bằng lòng vì một truyền thuyết, đến đây nhớ lại một quãng thời gian đã trôi qua.

Thật ra thực sự có thể tìm được những gì? Nói cách khác, quán rượu nhỏ này quả đúng có lưu lại vết tích của họ chăng? Chúng ta không hề muốn dối mình dối người, nhưng thà rằng tin tưởng tất cả đều từng tồn tại, nhiều người cần dựa vào những giấc mơ tươi đẹp này để điểm tô đời sống cay đắng vô vị. Do đó mới có rất nhiều người bất chấp tất cả đeo tay nải lên hời hả đi xa, chỉ vì những câu chuyện và truyền thuyết không thể xác định. Hiện thực khiến con người con người có quá nhiều gánh nặng, không ai cam nguyện kéo kén tự buộc mình, dù vì một giấc mơ hư vô đi đến chân trời cũng không hối hận. Mê say tạm thời không có nghĩa sẽ say hoài không tỉnh, mỗi người chỉ xây đắp trong lòng một chốn thế ngoại đào nguyên nhỏ hẹp, không bị thế giới

bên ngoài quấy rầy, có thể yên ổn thanh tịnh.

Trăng mừng Ba nhật nhật,

Tỏa sáng hết mức rồi.

Xin nàng trao thề ước,

Như trăng rằm, cho tôi.

Người tình bị trộm đi,

Ta xin xăm bói quẻ.

Nàng hôn nhiên đẹp đẽ,

Ta trong mơ chẳng quên.

Những bài tình ca đó vẫn còn, quán rượu nhỏ Makye Ame vẫn còn, nhưng chàng lãng tử tên Dangsang Wangpo đã đi đâu? Người đẹp Qonggyai Dawa Dolma đã đi đâu? Về tung tích của Dawa Dolma, có lẽ chúng ta nên có sự trình bày, người con gái Tsangyang Gyatso từng yêu ghi lòng tạc dạ, là nàng, đã thay đổi số phận cả đời của Tsangyang Gyatso. Nàng tuy quan trọng, nhưng không có Dawa Dolma, Tsangyang Gyatso cũng sẽ gặp gỡ cô gái khác trên đường phố Lhasa theo cách ấy, chỉ là tư vị khác nhau, mức độ yêu khác nhau. Tật đa tình của Ngài là bẩm sinh, những bài thơ tình ấy lưu giữ trong ký ức của Ngài, chỉ cần vừa chạm đến trái tim mềm yếu, liền ào ạt tuôn ra.

Bà chủ quán rượu nhỏ từng nói cho Dangsang Wangpo biết, Dawa Dolma, cô gái Qonggyai Ngài yêu bị cha nàng đưa về quê, định hôn sự cho nàng, làm cô dâu của người khác. Mà Tsangyang Gyatso cũng vì chuyện này đứt từng đoạn ruột, Dawa Dolma ra đi, đã dập tắt hy vọng cuối cùng của

Ngài ở phạm trần. Nhưng Dawa Dolma thật sự bị gả cho người khác chăng? Nàng có phản bội lời thề năm xưa với Dangsang Wangpo không? Không, cũng như cô gái năm xưa Tsangyang Gyatso từng yêu ở Monyu, nàng cũng không bội bạc Ngài. Cô gái sống ở địa phương nhỏ Monyu ấy, đến sau này sống hay chết chẳng ai biết, nhưng chúng ta có thể đoán chắc, suốt đời nàng đều không thể hạnh phúc. Nhưng nàng gửi thân nơi làng quê nhỏ bé dân tình chất phác, đâu thể làm chuyện gì trái với đạo nghĩa, dù ngày tháng khổ sở thế nào, nàng đều phải nín nhịn.

Dawa Dolma thì khác hẳn, nàng từng phóng đảng trong thành Lhasa, từng điên cuồng trong quán rượu nhỏ, nàng dám trao ra tất cả vì tình yêu, bất chấp hậu quả. Mãi đến sau này, trên phố đông đại lăng tử Dangsang Wangpo chính là vị Phật sống Tsangyang Gyatso sống trong cung Potala. Nàng để trong lòng, không nói, cũng không sợ, nàng thích thơ tình Ngài viết cho nàng, đọc hiểu được tình ý êm dịu ấm áp trong thơ. Nàng biết vì sao mỗi ngày trước lúc bình minh, Ngài luôn khẽ khàng vén chặt góc chăn cho nàng, sau đó một mình rời đi. Nàng đau lòng, vì nàng hiểu rõ Ngài không muốn làm vị Phật sống muôn dân quý bái kia, mà hướng đến khói lửa nhân gian. Do đó nàng hiến dâng cho Ngài tình yêu tốt đẹp hơn, đêm đêm nghiêng thành vì Ngài, chỉ mong có được nụ cười của Ngài.

Nhiều người không biết, tình lang đẹp đẽ nhất thành Lhasa Dangsang Wangpo, dù cùng mọi người uống rượu vui tràn, nhưng trong mắt Ngài trước sau ẩn giấu một nỗi u uất không xua tan được. Đây là điểm Ngài khác với mọi người, cũng là nguyên nhân nhiều cô gái cuồng nhiệt yêu Ngài. Ngài dùng thời gian ngắn nhất để tạo nên truyền kỳ ở quán rượu nhỏ Makye Ame. Vì sự chí tình chí tính của Ngài, nên lỗi lầm phạm phải đáng được tha thứ, nên muôn ngàn tin đồn sẽ trước sau như một, thậm chí so với lúc trước càng thêm ủng hộ Ngài, trân trọng yêu quý Ngài.

Trên thực tế, từ sau khi Dawa Dolma đi, không ai biết nàng rốt cuộc đã đi đâu. Nàng tựa như một câu đố, biến mất chẳng còn tăm tích trong lịch sử Tây Tạng. Có người nói Dawa Dolma bị Đệ Ba Sangye Gyatso phái người giết chết, sở dĩ y làm như vậy là để triệt để cắt đứt tạp niệm của Tsangyang Gyatso. Duy chỉ có cái chết mới có thể khiến người không còn vương bận. Tsangyang Gyatso có thể hoài niệm Dawa Dolma suốt đời, nhưng không thể chọn lựa trốn đến chân trời vì nàng nữa. Đệ Ba Sangye Gyatso muốn để

Tsangyang Gyatso hiểu rõ, là thói đa tình của Ngài đã hại nàng, khiến Ngài sám hối trong tội lỗi, từ đó kẻ cận trước Phật, đoạn tuyệt ý niệm trần tục.

Cũng có người nói Dawa Dolma không hề gả cho người khác, mà lựa chọn trở về quê nhà, một mình sống ở một nơi bí ẩn. Một gian nhà gỗ nhỏ, nuôi mấy con bò con cừu, sống rất mực giản đơn. Nàng sớm đã quên mất xa hoa từng có, chỉ muốn yên tĩnh giữ gìn khói bếp bốn mùa, lòng như nước tĩnh lặng. Nàng cho rằng như vậy thì có thể giúp vị Phật sống trẻ tuổi quên nàng, cho rằng như vậy có thể giúp Ngài thoát khỏi kiếp số. Nàng đã sơ sót, Tsangyang Gyatso vốn dĩ không phải người thường, do đó số phận của Ngài đã sớm định sẵn, không ai có thể thay đổi. Ngày Tsangyang Gyatso bị quân đội của Lha-bzang Khan áp giải đi, chắc chắn nàng cũng biết, nhưng nàng không đến tiễn đưa, nàng không muốn sự xuất hiện của nàng đem đến cho Ngài càng nhiều vương bận và thương cảm.

Điều nên qua đi đã qua đi, điều nên lãng quên đã lãng quên. Tôi tin rằng, dù kết cục cuối cùng của Tsangyang Gyatso ra sao, Dawa Dolma cũng sẽ sống thật tốt, sống đến tóc bạc da mồi, qua đó chứng minh lòng kiên trinh không dời của nàng đối với tình yêu. Mọi sự tổn thương bản thân đều là tàn nhẫn đối với người yêu, nàng phải sống tốt để Ngài yên lòng. Người thật sự từng yêu đều hiểu rõ, đều lý giải được. Phương thức yêu của mỗi người khác nhau, có những người chọn sống chết có nhau, có những người lại bằng lòng dùng thời gian một đời để hoài niệm dĩ vãng tốt đẹp.

Dawa Dolma không đến thành Lhasa nữa, nàng mất tích như một câu đố, có người cho rằng nàng chết, có người cho rằng nàng còn sống, nhưng đã chẳng còn quan trọng nữa. Bất kể năm xưa kết quả thế nào, ba trăm năm sau, nàng chỉ có thể lưu lại hồn phách, một hồn phách cô độc dạo chơi trong quán rượu nhỏ Makye Ame. Nếu linh hồn có thể nương tựa nhau, nàng và tình lang Dangsang Wangpo của nàng sẽ vĩnh viễn bên nhau ở đây, để người đa tình đời đời đến nhớ lại, đến cảm động. Có lẽ bạn, có lẽ tôi, chính là một người trong số đó.

Quyển năm: Không xem sinh diệt và vô thường

Hồ thánh

Nếu trên đời này có ai đó khiến bạn không từ bỏ được, có việc gì khiến bạn phiền não khổ sở, nên học cách dừng dừng quên đi, chọn lựa kẻ cận một cảnh đẹp, làm một người yên tĩnh từ bi.

Yêu một người có lẽ chỉ là trong chớp mắt, quên một người lại có thể cần cả một đời. Biết rõ như thế, nhưng nhiều người vẫn phải yêu, thậm chí ngàn dặm xa xôi truy tìm tình yêu, muốn kết một đoạn tình duyên trong kiếp này, để tuổi xuân không hối, đời người không tiếc. Có điều tình yêu cần trao ra, cần gánh vác, dù phụ bạc cũng phải nhẫn nhịn, dù phản bội cũng cần khoan dung. Dẫu có một ngày mất đi, dùng thời gian trọn đời để gìn giữ hoài tưởng, cũng sẽ không cảm thấy nặng nề mệt nhọc, tình yêu như vậy, mới được xem là tình yêu chân chính.

Yêu một phong cảnh cũng như vậy, chỉ là gặp gỡ trong thoáng chốc, cần dùng cả đời ghi nhớ. Thật ra tôi không phải là người thích phiêu bạt, chưa hề nguyện ý vắng lạnh đi lại trên đường, thậm chí e sợ như bèo trôi không gốc không rễ lên đến đỉnh. Tôi khát khao yên ổn, dù một gian nhà nhỏ hẹp đơn sơ, cũng đủ để đặt xuống một linh hồn chán ngán trôi giạt. Nếu có thể, đời này sẽ ở dưới một gốc hoa mai, lặng nghe dòng chảy thời gian, cùng khói lửa nhân gian hững hờ đi lướt qua nhau.

Có lẽ chúng ta thường hay được nghe một câu chuyện thế này, một người cực kỳ tàn nhẫn, ngẫu nhiên gặp được một vị cao tăng, nghe sư giảng kinh nói thiền, chợt tỉnh ngộ, bèn quyết ý bỏ dao đồ tể xuống, từ đó cải tà quy chính. Hoặc gặp một thước phim chất phác cảm động nào đó, một phong cảnh khiến y trong lòng xao xuyến, bèn hối hận vì ban đầu không làm khác

đi, thề chết làm người lương thiện. Lúc đó, Phật có tha thứ cho y không? Người đời có dung nạp y không? Có, nhiều sai lầm đều đáng được khoan dung tha thứ. Nếu trên đời này có ai đó khiến bạn không từ bỏ được, có việc gì khiến bạn phiền não khổ sở, nên học cách dừng dừng quên đi, chọn lựa kẻ cận một cảnh đẹp, làm một người yên tĩnh từ bi.

Ở nơi xa xôi ấy, không biết là gió mát mời gọi, hay là mây trắng vẫy tay, nhiều người đã gặp gỡ hồ Thanh Hải như thế. Độ sâu thẳm của vùng nước trong xanh đó mang sự quen thuộc và cảm động khiến người vừa gặp đã xiêu lòng. Chẳng ai hay biết hồ này rốt cuộc từ đâu đến, dừng đỗ đã bao năm trên cao nguyên này. Nó ẩn giấu vẻ đẹp của mình, chẳng phải sợ người đời quấy nhiễu. Biết bao khách qua đường vội vã tìm kiếm nó, lưu lại truyền thuyết và câu chuyện ở đây, hồ Thanh Hải đều thuần túy trước sau như một.

Có người nói, đây là quê hương của linh hồn, chỉ thích hợp cho linh hồn cư trú. Còn thân thể của chúng ta, dù đến được chốn này rồi vẫn phải rời đi. Đó là vì chúng ta không có nỗi sợ tốt đẹp quá đổi thuần túy, không có nỗi thì chỉ có thể cất kín trong lòng, để chờ năm tháng sau này từ từ nhớ lại. Mỗi năm thường có nhiều loại chim muông di cư đến đây, chúng nguyện ý dừng bước vì mảng xanh trong này, an gia lạc hộ, đời đời sinh sôi ở hồ Thanh Hải. Còn hồ Thanh Hải cũng cho chúng gửi gắm mộng tưởng, gửi gắm hạnh phúc.

Khi chúng ta thiết tha mãi miết ngắm nhìn mặt nước hồ dưới trời xanh đất tuyết này, sẽ không nén được suy tư, màu lam trong vắt ấy là giọt nước mắt công chúa Văn Thành để lại khi dỗi về Trường An^[1] ư? Hay là lời than thở Tsangyang Gyatso đánh rơi khi đi đến nơi này? Năm tháng đã để rơi một số câu chuyện ở hồ Thanh Hải, những câu chuyện này lại được cất giữ trong bộ sách cổ của hồ, để chúng ta đọc đi đọc lại. Những năm qua, biết bao người vội vã đến hồ Thanh Hải, rốt cuộc là vì hồ nước này, hay là vì câu chuyện từng xảy ra ở đây? Nếu là nước hồ, vì sao nó không chút đổi sắc, vẫn có thể bình yên không gợn sóng như thế? Nếu là câu chuyện, đời người mây nước, chúng ta đến cuối cùng còn tìm được những gì?

[1] Trường An: kinh đô nhà Đường, nay là thành phố Tây An, thủ phủ tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

Con người khi đắc ý ngược lại sẽ sinh ra nhiều dục vọng, khi thất ý lại rất dễ thỏa mãn. Đây là một mảnh đất cần cỗi mà màu mỡ, khi bạn đến cảm thấy chẳng có gì cả, khi bạn đi lại cảm thấy tay nải đã bị thời gian và câu chuyện của cao nguyên nhét đầy. Dù không đích thân đến, chỉ mượn một tấm ảnh, cũng sẽ ngã vào trong hồ nước xanh lam sâu thẳm đó, cam nguyện mơ một giấc mơ đi xa. Ký ức lơ mờ sẽ đưa chúng ta rời đến niên đại xa xôi, muốn thử tìm kiếm biển biếc nương dâu của quá khứ từ trong một mặt nước hồ.

Ba trăm năm trước, Tsangyang Gyatso bị sứ giả Khang Hy phái đi và quân đội của Lha-bzang Khan áp giải đến đây, ở bên hồ Thanh Hải, rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì? Cái ngày lẫn lộn khó phân đó, đến nay vẫn khiến người ta không ngừng truy cứu, nhưng trước sau không tìm được một chút manh mối nào. Lịch sử cũng từng đưa ra nhiều ghi chép, nhưng trước sau không có một câu trả lời xác định. Có lẽ vì sự phi phạm của Tsangyang Gyatso, mọi người bằng lòng rằng kết thúc đó là một câu đố vĩnh viễn không thể giải đáp, như vậy trong lòng một vạn người, sẽ có thể sinh ra một vạn kiểu tượng tượng.

Lịch sử xưa nay không có chân thực tuyệt đối, trải qua gọt giũa trau chuốt của muôn ngàn người đời, nó sớm đã mất đi dáng vẻ ban đầu, chỉ lưu lại một số dấu vết thoát ẩn thoát hiện, chờ người sau suy đoán tìm tòi. Biết bao chân tướng chìm sâu trong nước biếc trời cao, chẳng có lấy một bọt sóng đẹp đẽ. Hồ Thanh Hải không lời, nó là tượng trưng của thần linh, tỏ tường tất cả quá khứ, nhưng không thể để chân tướng bộc bạch. Chân tướng ẩn náu trong nước hồ, hóa thành bí mật vĩnh viễn.

Ở hồ Thanh Hải, có nhiều tin đồn dân gian, bởi vì hư ảo mà càng mê ly. Những tin đồn đó giống như thơ tình của Tsangyang Gyatso, có thể diễn dịch ra hơn trăm thứ câu chữ khác nhau, chúng ta chỉ cần chọn một bản mình thích là được. Duy có một bản không ai chịu tin, không một ai tin cuộc đời của Tsangyang Gyatso sẽ chung kết hạ màn ở hồ Thanh Hải. Ngài là Phật sống, là tượng trưng của thần, không ai có thể hỏi tội Ngài, có thể giam cầm cuộc đời Ngài, càng không ai có thể sắp xếp kết cuộc của Ngài. Dù chết, cũng nên có cách chết của Phật sống, chết một cách cao ngạo.

Có người suy đoán, hay là Tsangyang Gyatso nhìn thấy mặt nước hồ này,

liền không muốn rời khỏi nữa. Cuối cùng Ngài vẫn không thể rời được núi thần hồ thánh nơi đây, không rời được các tín đồ ủng hộ Ngài, do đó Ngài không cam lòng bị lưu đày, thà rằng lẳng lặng ẩn tích ở đây. Hoặc giả Ngài đã sớm sắp xếp sẵn một kết cuộc như câu đố cho bản thân, chính là vì muốn người đời mãi mãi không thể quên Ngài. Ngài là Phật sống, không cần giao phó với bất cứ ai, đối với Ngài, vua chúa nhân gian chẳng qua chỉ là một kiểu tồn tại hão.

Vì Ngài coi khinh kiếp sống qua ngày, hay là số mệnh có sắp xếp khác? Tóm lại chẳng nơi nào có thể tìm được. Cảnh giới tối cao nhà Phật nói là Niết bàn^[2] sống lại, chẳng lẽ Tsangyang Gyatso mượn nước hồ này, đập sóng ngồi thuyền, đến bờ bên kia, ngắm hoa sen Ban Nhược nở rộ? Nhưng bao nhiêu người vì tìm kiếm Ngài, trắng mờ bên đò, lang thang không chốn nương thân ở đây, mà vẫn si tâm không đổi. Song chung quy có một vầng mặt trời đỏ canh giữ ở đây, ánh vàng lóng lánh ấy như ánh sáng của từ bi, ánh sáng của cát tường tỏa ra từ giữa vầng trán Phật tổ, vô tư chiếu rọi khắp đất đai non sông. Mọi người tắm gội trong ánh vàng, có thể hưởng thụ sự bình đẳng và khoan hậu mà thiên nhiên ban cho.

[2] Niết bàn: là từ được dịch âm từ gốc tiếng Phạn “nirvāṇa”, nghĩa là bị dập tắt, thổi tắt. Thuật ngữ nirvāṇa cũng được dịch nghĩa là Diệt, Diệt tận, Diệt độ, Tịch diệt, Bất sinh, Viên tịch, và vì sự tịch diệt được hiểu là mục đích tối cao trong đạo Phật nên nirvāṇa cũng được dịch ý là Giải thoát, Vô vi, An lạc.

Đã ba trăm năm, không biết là thời gian vô tình, hay là con người vô tình, chúng ta thật sự không cần so đo tính toán. Trầm ngâm suy nghĩ, không biết người thế nào mới có thể đối sắc cùng nước hồ Thanh Hải, tình cảm thế nào mới có thể sánh ngang với vẻ đẹp trong thơ ca của Tsangyang Gyatso? Lưu lại, phải chăng là chờ đợi hư vọng? Rời đi, lại phải chăng là tràn đầy buồn rầu? Lúc đến, cho rằng nơi đây chính là quê hương, khoác tay nải lên, vẫn làm lại khách qua đường như cũ.

Thế gian biết bao việc không lời kể được, không dạng hình dung, chỉ là một áng mây màu lững lờ, một luồng gió mát rong ruổi. Thứ chúng ta có thể nắm bắt chẳng qua chỉ là chút ít hư ảo, nhưng vẫn cam nguyện mê muội vì hư ảo.

Năm tháng luôn lưu lại cho chúng ta quá nhiều câu đố, vậy thì ai là người giải đố? Chính vì có nhiều nghi vấn không thể giải đáp như thế, mới khiến con người càng thêm khao khát tìm hiểu đối với chuyện xưa không tỏ tung tích. Bao nhiêu chuyện đời mịt mùng chìm vào sông bể thời gian, chúng ta có thể vớt lại được bao nhiêu? Cũng tựa như mặt hồ Thanh Hải thần bí này, nó trong trẻo êm đềm như thế, dù lặn xuống đáy hồ liệu có thể lượm lật được thứ gì? Một mảnh chéo áo tàn khuyết? Một chiếc kính luân rĩ sét? Một chuỗi tràng hạt mục nát? Hay một bộ hài cốt cô độc?

Thế gian biết bao việc không lời kể được, không dạng hình dung, chỉ là một áng mây màu lững lờ, một luồng gió mát rong ruổi. Thứ chúng ta có thể nắm bắt chẳng qua chỉ là chút ít hư ảo, nhưng vẫn cam nguyện mê muội vì hư ảo. Lịch sử lúc thì cho chúng ta nội hàm dày nặng, lúc lại giống như hồng hoang mênh mông, bước chân vào chỉ nhìn thấy khói vắng đại mạc, trăng khuyết tường đồ. Có những biến số là ý trời, có những biến số là người định, năm xưa nếu vua Khang Hy không ban xuống đạo chỉ lệnh kia, Tsangyang Gyatso sẽ không bị giải về kinh. Thế thì hồ Thanh Hải sẽ chẳng có có một huyền cơ không giải nổi, đến nay vẫn mơ hồ hư ảo trong cõi hoang nguyên tịch mịch.

Đó là một chặng hành trình dài dằng dặc, đội ngũ áp giải Tsangyang Gyatso xuất phát từ cung Potala của thành Lhasa, dọc đường trải qua đủ mọi cảnh sắc địa phương, cả quá trình tiến bước rất chậm chạp. Một đội ngũ tổ hợp bởi người của cả mấy dân tộc Hán, Mãn, Tạng, Mông, chuyển đi này của họ chỉ có một mục đích, nghe theo mệnh lệnh của vua Khang Hy và Lha-bzang Khan, áp giải Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 Tsangyang Gyatso vào kinh. Hành trình xa thăm, đường núi hiểm trở, vùng đất hoang vắng này không có liễu khói thuyền sơn của Giang Nam, không có kim phấn phồn hoa của kinh đô, trống trải đến dường như không có bờ bến. Năm xưa Đạt Lai thứ 5 được long trọng mời vào kinh, trên đường vinh quang vô cùng, giờ đây Đạt Lai thứ 6 lại đeo hình cụ, chịu đủ dày vò dọc đường.

Trong đội ngũ áp giải Tsangyang Gyatso, có nhiều người là binh lính Mông Cổ, phần lớn lại là đệ tử Hoàng Giáo, họ cũng có lòng kính trọng đối với vị Phật sống trẻ tuổi này. Dù họ phải nghe lệnh Lha-bzang Khan, nhưng không quá đổi làm khó Tsangyang Gyatso; trong lòng họ, Ngài chỉ là Phật sống gặp nạn, chứ chẳng phải Đạt Lai giả như Lha-bzang Khan rêu rao. Ngay cả sứ giả của Đại Thanh, suốt dọc đường tiếp xúc gần gũi với Tsangyang Gyatso cũng bị lòng từ bi của Ngài làm cảm động, lại nghe thơ tình của Ngài, càng thêm khẳng định Ngài chính là Phật sống thật. Vì vậy họ rất mực chăm sóc Tsangyang Gyatso, thay vì nói là áp giải, chỉ bằng nói là hộ tống.

Chung quy vẫn là núi cao đường xa, nhiều năm nay, vị Phật sống đã ở quen trong cung Potala hoa lệ, sống cuộc sống áo đẹp cơm ngon, nào đã từng chịu nổi khổ lưu lạc cùng khốn đường này. Họ đã vượt qua núi tuyết mênh mang, vượt qua sa mạc hoang nguyên, dọc đường gặp phải vô số kiểu thời tiết thiên nhiên khắc nghiệt, thậm chí có một số binh sĩ không chịu nổi dầm vò đã chết trên đường, bị âm thầm lặng lẽ chôn trong hoang mạc. Chẳng ai hay biết sự tồn tại của họ, họ bình thường đến nỗi giống như cỏ cây chốn hoang nguyên, vì Tsangyang Gyatso, mới có một chặng hành trình không bình thường thế này. Nhưng mọi người cuối cùng cũng chỉ ghi nhớ Tsangyang Gyatso, còn họ chỉ là một vài nốt điểm xuyết trong sinh mệnh của Ngài.

Trải qua mấy tháng lặn lội dặm trường, khi họ đến thảo nguyên hồ Thanh Hải, vị Phật sống phong lưu tiêu sái ấy lúc này đã gầy trơ xương. Từng xiết bao hy vọng bản thân làm một khách qua đường, dắt cô gái mình thương, giục ngựa tung vó, rời xa non nước nơi đây, tìm một khách sạn nhân sinh, làm chốn về của kiếp này. Nhưng giờ đây Ngài e sợ kiếp lưu lạc ấy, bởi vì Ngài đã mất đi người con gái có thể gửi gắm cho Ngài, mất đi địa vị Phật sống Ngài từng kháng cự. Ngài là tù nhân, không biết nên lấy gì để chứng minh bản thân vốn trong sạch chẳng có gì cả. Nói cách khác, tâm tư của Ngài, nào đã thật sự có người hiểu được.

Đây là một vùng đất tin vào số mệnh, trong khói lửa đều lan tỏa hơi thở của số mệnh. Hồ Thanh Hải, biết bao người cầu nguyện ở đây, nhưng nó cho được bao nhiêu người tròn vẹn? Biết bao người ném đá vào trong hồ, là vì họ tin tưởng hồ Thanh Hải trước sau sẽ cho nhân gian một giao phó công

bằng. Người đến nơi này đều sẽ cầu phúc cho Tsangyang Gyatso, dù có tin số mệnh hay không, có tín ngưỡng giống nhau hay không, đều nguyện ý vì hồ thánh, vì Đạt Lai thứ 6, lưu lại lời chúc phúc vĩnh viễn. Dầu Ngài sớm đã biến mất không còn tăm tích trên thế gian này, sớm đã không rõ về đâu, nhưng chúng ta vẫn tin tưởng linh hồn của Ngài sẽ quanh quẩn ở đây, chỉ để đền đáp muôn ngàn chúng sinh vì Ngài bồn ba rong ruổi.

“Thanh Sử Cảo^[1]” từng ghi chép, hồ Thanh Hải chính là nơi vùi xương của Tsangyang Gyatso. Trên đường đến kinh thành, Đạt Lai thứ 6 tuổi mới hai mươi lăm, bị bệnh và qua đời ở hồ Thanh Hải, gửi gắm sinh mệnh cho làn nước hồ xanh thắm trong veo đó. Nhưng ghi chép sơ sài như thế làm sao khiến mọi người tin phục? Dân gian sau đó lại có nhiều cách nói khác nhau đối với tung tích của Tsangyang Gyatso. Câu đố về sự sống chết của Ngài, lưu lại tại hồ Thanh Hải, nước hồ trầm mặc, không cho bạn một lời giải đáp. Và câu đố về cái chết của Tsangyang Gyatso đã thành một án treo không thể phá giải trong lịch sử và Phật giáo Tạng truyền.

[1] Thanh Sử Cảo: bản thảo một bộ tư liệu lịch sử về thời nhà Thanh, bắt đầu từ khi Thanh Thái Tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích lập ra nhà Thanh vào năm 1616 đến khi Cách mạng Tân Hợi kết thúc sự thống trị của nhà Thanh vào năm 1911.

Về tung tích của Ngài, truyền thuyết quá nhiều, rất đổi thần bí, lại rất đổi buồn đẹp. Có người nói Ngài đi đến hồ Thanh Hải, mắc một trận bệnh nặng rồi qua đời ở đây. Cũng có người nói trên đường đi Ngài đã bị Lha-bzang Khan bí mật giết hại, mục đích là không cho Ngài có cơ hội gặp được vua Đại Thanh, có thể gây hậu họa khôn lường. Cũng có người nói, cuối cùng ngài bị vua Khang Hy giam cầm ở núi Ngũ Đài^[2], u uất mà qua đời. Truyền thuyết cuối cùng được nhiều người mong mỏi là Tsangyang Gyatso gặp được quan áp giải tốt bụng, đã mạo hiểm tự mình thả Ngài. Từ đó Ngài mai danh ẩn tính, làm một người chăn nuôi bình thường bên hồ Thanh Hải, thơ rượ phong lưu, sống hết cuộc đời còn lại.

[2] Núi Ngũ Đài: còn gọi là núi Thanh Lương, nằm trong địa phận huyện Ngũ Đài, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, là một trong tứ đại Phật giáo danh sơn tại Trung Quốc, được đưa vào danh sách di sản thế giới của UNESCO năm 2009. Núi Ngũ Đài được coi là đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù, và cũng có quan hệ lâu dài với Phật giáo Tây Tạng.

Những chuyện này đều chỉ là truyền thuyết, là dân chúng đã tô vẽ thêm

từng nét màu sắc thần bí mà lãng mạn cho vị tình tăng giàu thần thái truyền kỳ này. Kỳ thực chúng ta đều là tướng bại dưới tay của năm tháng, bất kể số mệnh của Tsangyang Gyatso thuộc về truyền thuyết nào, cuối cùng đều trở về chốn gió bụi vô tận. Ngài chết năm hai mươi lăm tuổi, hay sống đến tóc bạc phơ phơ, cũng chỉ là sự dài ngắn của sinh mệnh, quá trình khác nhau, kết cuộc lại giống nhau. Nhưng tận sâu thẳm nội tâm chúng ta luôn có một khát vọng, cũng giống như xem một vở kịch, càng khúc chiết thì càng sinh động, người diễn nhập vai, người xem cũng không thoát ra được.

Có lẽ Tsangyang Gyatso thật sự bệnh chết tại hồ Thanh Hải, Ngài không chịu nổi nỗi khổ lưu lạc, mắc một trận bệnh nặng, không chữa trị được mà qua đời. Nhưng không ai bằng lòng chấp nhận cái chết của Ngài, thà rằng tin Ngài chớp nhoáng ẩn tích, kín đáo không tăm hơi. Lha-bzang Khan sẽ không bí mật giết chết Ngài ở giữa đường, nếu thật sự muốn Ngài chết, Tsangyang Gyatso có lẽ đã không bước được ra khỏi cung Potala. Đệ Ba Sangye Gyatso lòng dạ sâu xa, cũng phải đầu rơi xuống đất trước mặt y, hướng hồ chỉ là Tsangyang Gyatso mềm yếu cô độc. Ngài cũng không bị giam cầm ở núi Ngũ Đài, nếu thật sự bị Khang Hy giam cầm, thế thì trong sử Thanh sẽ có ghi chép chi tiết, không cần để lại một câu đố, khiến người đời nhọc lòng suy đoán.

Tsangyang Gyatso thật sự lưu lại hồ Thanh Hải ư? Phải chăng đã xảy ra một câu chuyện tình yêu đơn giản đẹp đẽ với một cô gái chăn cừu nơi này, thần linh của hồ Thanh Hải đã đáp ứng tâm nguyện của Ngài, để Ngài thơ rượi phong lưu sống hết một đời ở vùng đất yên bình này? Chắc chắn không thể là như thế, Ngài là Phật sống, Ngài nên nghĩ cách bước ra khỏi đường quanh bển mê của trần thế, sao lại có thể sa vào lưới trần, cam nguyện một đời lem luốc bùn đất? Hơn nữa nhân gian rối ren, nào đã có sự tròn vẹn Ngài mong muốn, sự tròn vẹn chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng ấy? Ngài chọn cung Potala, suốt đời là Phật, thì phải phụ lòng giai nhân. Ngài chọn tiêu dao hồng trần, cùng người đẹp hoan ái, thì định sẵn sẽ phản bội Phật tổ. Do đó, chúng sinh cũng không thể sắp xếp một kết cục hoàn mỹ cho Tsangyang Gyatso.

Ngắm hồ Thanh Hải lần nữa, nó vẫn lặng yên. Mấy trăm năm rồi, nó mang nặng bí mật không thể giải đáp này, bị người đời truy hỏi vô số lần, chẳng lẽ thật sự không một mảy mòi chút nào? Chắc là không mảy, nếu không,

làm sao êm đềm phẳng lặng như thế, làm sao trong trẻo tinh khiết như thế. Chỉ có trong gió nhẹ, mặt nước hồ ấy lăn tăn gợn sóng, như có tâm nguyện chưa thỏa, muốn kể với chúng ta.

Rốt cuộc đã ẩn giấu bí mật gì không cho ai biết? Người tên là Tsangyang Gyatso ấy, cuối cùng đã đi đến chốn nào? Truyền kỳ đời này của Ngài thật sự đã kết thúc, hay là vừa mới bắt đầu? Hồ Thanh Hải, là duyên đi của Ngài, hay là duyên đến của Ngài?

Lưới trần

Tsangyang Gyatso, Ngài không then là vị vua lớn nhất của cung Potala, không then là tình lang đẹp nhất trên đường phố Lhasa. Chỉ có Ngài mới xứng đáng là nhất đại tình tăng, thâm tình và từ bi của Ngài đã trở thành tín ngưỡng của người Tạng.

Phật nói, hãy bỏ qua cho những người đã từng lầm đường lạc lối vì tình yêu, tha thứ cho họ, cũng là khoan dung cho mình. Đời người có nhiều cạm bẫy đều do bản thân tự tay đào nên, cho rằng có thể săn bắt được người khác, nhưng chính mình mới là người mắc bẫy. Trên đời có lưới trần, lưới tình, lưới danh lợi, bạn không rời bỏ được thứ gì, sẽ bị thứ ấy quán chặt. Chuyện đời là thế, có mất có được, không mất khó được. Nhưng nào ai chắc chắn rằng thứ có được sẽ nhất định sẽ nhiều hơn thứ mất đi?

Chúng ta thường thích vào một ngày bình thường, một mình pha một chén trà cảm xúc, buồn vui, chua ngọt trong đó có thể phối hợp theo khẩu vị của mình. Nhưng chén trà của đời người lại không cho phép chúng ta tùy ý pha chế, mất đi chừng mực, liền thành trà đắng cả đời. Tsangyang Gyatso là Phật sống tôn quý, chén trà đời người này cũng không thể tự châm tự uống, mà phải nghe theo sắp xếp của số mệnh. Ngài đem một mảnh lòng băng ném vào trong ấm, đợi khi trà nguội người tan, Ngài nên đi đâu, làm gì?

Đó vốn là một thời đại Phật sống phô trương thanh thế, vô số người Tạng lấy Phật giáo làm tín ngưỡng kiếp này vĩnh viễn không thay đổi, cam nguyện cúi đầu làm tín đồ. Họ tin tưởng nhân quả, tin tưởng mọi thứ trên đời đều có luân hồi, tin tưởng mảnh đất họ sinh sống có núi thần hồ thánh bảo hộ, đời bình an hạnh phúc. Năm xưa vua Thuận Trị của Đại Thanh từng nhiều lần long trọng mời Đạt Lai thứ 5 vào kinh, sau đó Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso được quan viên Đại Thanh tháp tùng, dẫn ba ngàn người rầm rộ lên đường đến kinh thành, vua Thuận Trị dùng lễ nghi cao nhất tiếp đãi. Sau khi Đạt Lai thứ 5 ra về, còn ban cho Ngài ấn vàng và sách phong tôn quý vô cùng.

Nào ngờ cục diện chính trị có quá nhiều tranh đoạt biến động, dù là xứ Phật, cũng không có tịnh thổ. Nếu không sợ dẫn đến cục diện chính trị Tây Tạng hỗn loạn, Đệ Ba Sangye Gyatso cũng sẽ không giấu không phát tang đối với cái chết của Đạt Lai thứ 5, còn Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso cũng không cần ẩn náu trong dân gian mười lăm năm tròn. Mười lăm năm, một đứa bé oe oe chào đời đã khôn lớn thành một thiếu niên anh tuấn phong lưu, tư tưởng của Ngài, tình cảm của Ngài đều lưu lại ở làng nhỏ tôn sùng tự do và tình yêu ấy. Hạnh phúc bình dị này bị một thân phận giấu kín đập tan triệt để, lần đầu tiên Ngài ném trái nổi thống khổ của sự mất mát, mất đi người thân ở quê nhà, mất đi cô gái thuở mơ xanh ngựa gỗ, mất đi tự do Ngài đang có.

Bất cứ người nào cũng biết, Tsangyang Gyatso đã tiếp nhận thân phận Phật sống vào lúc chưa biết gì cả. Bị Sangye Gyatso từ làng nhỏ Monyu đưa đến cung Potala của Lhasa, từ một thiếu niên chăn bò, lác mình biến hóa, trở thành Phật sống được chúng sinh ủng hộ. Ngài trút bỏ trang phục chất phác, mặc áo sư vào, ngồi trên ngai Phật chót vót, được muôn dân thành kính lễ bái. Nếu không phải Đệ Ba Sangye Gyatso lo lắng cho cục diện chính trị, rề rà không chịu giao quyền trượng cho Ngài, Ngài có thể chủ trì chính sự theo ý muốn, thì sẽ không khổ sở vì thân phận con rối mấy năm.

May thay Ngài đã có hạnh phúc khác, cửa sau thông đến thành Lhasa của cung Potala, đã tìm được cho Tsangyang Gyatso mùa xuân Ngài luôn hướng đến. Quán rượu nhỏ Makye Ame ấy đã thỏa mãn tâm nguyện Ngài trong mơ tìm kiếm, cô gái Qonggyai tên Dawa Dolma ấy đã bù đắp nỗi khổ sở bơ vơ nhiều năm của Ngài. Đó là thời gian hạnh phúc nhất trong cuộc đời

Tsangyang Gyatso, ngày ngày mong mỗi mặt trời lặn, bởi chỉ có vào ban đêm, Ngài mới có thể tận tình buông thả linh hồn, ở quán rượu nhỏ uống rượu vui ca, cùng cô gái mình yêu nửa đêm vượt ve an ủi. Mà trước khi trời sáng, con chó vàng già nua trung thành của cung Potala sẽ chờ đợi Ngài.

Nếu không có sự xuất hiện của Lha-bzang Khan, không có y xáo trộn một hồ nước lặng, Tsangyang Gyatso vẫn có thể tiếp tục sở hữu hạnh phúc của Ngài. Ngài có thể từ bỏ quyền lực chí cao vô thượng, chỉ cần Sangye Gyatso không hỏi đến việc của Ngài ở dân gian, để Ngài làm tình lang đẹp nhất trong thành Lhasa, mỗi ngày vui ca thơ tình của mình, tiêu dao tự tại cùng ý trung nhân. Hạnh phúc luôn quá ngắn ngủi, còn chưa nếm hết mùi vị ngọt ngào, nắng xuân muôn hồng ngàn tía đã cứ thế một đi không trở lại. Dawa Dolma rời xa Ngài, Sangye Gyatso bị xử tử, cả tòa cung điện rộng lớn, chỉ còn lại Ngài đơn độc một mình gánh vác.

Có được quyền lực thì sao? Bậc dũng sĩ tung hoành thảo nguyên đó, Ngài trước giờ nào đã làm được? Lúc ấy chính giáo Tây Tạng đã là một bàn cờ tán loạn, Tsangyang Gyatso thích mơ xuân tình diệu, làm sao có thể ra sức vấn hồi sóng dữ, phản bại thành thắng? Ngài bị số mệnh kiềm chế quá lâu, ngoài đọc kinh lúc ban đêm yên tĩnh, chỉ có thể viết thơ tình dưới ánh đèn vàng. Suốt đời này, Tsangyang Gyatso đều không thể giống như Đạt Lai thứ 5, có đầu óc thao lược kiệt xuất, Ngài chỉ có tâm lòng nhu mì phong hoa tuyết nguyệt. Vào thời buổi thái bình thịnh thế, Ngài có lẽ sẽ hạnh phúc, vào thời đại biến động ấy, Ngài định sẵn sẽ trở thành vật hy sinh của chính trị.

Bất kể những dân chúng chất phác hiền lành kia ủng hộ Phật sống của họ ra sao, cũng không thể bảo vệ Ngài. Họ trơ mắt nhìn Ngài bị đội ngũ của Lha-bzang Khan đưa đi, tường thành xây bằng thân thể máu thịt không chịu nổi một đòn, hành động vô nghĩa chỉ khiến thêm vài người bị chôn theo. Còn vị Phật sống trẻ tuổi chỉ có thể nhìn họ rơi lệ, để lại linh hồn, phó mặc thể xác lưu đày. Tình ca của Ngài từ đó hòa vào chốn sâu linh hồn mỗi người, sưởi ấm thân thể họ, cũng trở thành niềm trân trọng suốt đời của họ.

Chúng ta nên tin vào chữ duyên, gặp gỡ giữa dòng người chen vai nối gót, chính là duyên phận. Nếu không thể nắm giữ, dù là duyên định ba đời, hao mòn hết rồi cuối cùng cũng thành xa lạ. Duyên phận của Tsangyang Gyatso

và Dawa Dolma rút cuộc vẫn quá mỏng manh, thời gian bên nhau ngắn chẳng tày gang. Có lẽ chính vì ngắn ngủi mới khiến Tsangyang Gyatso ghi lòng tạc dạ như thế. Nếu gần gũi lâu rồi, đôi bên sinh lòng chán ngán, sự tốt đẹp của quá khứ đều trở thành phiền toái, những câu thơ tình kia há chẳng phải triệt để xóa bỏ trong ký ức? Dù nói như gần như xa mới là mỹ cảm, tình yêu không thể quá nhập tâm, khi yêu có thể bao dung tất cả khuyết điểm, một mai mất đi cảm giác ấy, ưu điểm cũng thành gánh nặng.

Tsangyang Gyatso đến hồ Thanh Hải, ngắm làn nước hồ êm đềm ấy, liền chẳng thể rời chân. Ngài nhận định hồ thánh này sẽ là chốn về kiếp này của Ngài, dù chôn thân ở đây, hay sau này phiêu bạt đời tàn như cũ, Ngài đều phải lưu lại nơi đây chút gì đó. Ngài phải nói cho đông đảo chúng sinh trên đời biết, Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso từng có một đoạn duyên xưa với hồ Thanh Hải, đồng thời nơi đây là trạm dịch Ngài đã dừng chân. Thật ra Ngài sớm đã nhìn thấy tín ngưỡng của bản thân, tương lai của bản thân, mộng tưởng của bản thân và tất cả nhân trước quả sau trong mảng màu lam tinh khiết này. Nhưng Ngài không nói, thà để người đời cho rằng nhân vật giống như thiên thần này đã thần kỳ chết đi hoặc thần bí mất tích ở đây.

Đây là câu đố Ngài đặt ra cho chúng sinh, là cục diện Ngài một tay sắp sẵn, không ai có thể đoán thấu huyền cơ trong đó. Người đến xoay kinh luân trên tay, ném xuống mấy hòn đá, hoặc đựng đầy một bình nước hồ thánh, cầu nguyện chúc phúc cho Ngài. Lắng nghe truyền kỳ mơ hồ, suy đoán hành tung của Ngài, nhẩm đọc thơ tình của Ngài không biết chán. Ai nói Ngài chẳng để lại gì, trước hồ nước mênh mông xanh thẳm đó, Ngài cuối cùng không quên để lại thơ tình của mình. Nếu hỏi người đời vì sao mê luyến Tsangyang Gyatso, đó ắt là bị thơ tình của Ngài cảm nhiễm. Nếu mất đi những bài thơ tình ôn nhu này, Ngài còn là Tsangyang Gyatso chăng?

Chung quy là một nam tử thế nào, có tấm lòng ra sao, mới có thể viết ra những câu thơ tuyệt mỹ dường ấy. Tsangyang Gyatso, Ngài không then là vị vua lớn nhất của cung Potala, không then là tình lang đẹp nhất trên đường phố Lhasa. Chỉ có Ngài mới xứng đáng là nhất đại tình tăng, sự thâm tình và từ bi của Ngài, đã trở thành tín ngưỡng của người Tạng. Nhưng Ngài vẫn đã ra đi, rời xa những tín đồ yêu kính ủng hộ Ngài, đi một cách rất đổi tiêu sái, rất đổi triệt để.

Mãi đến sau này, một quyển sách “Bí truyện Đạt Lai Lạt Ma thứ 6” của Ngawang Lhundrup Daji^[1] người dân tộc Mông Cổ mới thỏa mãn được tâm nguyện của nhiều người, ông đã tiếp diễn sinh mệnh của Tsangyang Gyatso, chỉ dẫn chúng ta đi tìm kiếm lời giải câu đố kia, đồng thời vì Ngài viết tiếp truyền kỳ nửa đời sau. Khiến chúng ta tin tưởng Tsangyang Gyatso thật sự không chết, Ngài thân bí mật tích ở hồ Thanh Hải, từ đó bắt đầu một chặng đường đời phiêu bạt khác.

[1] A Vương Luân Châu Đạt Cát, 1715 - 1780.

Có duyên cuối cùng sẽ gặp lại. Thật muốn mời ai đó đến hồ Thanh Hải một chuyến, đến cung Potala một chuyến, kiếm tìm nơi chôn cất của Tsangyang Gyatso. Không biết mấy trăm năm nay, nhiều tín đồ thành kính phải chăng đã tìm được xá lợi của Ngài, sợi tóc của Ngài, hoặc một vật trang sức nào đó trên người Ngài. Nếu Ngài thật sự là Phật, thế thì cái chết cũng là giải thoát của linh hồn, nó có thể khiến linh hồn bay bổng, đồng thời tìm được chốn về. Cuộc đời của Ngài tuy là một bi kịch không thể ngăn cản, nhưng tôi tin rằng, Tsangyang Gyatso tuyệt đối sẽ không chọn lựa chạy trốn ở màn kịch cuối cùng.

Bí truyện

Trong những năm tháng phiêu bạt đó, Tsangyang Gyatso không có tình yêu nữa, không làm thơ nữa, cuộc đời tiêu sái đã cùng chết với tuổi đời hai mươi lăm của Ngài.

Đã đến lúc từ biệt với cảnh xuân tươi đẹp, nắng xuân của mùa vụ, tắt rồi vẫn sẽ hừng, còn nắng xuân của đời người, mất rồi sẽ một đi không về. Năm tháng vẫn biếc xanh, chỉ là một số câu chuyện bể dâu đang nhuộm màu cho nó, khiến cảnh tượng trẻ trung bắt đầu ngả vàng. Sau khi một người đi qua một chặng hành trình, luôn cảm thấy tuổi thanh xuân trong quá khứ bị ổng phí trôi qua vô ích, giờ đây mọi cuộc gặp gỡ đã trở nên muộn màng. Rất

muốn trở về quá khứ, dung nhan mỹ miều, thương cảm cũng dịu dàng, buồn rầu cũng đẹp đẽ.

Nhân ngày tuyết bay lất phất, tôi vội bước đến một canh bạc thời gian. Đời người trải qua vô số biến biếc nương dâu, vì sao còn chưa hiểu rõ, trước mặt thời gian, chúng ta mãi mãi chỉ là kẻ thua cuộc, thua đến thê thảm. Thời trẻ, sở hữu cả núi thời gian, chỉ cảm thấy cho dù hoang phế ra sao đều không có lỗi. Khi đó, chúng ta thường không tin nhân quả, không tin số mệnh, cho rằng dựa vào sức lực dồi dào của mình, có thể chống đối với số mệnh. Mãi đến khi thời gian làm cho đầy người thương tích, mới biết tất cả duyên trước đều là định mệnh, tất cả kết cuộc sớm có được sắp xếp. Đã không thể thay đổi quỹ đạo của sinh mệnh, hà tất phải buồn than dòng chảy thời gian quá đổi vội vàng?

So với Tsangyang Gyatso, chúng ta đều là người bình thường, kiếp này là người, kiếp sau không biết sẽ là gì, có lẽ là cây hoa, có lẽ là chim chóc. Ngài là Phật sống, do đó nhất định Ngài có kiếp sau, kiếp sau của Ngài vẫn là Thần Phật, vẫn ngồi trên ngai vàng chí cao vô thượng. Nhưng không phải tất cả sinh mệnh cao quý đều có thể sở hữu hạnh phúc, không phải tất cả sinh mệnh hèn kém định sẵn không có cuộc sống tốt đẹp. Chuyện đời tròn vẹn nằm ở lòng người, một tấm lòng cam nguyện bình đạm, một tấm lòng dễ dàng thỏa mãn, sẽ càng có được nhiều hơn so với lòng dạ tham muốn hư vinh.

So với các vị Phật sống khác, Tsangyang Gyatso được xem như là hạnh phúc, cuộc sống tự tại mười lăm năm trời đã cho Ngài tự do vô tận. Ngài từng có hạnh phúc bình dị nhất trên đời, từng có tình yêu tốt đẹp nhất đời người, những thứ này, các vị Đạt Lai khác đều chưa từng có. Tsangyang Gyatso không phải là một người tham luyện danh lợi, thế thì ngài nên thỏa mãn, thỏa mãn với những thứ nhiều năm qua Ngài có được mà lãng quên những thứ Ngài mất đi. Chung quy thì Ngài khác với họ, từ khi thần bí mất tích bên hồ Thanh Hải, Ngài đã định sẵn là một vị Đạt Lai thần kỳ nhất trong Phật giáo Tạng truyền.

Dù chết hay ẩn tích, cuộc đời của ngài đều đặt dấu chấm hết vào lúc hai mươi lăm tuổi. Nếu nhục thân của Ngài thật sự chết đi năm hai mươi lăm

tuổi, thế thì Ngài sẽ vĩnh viễn sống ở tuổi hai mươi. Nếu Ngài không chết ở hồ Thanh Hải, thế thì người giấu họ chôn tên kia trong truyền thuyết cũng chưa chắc đã là Ngài. Dù Ngài còn sống, sinh mệnh được tiếp tục, cũng không còn là Tsangyang Gyatso trước hai mươi năm tuổi nữa. Ngài sẽ là một người khác, một người chúng ta xa lạ, dù truyền kỳ của Ngài đang tiếp tục, Phật giáo của Ngài đang truyền dương, nhưng người chúng ta ghi nhớ, mãi mãi là Tsangyang Gyatso trước hai mươi năm tuổi; thiếu niên tự do chần thả tại làng núi nhỏ Monyu ấy; vị Phật sống được trăm ngàn tín đồ triều bái trong cung Potala ấy; chàng lãng tử vui vẻ hát tình ca trên đường phố Lhasa ấy.

Suốt ba trăm năm nay, hàng ngàn người truy tìm trước đi sau nối, mục đích cũng chỉ là tìm Tsangyang Gyatso lúc trước, Tsangyang Gyatso viết thơ tình, Tsangyang Gyatso thân thể bị giam cầm, linh hồn luôn buông thả. Nhưng họ không từ bỏ thăm dò câu đố của hồ Thanh Hải, Tsangyang Gyatso đã là một câu đố, thê lương đi lại trên nhân thế, đến không nơi đến, đi chẳng nơi đi. Thế là, họ đã tin tưởng truyền thuyết, tin tưởng quyển "Bí truyện" mà Ngawang Lhundrup Daji viết ra.

Biết bao người dưới ánh đèn bơ vàng vọt lật giở thơ tình của Tsangyang Gyatso, lại lật xem "Bí truyện Đạt Lai Lạt Ma thứ 6" của Ngawang Lhundrup Daji. Họ và tôi cùng tin như nhau, trong lịch sử thật sự đã có một Tsangyang Gyatso, Ngài thật sự đã sinh ra trên đất Tạng, Ngài thật sự đã đến hồ Thanh Hải, nhất định sẽ lưu lại chút gì đó. Dù trốn vào giữa cỏ cây núi đá, ẩn chìm trong gió sương mưa tuyết, nhất định vẫn có thể tìm kiếm chúng. Trong cõi u minh sẽ có sắp xếp, chỉ dẫn bạn và tôi tìm được lời giải câu đố này vào một ngày tình cờ nào đó.

Tình cảm đến lúc sâu sắc, luôn không tránh khỏi một câu: "Vì sao phải để ta gặp được người?" Đúng vậy, nếu không có gặp gỡ, ta cũng chỉ là một hạt bụi đất bình thường, mỗi ngày đầu tắt mặt tối vì cuộc sống, chìm ngấm giữa biển người mê mông. Vì có gặp gỡ, tất cả bắt đầu thay đổi, đã có hướng đến và theo đuổi, đã có trách nhiệm và gánh vác, đã có vui sướng và đau khổ. Do đó có lúc thà rằng cả đời không cần gặp gỡ, thà rằng suốt đời không cần nắm tay, nhưng đời người nếu không có gặp gỡ, lại sẽ buồn tẻ nhạt nhẽo biết nhường nào.

Chúng ta chưa từng gặp gỡ Tsangyang Gyatso, nhưng thường bởi xem thơ tình của Ngài mà gan ruột rối bời vì Ngài. Vô số lần tưởng tượng, sinh mệnh của Ngài tuyệt đối sẽ không ngăn ngại như thế, Ngài chắc vẫn có tương lai rất dài, mang sứ mệnh của Phật sống, đi lại giữa nhân thế, phổ độ chúng sinh. Đó là vì nhân sinh hữu tình, Ngài là tình tăng, Ngài đem tình cảm truyền nhiễm cho người đời, đem vận mệnh giao phó cho năm tháng. Dù "Bí truyện" của Ngawang Lhundrup Daji chưa chắc thật sự đáng tin, nhưng ông đã kể cho chúng ta truyền kỳ nửa đời sau của Tsangyang Gyatso.

"Bí truyện Đạt Lai Lạt Ma thứ 6", còn có tên "Điều Âm Thiên Giới Tỳ Bà Âm". Ghi chép những trắc trở của Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso, tiếp diễn truyền kỳ từ sau khi ngài biến mất ở hồ Thanh Hải. Tác giả là Ngawang Lhundrup Daji người dân tộc Mông Cổ, ông tự xưng từ nhỏ theo Tsangyang Gyatso xuất gia làm sư, học tập kinh Phật. Sau đó lại đến Tây Tạng chuyên tu, tinh thông tiếng Tạng, tu tập Hiển Mật giáo pháp^[1], do đó trình độ Phật học cao thâm, trở thành bậc đại đức Phật giáo tính thông Hiển Mật giáo pháp, ở khu vực Tây Tạng được tôn xưng là Lhazun Pandita^[2].

[1] Mật giáo là một chi phái của Phật giáo Đại thừa, hình thành vào khoảng thế kỷ thứ V tại Ấn Độ, có đặc trưng truyền thụ bí mật không cho phép công khai, và nội dung đầy thần bí, nên gọi là Mật giáo. Các dòng phái Phật giáo khác trước và ngoài Mật giáo được gọi là Hiển giáo.

[2] Pandita: dịch âm tiếng Phạn, nghĩa là học giả uyên bác.

Nghe nói Ngawang Lhundrup Daji là linh đồng chuyển thế của Đệ Ba Sangye Gyatso, là vị Phật sống chuyển thế đầu tiên sinh ra ở Alxa^[3]. Nhiều tình tiết trong sách đối chứng lẫn nhau với sử ký và truyền thuyết dân gian của các vùng Hán, Tạng, Mông, nhưng vì tường thuật của "Bí truyện" quá đổi thần kỳ, trên lịch sử lại không có các ghi chép chân thực khác sau khi Tsangyang Gyatso biến mất ở hồ Thanh Hải, do đó khiến người đời khó phân thật giả. Vì là bí truyện, đương nhiên không thể xem như chính sử để tin chắc không nghi ngờ, người đọc qua có thể không cần quá tưởng là thật, nhưng lại không thể xem thường ý nghĩa tồn tại của nó.

[3] Alxa (Minh A Lạp Thiện): một trong mười hai đơn vị hành chính cấp địa khu và một trong ba minh còn tồn tại ở Nội Mông Cổ, có biên giới với Mông Cổ ở phía Bắc, Bayan Nur ở phía đông bắc, Ô Hải và Ordos ở phía đông, Ninh Hạ ở phía đông nam, Cam Túc ở phía tây và nam. Thủ phủ là Bayan Haote (Ba Ngạn Hạo Đặc), tên cũ doanh Định Viễn.

"Bí truyện" của Ngawang Lhundrup Daji không những chẳng giải đáp được câu đố về sống chết của Tsangyang Gyatso, ngược lại khiến câu chuyện vốn dĩ hư ảo càng nhuốm màu truyền thuyết. Từng câu chữ của ông đã mang tới cho người đời trí tưởng tượng vô tận, khiến những người tìm tòi bí mật kia tin rằng Tsangyang Gyatso thực sự vẫn còn sống, đồng thời giống như trong sách của ông viết, Tsangyang Gyatso đã bắt đầu một chặng đường nhân sinh mới. Sau khi rời khỏi Thanh Hải, hành tung của Tsangyang Gyatso trải khắp cả cao nguyên Thanh Tạng, và chu du hoằng pháp ở các nơi Nepal, Ấn Độ, Tây Khang^[4], Mông Cổ, từ đó thực hiện sứ mệnh Phật sống phổ độ chúng sinh của Ngài.

[4] Tây Khang: là một tỉnh không còn tồn tại của Trung Hoa Dân Quốc. Tỉnh bao gồm hầu hết khu vực Kham của Tây Tạng theo cách hiểu truyền thống.

Có lẽ chúng ta thật sự không cần so đo Tsangyang Gyatso rốt cuộc đã đi đâu, mọi truy hỏi rối rắm, đối với Ngài đều chỉ là vương bận chưa ngáy. Ngài sống vì tình yêu, sống vì tự do, nếu Tsangyang Gyatso trước hai mươi lăm tuổi đã phụ lòng Phật tổ, phụ lòng giai nhân, thế thì hãy để Ngài dùng năm tháng trong tương lai để bù đắp lỗi lầm của quá khứ. Nhưng Tsangyang Gyatso sau này không còn là chàng trai tiêu sái phong lưu thuở trước, Ngài đã phụ bạc quá nhiều sứ mệnh, chịu đủ khổ nạn lưu lạc khôn cùng. Chúng ta chỉ còn nhìn thấy một hành giả đơn độc dạo chơi chốn hồng trần, một nhà sư lạc phách nơi cõi trọc.

Trong những năm tháng phiêu bạt đó, Tsangyang Gyatso không có tình yêu nữa, không làm thơ nữa, cuộc đời tiêu sái đã cùng chết đi với tuổi hai mươi lăm của Ngài. Mọi thứ của quá khứ kết thúc bên hồ Thanh Hải, chìm trong gió bụi cuồn cuộn của lịch sử, cũng chìm trong nước hồ sóng biếc không lời. Không cần mưu đồ đạt được điều gì nữa, chuyện đã qua hãy để nó trôi qua, chuyện nên đến hãy để nó đến. Đã tin nhân quả, thì nên tin tưởng, thế gian này tuy chẳng có nhục thân bất tử, nhưng vẫn có linh hồn bất diệt. Bất kể người du ngoạn chốn hồng trần đó có phải là Tsangyang Gyatso hay không, chỉ cần Ngài từng tồn tại, chính là vẻ đẹp chân thực của nhân gian.

Sống lại

Năm xưa cho rằng sơn cùng thủy tận, đi đến tình cảnh không có lối thoát, nhưng hiện nay lại cảm thấy đường đi xa thẳm, phương xa rất xa. Đến sau cùng, du ngoạn chốn phù thế hồng trần, Tsangyang Gyatso đã học được sân vắng đạo bước.

Phải đọc một bài thơ xao xuyên lòng người như thế nào, mới không kinh động tâm tình đã bình tĩnh? Nên kể lại câu chuyện của một khách qua đường như thế nào, mới không xáo trộn ngày tháng đã đi vào yên ổn? Tình cảm và vận mệnh của con người tựa như mây trôi bồng bềnh không thể nắm bắt, lúc tụ lúc tan, lúc ly lúc hợp. Chúng ta rốt cuộc hiểu biết bao nhiêu về nhân quả? Nhân của kiếp trước, quả của kiếp này, nhân của hôm qua, quả của hôm nay. Lẽ nào nhân quả luân hồi, thật sự sẽ đến một cách chính xác chẳng sai, không xuất hiện mảy may sai sót và lệch lạc?

Nhiều người từng đọc "Bí truyện" của Ngawang Lhundrup Daji, sẽ không tự chủ được khiến mình chìm đắm trong nó, vờ như những câu chuyện này Tsangyang Gyatso từng trải qua, dần dà lâu ngày, đã biến thành thật. Đây không xem là dối mình dối người, con người phải học cách tự mình điều tiết, mới có thể đạt được càng nhiều vui vẻ và thỏa mãn. Nếu một mực chấp nhất với chân tướng, sẽ mất đi nhiều quá trình tượng tượng tốt đẹp, mất đi ý nghĩa theo đuổi vốn có.

"Trong khoảnh khắc, tưởng chừng trời rung đất chuyển, bão tố dữ dội nổi lên, nhất thời tối sầm không phân biệt được phương vị. Bỗng nhiên, thấy trong gió bão có ánh lửa chớp chờn, ngấm kỹ, lại hóa ra một phụ nữ ăn mặc kiểu người chăn nuôi đi ở phía trước, tôi đi theo sau bà ta, mãi đến lúc bình minh, người phụ nữ đó lặng lẽ ẩn đi, gió bão cũng ngưng, mặt đất mênh mang, chỉ sót lại cát vàng và khói bụi vô tận." Đoạn văn này là ghi chép trong "Bí truyện" của Ngawang Lhundrup Daji.

Tsangyang Gyatso rời hồ Thanh Hải, một mình đi về phía trước trong gió

bụi mên mang, sau đó đã có lần gặp gỡ này, còn người phụ nữ này là Thiên Mẫu, chỉ hiện thân giúp Ngài thoát hiểm. Cuộc gặp gỡ thần kỳ ấy càng thêm ít nhiều sắc thái thần thoại cho Tsangyang Gyatso vốn đã ly kỳ. Đừng xét nét thật giả của chuyện này, tóm lại Tsangyang Gyatso đã thoát khỏi nguy hiểm, không còn là tù phạm bị mấy ngàn người áp giải về kinh thành. Xem ra Tsangyang Gyatso kiếp này thật sự không có duyên với tòa hoàng thành ấy, Ngài thuộc về đất Tạng bao la, chỉ có ở đây, hồn phách mới chẳng cô độc không nơi nương tựa.

Đây là tự do Tsangyang Gyatso lần đầu tiên có được từ sau khi mười lăm tuổi vào ở trong cung Potala. Ngắm áng mây bông bênh trên bầu trời quang đãng, ngắm chim ung dang cánh chao liệng, cả đến gió mát lướt qua bên người, tất cả đều khiến Ngài cảm thấy thoải mái trước giờ chưa từng có. Mọi thứ của hôm qua đã chết, Ngài chỉ sở hữu hôm nay và ngày mai. Tsangyang Gyatso không còn là vị Đạt Lai thứ 6 ngồi ngất ngưỡng trên ngai Phật của cung Potala kia nữa, cũng không còn là chàng Dangsang Wangpo có thể lang thang trên đường phố Lhasa mặc ý uống rượu vui ngông kia nữa. Giờ đây bản thân Ngài cũng không biết mình là ai, không biết mình phải làm gì. Ngài chỉ biết mình là người tự do, có thể tùy ý đi lại ở vùng hoang nguyên rộng lớn này, dù chịu hết khổ nạn, cũng không oán không hối.

Nhiều năm qua, Tsangyang Gyatso tuy thân là thủ lĩnh chính giáo Tây Tạng, là Phật sống trong lòng trăm ngàn tín đồ, nhưng Ngài chưa từng thật sự vui vẻ. Bởi vì Ngài đã mất tự do, Ngài chính là chú chim sẻ lông vàng bị nhốt trong nhà đẹp, được cho ăn gạo ngọc kê vàng, vẫn tiêu tụy tro xương, u uất kém vui. Nếu không có đoạn nhạc xen giữa đẹp để kia của quán rượu nhỏ Makye Ame, Tsangyang Gyatso có lẽ đã khô héo trong cung Potala, đời người chẳng còn vui thú gì. Trải qua một trận ảo diệt, Ngài cần sống lại, chỉ có sống lại mới có thể khiến Ngài tìm lại mọi thứ từng đánh mất.

Nhưng sau khi sống lại thật sự có thể sống theo ý nguyện của mình chẳng? Sau khi Tsangyang Gyatso có lại tự do, việc Ngài nghĩ đến đầu tiên là các tín đồ ủng hộ Ngài, Ngài không quên được tình cảnh mình từ cung Potala bị áp giải ra ngoài, những sư sãi và tín đồ ấy rơi lệ ròng rã vì Ngài, chiến đấu quên mình vì Ngài, chảy máu hy sinh vì Ngài. Giờ đây Ngài được giải thoát, cũng là nhờ người Tạng giải cứu, nhờ Phật tổ từ bi. Ngài nên dùng Phật pháp tu luyện nhiều năm của mình, dùng trí tuệ tinh táo của mình, để

cứu giúp đám người hèn mọn như sâu kiến ấy, cứu giúp chúng sinh vẫn chìm đắm trong ngu muội và khổ nạn ấy.

Phật Đà đã tiếp tục sinh mệnh của Ngài, nghĩa là đã trao cho Ngài sứ mệnh lớn hơn, trước sứ mệnh to tát, Ngài không thể lùi lại, đồng thời biết rõ con đường phía trước sẽ không bằng phẳng.

Trải qua dặm trường rong ruổi, Tsangyang Gyatso đã sức cùng lực kiệt, dọc đường ăn đói mặc rét, Tsangyang Gyatso lần đầu nếm được nỗi khổ đi xa. Một vị Phật sống đã sống quen cuộc sống an nhàn, từ đó trải qua những ngày lưu vong chân trời. Nếu Lha-bzang Khan biết Tsangyang Gyatso còn tồn tại trên đời, liệu y có tha cho Ngài không? Bị bức bách bởi thế lực của Lha-bzang Khan, Tsangyang Gyatso chỉ có thể dấu họ chôn tên, lưu đày nơi đất tuyết hoang nguyên. Dù khốn cùng, nhưng Ngài vẫn xem là đã có tự do, dù không thể xuất hiện với thân phận thật sự, nhưng Ngài có thể làm một người ẩn dật, làm một nhà sư vô danh vân du bốn bể. Dù chỉ là một lữ khách chân trời, Ngài cũng có thể vừa tu hành, vừa độ hóa chúng sinh dọc đường.

Hành trình gian nan, khổ nạn trùng trùng, Tsangyang Gyatso trà trộn trong dòng người đủ mọi sắc tộc, trải qua nhiều tao ngộ trước giờ chưa hề có. Thuở bé sống ở làng quê nhỏ yên bình, chưa từng biết thế giới bên ngoài rộng lớn dường này. Sau đó vào ở trong cung Potala to đẹp đường hoàng, càng không biết nhân gian còn có nhiều buồn khổ như vậy. Hóa ra trong hồng trần có nhiều khách phiêu bạt đến thế, bận rộn như sâu kiến vì sinh tồn mà vẫn không đổi được yên ổn bình dị nhất. Tsangyang Gyatso đi cùng những người này, cũng sống những ngày gió mưa lay lắt, Ngài từng ăn cơm thừa, từng ngủ hang động, thậm chí áo không che nổi thân, lo được bữa sớm, không chắc lo được bữa tối.

Tsangyang Gyatso từ Thanh Hải di chuyển đến Tứ Xuyên, du ngoạn Khang Định^[1], lại dừng chân nhiều ngày ở Nga My^[2], sau đó đến vùng Kham Tây Tạng. Chẳng may nhiễm phải bệnh đậu mùa ở nơi này. Ngài chịu đựng sự dày vò của bệnh tật và đói khát, năm lần bảy lượt chống chọi với thần chết. Ngài một mình khó nhọc vượt qua rất nhiều khổ nạn. Ngài không rõ, là ai đã biến nhân gian tốt đẹp thành luyện ngục. Cuộc sống lưu lạc nhiều năm sau đó khiến Ngài nếm trọn gió thảm mưa sầu của đời người, trải qua

vô số kiếp nạn, Ngài xem tất cả những chuyện này là trừng phạt của Phật tổ đối với ngài, là mài giũa hữu ý của cao xanh.

[1] Khang Định (Dardo, Darzêdo) là một huyện thuộc Châu tự trị dân tộc Tạng Cam Tư (Garzê), tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

[2] Nga My: một ngọn núi nằm ở tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc, là một trong tứ đại Phật giáo danh sơn, được cho là đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền. Núi Nga My cùng bức tượng Đại Phật Lạc Sơn được UNESCO công nhận là Di sản thế giới năm 1996.

Lưu lạc nhân gian, trải qua khổ nạn dày vò khiến Tsangyang Gyatso cảm thấy, du hý nhân sinh trong quá khứ thật là không nên. Những kẻ thống trị cấp cao trên võ đài chính trị, vì quyền lực khiêu khích chiến tranh thật khiến người đời phẫn nộ. Bản thân mình thật uổng làm Phật sống nhiều năm, uổng đọc mấy năm kinh Phật, lại chưa từng mảy may giúp đỡ cho những chúng sinh tín ngưỡng Ngài. Lẽ nào sứ mệnh của Ngài không phải là vì hạnh phúc của chúng sinh? Lẽ nào Ngài có thể vì thú vui hưởng lạc của mình mà không quan tâm, không chăm lo cho họ? Lẽ nào Ngài không nên vô tư bước ra, một mình đứng nơi tăm tối và vẫn đục, gánh chịu khổ nạn vì dân chúng, cho họ ánh sáng và ấm áp?

Mọi thứ ngày hôm qua tựa như trăng trong nước, hoa trong gương, lúc đó Ngài chìm đắm trong mộng đẹp, còn hay oán trời trách người. Ngày nay mới biết, lẽ ra Ngài nên sớm tỉnh khỏi giấc mộng, đi vào trong chúng sinh, để hóa sen tinh khiết nở giữa chốn bụi trần, mới có thể có sự trình bày với Phật tổ, trình bày với những tín đồ từng lễ bái Ngài, cũng trình bày với bản thân. Dùng linh tính và tuệ căn của Ngài, độ hóa chúng sinh, khiến họ thoát khỏi khổ nạn và ngu muội, từ đó khiến linh hồn đạt được siêu thoát chân chính.

Năm xưa cho rằng sơn cùng thủy tận, đi đến tình cảnh không có lối thoát, nhưng hiện nay lại cảm thấy đường đi xa thẳm, phương xa rất xa. Đến sau cùng, du ngoạn chốn phù thế hồng trần, Tsangyang Gyatso đã học được sâu lắng đạo bước. Cơm thừa canh cặn, Ngài ném ra mùi vị Ban Nhược; gửi thân đất tuyết hoang nguyên, Ngài như ngồi ngay ngắn trên mây. Vinh hoa phú quý của dĩ vãng đã là mây nước; phong hoa tuyết nguyệt một thời xem như ảo mộng.

Đơn độc

Đời người thịnh suy đã định, năm tháng ảo diệt khôn lường. Có lẽ Ngài sống chỉ là vì mơ trọn giấc mơ nửa đời trước, thành toàn một câu chuyện không có kết cuộc. Những nguyên nhân khác đều không phải.

Đời người chính là một chuyến du lịch, dù đeo tay nải mài miết phiêu bạt trên đường, hay có chỗ ở yên thân, đều là đang nhàn du. Thời gian xưa nay đều không dừng lại, dẫu chúng ta nấp ở một chốn thế ngoại đào nguyên không có rối ren, cũng vẫn phải xem hết hoa xuân trắng thu, phải trải qua sinh lão bệnh tử. Một ngày kia, phồn hoa cuối cùng sẽ trôi xa, một ngày kia, chúng ta đều sẽ cô độc già đi. Ngắm xong mùa xuân muôn hồng ngàn tía cuối cùng trong sinh mệnh, hạt bụi trần nhỏ bé này nên trở về chốn nào?

Biển người trôi nổi, ngày ngày đều có nhiều cuộc gặp gỡ và tương phùng như thế, vì sao người đi lướt qua nhau lại là bạn và tôi? Ngày ngày đều có nhiều duyên phận ước hẹn như thế, vì sao người chờ đợi ngày này qua ngày nọ vẫn là bạn và tôi. Chúng ta luôn mong mỗi người khác đến cứu rồi, lại không biết con người chỉ có tự cứu mình rồi mới có thể cứu người. Chúng ta luôn ở trong biển biếc của mình, kể chuyện nương dâu của người ta, lại không biết có một ngày, nương dâu của mình vừa khéo là biển biếc của người khác. Ván cờ nhân sinh này, nếu cố chấp phải đi tiếp theo cách nghĩ của mình, kết quả sẽ là cả ván đều thua, non sông đều mất.

Khi phiêu bạt, tôi thường nhớ đến Tsangyang Gyatso. Trước giờ tôi không mong mỗi vị tình tăng nhu nhược này có thể cứu rồi tôi từ hồng trần, vượt qua sông nước mê mang của đời người, cập bến bờ bên kia sen nở. Vì tôi biết, Ngài và chúng ta không có khác biệt. Từ sau khi Ngài rơi vào phàm trần, chọn lựa tình yêu, tôi đã biết Ngài không quay về được nữa. Trong thơ ca thấm thiết cảm động lòng người của Ngài, tôi đã đọc ra kiếp trước đời này của Ngài, một người vì Phật mà say mê hồng trần, lại định sẵn phải gìn giữ trọn đời vì tình yêu. Ngài là Phật sống, ai có thể phê duyệt số

mệnh cho Ngài, nói với Ngài đến cuối cùng phải chọn lựa tư thế nào mới sống được thật tốt chốn nhân gian khói lửa?

Nếu nói quãng thời gian trước mười lăm tuổi của Tsangyang Gyatso là kiếp trước của Ngài, thế thì quãng thời gian Ngài vào trong cung Potala chính là kiếp này, còn trong “Bí truyện” của Ngawang Lhundrup Daji là kiếp sau của Ngài. Ngài của kiếp trước chỉ là một thiếu niên làng quê lặng lẽ không ai hay biết, chẳng có bao nhiêu ham muốn, nhàn nhã tự tại. Ngài của kiếp này thì có mấy kiểu cực đoan, từ thiếu niên vô danh lắc mình biến thành Phật sống. Ngài đã sở hữu quyền lực cao nhất, tình yêu đẹp nhất, cũng mất đi tự do của người bình thường. Có người nói, là vì kiếp này Ngài phung phí bằng hết mọi thứ tốt đẹp, do đó mới có kiếp sau lưu lạc cùng khổ.

Có lẽ trong lòng mỗi người đều có một tâm trạng hoài niệm, phảng phất gặp gỡ ban sơ mãi mãi đều là đẹp nhất. Dù già đi bao nhiêu tuổi, điều chúng ta có thể nhớ được vẫn chỉ là ngày hôm qua ố vàng. Có lúc, lật mở một cuốn sách, nhìn thấy trong trang bìa kẹp một phiến lá rụng ta sẽ vui mừng khôn xiết, vì trên gân lá chạm khắc dấu ấn của tháng năm, cũng lưu giữ những tình cảm âm áp của ngày xưa. Đi qua chặng đường nhân sinh dài dằng dặc, cuối cùng thứ hoài tưởng vẫn là những dĩ vãng xanh rì ấy. Kỳ thực thuở ban đầu chưa chắc đã là tốt đẹp nhất, nhưng tính cố chấp sẽ khiến bạn và tôi luôn chẳng quên được sự tốt đẹp của ngày hôm qua.

Tsangyang Gyatso lưu lạc ở dân gian, cũng từng vô số lần không thể tự chủ hoài niệm quá khứ. Dù Ngài tự nhủ, hồ Thanh Hải là khởi điểm cuộc đời của Ngài, thành Lhasa là cố hương Ngài không về được. Nhưng nhiều ngày lênh đênh không nương tựa, nhiều lần nửa đêm nằm mơ, Ngài vẫn sẽ nhớ nhung quán rượu nhỏ Makye Ame, sẽ tưởng nhớ người đẹp Qonggyai Dawa Dolma của Ngài, thậm chí không quên được con chó vàng già trung thành của cung Potala. Nhưng Ngài không viết được thơ tình nữa, tình ca buồn thương trăm mối ngày xưa, nay đọc lên, thật là ngôn từ lộn xộn. Có những cảm giác, một khi mất đi thì chẳng bao giờ tìm lại được nữa.

Những năm này, Tsangyang gyatso là một hành giả cô độc, ném đủ chua xót và bất lực. Nhưng dọc đường Ngài đều giúp đời cứu người, thực hiện lời hứa của bản thân. Lại chưa từng dùng thân phận thật sự trước mọi người, nếu

có ai hỏi đến cùng chỉ giả vờ không biết. Chỉ nói với người khác, mình từ nhỏ lưu lạc, không biết quê cũ ở đâu, cũng không biết cha mẹ là ai. Người dân hiền lành chất phác, xưa nay không hỏi nhiều, chỉ xem Ngài là khách qua đường phiêu bạt giang hồ như họ, vì miếng cơm manh áo, ăn mày chốn nhân gian. Cũng có người hiểu chuyện biết Ngài không phải là người phạm, nhưng chúng sinh vạn tượng, ai mà có thể chú ý đến nhiều như thế.

Năm 1709, Tsangyang Gyatso đã lưu vong bốn năm, từ Litang đi qua Batang^[1], bí mật trở về Lhasa. Lhasa, đối với Tsangyang Gyatso, là một tòa thành số mệnh, một tòa thành đời này kiếp này đều chẳng thể lãng quên. Tòa thành này đã ban cho Ngài thân phận Thần Phật, cũng cho Ngài gặp gỡ người con gái định mệnh.

[1] Litang (Lý Đường), Batang (Ba Đường): hai huyện thuộc châu tự trị dân tộc Tạng Garzê (Cam Tư), tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

Tòa thành này, khiến Ngài sở hữu tất cả, cũng hủy diệt tất cả của Ngài. Lần đó từ biệt cùng chúng sinh và cỏ cây trong thành, cho rằng suốt đời này không có duyên trở lại nữa, nhưng không ngờ Ngài lại chân thực đứng trong thành Lhasa, nhìn dòng người phạm trần hối hả lại qua.

Tòa thành này không mấy may biến đổi vì sự ra đi của Ngài. Từng cho rằng, Ngài thân là thủ lĩnh chính giáo Tây Tạng, trong một ngày lưu lạc làm tên tù dưới thêm, tòa thành này sẽ có những thay đổi long trời lở đất. Thế nhưng biến động ngày ấy không hề có nghĩa tương lai sẽ gió mây biến ảo. Có lẽ các tín đồ trước giờ chưa hề quên Ngài, nhưng họ rút cuộc cũng chỉ là người dân bình thường, chỉ hy vọng gìn giữ một phần năm tháng tĩnh lặng, sống cuộc sống bình dị nhất. Xưa nay triều đại thay đổi, chỉ thay đổi vua chúa trên ngai báu, còn non sông muôn dặm vẫn trước sau như một, nào đã có nửa phần thay đổi. Có lẽ trên đời này, chẳng ai nên xem bản thân quá quan trọng. Vì bất cứ ai ra đi đều không thể khiến đất trời đổi sắc, nhật nguyệt mất màu, núi xanh vẫn còn đó, nước biếc vẫn chảy về đông.

Tsangyang Gyatso trở về thành Lhasa không dám phô trương qua phố, Ngài ẩn giấu thân phận của mình, gặp gỡ Thượng Sư của tu viện Drepung và tu viện Sera^[2], trăm nỗi cảm xúc, vui mừng khôn tả. Họ cùng nhau bế quan

tu luyện Phật pháp, không còn chàng lãng tử vì tình đêm khuya lên đi năm xưa nữa. Bế quan một năm, sau khi xuất quan, cuối cùng do thân phận đặc thù của Tsangyang Gyatso, không tiện ở lâu trong thành Lhasa. Bởi chỉ cần đôi chút sơ sẩy là có thể bị tai mắt của Lha-bzang Khan phát giác, đem đến cho Ngài tai nạn cực lớn lần nữa.

[2] Tu viện Sera (Sắc Lạp): cách Lhasa khoảng 5km về phía bắc, được xây năm 1419 bởi một đệ tử của Tsongkhapa.

Gặp lại thành Lhasa lần này giống như cách biệt một đời, chỉ đến lúc ly biệt, Tsangyang Gyatso mới biết hóa ra mình quyến luyến tòa thành này thế nào. Ngài không rời một nhánh cây ngọn cỏ, từng mái bếp, nếp nhà trong thành, càng không quên được đoạn tình dang dở của kiếp này. Vẫn vương hơn nữa cuối cùng cũng phải biệt ly, Ngài một mình đi trên đường phố Lhasa, vì ăn mặc giản dị mà không ai nhận ra Ngài là chàng Dangsang Wangpo phong lưu tiêu sái năm xưa. Ngắm một thoáng quán rượu nhỏ Makye Ame, một ngôi nhà nhỏ màu vàng rất đổi bắt mắt. Bên trong vẫn khách khứa nườm nượp, họ vẫn là giang hồ của hôm qua, duy chỉ có Ngài không quay về được biển biếc năm đó.

Rời khỏi Lhasa, Tsangyang Gyatso tiếp tục lênh đênh biển trần, bốn bề là nhà. Năm 1712, Tsangyang Gyatso ba mươi tuổi, đã đến Kathmandu^[3] của Nepal, ở đây chiêm ngưỡng biểu tượng Linga^[4] của thần Shiva. Sau đó, lại theo quốc vương Nepal đến Ấn Độ hành hương. Tháng tư năm sau, Tsangyang Gyatso đã leo lên núi Linh Thứu^[5], đây là nơi năm xưa Thích Ca Mâu Ni giảng kinh. Ở vùng tịnh thổ núi thiêng, chuyên tâm tu luyện một ngày mà đã hơn tu luyện ở đất Tạng một năm. Tsangyang Gyatso lúc đó một lòng hướng Phật, cũng đã có lĩnh ngộ sâu sắc đối với Phật pháp bao la tinh thâm. Ra khỏi núi Linh Thứu, Tsangyang Gyatso còn gặp được voi trắng trăm năm mới xuất hiện một lần của Ấn Độ.

[3] Kathmandu: thủ đô Nepal

[4] Linga là một biểu tượng thờ phụng của vị thần Ấn Độ giáo Shiva. Phái Shiva của Ấn Độ giáo coi Shiva là vị Thượng đế tối cao. Trong phái Smarta, Shiva là một trong năm hình thức nguyên sơ của Thượng đế. Trong một số trường phái Ấn Độ giáo khác, Brahma, Vishnu và Shiva đại diện cho ba khía cạnh thần thánh của Ấn Độ giáo và hợp chung thành bộ tam thần Trimurti: Brahma là đấng tạo hóa, Vishnu là đấng bảo hộ, còn Shiva là đấng hủy diệt hoặc biến đổi.

[5] Núi Linh Thứu (Gijjhakūta): nằm ở Rajgir, Bihar, Ấn Độ.

Năm 1714, Tsangyang Gyatso ba mươi hai tuổi, lần nữa trở về Lhoka, tu hành ở tu viện Tabu thuộc huyện Nang^[6], Lhoka, được người bản địa tôn xưng là Đại sư Tabu. Trong “Bí truyện”, Tsangyang Gyatso đã thực sự trở thành một vị cao tăng đắc đạo vân du bốn phương, đủ loại kỳ ngộ mà mọi người không sao tưởng tượng nổi. Dường như chỉ có như thế mới xứng với thân phận Phật sống của Ngài, chỉ có như thế, mới có thể viết tiếp truyền kỳ đời sau của Ngài.

[6] Nang: trước là một huyện của địa khu Lhoka. Năm 1982 địa khu Nyiningchi thành lập, huyện Nang cắt về Nyiningchi quản lý cho đến nay. “Nang” tiếng Tạng nghĩa là hiển hiện, tướng tượng.

Đời người thịnh suy đã định, năm tháng ảo diệt không lời. Có lẽ Ngài sống chỉ là để mơ trọn giấc mơ nửa đời trước, thành toàn một câu chuyện không có kết cuộc. Những nguyên nhân khác đều không phải. Có lẽ Ngài đã dâng cho Phật tổ thời gian quãng đời còn lại, nhưng rốt cuộc vẫn phải bội bạc giai nhân. Kỳ thực chuyện của đời trước, đi qua cầu Nại Hà là đã quên sạch sành sanh, không rõ vì sao còn có nhiều nợ cũ khó hết, giục giã hoàn trả.

Quyển sáu: Chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng

Chân trời

Chúng ta dường như nhìn thấy một Tsangyang Gyatso hoàn toàn mới, Ngài sớm đã thoát thai hoán cốt, tựa một đóa sen, khi cánh hoa cuối cùng rụng xuống, Ngài cũng tìm được quả cuối cùng cho mình.

Tin rằng tất cả mọi người đều từng xao xuyến bởi một bài hát, vì giai điệu của nó, vì lời ca nào đó, hoặc chẳng có nguyên do, chỉ là cảm động đơn thuần. Nhớ nhung một người, hay hoài tưởng một người, luôn không nhận được tự hỏi, rốt cuộc phải lúc nào mới có thể biến người gặp gỡ? Đúng vậy, biến người mệnh mang, chúng ta sơ ý lạc mất nhau, một ngày kia đôi bên mưa gió quay về, phải chăng dung nhan đã thay đổi? Phải chăng vẫn có thể nắm được tay nhau?

Đêm nay tình cờ nghe được bài hát “Hóa ra anh cũng ở đây” của Lưu Nhược Anh^[1], vì sự trùng hợp của một câu ca mà khiến tôi cảm động không thôi. “*Gặp nhau trong biển người ngàn núi muôn sông, hóa ra anh cũng ở đây.*” Tôi biết không nhiều về Lưu Nhược Anh, nhưng từng nghe nói, cô là một cô gái cảm tính, đã viết nhiều câu văn cảm tính. Sau đó xem phim “Dòng chảy thời gian” về Ô Trấn, bị nó lay động sâu sắc. Chỉ cảm thấy cô có một vẻ đẹp gột hết phấn son, giống Như cổ trấn vùng sông nước đó, bình tĩnh một cách từ tốn dưới mặt trời lặn.

[1] Lưu Nhược Anh (Rene Liu, sinh năm 1970): diễn viên, ca sĩ Đài Loan.

Cho em lắng đọng bụi trần,

Chôn vùi dĩ vãng âm thầm ngày xưa.

Từ biển, dãi gió dầm mưa,

Đến nơi sa mạc thốt thừa bóng người.

Ân tình đã rõ mười mười,

Muôn ngàn ngôn ngữ không lời nói ra.

Yêu là trời đất bao la,

Hóa ra anh ở bên ta chốn này.

Người xưa giờ ở đâu đây,

Phải chăng chỉ có sum vầy trong mơ.

Tận sức liều yếu đào tơ,

Đổi về hồi ức băng quơ nửa đời.

Mắt anh khát vọng ngời ngời,

Tâm tình cứu rồi em thời trông mong.

Biển người ngàn núi muôn sông,

Hóa ra lại gặp anh trong chốn này.

Có lẽ nhiều người sẽ hỏi, lời bài hát này và Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso có liên quan gì hay sao? Đúng, có liên quan. Kỳ thực vạn vật trên đời đều có liên quan, tình cảm con người cũng tương thông. Chẳng qua là yêu hận tình thù, tụ tan ly hợp, ngoài ra, còn có thứ gì? Nhưng có lúc, lại cảm thấy giữa người và người vốn chẳng chút dây mơ rễ má, bạn có tiền nhân của bạn, hắn có quả báo của hắn. Ai cũng không thể thay thế cuộc đời của ai, ai cũng không thể thay đổi số mệnh của ai.

Tsangyang Gyatso thần bí mất tích tại hồ Thanh Hải, cũng được xem là bụi trần lắng đọng, dùng trầm mặc chôn vùi tất cả quá khứ. Nếu không phải xuất phát từ tưởng tượng hư ảo, không phải vì một quyển “Bí truyện” của Ngawang Lhundrup Daji, ai biết Tsangyang Gyatso phải chăng vẫn còn ở chốn nhân gian, ai biết Ngài cuối cùng ẩn tích đến nơi nào? Hoặc ẩn cư ở chốn núi rừng hoang dã tịnh không khói bếp nào đó, hoặc đã bắt đầu một chặng hành trình nhân sinh chẳng có mục đích. Còn cái tên này, sẽ mãi mãi tồn tại trong cảnh mộng của chúng ta, từ đây không rời không bỏ.

Bao nhiêu người truy tìm, khao khát gặp gỡ Tsangyang Gyatso giữa biển người, khao khát được Ngài cứu rỗi. Lại không biết, rời khỏi cung Potala, Ngài không còn là vị Phật sống chí cao vô thượng, phóng khoáng giang hồ, thậm chí Ngài còn không thể giải cứu bản thân, làm sao cứu rỗi được bạn và tôi. Trong “Bí truyện” viết Tsangyang Gyatso lưu lạc dân gian, trải qua đủ loại cảnh ngộ lưu lạc cùng khốn, cũng sắp xếp cho Ngài vô số truyền kỳ siêu việt khác thường. Kiếp sống lưu lạc đã trở thành thử thách của cao xanh đối với Ngài, trong hành trình gian nan này, Ngài trước sau không quên tu luyện Phật pháp, không quên giúp đời cứu người.

Chúng ta dường như nhìn thấy một Tsangyang Gyatso hoàn toàn mới, Ngài sớm đã thoát thai hoán cốt, tựa một đóa sen, khi cánh hoa cuối cùng rụng xuống, Ngài cũng tìm được quả cuối cùng cho mình. Duy có ném hết khói lửa nhân gian, mới hiểu rõ gió sương tình đời, mới biết chúng sinh cần gì, biết ruốt cuộc phải làm thế nào, họ mới có thể hưởng hạnh phúc chân

chính. Phiêu bạt ở thế gian, Tsangyang Gyatso vừa đi, vừa nghỉ, vừa nhặt nhanh, cũng vừa đánh mất. Số mệnh đột nhiên biến đổi, khiến ngài từ trong chìm nổi dần dần học được bình tĩnh, từ đó đã có lòng dạ rộng rãi như Phật, đã có vẻ ung dung và điềm đạm của Phật.

Năm 1715, Tsangyang Gyatso ba mươi ba tuổi lần nữa bí mật trở về Lhasa, rốt cuộc có thứ gì mà Ngài không buông xuống được? Tòa thành này đã chẳng còn non sông thuộc về Ngài, chẳng còn cô gái Ngài yêu thương, nhưng Ngài trước sau vẫn nhung nhớ không quên mảnh đất này. Còn người đã thay thế địa vị Phật sống của Ngài sống trong cung Potala kia, chẳng có chút dây mơ rễ má với Ngài. Đạt Lai thứ 6 Yeshey Gyatso^[2], một cái tên xa lạ, chẳng qua là con rối Lha-bzang Khan tìm đến, vai trò giữa họ cũng như Đệ Ba Sangye Gyatso và Tsangyang Gyatso năm xưa. Càng buồn cười là, Yeshey Gyasto đã là Đạt Lai thứ 6, thế thì Yeshey cũng chính là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5 chẳng? So với Tsangyang Gyatso, Yeshey mới là một Đạt Lai giả hoàn toàn.

[2] Yeshey Gyatso (Y Hi Gia Mục Thố): Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 không chính thức do Lha-bzang Khan lập nên vào năm 1707.

Lại ngắm thành Lhasa, nghe nói năm xưa khi Ngài rời đi, nhiều cô gái thầm yêu trộm nhớ Ngài đã sơn phòng mình thành màu vàng, giờ đây những phòng ốc ấy lại được tô trát một màu sơn mới. Không ai si ngốc chờ đợi một tình cảm vô vọng, không ai sẽ tưởng nhớ cả đời một người chẳng quen biết mình. Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso chẳng qua chỉ là một truyền kỳ thất lạc của thành Lhasa, điều nên quên cuối cùng vẫn phải quên. Duy có tình ca của Ngài vẫn như khói lửa băng lãng, quanh quẩn trên bầu trời của thành Lhasa. Nếu nói còn có điều gì đáng để người hoài niệm, có lẽ cũng chỉ còn lại mấy bài thơ tình ấy.

Phiêu bạt chân trời gần mười năm, Tsangyang Gyatso cảm thấy mình đã xem khắp tình đời, cũng cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Ngài hy vọng tìm một nơi thích hợp để dừng chân, tịnh tâm ngồi thiền, đồng thời bắt đầu xây dựng xứ Phật lý tưởng của Ngài, truyền dương Phật pháp tinh thâm, phổ độ chúng sinh. Quá trình rong ruổi, xác thực đã cho Tsangyang Gyatso sự từng trải và rèn luyện trước đó chưa từng có. Ngài thâm nhập hồng trần, lĩnh ngộ cảnh giới bồ đề, hiểu được đời người duyên khởi duyên diệt không thể cưỡng cầu.

Do đó mới vứt bỏ tình yêu, không cầm bút viết bài thơ khiến bản thân đau lòng, khiến người xem rơi lệ nữa.

Mãi đến một hôm, khi Tsangyang Gyatso dẫn mười sáu nhà sư của tu viện Mulu Lhasa từ Lhasa qua Thanh Hải đến Alxa, Ngài bị vùng đất rộng lớn mà yên bình này thu hút sâu sắc. Gặp gỡ giữa người và người là do duyên phận, gặp gỡ giữa người và phong cảnh cũng là do duyên phận, Tsangyang Gyatso lần đầu tiên đến Alxa, liền hiểu rõ duyên xưa của mình với nơi đây rất sâu đậm. Chốn này sắc núi tươi đẹp, thảo nguyên bao la, mây lành quần quýt, khiến tâm linh Ngài tìm được một chốn về bình yên.

Alxa nằm ở đầu cực Tây khu tự trị Nội Mông Cổ, cách xa Lhasa, sự tranh đấu thế lực, loại trừ lẫn nhau của Tây Tạng không liên quan đến nơi này. Chính trị của Alxa ổn định, phong tục dân gian chất phác, lãnh thổ rộng lớn, giống như một vùng thế ngoại đảo nguyên cách xa phân tranh. Vương gia A Bảo, người thống trị cao nhất đời thứ hai của miền đất này có chiến công lớn lao, được Khang Hy chọn làm ngạch phò^[3], rất được nhà vua sủng hạnh, càng có thể khẳng định nơi này bình yên hơn những nơi khác. Hơn nữa mấy năm nay, Lha-Bzang Khan tuy đã chiến thắng Đệ Ba Sangye Gyatso, đuổi được Tsangyang Gyatso đi, nhưng Đạt Lai thứ 6 Yeshey Gyatso do y lập lên trước giờ không được tín đồ Tây Tạng khẳng định. Lha-bzang Khan đã đánh mất lòng người, bị các bộ lạc liên kết đối kháng, y không rảnh rỗi để ý đến khu vực Alxa. Do đó, Tsangyang Gyatso ở đây là an toàn nhất, không cần lo lắng và e sợ gì cả, Ngài có thể an cư ở đây, hoằng dương Phật pháp, mưu cầu hạnh phúc cho chúng sinh.

[3] Thời nhà Thanh, chồng của công chúa gọi là “ngạch phò”, tương đương với “phò mã” các thời trước.

Tsangyang Gyatso ba mươi tư tuổi cuối cùng đã kết thúc hành trình gió mưa mười năm của Ngài, dừng chân ở vùng đất tươi đẹp Alxa, và lưu lại đây suốt ba mươi năm. Tuy trong khoảng thời gian đó cũng có nhiều lần rời đi, nhưng cuối cùng vẫn trở về chốn này, Alxa đã trở thành quê hương kiếp sau của Tsangyang Gyatso. Monyu và Lhasa đều đã là kiếp trước của Ngài. Ngài lưu luyến mảnh đất này, là vì Ngài từ đầu đến cuối đều hướng đến hòa bình và yên ổn, mà Alxa đã cho Ngài một cảm giác có thể yên thân gửi phận. Cuối cùng Tsangyang Gyatso tọa hóa và được chôn cất ở nơi này, đến nay ở

Alxa vẫn lưu truyền thánh tích và công đức về Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso.

Lần đầu đến Alxa, Tsangyang Gyatso dừng chân ở nhà Banzier Zhabu^[4] quý tộc Alxa. Banzier Zhabu chính là cha của Ngawang Lhundrup Daji, tình duyên thầy trò giữa Tsangyang Gyatso và Ngawang Lhundrup Daji chính là kết nên ở đây. Lúc đó Ngawang Lhundrup Daji mới hai tuổi, từ nhỏ theo Tsangyang Gyatso xuất gia làm sư, dốc lòng học tập kinh Phật, sau đó đến Tây Tạng chuyên tu, trình độ cao thâm. Về sau lại được Tsangyang Gyatso xác định là linh đồng chuyển thế của Đệ Ba Sangye Gyatso, chỗ huyền diệu trong đó, nhiều người không thể lý giải.

[4] Ban Tử Nhĩ Trát Bố.

Chuyện trên đời luôn không tách rời nhân quả luân hồi. Lúc xưa Đệ Ba Sangye Gyatso gần như nắm giữ cuộc đời hai mươi lăm năm của Tsangyang Gyatso, nhưng không lường trước được Ngawang Lhundrup Daji, linh đồng chuyển thế của y về sau sẽ trở thành đệ tử thủ tọa của Tsangyang Gyatso. Duyên phận đan xen phức tạp như thế, rốt cuộc nên xem là nghiệt duyên hay là thiện duyên? Cũng chính Ngawang Lhundrup Daji, vị cao tăng đầu tiên người Alxa Mông Cổ này, vì ân sư Tsangyang Gyatso của mình mà viết nên quyển “Tsangyang Gyatso bí truyện”, chỉ dẫn phương hướng cho những người tìm kiếm Tsangyang Gyatso trong màn sương dày đặc. Nhưng sách của ông chứa đựng quá nhiều điều thần kỳ, đã cho người đọc ảo tưởng vô tận, nhiều câu chuyện khiến người khó phân thật giả.

Dòng sông lịch sử dài mênh mông không bờ bến, sâu không thể dò, trừ phi chính mình là người đích thân trải qua, nếu không chẳng ai có thể kể lại chính xác cuộc đời của ai. Tsangyang Gyatso thực sự từng tồn tại trong lịch sử, Ngawang Lhundrup Daji cũng vậy, nhưng trong lịch sử lại ghi chép Tsangyang Gyatso hai mươi lăm tuổi đã qua đời. Nếu Ngài không chết, sư phụ của Ngawang Lhundrup Daji thật sự là Tsangyang Gyatso ư? Nếu Ngài quả thật chết bên hồ Thanh Hải, thế thì sư phụ của Ngawang Lhundrup Daji lại là người nào? Chẳng lẽ Ngawang Lhundrup Daji vì viết một quyển “Bí truyện” mà hư cấu sư phụ của mình thành Tsangyang Gyatso sao?

Chuyện đời mệnh mang, còn chúng ta từ khi sinh ra đã mang một câu đố, đi lại trong cõi mệnh mang đó. Biết bao truyền kỳ phong nhã hào hoa đều tan thành mây khói, biết bao vua chúa, đại thần văn võ đều biến mất không còn tăm tích. Mỗi một ngọn núi xanh, mỗi một dòng sông chảy, đều có câu chuyện không thể nói thành lời; mỗi một ngọn cỏ gốc cây, mỗi một hòn đá đều có câu đố không thể giải đáp. Chúng ta còn có thể dựa vào những vết tích vụn vặt năm tháng để lại, tìm được những gì? Nói cách khác, non sông không ngừng dời đổi này còn có thể lưu lại những gì cho chúng ta?

Chốn về

Mỗi người đều khát vọng đời này có thể tìm được một nơi chốn để linh hồn nghỉ ngơi, nuôi dưỡng tình cảm, yên thân gửi phận ở đó. Có lẽ nơi đây chẳng phải là quê hương, không nhìn thấy thấy phong cảnh thiên nhiên thuần phác thuở nhỏ, nhưng có khi còn hơn cả quê hương.

Mỗi người đều khát vọng đời này có thể tìm được một nơi chốn để linh hồn nghỉ ngơi, nuôi dưỡng tình cảm, yên thân gửi phận ở đó. Có lẽ nơi đây chẳng phải là quê hương, không nhìn thấy thấy phong cảnh thiên nhiên thuần phác thuở nhỏ, nhưng có khi còn hơn cả quê hương. Có thể thu nhận một lữ khách chân trời là đủ để thấy nó có lòng dạ rộng rãi khoan hậu. Chúng ta đều là người mệt mỏi với số mệnh bôn ba trên thế gian này, vắng lạnh rong ruổi nơi đường ngang lối dọc, không biết cuối cùng rẽ mọc ở chốn nào, lại sẽ quay về chốn nào.

Tsangyang Gyatso trải qua biến biếc nương dâu, đời người biến đổi, nhiều năm trôi dạt đã khiến Ngài chán ngán. Mãi đến khi gặp gỡ Alxa Nội Mông Cổ, một vùng đất có thảo nguyên, qua bích và hoang mạc. Đối với nhiều người, mảnh đất này quá đổi bình thường, chẳng có bao nhiêu phong cảnh đẹp đẽ. Nhưng Tsangyang Gyatso lại có tình cảm vừa gặp đã xiêu lòng đối với nơi này, vì Alxa đã cho Ngài cảm giác an toàn, phong tục dân gian chất phác ở đây khiến Ngài có một cảm giác mơ về quê cũ. Phiêu bạt hồng trần

mười năm, Tsangyang Gyatso không phải chỉ đơn thuần thưởng thức phong thổ nhân tình các nơi, Ngài đang lưu vong, bị bức bách bởi thế lực của Lhabzang Khan, Tsangyang Gyatso sống những ngày trốn chui trốn nhủi. Do đó mười năm này nếm đủ gian nan, tuy cứu rỗi được nhiều dân chúng, nhưng bản thân chưa từng được yên ổn thực sự.

Alxa từ đó đã là quê hương thứ hai của Tsangyang Gyatso, tên tuổi Ngài đã từng khiến gió mây xao động ở thành Lhasa, người dân Tây Tạng ngày đêm truyền xướng tình ca của Ngài. Còn ở Alxa, mọi người truyền tụng đủ mọi sự tích của vị thần bảo hộ thảo nguyên này, các phiên bản mới không ngừng được sinh ra. Trong “Bí truyện” của Ngawang Lhundrup Daji, đã ghi chép nhiều thần tích linh dị của Tsangyang Gyatso. Dường như Ngài thật sự là một vị Phật sống rơi xuống trần gian, có thần thông và pháp lực vô tận, mà tất cả sứ mệnh của Ngài, đều là vì hoằng dương Phật pháp, tạo phúc sinh linh, phổ độ chúng sinh. Khiến mọi người tin tưởng, ở thảo nguyên Alxa thật sự có một nhân vật thần kỳ như vậy, một vị Phật sống từ bi như vậy.

Có lúc rất khó tin, chính vì lần chạy trốn ở hồ Thanh Hải, khiến Tsangyang Gyatso sau khi nếm đủ trăm vị đã triệt để biến thành một người khác chăng? Một vị Phật không còn phong hoa tuyết nguyệt viết thơ tình, mà tâm niệm chúng sinh? Từng ngồi trên ngai Phật chót vót, chỉ muốn lưu lạc chân trời, vì một tình yêu, có thể không cần những tín đồ phủ phục dưới chân; giờ đây lưu vong ở dân gian, lại chỉ nghĩ đến trăm họ, chỉ muốn vì họ mở rộng cánh cửa trong lòng, miễn đi luân hồi bể khổ. Có lẽ chẳng đường sinh mệnh thật sự sẽ triệt để thay đổi một người, người quen thuộc sẽ biến thành xa lạ; người ác độc sẽ biến thành lương thiện; người ích kỷ sẽ biến thành vô tư.

Sống, chẳng qua là thời gian một đóa hoa nở; chết, cũng chẳng qua là khoảnh khắc một phiến lá rụng. Có những người bằng lòng nghĩ rằng Tsangyang Gyatso như một đóa hoa rụng rục rờ chết đi, kết thúc truyền kỳ một đời của Ngài ở hồ Thanh Hải. Có những người lại muốn nghĩ rằng Ngài giống như cỏ cây bền bỉ mà sống, phiêu bạt ở nhân thế, vì niềm tin Thiên Phật của Ngài. Cỏ cây nhân gian, vội vã đã là một đời, nhưng chúng ta luôn hy vọng hoàn mỹ, tình duyên dang dở có thể kết liễu, tâm nguyện lâu năm chưa hoàn thành có thể tròn vẹn. Một quyển “Bí truyện” đã giải mộng cho biết bao người, lại đập tan sự hoàn mỹ ban sơ của biết bao người?

Từ khi Tsangyang Gyatso đến Alxa, nhiều sự tích kỳ dị xảy ra ở đây đã được mọi người tranh nhau truyền tụng. Còn vương gia A Bảo, người thống trị cao nhất của Alxa, cũng đã nghe nhiều truyền kỳ về Ngài. Vương gia A Bảo liền lệnh cho trưởng giả có thân phận của Alxa đi mời Ngài đến, và đích thân dẫn quan viên cùng tín đồ nghênh đón ở vương cung, long trọng tiếp đãi vị thánh tăng này. Tsangyang Gyatso chẳng khi nào tiết lộ thân phận của mình với bất cứ ai, những năm nay Ngài đi lại giữa dân gian, đóng nhiều vai trò khác nhau. Ở Alxa, Ngài chỉ là một nhà sư có trình độ Phật học cao thâm, không ai biết Ngài từ nơi nào đến, cũng không ai xét nét quá khứ của Ngài.

Vương gia A Bảo là một người độ lượng cởi mở, cũng có tấm lòng thành kính đối với Phật giáo Tạng truyền, ông cùng Đạt Lai có ngọn nguồn rất sâu. Vì mấy năm sau, ông sẽ nhận ủy nhiệm của triều Thanh, đến Litang thuộc khu Tạng Tây Khang, hộ tống Kelzang Gyatso^[1] người Litang đến Lhasa cử hành điển lễ tọa sàng, vị Kelzang Gyatso này chính là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 6 mà dân gian nhận định, tức Đạt Lai Lạt Ma thứ 7.

[1] Kelzang Gyatso (Cách Tang Gia Mục Thố, 1708-1757): Đạt Lai Lạt Ma thứ 7

Vương gia A Bảo cùng Tsangyang Gyatso gặp nhau ở Alxa, cũng là duyên phận của ông với Phật. Họ vừa gặp như đã quen biết, chuyện trò rất vui vẻ. Vương gia A Bảo bị thu hút bởi khí độ phi phàm của Tsangyang Gyatso, cũng bị thuyết phục bởi vẻ từ bi và ung dung toát ra giữa vầng trán của Ngài, bèn khẩn khoản mời Ngài đảm nhiệm chức Thượng Sư của Alxa, suốt đời lưu trú ở đây, tạo phúc chúng sinh. Còn Tsangyang Gyatso sớm đã có cảm tình với mảnh đất này, Ngài đã nhận định Alxa là chốn về kiếp này của Ngài. Do đó Ngài đã nhận lời mời của vương gia A Bảo, kết nên Phật duyên với nơi đây, vì chúng sinh nơi đây mưu cầu phúc báo.

Năm 1717, Tsangyang Gyatso ba mươi lăm tuổi, nhờ sự quan tâm chiếu cố của vương gia A Bảo, danh tiếng càng thêm truyền xa ở Alxa. Ngài cũng dốc hết pháp lực của mình, bảo vệ tất cả sinh linh của mảnh đất này. Năm đó, Lha-bzang Khan bị quân đội Dzungar giết chết, Yeshey Gyatso Đạt Lai thứ 6 do Lha-bzang Khan lập bị nhốt trong tu viện núi Dục Vương^[2], vị Đạt Lai giả vô tội này lặng lẽ chết đi bảy năm sau đó. Dân gian Tây Tạng vẫn

bàn luận câu đố về sự mất tích của Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso, đồng thời sôi nổi hưởng ứng Kelzang Gyatso, linh đồng chuyển thể của Đạt Lai thứ 6 làm Đạt Lai mới.

[2] Núi Dược Vương (Chokpori): một ngọn núi ở Lhasa, được xem là núi thiêng của Kim Cương Thủ Bồ Tát.

Những năm nay, Tsangyang Gyatso hóa danh làm Ngawang Chödrag Gyatso^[3], du ngoạn các nơi như Ấn Độ, Tây Tạng, Tứ Xuyên. Lúc đó vương gia A Bảo hơi hoài nghi về thân phận của vị thánh tăng hóa danh làm Ngawang Chödrag Gyatso này. Ông thậm chí cảm thấy Ngài chính là Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso đã mất tích ở hồ Thanh Hải. Nhưng Tsangyang Gyatso trước sau là khâm phạm của triều đình Đại Thanh, do đó không tiện nói toạc ra, chỉ tin thờ Ngài làm Thượng Sư của Alxa, từ đó đối với Ngài càng thêm kính yêu và quan tâm.

[3] A Vương Khúc Trát Gia Mục Thổ.

Còn vương phi của vương gia A Bảo - công chúa Đạo Cách Hân, thấy vương gia A Bảo và trăm họ ở Alxa tin thờ Tsangyang Gyatso như thế, thì hơi không tán thành. Vương phi A Bảo là vị Hòa Thạc Cách Cách đầu tiên của vương triều Mãn Thanh được gả đến Alxa, từ nhỏ rất được ân sủng, quen được nuông chiều. Ở kinh thành bà cũng từng nghe không ít câu chuyện truyền kỳ về cao nhân giang hồ, do đó không hề để ý nhà sư vân du bốn phương mới đến này. Sau đó qua mấy lần tiếp xúc, bà cũng bị khí độ và pháp lực siêu phàm của Tsangyang Gyatso thuyết phục sâu sắc, thậm chí tự cho mình là đệ tử thành kính, quyết ý trọn đời đi theo vị Thượng Sư truyền kỳ này.

Nghe nói vương phi A Bảo còn dùng tóc của mình làm một búi tóc đội đầu cho Tsangyang Gyatso, khảm lên các loại châu báu, tinh xảo cực kỳ. Đến nay ở tu viện Guangzong^[4] của Nội Mông Cổ vẫn bảo toàn hoàn hảo búi tóc do vương phi A Bảo dùng tóc kết thành và một bộ phận y phục trang sức, những tín đồ thành kính mượn đó để tưởng nhớ, năm xưa Tsangyang Gyatso thật sự lưu lại dấu chân ở Alxa, đồng thời kết nên duyên xưa với vương gia và vương phi A Bảo. Trong di vật của Tsangyang Gyatso, người đời sau còn

phát hiện tóc của phụ nữ, càng chứng thực thói phong lưu đa tình của vị Phật sống trẻ tuổi này. Truyền thuyết đẹp buồn, ở Tây Tạng, ở thảo nguyên Alxa, vì có những truyền thuyết này, tỏ ra càng thêm thần bí, khiến người hướng đến.

[4] Tu viện Guangzong (Quảng Tông): còn gọi là Nam Tự, là tu viện lớn nhất của Alxa, Nội Mông Cổ.

Trung thu năm đó, nhân dịp vương phi A Bảo - công chúa Đạo Cách Hân về kinh triều kiến, bèn mời Tsangyang Gyatso cùng đi. Thế là Tsangyang Gyatso dẫn theo mấy đệ tử, theo công chúa Đạo Cách Hân vào kinh nửa năm, ngụ tại vương phủ Alxa ở Thập Sát Hải^[5]. Thăm Hoàng Tự, Hoàng Cung, xem Phật lớn làm bằng gỗ đàn hương do Yeshe Gyatso dâng ở cung Ung Hòa^[6]. Vương phi A Bảo luôn chăm sóc chu đáo, rất mực cung kính đối với Thượng Sư, khiến kẻ trên người dưới trong vương phủ đều vô cùng tôn sùng nhà sư thân phận đặc thù này. Tsangyang Gyatso là Phật sống, trên người Ngài nhất định có một khí chất không giống với người thường, diện mạo tuấn tú, tính Phật từ bi của Ngài khiến người không thể kháng cự.

[5] Thập Sát Hải: là ba hồ Tiền Hải, Hậu Hải và Tây Hải trong nội thành Bắc Kinh. Vì xung quanh có mười chùa miếu nên gọi là Thập Sát Hải.

[6] Cung Ung Hòa: nằm ở khu Đông Thành, Bắc Kinh, là tự viện Phật giáo Tạng truyền lớn nhất trên đất Hán.

Ở cửa Đức Thắng, Tsangyang Gyatso tận mắt nhìn thấy tình cảnh con cái và người nhà của Đệ Ba Sangye Gyatso bị áp giải vào kinh. Đệ Ba Sangye Gyatso từng gió mây bất tận, nắm giữ cục diện chính trị Tây Tạng mấy mươi năm, sau khi đầu rơi xuống đất, hào hoa phú quý của hôm qua đều chìm vào khói bụi. Người chết đã đành, người sống tội gì, vậy mà họ vẫn phải chịu sự trừng phạt khắc nghiệt vì lỗi lầm của quá khứ. Nhưng họ thật sự sai sao? Thắng làm vua, thua làm giặc, định số ngàn xưa chẳng ai có thể thay đổi. Ngắm từng khuôn mặt dính đầy gió bụi, nhớ đến những chuyện tiền nhân quá vãng, Tsangyang Gyatso cảm khái muôn vàn.

Mười năm gió mưa không tự chủ, hôm nay Ngài đất khách gặp người quen, lại là tình cảnh thế này. Bất kể Đệ Ba Sangye Gyatso từng gây tổn

tương thế nào đối với Tsangyang Gyatso, nhưng chung quy từ đầu đến cuối, y là người thân mật nhất trong cung Potala của Ngài. Cũng chỉ có Sangye Gyatso thật sự từng bảo vệ Ngài, đồng thời từng dạy Ngài kinh điển Thiền học, khiến Ngài được lợi ích cả đời. Giờ đây Tsangyang Gyatso nhìn người nhà của Sangye Gyatso luân lạc đến đây mà lại bất lực, ngoài than thở, Ngài còn có thể làm gì?

Ai nói Phật sống sinh ra đã có sức mạnh của thần, có thể hô mây gọi gió, có thể độ hóa chúng sinh? Trong nhân gian mệnh mang, có lúc Phật cũng không ngăn nổi một chút sóng gió, vì định luật nhân quả, ý trời khó trái. Khi xót xa bứt rứt, Phật cũng sẽ rơi lệ.

Chuyển thế

Chúng ta đều là khách qua đường giữa chốn hồng trần, cũng từng hiểu biết nhân quả, lại không thể lĩnh ngộ huyền cơ trong đó. Đời này nếu chịu hết khổ nạn, xem như là tiêu trừ nghiệp trái kiếp trước, đời này nếu suôn sẻ bình thản, chỉ xem như là phúc báo có được.

Đều nói một người có linh tính, có thể sẽ trong mơ, hoặc trong một số hình ảnh, biết được kiếp trước và kiếp sau của mình. Bản thân giấc mơ chính là một sự hư ảo, nhưng nhiều người lại bằng lòng chìm đắm trong mơ, mượn tưởng tượng mỹ lệ tuyệt vời, để an ủi buồn khổ trong hiện thực. “Lâm Xuyên tứ mộng^[1]” của Thang Hiên Tổ đến nay vẫn được mọi người si mê, là vì tất cả câu chuyện đều xảy ra trong mơ. Trong mơ có nhiều điều kỳ diệu, khó nói nên lời. Trong mơ, có thể không lo cảnh xuân tươi đẹp phải chăng như mây khói thoáng qua, không quản dòng chảy thời gian phải chăng như nước xuân cuộn cuộn một đi không trở lại.

[1] Lâm Xuyên tứ mộng: bốn vở kịch do Thang Hiên Tổ sáng tác, đều liên quan đến chữ “mộng”. Gồm Tứ Tiêu Ký (Tứ Thoa Ký), Mẫu Đơn Đình, Nam Kha Ký, Hàm Đan Ký.

Chúng ta đều là khách qua đường giữa chốn hồng trần, cũng từng hiểu biết nhân quả, lại không thể lĩnh ngộ huyền cơ trong đó. Đời này nếu chịu hết khổ nạn, xem như là tiêu trừ nghiệp trái kiếp trước; đời này nếu suôn sẻ bình thản, chỉ xem như là phúc báo có được. Không ai có thể lật xem kiếp trước của mình, cũng không ai có thể biết được kiếp sau của mình, tất cả suy đoán, đều như đúng như sai.

Do đó đối với chuyển thế của Đạt Lai Lạt Ma các đời ở Tây Tạng, sẽ sinh ra lòng hiếu kỳ, luôn không nhìn được hỏi: Rốt cuộc làm thế nào để tìm được linh đồng chuyển thế? Chẳng lẽ người chết rồi thật sự sẽ có chuyển thế? Cứ xem là có chuyển thế, lẽ nào quá trình phức tạp này sẽ không xuất hiện sai sót? Về việc làm sao tìm kiếm linh đồng chuyển thế và xác nhận linh đồng chuyển thế, trước đây đã có trình bày, nhưng vẫn có quá nhiều huyền cơ không thể giải thích, khiến người nghĩ mãi không hiểu. Lời tiên đoán đáng tin hay không? Cao tăng bói quẻ đáng tin hay không? Nước hồ thánh đáng tin hay không? Còn những hiện tượng thiên văn thần kỳ kia có đáng tin hay không? Nếu nhiều thứ trên thế gian không đáng tin, vậy thì sao vẫn có nhiều tín đồ phủ phục dưới chân Phật như thế để cầu nguyện độ hóa và siêu thoát?

Muốn nhắn với hạc trắng,

Mượn đôi cánh để bay.

Chẳng xa, đến Litang,

Rồi sẽ quay lại ngay.

Bài thơ này năm xưa Tsangyang Gyatso viết trên đường rời Lhasa bị giải về kinh. Ban đầu nhiều người không hiểu thâm ý của nó, cho rằng Tsangyang Gyatso lưu lại duyên cũ gì đó ở Litang, do đó nguyện mượn đôi cánh của hạc tiên, bay đến nơi đó, tìm kiếm người Ngài muốn tìm, kết thúc chuyện Ngài muốn kết thúc. Mãi đến sau này, Tsangyang Gyatso thân bí mật tích ở hồ Thanh Hải, không biết đi đâu. Thế là, các sư của tu viện Ganden^[2], tu viện Drepung và tu viện Sera, dựa vào bài thơ này của Ngài, lĩnh ngộ ra điều ảo diệu trong đó, ở một địa phương gọi là Litang, tìm được Kelzang

Gyatso, tôn làm Đạt Lai Lạt Ma thứ 7.

[2] Tu viện Ganden (Cam Đan): cách Lhasa khoảng 50km, do Đại sư Tsongkhapa xây năm 1409, cùng với Drepung và Sera được gọi là “ba tu viện lớn của Lhasa”.

Năm 1708, ngày 19 tháng 7 năm Chuột Đất của Rabqung^[3] thứ 12 lịch Tạng, Kelzang Gyatso sinh ra ở Duokang mạn dưới Litang. Về một số truyền kỳ lúc Ngài chào đời, có thể lúc đó đã xuất hiện thiên tượng khác lạ nào đó nhưng không ai còn ghi nhớ. Nhưng là một linh đồng chuyển thế, nhất định có điểm không như người thường. Khi Kelzang Gyatso chào đời, Tsangyang Gyatso đã mất tích ở hồ Thanh Hải gần hai năm, còn Yeshey Gyatso do Lha-bzang Khan nâng đỡ cũng đã tọa sàng ở cung Potala một năm. Vị Đạt Lai thứ 6 Yeshey Gyatso diễn lại vai trò Tsangyang Gyatso năm xưa, làm con cò của Lha-bzang Khan, mặc cho y sắp xếp.

[3] Rabaqung: chu kỳ 60 năm của lịch Tạng.

Yeshey Gyatso dù được vua Khang Hy của Đại Thanh thừa nhận, ban cho ấn vàng, hạ chiếu sắc phong làm Đạt Lai Lạt Ma thứ 6, nhưng chưa từng được sư sãi công nhận, cũng không được tín đồ Tây Tạng thật sự kính ngưỡng. Còn Lha-bzang Khan một mình nắm lấy quyền lực chính trị cũng chưa hề thật sự có được lòng dân, cao tăng của tu viện Ganden, tu viện Drepung và tu viện Sera hết sức bất mãn đối với việc Lha-bzang Khan tự tiện quyết định phế lập Đạt Lai Lạt Ma. Các sư sãi còn lại cũng chưa hề ngừng tìm kiếm linh đồng chuyển thế của Tsangyang Gyatso, sau đó trong thơ tình của Tsangyang Gyatso để lại, họ tìm được phương hướng của Phật sống, chính là nơi hạc tiên phải bay đến - Litang.

Cao tăng của ba tu viện lớn tin chắc thơ tình của Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 Tsangyang Gyatso ẩn giấu huyền cơ, là để ngầm chỉ cho họ nơi tồn tại của linh đồng chuyển thế của Ngài. Thế là họ đã tổ chức nhiều sư sãi đến Litang, và tìm được đứa trẻ tên là Kelzang Gyatso, lại thông qua nghiệm chứng nhiều phương diện, xác định đứa bé đó chính là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 6. Họ dâng thư cho vua Đại Thanh, ra sức yêu cầu phế bỏ Đạt Lai giả do Lha-bzang Khan lập, công nhận lại Kelzang Gyatso là thân phận linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 6.

Lúc đó cục thế Tây Tạng vẫn gió mưa rung chuyển, tuy Lha-bzang Khan đã chiến thắng Đệ Ba Sangye Gyatso, đuổi Phật sống Tsangyang Gyatso đi, nhưng cách làm của y không được mọi người tán thành. Nhiều bộ lạc như hổ đói chờ mỗi lần le nhòem ngó y, vị trí thủ lĩnh Tây Tạng của y cũng lung lay muốn đổ. Do mấy lần biến động, vua Khang Hy cũng không dám hành động thiếu suy nghĩ, nhà vua không phớt bỏ Yeshey Gyatso, giữ thái độ trung lập trước thân phận của linh đồng chuyển thế Kelzang Gyatso. Nhưng nhà vua có lòng quan tâm chăm sóc đặc biệt đối với đứa trẻ này, chuyển bé đến ở trong phạm vi thế lực của bộ lạc Khoshut tại Thanh Hải, và đưa bé đến tu viện Kumbum^[4] cạo đầu đi tu học kinh.

[4] Tu viện Kumbum (Tháp Nhĩ Tự): cách thành phố Tây Ninh thủ phủ tỉnh Thanh Hải 25km, xây năm 1560, là nơi sinh của Đại sư Tsongkhapa người sáng lập phái Gelug.

Mãi đến năm 1717, Lha-bzang Khan bị quân đội Dzungar giết, Yeshey Gyatso bị giam cầm, thân phận Phật sống của Yeshey cũng tự nhiên bị tín đồ Tây Tạng lật đổ. Năm 1719, vua Đại Thanh bình định xong phản loạn Dzungar, mới chính thức thừa nhận thân phận linh đồng chuyển thế của Kelzang Gyatso. Hoàng tử thứ 14 của Khang Hy và mấy vị đại thần cùng ba ngàn binh sĩ, từ Tây Ninh đến tu viện Kumbum, bố trí đại quân Hán Mông, làm tốt mọi việc chuẩn bị để nghênh đón linh đồng chuyển thế. Năm sau, hoàng tử mang ấn vàng và sách vàng của Khang Hy ban cho Đạt Lai Lạt Ma đến, đồng thời cử hành lễ lớn tọa sàng long trọng cho Kelzang Gyatso ở cung Potala.

Kelzang Gyatso tuy được quyết định là linh đồng chuyển thế của Tsangyang Gyatso, và được sự ủng hộ của phái Gelug công nhận Ngài là Đạt Lai thứ 7, nhưng chính phủ triều Thanh lại kiên trì Kelzang Gyatso là Đạt Lai thứ 6, cho rằng Kelzang Gyatso là tiếp nhận thay thế chứ không phải kế thừa pháp vị của Đạt Lai thứ 6 đã bị phết truất, không thể công nhận làm Đạt Lai thứ 7. Sau đó vì nhân dân Tây Tạng trước cho rằng Kelzang Gyatso là Đạt Lai thứ 7, mãi đến năm Càn Long^[5] thứ 48, khi vua Càn Long phong Jamphel Gyatso^[6] làm Đạt Lai thứ 8, có nghĩa ngầm thừa nhận Kelzang Gyatso là Đạt Lai thứ 7, còn Tsangyang Gyatso cũng thuận lý thành chương trở thành Đạt Lai thứ 6.

[5] Càn Long (1711-1799): Hoàng đế thứ sáu của nhà Thanh, tên húy Hoảng Lịch, miếu hiệu

Thanh Cao Tông. Thời kỳ trị vì 1736-1795, là thời cực thịnh về kinh tế và quân sự của nhà Thanh.

[6] Jamphel Gyasto (Cường Bạch Gia Mục Thổ, 1758-1804): Đạt Lai Lạt Ma thứ 8

Ngày Kelzang Gyatso cử hành diển lễ tọa sàng ở cung Potala, trăm ngàn tín đồ trong thành Lhasa phủ phục dưới chân Hồng Sơn, tụng niệm kinh Phật, dùng nghi thức thành kính nhất bày tỏ họ đi theo Đạt Lai Lạt Ma thứ 7, tuyên bố với núi xanh nguy nga và sông ngòi cuộn cuộn tín ngưỡng cả đời không đổi của họ. Diển lễ tọa sàng lần này chẳng hề thua kém phong quang khi Tsangyang Gyatso tọa sàng năm xưa. Lịch sử chẳng qua diển lại từng màn hý kịch, thứ thay đổi chỉ là những vai diển vội vã lướt qua, có một ngày, chúng ta đều sẽ biến mất không vương bận, trở thành quá khứ, trở thành lịch sử.

Trên ấn vàng nhà Thanh ban cho Kelzang Gyasto có khắc: “Hoàng Pháp Giác Chúng Đệ Lục Thế Đạt Lai Lạt Ma Chi Ấn^[7]”. Nếu Kelzang Gyasto là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso, thế thì Ngài lẽ đương nhiên phải là Đạt Lai Lạt Ma thứ 7. Nếu Kelzang Gyatso không phải là linh đồng chuyển thế của Tsangyang Gyatso, thế thì Ngài tồn tại với thân phận nào? Nếu năm xưa Tsangyang Gyatso thật sự bệnh chết ở hồ Thanh Hải, thế thì Kelzang Gyatso có lẽ thật sự là linh đồng chuyển thế trong thơ Ngài chỉ ra, nhưng nếu giống như “Bí truyện” kể, Ngài không chết đi, mà phiêu bạt giang hồ, sau cùng ẩn náu ở Alxa, thế thì từ đâu ra cách nói linh đồng chuyển thế của Tsangyang Gyatso?

[7] Ấn của Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 hoàng dương Phật pháp giác ngộ chúng sinh.

Lịch sử đan xen phức tạp, huyền cơ trùng trùng, thực là quá đổi lằng nhằng. Không ai có thể đưa ra một câu trả lời xác định về việc Tsangyang Gyatso đi đâu, làm gì, về lai lịch của Kelzang Gyatso. Bản thân lịch sử chính là một vũ đài kỳ quái sắc sỡ, biết bao người tồn tại không rõ ràng, lại ra đi không rõ ràng, trước giờ đều không thật sự nắm giữ cuộc đời của mình. Bản thân Kelzang Gyatso cũng không hiểu rõ, rốt cuộc lấy thân phận nào ngồi trên ngai Phật của cung Potala, ngồi suốt mấy mươi năm. Về câu đố thân phận của mình, Ngài không hỏi, cũng không cách gì hỏi được. Chỉ đành tin tưởng mình thật sự là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 6 Tsangyang

Gyatso, tin tưởng mình là Phật sống theo lời tiên đoán trong thơ của Tsangyang Gyatso. Bởi vì, Litang là quê hương của Ngài.

Ngày 15 tháng 9 năm 1720, Kelzang Gyatso cử hành lễ tọa sàng ở cung Potala, tôn Ban Thiền thứ 5 Lobasang Yeshe làm thầy, thọ giới sa di. Sau đó vào tu viện Drepung học kinh. Năm 1727, Kelzang Gyatso hai mươi tuổi, lại thọ giới tỳ khưu từ Ban Thiền thứ 5. Sau khi tự mình chấp chính, Kelzang Gyatso dốc sức vào sự vụ tôn giáo, hoằng dương Phật pháp, tạo phúc chúng sinh. Ngài sống cả đời khiêm tốn tiết kiệm giản dị, rất được dân chúng Tây Tạng kính yêu.

Trong lịch sử Phật giáo Tạng truyền Tây Tạng, đã xuất hiện ba vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 6. Tất cả những chuyện này, duyên khởi từ Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso, chính Ngài đã diễn dịch truyền kỳ, lại tiếp diễn truyền kỳ. Nhưng ba vị Đạt Lai này cũng chỉ là thanh y trên vũ đài cung Potala, bất lực đạo diễn màn kịch của người khác, nhưng nào đã được sở hữu bản thân chân thực? Tsangyang Gyatso dù vẫn được người đời sau ngược dòng hoài niệm, nhưng cả đời của Ngài rốt cuộc là một câu đố không thể giải đáp. Yeshey Gyatso càng đáng buồn hơn, ở trong cung Potala mười một năm, đến nay cả một sợi tóc của Ngài cũng không tìm được. Còn Kelzang Gyatso định sẵn là bình dị, có lẽ Ngài cũng chỉ là một vật thay thế, dùng nhục thân của Ngài để thay thế một vị trí hư không.

Trước những nghi hoặc không thể giải thích, chúng ta rốt cuộc nên tin điều gì, không nên tin điều gì? Có lẽ chúng ta nên giống như mây trắng gió mát, nhàn nhã tự tại, không phiền lo, quấy nhiễu. Giống như những người dân Tạng thành kính kia, tin tưởng sự tồn tại của Thần Phật, tin tưởng mỗi một áng mây trắng, mỗi một chú linh dương Tạng đều có linh tính không thể nói bằng lời. Như vậy sẽ không cần tìm kiếm lời giải cho câu đố hiểm hóc kia, không cần biết chân tướng của ba trăm năm trước. Cứ để câu đố mãi mãi là câu đố, để hôm qua mãi mãi qua đi, để câu chuyện mãi mãi chỉ là câu chuyện. Người hiền lành như bạn và tôi, chỉ ở một góc của trần thế, trầm tĩnh yên ổn, là tốt rồi.

Dung nhan

Nếu mỗi người đều trồng một đóa hoa sen trong lòng, thế thì cũng chính là trồng xuống cả từ bi. Bạn chỉ cần dùng ánh nắng và mưa móc tưới thấm cho nó, dùng tấm lòng lương thiện và tình cảm ấm áp nuôi dưỡng nó, thì sẽ bùng nở đóa hoa tinh khiết.

Chúng sinh vạn tướng, không chỉ là nói dung nhan của chúng sinh, mà còn cả tâm tính và tình cảm của chúng sinh. Quả thực, người trên đời này không có dung nhan giống nhau, cũng không có tính tình giống nhau. Dù có trùng hợp, cũng chỉ là tương tự và gần giống, mỗi người đều có điểm người khác không thể thay thế. Còn tính tình và hàm dưỡng của một người thì có thể quyết định dung nhan người đó là đẹp hay xấu.

Cái gọi là phúc hữu thi thư khí tự hoa^[1], cũng là ý đó. Trong lòng có sách vở, khí chất tự nhiên trầm tĩnh ưu nhã; trong lòng chứa cỏ rơm, thì chỉ là hoang nguyên lộn nhồn. Mừng giận buồn vui, yêu hận tình thù của một người, cho dù không biểu đạt ra, cũng sẽ thông qua tâm tính bộc lộ trên mặt. Những người từng trải sóng gió cuộc đời, trên mặt họ lưu giữ vẻ tang thương. Còn người sống yên ổn, trên mặt biểu hiện dáng vẻ bình tĩnh và thư thái. Chúng ta đều biết, thời gian là lưỡi dao, tuổi tác lớn dần lên, nó sẽ từng nhát từng nhát khắc dấu vết xuống khuôn mặt một thời tuấn tú. Khi thấy tuổi tác già đi, lại không sức vãn hồi, chỉ có thể trách năm tháng vô tình, hay là con người vô tình. Năm tháng vẫn mãi xanh, chính bạn để nó trôi qua một cách vô ích.

[1] Bụng chứa sách vở tất mặt mày sáng sủa.

“Phật nói mọi việc có nhân quả, ma nói tất cả đều ở ta. Chúng sinh vạn tướng đều vô tướng, thành Phật thành ma đều là ta.” Trong mắt Phật, mọi việc đều có nhân quả, mọi thứ của hôm nay, là do tất cả của hôm qua, mọi thứ của hôm nay, lại sẽ kiểm chứng tương lai. Còn ma nói tất cả đều do tự mình, tranh với trời, tranh nhau với vận mệnh, nhưng cũng chỉ là từ ván cờ này nhảy vào ván cờ khác, nào đã từng có giải thoát thực sự. Chúng sinh vạn tướng, cũng là vô tướng, tôi vẫn là tôi đó, bạn vẫn là bạn đó, có điều ngày

hôm qua cũng như ngày hôm nay, vậy mà dung nhan hôm nay đã đổi thay.

Từ sau khi Kelzang Gyatso cử hành điển lễ tọa sàng ở cung Potala, cục diện chính trị Tây Tạng dần dần đi vào ổn định. Vị Phật sống trẻ tuổi này mỗi ngày học tập nghiên cứu kinh văn, chẳng có bao nhiêu tạp niệm hồng trần. Sau khi tự mình chấp chính, chỉ muốn hoằng dương Phật pháp, không có lòng tranh đoạt quyền lực. Chính sự của địa phương Tây Tạng, chủ yếu do đại thần triều Thanh đóng ở Tây Tạng quản lý. Trận chiến tranh đoạt mấy mươi năm ấy dần dần bình lặng trong dòng chảy năm tháng. Người dân lương thiện cũng nhạt quên cuộc chiến máu tanh giữa Đệ Ba Sangye Gyatso và Lha-bzang Khan, lãng quên cái chết của Sangye Gyatso và Lha-bzang Khan. Nhưng họ trước giờ không thể quên Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso, vì thơ tình của Ngài lưu truyền lại vẫn luôn vang vọng lâu dài trên bầu trời của thành Lhasa, thậm chí của cả cao nguyên Thanh Tạng.

Vì không quên được thơ tình của Tsangyang Gyatso, do đó cũng không quên được vị Phật sống này, không quên được mọi chuyện quá khứ của Ngài, cũng không quên được câu đố về sự mất tích của Ngài ở hồ Thanh Hải. Có lẽ trong những tín đồ ấy, có nhiều người đến chết vẫn kính yêu Tsangyang Gyatso, họ sẽ kiên trì truy tìm tung tích của Ngài. Nhưng tôi tin rằng, đa số mọi người sẽ hiểu được tùy duyên, chẳng thà trông nom gia viên của mình, vì Ngài cầu nguyện, cũng không muốn đi quấy nhiễu kiếp trước đời này của Ngài. Họ đã tin Kelzang Gyatso là linh đồng chuyển thế của Tsangyang Gyatso, thế thì họ nên thành tâm ủng hộ vị Phật sống mới, dùng điều đó để chứng thực tín ngưỡng không đổi của họ.

Tsangyang Gyatso gửi thân ở thảo nguyên Alxa, từ sau khi Lha-bzang Khan chết, cơn ác mộng của Ngài cũng đã kết thúc. Sau khi Kelzang Gyatso được xác lập làm Đạt Lai mới, Tsangyang Gyatso càng như trút bỏ gánh nặng, chỉ có cục thể an ổn, Ngài mới có thể an ổn. Vua Khang Hy nhà Thanh cũng không truy cứu tung tích của Ngài nữa. Đã lập Kelzang Gyatso làm Đạt Lai thứ 6, thì có nghĩa Tsangyang Gyatso đã qua đời, hoặc có thể nói Tsangyang Gyatso sớm đã bị nhà vua phế truất, hơn nữa Đệ Ba Sangye Gyatso và Lha-bzang Khan lần lượt chết đi, lại càng không rảnh chú ý đến câu đố về sự mất tích của Tsangyang Gyatso ở hồ Thanh Hải. Hiện nay Tsangyang Gyatso sống ở Alxa tự do tự tại, không cần lo lắng bị người đời phát giác ra lai lịch của Ngài mà đem đến phân tranh không cần thiết cho

vùng đất bình yên này.

Những năm này, phần lớn thời gian của Tsangyang Gyatso đều dành cho Alxa, dành cho tất cả chúng sinh ở Alxa. Ngài từ bi độ lượng, hoàng dương Phật pháp, là Thượng Sư được người Alxa tin thờ kính yêu. Thảo nguyên Alxa đã lưu truyền quá nhiều câu chuyện đẹp đẽ thần kỳ về Tsangyang Gyatso, Ngài chính là một vị Phật có thần thông và pháp lực, vì chúng sinh mở rộng cửa Ban Nhược, dẫn đến thánh cảnh Bồ Đề. Do đó, những người tín ngưỡng Phật giáo ấy càng thêm tin tưởng sâu sắc tu vi Phật học cao thâm của Thượng Sư, cũng lẽ đương nhiên trở thành tín đồ kiên định không dời của Ngài. Sức cuốn hút của Tsangyang Gyatso ở Alxa, không mấy may thua kém lúc Ngài ở cung Potala. Họ tin Ngài như tin Phật tổ.

Tất cả mọi chuyện, đều lấy từ “Bí truyện” của Ngawang Lhundrup Daji, vị này tự xưng là cao đồ của Tsangyang Gyatso, vì sự phụ của mình ghi lại những sự tích truyền kỳ.

Đúng thế, dung nhan hôm nay đã thay đổi. Trong “Bí truyện” của Ngawang Lhundrup Daji, miêu tả dáng mạo của Tsangyang Gyatso, khiến người rất mực ngạc nhiên vui mừng. Nói Ngài dù đến hơn sáu mươi tuổi vẫn giữ được dung nhan tuấn mỹ, sáng chói hơn người. Dù Ngài quần áo lam lũ trà trộn trong đám ăn mày ở phố chợ, cũng có thể bị nhận ra. Mà những điều này không chỉ bởi vì dung mạo tuấn nhã phong lưu của Ngài, còn bởi vì thân thể Ngài có thể tỏa ra mùi hương lạ, mùi hương ấy giống như hương liệu cúng Phật, khiến lòng người thư thái trầm tĩnh. Miêu tả như thế là xuất phát từ lòng sùng bái và yêu quý của Ngawang Lhundrup Daji đối với sự phụ, cũng là vì si mê của các tín đồ thành kính đối với Tsangyang Gyatso.

Chúng ta nên tin Tsangyang Gyatso những năm cuối đời vẫn dung nhan tuấn mỹ, mặt như gió xuân, mắt chứa nước thu. Cái gọi là tiên phong đạo cốt, chính là nói khí chất của một người, dù trải qua bao nhiêu biến đổi, vẫn có thể ung dung điềm đạm, trầm tĩnh bình thản. Một người sáng suốt, thấu triệt, trên người sẽ vô ý bộc lộ ra khí độ siêu phàm thoát tục, cao quý mà ưu nhã, sâu sắc mà bình tĩnh.

Do đó bất kể sau khi Tsangyang Gyatso mất tích ở hồ Thanh Hải, lưu lạc bao nhiêu năm chốn giang hồ, chịu bao nhiêu mưa tuyết gió sương, nhưng với tu vi Phật học và tổ dưỡng nội tâm của Ngài, dung nhan của Ngài sẽ không già nua quá sớm, ngược lại sẽ càng thêm trong trẻo sáng láng cùng với tu vi của Ngài. Vì lòng Ngài hiền lành từ bi, thông thấu độ lượng, ngày dài tháng rộng, những hào quang không che được ấy sẽ lộ ra trong dung mạo và khí chất. Ngài lúc đó, bất kể nội tâm hay vẻ ngoài, đều hẳn là tinh khiết đẹp đẽ.

Tôi tin rằng những người có tín ngưỡng, những người nội tâm từ bi lương thiện, dù dung nhan của họ có đẹp đẽ hay không, nhưng trong cốt cách của họ đều sẽ toát ra một vẻ đẹp tĩnh lặng gột hết phẩn son. Vẻ đẹp ấy khiến tất cả những ai tiếp xúc đều có thể yên ổn mà bình tĩnh. Từ bi là một sức mạnh, có thể cứu rỗi nhiều người trầm luân trong tội ác, cũng sẽ cảm nhiễm nhiều người hoang mang trong trần thế. Nếu mỗi người đều trồng một đóa sen trong lòng, thế thì cũng chính là trồng xuống cả từ bi. Bạn chỉ cần dùng ánh nắng và mưa móc tưới tắm cho nó, dùng tấm lòng lương thiện và tình cảm ấm áp nuôi dưỡng nó, thì sẽ bùng nở đóa hoa tinh khiết.

“Một ý nghĩ thành Phật, một ý nghĩ thành ma, giữa thiện và ác, nhân quả đời trước. Ngắm Phật tổ cầm hoa mỉm cười, chỉ than người đời mắt đục nhìn vật, nghe Phật pháp Đại Thừa^[2] của Phật tổ, chỉ mong người đời lòng yên tĩnh không sóng.” Đời người có quá nhiều chọn lựa, nhưng chúng ta cần kiên trì niềm tin và theo đuổi của mình, thành Phật thành ma, chỉ là giữa một ý nghĩ. Khi ngắm Phật tổ cầm hoa mỉm cười, lòng yên tĩnh không gợn sóng, cần gì phải lo sợ năm tháng như lưỡi dao, vô tình gọt giũa dung nhan?

[2] Đại Thừa (mahāyāna) còn gọi là Đại Thặng tức là “cỗ xe lớn”, “bánh xe lớn”, là một trong hai trường phái lớn của đạo Phật. Trường phái kia là Tiểu Thừa (hīnayāna) hay Tiểu Thặng, nghĩa là “cỗ xe nhỏ”, “bánh xe nhỏ”. Đại Thừa tập trung vào việc mở đường giác ngộ cho chúng sinh, Tiểu Thừa lấy sự giác ngộ bản thân làm trọng.

Duyên xưa

Duyên là gì? Duyên là gặp nhau nơi ngã tư đường, là nắm tay chốn hồng trần xa lạ; duyên là muôn đóa hoa xuân đồng loạt nở rộ, là hai phiến lá thu cùng nhau rụng xuống; duyên là đối thoại giữa non và nước, là mặt trời và mặt trăng đồng thời xuất hiện.

Duyên là gì? Duyên là gặp nhau nơi ngã tư đường, là nắm tay chốn hồng trần xa lạ; duyên là muôn đóa hoa xuân đồng loạt nở rộ, là hai phiến lá thu cùng nhau rụng xuống; duyên là đối thoại giữa non và nước, là mặt trời và mặt trăng đồng thời xuất hiện. Gặp nhau, quen nhau giữa biển người mênh mông chính là duyên, lưu lạc giữa hồng trần lại không lãng quên chính là duyên. Gặp gỡ, là một kiếp nạn hạnh phúc, cũng là một nét đẹp sai lầm. Quen nhau, là một sự khởi đầu hoang mang, cũng là sự kết thúc trong trẻo.

Chúng ta luôn nói, tin duyên tiếc duyên, không nên dễ dàng làm tổn thương người bên cạnh, không nên để tốt đẹp trở thành dĩ vãng. Nhưng vẫn sẽ nhiều lần nghe được một vài thanh âm đang than thở: *“Nhân sinh nhược chích như sơ kiến, hà sự thu phong bi họa phiến. Đằng nhàn biến khước cố nhân tâm, khước đạo cố nhân tâm dịch biến^[1]”*. Lòng người dễ đổi thay, bất cứ lúc nào cũng chẳng thể chắc chắn rằng cái cảm giác tốt đẹp ấy vẫn tươi mới như cũ, không bao giờ già đi. Do đó một số người chẳng tha biệt ly lâu dài, chứ không muốn bên nhau mãi mãi. Chỉ có biệt ly, có thể khiến con người trước sau ghi nhớ sự tốt đẹp đã từng có, thời gian bên nhau lâu rồi, thì sẽ nhìn thấy nhiều khuyết điểm của đôi bên, mà xem nhẹ nỗi niềm xao xuyến thuở mới gặp gỡ.

[1] Thơ của Nạp Lan Dung Nhược, tạm dịch nghĩa: Đời người nếu chỉ như lần đầu gặp gỡ, thì sao có chuyện gió thu làm chiếc quạt đau lòng. Bỗng dưng cố nhân thay lòng, lại nói là tình người luôn dễ biến đổi.

Dịch thơ:

Giả như gặp gỡ lần đầu,

Gió thu sao nỡ giao sầu quạt tranh.

Người xưa quay ngoắt thật nhanh,

Lại than nhân thế đoạn đành đổi thay.

Sự quen biết của Tsangyang Gyatso và Ngawang Lhundrup Daji chính là duyên, nếu Tsangyang Gyatso không yêu thích thảo nguyên Alxa bình yên, Ngài và Ngawang Lhundrup Daji đời này chắc chắn sẽ đi lướt qua nhau. Khi Tsangyang Gyatso lần đầu đến Alxa, Ngawang Lhundrup Daji mới hai tuổi, còn quần tã lót, chưa hiểu sự đời. Tsangyang Gyatso ẵm bé trong lòng, không biết mình sau này sẽ cùng bé kết nên mối duyên thầy trò sâu sắc, cũng không biết đứa bé này lại là linh đồng chuyển thế của Đệ Ba Sangye Gyatso, càng không biết bé sẽ vì Ngài viết một quyển “Bí truyện” ly kỳ, giải thích cuộc đời như hoa sen của Ngài.

Những “nhân” này trông xuống vào lúc nào, Tsangyang Gyatso cũng không biết. Khi Ngài lần đầu tiên đến Alxa Nội Mông Cổ, đã biết mình và nơi này có duyên xưa rất sâu, do đó Ngài ngừng phiêu bạt, an thân nơi đây, gặp gỡ vương gia và vương phi A Bảo, thu nhận cao đồ Ngawang Lhundrup Daji, và bảo hộ tất cả sinh linh ở đây. Khi đến, Tsangyang Gyatso chỉ biết nơi này sẽ là quê hương thứ hai trong cuộc đời Ngài, nhưng chưa hề nghĩ, bản thân có một ngày lại giống như lá rụng, yên tĩnh chết nơi đây.

Sau khi Kelzang Gyatso tọa sàng ở cung Potala, Tsangyang Gyatso sống rất tự tại yên ổn ở Alxa, Ngài ở nơi này hoằng dương Phật pháp, phổ độ chúng sinh. Còn Ngawang Lhundrup Daji, đệ tử thủ tọa của Tsangyang Gyatso, cũng do Ngài một tay đào tạo. Ngài từng tự gom mười ngàn làng bạc ròng, cử Ngawang Lhundrup Daji đến Tây Tạng theo Ban Thiền học kinh. Sau khi Ngawang Lhundrup Daji tu nghiệp trở về Alxa, liền được Tsangyang Gyatso xác định là linh đồng chuyển thế của Đệ Ba Sangye Gyatso, do đó ông trở thành vị Phật sống chuyển thế đầu tiên sinh ra ở Alxa. Những thành tựu của Ngawang Lhundrup Daji, đều bắt nguồn từ ân sư Tsangyang Gyatso. Vì vậy, trong “Bí truyện” ông viết, đối với các sự tích của Tsangyang Gyatso, ông gần như là si mê.

Trong khoảng thời gian này, Tsangyang Gyatso từ Alxa dời đến Enjianle^[2] thuộc hồ Thanh Hải sống suốt chín năm. Mãi đến năm 1745, Ngài

mới từ Enjianle hồ Thanh Hải trở về Alxa. Tháng 10, Tsangyang Gyatso nhiễm bệnh, ngày 8 tháng 5 năm sau, Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso tọa hóa ở tu viện Chengqing^[3] của Alxa, hưởng thọ sáu mươi tư tuổi. Năm 1747, nhục thân của Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso được dời đến bên hồ Gao'erlamu^[4] tu viện Zhaohua lập tháp thờ cúng. Ngawang Lhundrup Daji xác định con trai của Trấn Quốc Công Alxa là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 6, và đích thân đảm nhiệm kinh sư giảng dạy giáo pháp. Khi Đạt Lai thứ 7 tám tuổi, Ngawang Lhundrup Daji chủ trì nghi thức tọa sàng cho Ngài ở tu viện Zhaohua, lấy pháp danh Thubten Gyatso^[5], đó chính là Ôn Đô Nhĩ Cát Căn^[6] nổi tiếng của Alxa.

[2] Ân Tiêm Lặc.

[3] Chengqing (Thừa Khánh) và Zhaohua (Chiêu Hóa): hai trong tám chùa lớn của Alxa, Nội Mông Cổ.

[4] Cáo Nhĩ Lạp Mộc.

[5] Đồ Đăng Gia Mục Thố.

[6] Ôn Đô Nhĩ: một họ của người Mãn Châu, Trung Quốc.

Chỉ một đoạn văn ngắn gọn đã kết thúc số mệnh mười năm sau của Tsangyang Gyatso, trực tiếp phán định cái chết của Ngài. Đó là vì tất cả truyền kỳ của Ngài kiếp trước đều đã trải qua hết, năm tháng sau này yên ổn tự nhiên, không có sóng gió, không có chìm nổi, bất cứ miêu tả nào cũng là lãng nhăng, cũng trở thành phiến toái. Có lúc, thậm chí cảm thấy câu chuyện sau hai mươi lăm tuổi của Ngài đều là dư thừa.

Tôi thậm chí rất khó tưởng tượng, hai mươi lăm tuổi đến sáu mươi tư tuổi, trong khoảng thời gian mấy mươi năm này, một vị tình tăng dựa vào cái gì để không còn vương vấn tình duyên ngày qua nữa? Lẽ nào thơ tình chính Ngài viết nên đều đã quên hết sao? Lẽ nào lời thề ước Ngài đã trao cho cô gái thuở mơ xanh ngựa gỗ đều quên hết sao? Lẽ nào lời thề non hẹn biển Ngài từng nói với cô gái Qonggyai cũng quên hết sao?

Nhiều câu thơ tình sâu ý nặng như thế, Ngài đều quên hết sao? Ngài làm sao có thể quên, trừ phi Ngài thật sự đã chết, trừ phi Tsangyang Gyatso dưới ngòi bút của Nagwang Lhundrup Daji là giả, là một thể thân mơ hồ. Nhưng chúng ta nên tin tưởng, đây không phải là một nhân vật hư cấu, vì trong văn của ông dù tràn đầy sự huyền ảo thần kỳ, nhưng cũng cho chúng ta chân thực và an ủi. Nếu không có quyển “Bí truyện” ấy, có lẽ cuộc đời của Tsangyang Gyatso thật sự đã vãn kịch vào hai mươi lăm tuổi, sau khi hạ màn, câu chuyện nào sẽ tiếp diễn?

Là mơ, thì nên tỉnh lại; là yêu, thì nên tiếp tục. Duyên khởi duyên diệt, xem như lâu dài, quay đầu cũng chỉ là vội vã. Tsangyang Gyatso hai mươi lăm tuổi không chết, sáu mươi tư tuổi rốt cuộc vẫn chết. Ngài tuy là Phật sống, có dung nhan không già đi, nhưng tuổi thọ lại có hạn. Tsangyang Gyatso không thể sống dần đến già nua như Bành Tổ^[7], lúc đó ngài có tồn tại hay không, đã không còn quá đổi quan trọng. Tu luyện nhiều năm kiến Ngài sớm đã kết liễu tất cả nợ cũ nghiệt duyên, được đỉnh ngộ siêu thoát, đạt đến cảnh giới niết bàn.

[7] Bành Tổ: một nhân vật trong truyền thuyết Trung Hoa được cho là sống lâu đến nghìn tuổi.

Tsangyang Gyatso không phải đã chết, mà là đã tọa hóa. Tọa hóa là người tu hành có căn cơ ngồi ngay ngắn an nhiên mà kết thúc sinh mệnh. Phật nói vạn vật do duyên mà sinh, do duyên mà diệt, thân thể hình hài đều là mộng huyễn bào ảnh^[8], người chết đi không cần giữ nó lại trên thế gian. Linh hồn của Ngài được siêu thoát, sự tồn tại của nhục thân đã chẳng còn mảy may ý nghĩa, chấp nhất với nhân gian, ngược lại trở thành gánh nặng.

[8] Mộng ảo bọt bóng.

Ở Alxa có một tu viện được đông đảo mọi người biết đến, gọi là Nam Tự, còn gọi là tu viện Guangzong. Tu viện này quy mô không lớn lắm, nhưng danh tiếng lại đứng đầu trong tám tu viện lớn của Alxa. Nghe nói năm xưa linh tháp chứa nhục thân của Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 Tsangyang Gyatso được đặt ở đây, mãi đến thời Cách mạng Văn hóa^[9] tu viện Guangzong bị hủy, sư trong chùa và tín đồ mới âm thầm trộm nhục thân Phật sống trong linh tháp đem ra ngoài đốt, và giữ lại hài cốt cùng xá lợi tử của Tsangyang Gyatso,

xây một tòa tháp màu vàng - tháp Đồ Tì^[10] Đạt Lai Lạt Ma thứ 6, dùng để đặt tro cốt của Ngài.

[9] Cách mạng Văn hóa là một giai đoạn xã hội hỗn loạn và tình trạng vô chính phủ ở Trung Quốc diễn ra trong mười năm 1966-1976, gây tác động rộng lớn và sâu sắc lên mọi mặt của cuộc sống chính trị, văn hóa, xã hội.

[10] Đồ Tì: dịch âm tiếng Phạn, nghĩa gốc là đốt cháy, thông thường chỉ hỏa táng.

Năm 1757, Ngawang Lhundrup Daji, đệ tử của Tsangyang Gyatso, hoàn thành “Bí truyện”. Còn Đạt Lai thứ 7 Kelzang Gyatso viên tịch ở cung Potala, đã kết thúc cuộc đời huyền diệu mà lại bình thường của mình. Cùng năm, tu viện Guangzong trong núi Hạ Lan^[11] xây dựng xong, Tsangyang Gyatso được tôn làm Thượng Sư. Trong tu viện thờ cúng tháp chứa nhục thân của Đạt Lai thứ 6, mãi đến năm 1966 vẫn còn.

[11] Núi Hạ Lan: nằm ở giao giới Ninh Hạ và Nội Mông Cổ, Trung Quốc, dài khoảng 200km, đỉnh núi cao nhất 3.556m.

“Nhất trần thổ, vạn thiên cốt, do lai tương tư thôi nhân khổ. Linh lung tâm, hàn băng chú, chích vi đạm mạc vô tình vật. Khả liên tuế nguyệt, mỹ mộng hư độ, vô tận tang thương vô tận lộ, mộng tỉnh lai thời nhân hà xứ?”^[12] Tình cờ đọc được bài từ này, cảm giác tâm linh đôi chút xao động. Nhưng không biết là ai viết, chỉ cảm thấy người viết bài từ này chắc là một người hiện đại. Câu chữ không hẳn là tuyệt đẹp, nhưng tình cảnh trong bài từ chẳng hiểu vì sao lại thu hút tôi. Nếu bài từ này dùng với cao tăng khác, đương nhiên không hợp ý cảnh, nhưng dùng với nhất đại tình tăng Tsangyang Gyatso, dường như đã thỏa mãn tâm linh. Tuy nói cái chết của cao tăng là Niết bàn, là siêu thoát, nhưng tôi luôn cảm thấy sự ra đi của Tsangyang Gyatso mang một vẻ đẹp buồn khó nói thành lời, và một nỗi tiếc nuối không thể nào hơn.

[12] Tạm dịch: Một mảnh đất bụi chứa muôn ngàn xương cốt, xưa nay tương tư khiến người khổ sở. Trái tim hoạt bát đúc thành băng lạnh, chỉ là một vật lãnh đạm vô tình. Nuối tiếc năm tháng, mộng đẹp uổng phí, tang thương vô tận đường dài vô tận, khi tỉnh mộng người ở nơi nào?

Người nói Tsangyang Gyatso đa tình, đa thiện, không có quá nhiều mùi vị

bi lệ. Tình cảnh trong bài từ này không thích hợp với Ngài, huống chi là sau khi Ngài trải qua biển biếc nương dâu, đạt đến cõi Niết bàn Tịnh độ? Chỉ là sinh mệnh vốn dĩ cũng như đất bụi, đi qua hành trình dằng dặc, ai người có thể không tang thương? Ai lại có thể không tỉnh mộng? Không phải năm tháng vô tình, cũng chẳng phải bạn và tôi sống uống, duyên đến duyên đi, chết sống có nhau, chẳng qua cũng là như thế.

Nhân quả

*“Thế gian nào có đôi đường vẹn, Chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng.”
Đây mới là Tsangyang Gyatso thật sự, Tsangyang Gyatso rong chơi giữa cõi Phật và sông tình, lún sâu trong đó, không thể tự mình thoát ra.*

Đại ái vô ngôn^[1]. Phật dạy người buông xuống, khiến người hiểu được thương xót, học được khoan dung. Phóng sinh trong hồ mọc đầy hoa sen, tin rằng cầu nguyện kiếp này nhất định sẽ được trọn vẹn. Thắp sáng một ngọn đèn bơ trước Phật, tin rằng kiếp này làm đường lạc lối cũng có thể tìm ra lối thoát. Xoay chuyển kinh luân trên đường cầu Phật, Tin rằng vận mệnh ba chìm bảy nổi sẽ mây nhạt gió nhẹ từ đây.

[1] Tình yêu lớn lao sâu sắc không cần trực tiếp bày tỏ bằng lời nói.

“Khi ta chưa sinh, ai là ta; khi sinh ta ra, ta là ai.” Mỗi người sinh tồn trên thế gian đều thường hay thốt ra lời cảm thán hoang mang như vậy. Không biết mình là ai, lại không biết ai là mình. Có lúc đi trên đường, luôn cảm thấy một vài người lướt qua dường như đã từng quen biết, nhưng chắc chắn rằng đời này chưa hề gặp gỡ. Lẽ nào kiếp trước từng gặp gỡ bên sông Vong Xuyên? Hoặc là từng lướt qua nhau trên cầu Nại Hà?

Đối với truyền thuyết thần thoại đẹp đẽ đó, nhiều người đều thấy nhưng nhớ như số mệnh. Cũng giống như đá tam sinh, trên đá đã viết kiếp trước

kiếp này của mình, bạn và tôi một thời đứng bên đá tam sinh, xem luân hồi đến rõ ràng xác thực. Cho rằng như vậy thì có thể ghi nhớ tất cả, không tái phạm lỗi lầm tương tự, không phụ bạc người không nên phụ bạc nữa. Ai hay vội vã qua cầu Nại Hà, vẫn phải uống chén canh Mạnh Bà nấu bằng nước mắt kiếp này của mình. Canh Mạnh Bà là nước quên tình, sau khi uống, liền quên hết tất cả, từ đó đi vào luân hồi với linh hồn sạch sẽ.

Sở dĩ nhiều vị Đạt Lai Lạt Ma trước khi chết dự đoán tung tích linh đồng chuyển thế của mình, là vì họ còn chưa viên tịch, còn chưa đi qua Vong Xuyên, chưa uống nước quên tình. Nếu uống vào, mọi thứ đời này sẽ thật sự trở thành mây khói thoáng qua. Những người được chọn làm linh đồng chuyển thế hoàn toàn không biết kiếp trước của mình, họ là vì lời tiên đoán của người khác và các kiểu suy đoán, mới vì linh hồn của kiếp trước, gánh vác trách nhiệm của kiếp này. Nhưng chúng ta nên tin rằng, Phật là viên mãn, sẽ không trừng phạt bất cứ ai, sẽ không vô duyên vô cớ làm phiền bất cứ ai. Do đó Đạt Lai Lạt Ma các đời, dù trải qua thăng trầm ra sao đều không có bất cứ oán trách nào. Vì mọi thứ của kiếp này, bèn duyên ở kiếp trước, dù kiếp này là phúc hay là họa, chúng ta đều phải đối đãi và hóa giải bằng một tấm lòng từ bi mà bình thường.

Một đời của Tsangyang Gyatso quá đời mơ hồ, sống mơ hồ, chết mơ hồ, sau khi mất tích ở hồ Thanh Hải lại càng mơ hồ. Ngay cả linh đồng chuyển thế của Ngài cũng khiến người khó phân biệt. Tsangyang Gyatso rốt cuộc có phải là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5 hay không? Nếu không phải, vì sao muôn ngàn người lại cứ tìm kiếm Ngài? Nhưng đã là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 5, thì vì sao lại có lòng dạ mềm yếu trăm mỗi như vậy, vì sao cứ cuốn vào trong cục diện chính trị hỗn loạn, làm con rối nhiều năm, cuối cùng còn gặp phải kiếp nạn phé truất? Đầy đọa đến mức trên đường áp giải về kinh, khiến mình tung tích không rõ. Hồ Thanh Hải vì công chúa Văn Thành mà mỹ lệ, vì Tsangyang Gyatso mà ý vị sâu xa.

Tsangyang Gyatso bị người hiểu nhầm là Đạt Lai giả, nhưng trăm tin đồ Tây Tạng kính yêu Ngài, trước sau nhận định Ngài chính là Đạt Lai Lạt Ma thứ 6, chưa từng thay đổi. Dù Ngài phạm phải lỗi lầm không thể bù đắp, ngồi trên ngai Phật cao ngất, lại tham luyện tình yêu nam nữ trên đời. Phóng đảng trong quán rượu nhỏ của thành Lhasa, lắc mình biến hóa, trở thành tình lang

phong lưu tiêu sái trong mộng của nhiều cô gái. Biết bao người bị thơ tình của Ngài mê hoặc đến thần hồn điên đảo, mà quên Ngài là Phật, là một vị Phật sống định sẵn không thể có tình yêu. Sứ mệnh của Ngài chính là sống trong cung Potala, hoằng dương Phật pháp, độ hóa chúng sinh, ngoài ra không có gì khác.

Cho đến hôm nay, chúng ta vẫn không thể nhận định Tsangyang Gyatso rốt cuộc là bệnh chết, hay là mất tích ở hồ Thanh Hải. Cuộc đời Ngài chung quy nên có kết cuộc thế nào mới xem là tròn vẹn, hoặc giả đời người vốn dĩ không có vẹn toàn, hoặc giả bất cứ một kiểu kết cuộc nào cũng là vẹn toàn đối với Ngài. Chúng ta không cần so đo quá nhiều, vương bận quá nhiều, cũng giống như năm xưa, không cần quan tâm Ngài là Tsangyang Gyatso của cung Potala, hay là Dangsang Wangpo của đường phố Lhasa, Ngài chính là Ngài, Ngài đa tình mà hiền lành. Ngài kết thúc cuộc đời của mình năm hai mươi lăm tuổi, hay sau khi trải qua nhiều truyền kỳ trong “Bí truyện” của Ngawang Lhundrup Daji mới tọa hóa, đã không quan trọng nữa. Vì lịch sử chìm ngấm im ắng, chúng ta sớm đã không tìm ra được câu trả lời xác định, mọi truy vấn đều là uổng công.

Lại ví dụ, linh đồng chuyển thế của Tsangyang Gyatso rốt cuộc là ai? Là Kelzang Gyatso ở Litang theo lời tiên đoán trong thơ của Ngài chăng? Nếu hai mươi lăm tuổi chết đi ở hồ Thanh Hải, có lẽ linh đồng chuyển thế thật sự là Kelzang. Nếu sáu mươi tư tuổi chết đi, thì lại có khả năng là Ôn Đô Nhĩ Cát Căn do Ngawang Lhundrup Daji lựa chọn. Mà cũng có lẽ chẳng phải là ai, linh đồng chuyển thế của Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 nhất đại tình tạng có lẽ chỉ là một nhận vật nhỏ lặng lẽ vô danh, hoặc có lẽ nấn ná bên Vong Xuyên, làm một cây hoa bên bờ, quên mất luân hồi.

Thật ra tôi chẳng thà Tsangyang Gyatso chết ở hồ Thanh Hải, chết vào năm hai mươi lăm tuổi, tôi chẳng hy vọng kiếp sau của Ngài có bao nhiêu thần thông và pháp lực. Đối với tôi, Tsangyang Gyatso là một vị Phật sống sống vì tình. Trong cung Potala, tuy Ngài không dùng hành vi thực tế tạo phúc trăm họ, nhưng thơ tình của Ngài, sự du ngoạn nhân gian của Ngài chính là độ hóa tốt nhất đối với trăm ngàn tín đồ. Mà điều khiến chúng ta ghi lòng tạc dạ, trước sau là vị Phật sống trẻ tuổi tuấn nhã đa tình ấy, là nhu tình phong hoa tuyết nguyệt của Ngài.

“Thế gian nào có đôi đường vẹn, Chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng.”
Đây mới là Tsangyang Gyatso thật sự, Tsangyang Gyatso rong chơi giữa cõi Phật và sông tình, lún sâu trong đó, không thể tự mình thoát ra. Ngài đa tình như thế, khiến người đời yêu đến sâu sắc, yêu đến xốn xang. Ngài rốt cuộc là chấp mê, hay là đón ngộ; là rời được, hay là không rời; là sở hữu, hay là buông xuôi, đều không quan trọng nữa. Đi qua Vong Xuyên, vào lại luân hồi, trở lại trên đời, lại là kiếp mới.

Kiếp này, dù Tsangyang Gyatso diễn vai trò nào, dầu là người không quen biết gặp gỡ trên đường, vội vã lướt qua nhau cũng nhất định quay đầu vì Ngài. Quên đi thôi, cứ như vậy quên đi thôi. Lãng quên kiếp trước Ngài từng có, kiếp này, và cả kiếp sau. Tất cả đều là bụi trần, tất cả đều sẽ tan thành mây khói. Nếu thật sự không có vết tích, vì sao vẫn có nhiều người như thế trèo đèo lội suối đến Tây Tạng, biết rõ là người dung yết kiến, lại vẫn si tâm không đổi tìm kiếm kiếp trước kiếp này của Ngài? Tôi nghĩ bởi vì Ngài là Phật của chúng ta, là trân trọng cả đời của chúng ta.

Tôi trông nhân kiếp này, ai gặt quả kiếp sau. Gió lộng mệnh mang chốn cao nguyên không lời, mây trắng đến đi vô tâm không lời, núi thần hồ thánh không lời. Chúng xưa nay đều như thế, vì một lời hứa giản đơn, có thể suốt đời suốt kiếp giữ kín như bưng. Hãy để chúng ta hướng về năm tháng ôn hậu khoan dung, khẩn một lời nguyện lương thiện, chỉ nguyện mỗi một dòng sông trên thế gian này đều có thể trong vắt không bụi, mỗi một ngọn núi đều có thể ôn hòa trầm tĩnh, mỗi một vùng thảo nguyên đều có thể không chia đôi bờ. Nguyện non sông tươi đẹp, thời thịnh yên vui.

Lời cuối sách: Kiến dữ bất kiến^[1]

[1] Gặp hay không gặp, Đào Bạch Liên dịch thơ.

Vào một mùa xuân mai nở, tôi viết một câu thơ này trên chữ ký cá tính của mình: Biết bao phần hoa thành mộng cũ, nhân gian hiện lại Bạch Lạc

Mai. Bạn nói có cảm giác tái xuất giang hồ, tôi điềm đậm mỉm cười. Khi viết xong cuốn thi truyện này về Tsangyang Gyatso thì đã vào mùa đông lạnh lẽo, mùa đông này, Giang Nam nhiều tuyết. Khi tôi gác bút, khấn một tâm nguyện cuối cùng: nguyện non sông tươi đẹp, thời thịnh yên vui. Sau đó cứ luôn trầm mặc, mãi đến sau Tết, ngắm bên suối cỏ xanh mơn mơn, trong vườn hoa mai nở rộ, mới bừng tỉnh cảm thấy phải kịp thời tranh thủ lấy mùa xuân.

Khoảng thời gian này, tôi biết đến “Phi thành vật nhiều II^[2]”, biết trong phim có một bé gái tên Xuyên Xuyên đã đọc một bài thơ - “Kiến dữ bất kiến”. Chính bài thơ này đã cảm động muôn ngàn người, biết bao người lệ rơi đầm đìa vì nó. Trước đó, nhiều người đều cho rằng “Kiến dữ bất kiến” là do Tsangyang Gyatso viết, và mãi mê truyền xướng. Mãi đến sau này mới biết là bài thơ “Ban trát cổ lỗ bạch mã đích trầm mặc” do một nhà thơ nữ hiện đại tên Trát-tây-lạp-mẫu Đa-đa^[3] viết. Mà linh cảm của bài thơ này đến từ một câu nói vô cùng nổi tiếng của đại sư Liên Hoa Sinh: “Ta chưa từng rời bỏ những người tín ngưỡng ta, hay thậm chí người không tin ta, tuy họ không nhìn thấy ta, các con của ta, sẽ mãi mãi, mãi mãi được lòng từ bi của ta bảo vệ.”

[2] Phi thành vật nhiều II: phim điện ảnh của Trung Quốc, đạo diễn Phùng Tiểu Cương, biên kịch Vương Sóc, các diễn viên Cát Ưu, Thư Kỳ, Tôn Hồng Lôi, Diêu Thần, An Dĩ Hiên...

[3] Trát-tây-lạp-mẫu Đa-đa (sinh năm 1978): tên thật Đàm Tiểu Tĩnh, nữ Phật tử người Quảng Đông, hiện tu hành ở Bodhgaya, Ấn Độ.

Còn khi tôi xem được một câu thể này của Trát-tây-lạp-mẫu Đa-đa viết, cũng cảm động sâu sắc. “Cho dù như thế, Đa-đa bằng lòng đem vinh dự quy về Tsangyang Gyatso.” Trương Ái Linh^[4] từng nói, bởi vì hiểu được, cho nên từ bi. Thứ chúng ta cứ luôn theo đuổi, chẳng phải chính là giữa người và người thêm một phần hiểu nhau, thêm một phần trân trọng, thêm một phần thương xót hay sao? Tin rằng Tsangyang Gyatso cũng sẽ không muốn đòi phần vinh dự này, với tài hoa của Ngài, khí độ của Ngài, tiêu sái của Ngài, há lại để ý cách nhìn của người đời ba trăm năm sau đối với Ngài hay sao?

[4] Trương Ái Linh (1920-1995): nhà văn nữ của Trung Quốc. Những tác phẩm nổi tiếng nhất của bà bao gồm "Sắc, Giới" và "Chuyện tình giai nhân".

Tsangyang Gyatso từng có được sự tôn vinh cao nhất, được trăm ngàn tín đồ thành kính lễ bái, được nhiều cô gái xinh đẹp trong thành Lhasa kính yêu sâu sắc, đã viết vô số bài thơ tình đau khổ triền miên. Dù có bài thơ “Kiến dữ bất kiến” này hay không, Ngài vẫn là vị tình tăng tuyệt mỹ nhất trong lòng người đời, trên miền đất thần bí gọi là Tây Tạng ấy, trồng đầy hoa tình. Chỉ cần người đi ngang qua nơi ấy, thậm chí người từng đọc thơ tình của Ngài, đều sẽ trúng độc. Nhưng nhiều người biết rõ là độc, lại chẳng hỏi có thuốc giải hay không, uống ực xuống, không oán không hỏi. Chẳng biết, đây rốt cuộc là sức hấp dẫn của văn chương, hay là sức hấp dẫn của tình yêu, hoặc là trong tối tăm được tính Phật dẫn dắt, một khi chìm lún, khó tự rút ra.

Thật ra, cả đời này của Tsangyang Gyatso đều bị vận mệnh sắp đặt, không thể đi theo phương thức của mình. Vốn sinh ra ở một miền đất nhỏ tươi đẹp gọi là Monyu, có cô gái làng bên mơ xanh ngựa gỗ bầu bạn, vốn cho rằng có thể giữ gìn hạnh phúc bình dị này, yên ổn sống trọn đời. Tiếc rằng Ngài lại là linh đồng chuyển thế của Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 Lobsang Gyatso, đời này phải trả cái giá mệnh mang vì ước nợ của kiếp trước. Đệ Ba Sangye Gyatso vì tiếp tục lợi dụng quyền uy của Đạt Lai thứ 5 quản lý chính vụ của Hoàng Giáo, giữ kín không phát tang mười lăm năm đối với cái chết của Lobsang Gyatso. Còn Tsangyang Gyatso cũng đã ẩn mình mười lăm năm, mãi đến khi Ngài vào ở trong cung Potala, tòa cung điện thần thánh này hoàn toàn không cho Ngài kết quả mong muốn.

Tsangyang Gyatso đã làm con cò của Sangye Gyatso, giống một con chim bị giam cầm trong chiếc lồng hoa lệ, không có quyền lực cao nhất, mất đi vui vẻ tự do. Nếu không phải tìm được con đường thông đến thành Lhasa trong cung Potala, Tsangyang Gyatso cũng sẽ không sở hữu tình yêu ghi lòng tạc dạ ấy. Ở một quán rượu nhỏ tên Makye Ame, Phật sống Tsangyang Gyatso đã trở thành lãng tử Dangsang Wangpo, Ngài đã phải lòng cô gái Qonggyai xinh đẹp, mới bắt lực hỏi Phật: *Thế gian nào có đôi đường vẹn, Chẳng phụ Như Lai chẳng phụ nàng.*

Có lẽ chính vì Tsangyang Gyatso là một nhà sư, cho nên tình thâm của Ngài càng khiến người cảm động. Thế gian này có nhiều tình cảm phải gồng gánh quá nhiều bất lực, muốn yêu không thể, muốn thôi chẳng nỡ. Ai lại có

thể ngồi yên trên mây, đứng dung nhìn xuống khói lửa phàm trần mà bản thân không vương chút bụi nhỏ. Tương phùng đẹp để chốn trần thế luôn khiến bạn và tôi tình khó cầm lòng, chỉ là xưa nay chẳng có tình duyên nào thật sự có thể gắn bó trọn đời. Nhưng chúng ta vẫn không hề quản ngại mà yêu, đón nhận luân hồi của gặp gỡ và ly biệt, đón nhận số mệnh nhân quả duyên đến duyên đi. Hôm nay tôi là chu sa trong lòng bạn, ngày mai trần trở lại chân trời.

Từng có biết bao tình yêu ghi lòng tạc dạ, đều bị chúng ta nhất nhất quét xuống trần ai. Luôn có một số quá khứ sẽ trở thành hồi ức lâu dài, đồng thời không thể lãng quên. Chúng ta luôn muốn có một lẽ vĩnh hằng, nhưng lại có mấy ai bằng lòng tin tưởng vĩnh viễn. Rất nhiều người, không nề ngàn núi muôn sông, đến Tây Tạng, nhật hạnh dấu chân của Tsangyang Gyatso. Là vì họ muốn truy tìm một đáp án đã trầm mặc ba trăm năm chẳng? Hay chỉ để tìm một bờ bên kia cho tình duyên không chốn đặt tên của mình? Có những người đã quên mất đường về, kiếp này ở lại hồ Thanh Hải, làm tri kỷ trọn đời với nước hồ, trao đổi tâm tính nhu tình với một ngọn cỏ lác. Càng có nhiều người, hối hả đi về, không kịp khấn một tâm nguyện, lại chìm vào trong biển người mê mang.

Đời người như bèo trôi, tụ tán đôi đường mờ mịt. Lần này ra đi trải qua nhiều năm, muôn dặm núi Bồng, nào đã tham vọng còn sẽ có ngày gặp lại. Sở hữu, chẳng qua là tìm về thứ mình thất lạc, mất đi, cũng chỉ là hai tay dâng trả mọi thứ có được. Xem trời đất lâu dài đều là bèo nước gặp nhau; xem tình sâu ý nặng đều là gió nhẹ mây nhạt. Đến một ngày kia, có lẽ chúng ta sẽ đạt đến cảnh giới không mừng không lụy, không thêm không bớt, không lợi không siết. Chỉ là lúc ấy, ai còn cần một vòng tay ấm áp, ngã xuống nghỉ ngơi linh hồn mệt mỏi? Ai lại muốn vào ở trong trái tim ai, bình lặng yêu nhau, âm thầm thương tưởng?

Ba trăm năm đã qua, Tsangyang Gyatso trải qua mấy lần luân hồi chuyển thế, Ngài đã tu luyện thành gì? Tôi tin rằng, người từ bi, nguyện đem bản thân héo rụng thành bùn, thiêu đốt thành tro, dù tản mát ở bất cứ góc ngách nào trên thế gian này, đều có thể thần nhiên đối diện. Một giấc phù du, chúng ta chẳng qua là ở trong mộng, đạo diễn bản thân, lại ở ngoài mộng, lạnh lùng nhìn nhau, cùng người trong mộng dường như người dung nước lã.

Người mất như thế, ngàn gọi không về. Biển biếc dầu dầu, nương dâu nhợt nhạt. Đời người chìm nổi, cỏ cây cũng có tình cảm, khói bụi cũng biết ấm lạnh. Nhưng trái tim của chúng ta luôn không tìm được một chốn về bình yên, có thể yên thân gửi phận. Biết bao tâm tình cần nuôi dưỡng, biết bao lời hứa mong đợi thực hiện, còn có biết bao lỗi lầm khao khát làm lại từ đầu. Chỉ là không trở về được nữa, thời gian cuộn cuộn, như nước chảy về đông, chẳng thể quay đầu lại. Một mở một khép, một ly một hợp, một vui một buồn của ba trăm năm trước cũng chỉ là chớp mắt. Có những tình cảm rất cuộc không thể thay thế, có những duyên phận định sẵn ngăn ngui như vậy.

Tsangyang Gyatso từng quỳ trước Phật, thốt ra câu hỏi hoang mang mà tình sâu. Đại ái vô ngôn, không cầu mỗi người đều từ bi khoan dung như Phật, chỉ mong mỗi trái tim thêm một chút hiền lành, bớt một chút ý ác. Phải tin rằng, linh hồn của chúng ta rất đời yếu đuối, một bài tình ca, một đoạn câu từ, một lời gieo vãi, đều có thể khiến nó bồi hồi xao xuyến. Đã là như thế, lại còn có điều gì không thể tha thứ, còn có điều gì không thể chịu đựng?

Hãy hết lòng trân trọng, trân trọng một cuộc tình duyên mà bạn và tôi sở hữu. Để núi thần hồ thánh làm chứng, nói với Tsangyang Gyatso, chúng ta cũng từng thu xếp hành trang đến kiếp trước tìm Ngài, dù lưu lạc cùng khôn, vẫn vì Ngài dâng hiến trái tim ban sơ tinh khiết đẹp đẽ. Bất kể gặp gỡ hay không, chúng ta đều là những người từng được Ngài cứu rỗi. Đã yêu thích “Kiến dữ bất kiến” như thế, thì lấy bài thơ này làm kết cuộc, giống như khởi đầu của đoạn tình sâu ấy năm xưa.

Nàng gặp, hay không gặp ta

Ta vẫn ở đây

Không mừng, không lụy

Nàng nhớ, hay không nhớ ta

Tình vẫn ở đây

Không còn, không mất

Nàng yêu, hay không yêu ta

Yêu vẫn ở đây

Không thêm, không bớt

Nàng theo, hay không theo ta

Tay ta vẫn nơi nàng

Không rời, không siết

Hãy ngả vào lòng ta

Hoặc là

Dành cho ta một chỗ trong trái tim nàng

Bình lặng yêu nhau

Âm thầm thương tưởng.

Tháng 2 năm 2011 tại sơn trang Lạc Mai

Phụ lục: Niên phổ của Tsangyang Gyatso

Năm Sùng Đức^[1] thứ 7, năm 1642, Đạt Lai thứ 5 Lobsang Gyatso trở thành lãnh tụ chính trị tôn giáo toàn Tây Tạng, 25 tuổi.

[1] Sùng Đức: niên hiệu thứ hai của Thanh Thái Tông Hoàng Thái Cực, sử dụng 8 năm (1636-1643).

Năm Thuận Trị thứ 9, năm 1652, Đạt Lai thứ ba dẫn ba ngàn người vào Bắc Kinh gặp mặt vua Thuận Trị.

Năm Khang Hy thứ 18, năm 1679, Sangye Gyatso nhậm chức Đệ Ba.

Năm Khang Hy 21, năm 1682, Đạt Lai thứ 5 qua đời, di chúc giữ kín tin tức 12 năm.

Năm Khang Hy thứ 22, năm 1683, 1 tuổi. Ngày 26 tháng Giêng, Tsangyang Gyatso chào đời ở Monyu, Cona, Lhoka, có cảnh tượng kỳ lạ bảy mặt trời cùng mọc, cột vàng chiếu rọi, là chuyển thể của Liên Hoa Sinh, bí điển “Thần Quỷ Di Giáo” thế kỷ XII có tiên đoán. Nguyên quốc tịch Bhuntan, dân tộc Monpa, sau khi ra đời một năm mới có người biết, là con cả trong nhà, cha mẹ tin thờ Hồng Giáo, tức là phái Nyingma do đại sư Liên Hoa Sinh sáng lập.

Năm 1684, 2 tuổi. Được bí mật an trí ở địa phương, bắt đầu học kinh ở tu viện Basang.

Năm 1688, 6 tuổi. Cha qua đời, bị cậu và cô kỳ thị, theo mẹ dời đến Urgelling^[2] gần Tawang.

[2] Thuộc bang Arunachal Pradesh, Ấn Độ.

Năm 1696, 14 tuổi. Công khai thân phận Phật sống của Tsangyang Gyatso. Khang Hy chinh phạt Galdan^[3].

[3] Galdan (Cát Nhĩ Đan, 1644-1697): một vị đại hãn của Hãn quốc Dzungar.

Năm 1697, 15 tuổi. Đệ Ba tâu lên triều Thanh, Đạt Lai thứ 5 đã mất. Ngày 17 tháng 9, nghênh đón đến Nagarzê, thọ giới từ Ban thiền thứ 5 Lobsang Yeshe, pháp hiệu Tsangyang Gyatso (*Phạn Âm Hải*), ngày 25 tháng 10 vào cung Potala tọa sàng, trở thành Pháp Vương^[4] của Hoàng Giáo (*Phái Gelug*). Sau khi tọa sàng khắc khổ học kinh ba năm.

[4] Pháp Vương: Từ xưng hô của tín đồ Phật giáo Tây Tạng đối với các vị Lạt Ma chuyển thế.

Năm 1701, 19 tuổi. Các thủ lĩnh bộ lạc Mông Cổ như Lha-bzang Khan không thừa nhận Đạt Lai thứ 6.

Năm 1702, 20 tuổi. Du ngoạn Shigatse, ở tu viện Tashilhunpo yêu cầu Ban Thiền thứ 5 trả giới sa di hoàn tục, trước đó đã bày tỏ cự tuyệt thọ giới tỳ khưu. Sự việc xem “Truyện ký cuộc đời bí mật của Tsangyang Gyatso” do Đệ Ba viết.

Năm 1703, 21 tuổi. Khang Hy phái khâm sai đến Lhasa tra nghiệm pháp thể của Đạt Lai thứ 6.

Năm 1705, 23 tuổi. Đệ Ba bị Lha-bzang Khan giết, các sư biện hộ Đạt Lai thứ 6 là “lạc lối bồ đề”, “du hý tam muội”.

Năm 1706, 24 tuổi. Ngày 17 tháng 5 bị áp giải lên phía bắc, qua tu viện Drepung được các sư cứu ra, lại lần nữa bị bắt. Ở hồ Thanh Hải tung tích không rõ. Đồn rằng đến động Quan Âm núi Ngũ Đài.

Các sự việc dưới đây căn cứ “Bí truyện Đạt Lai thứ 6 Tsangyang Gyatso” do đệ tử Ngawang Lhundrup Daji viết.

Năm 1707, 25 tuổi. Yeshey Gyatso, con riêng của Lha-bzang Khan được lập làm Đạt Lai thứ 6.

Năm 1708, 26 tuổi. Tháng 7, Kelzang Gyatso linh đồng ở Litang chào đời. Tsangyang Gyatso du ngoạn Khang Định, chơi mười mấy ngày ở núi Nga My, vùng Kham ôn dịch phát tác, bị nhiễm bệnh đậu mùa.

Năm 1709, 27 tuổi. Qua Litang, Batang, bí mật trở về Lhasa, trở về khu vực Lhoka.

Năm 1711, 29 tuổi. Bị cầm tù ở Dagzê^[5], sau trốn thoát.

[5] Dagzê (Đạt Tư): một huyện của địa cấp thị Lhasa, Khu tự trị Tây Tạng, Trung Quốc.

Năm 1712, 30 tuổi. Du ngoạn Kathmandu của Nepal, chiêm ngưỡng biểu tượng Linga của thần Shiva. Tháng 10, theo quốc vương đến Ấn Độ hành hương.

Năm 1713, 31 tuổi. Du ngoạn Ấn Độ. Tháng 4, leo núi Linh Thứu. Gặp voi trắng.

Năm 1714, 32 tuổi. Ở tu viện Tabu, huyện Nang, Lhoka, mọi người xưng là đại sư Tabu. Đầu năm, Kelzang Gyatso được chuyển đến Dêgê^[6] ở phía bắc vùng Kham, sau đó, theo lệnh vua Khang Hy đưa đến tu viện Kumbum ở phụ cận Tây Ninh.

[6] Dêgê (Đức Cách): một huyện thuộc Châu tự trị dân tộc Tạng Garzê (Cam Tư), tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

Năm 1715, 33 tuổi. Lần nữa bí mật trở về Lhasa. Kelzang Gyatso xuất gia ở Litang. Ngawang Lhundrup Daji chào đời.

Năm 1716, 34 tuổi. Mùa xuân, dẫn mười hai nhà sư của tu viện Mulu Lhasa đến Alxa, quen biết gia đình Ngawang Lhundrup Daji.

Năm 1717, 35 tuổi. Lha-bzang Khan bị quân đội Dzungar giết, Đạt Lai thứ 6 giả bị giam cầm trong tu viện núi Dục Vương, bảy năm sau qua đời. Mùa xuân, Đạt Lai Lạt Ma thứ 6 cùng mười hai người tùy tùng đến doanh Định Viễn (*nay là Bayanhaote*) tấn kiến vương gia Alxa A Bảo và công chúa Đạo Cách Thâm, được phê chuẩn xây sửa tu viện Zhaohua. Trung thu, Tsangyang Gyatso đi cùng công chúa Đạo Cách Thâm vào kinh nửa năm, ngụ tại vương phủ Alxa ở Thập Sát Hải. Thăm Hoàng Tự, Hoàng Cung, xem Phật lớn làm bằng gỗ đàn hương do Yeshe Gyatso dâng ở cung Ứng Hòa. Ở cửa Đức Thắng, nhìn thấy con của Đệ Ba bị áp giải vào kinh.

Năm 1718, 36 tuổi. Mùa xuân, trở về Alxa.

Năm 1719, 37 tuổi. Triều Thanh dẹp yên Dzungar, chính thức thừa nhận Kelzang Gyatso là Đạt Lai thứ 6.

Năm 1720, 38 tuổi. Ngày 15 tháng 9 Kelzang Gyatso linh đồng ở Litang tọa sàng làm Đạt Lai, hơn trăm ngàn người Lhasa lễ bái.

Năm 1721, 39 tuổi. Công viên Long Vương Đàm^[7] lập “Bia dẹp yên Tây Tạng” của vua Khang Hy.

[7] Công viên Long Vương Đàm nằm ở Lhasa, Khu tự trị Tây Tạng, Trung Quốc.

Năm 1723, 41 tuổi. Thân vương Đan Tăng ở Thanh Hải phản loạn, vua Khang Hy phái Niên Canh Nghiêu^[8], Tổng Đốc Xuyên Thiểm dẹp phản, tu

viện Tabu bị đốt.

[8] Niên Canh Nghiêu (1679-1726): một đại thần thời nhà Thanh, có vai trò quan trọng trong suốt hai triều Khang Hy và Ung Chính.

Năm Ung Chính^[9] thứ 5, năm 1727, 45 tuổi. Xây lại tu viện Tabu (*tức tu viện Shimen*).

[9] Ung Chính (1678-1735): vị Hoàng đế thứ 5 của nhà Thanh, trị vì từ năm 1723 đến 1735, tên húy là Dận Chân, miếu hiệu Thanh Thế Tông. Là một vị vua siêng năng, cần kiệm và có tinh thần chống tham nhũng.

Năm 1730, 48 tuổi. Ở Lan Châu^[10], cầu chúc cho đại quân của Nhạc Trung Kỳ^[11] chinh phạt Dzungar, làm phép bảy ngày.

[10] Lan Châu: thủ phủ tỉnh Cam Túc, Trung Quốc.

[11] Nhạc Trung Kỳ (1686-1754): một tướng lĩnh thời Khang Hy, Ung Chính, Càn Long nhà Thanh.

Năm 1733, 51 tuổi. Mùa hè, động thổ sửa tu viện Zhaohua.

Năm 1735, 53 tuổi. Tự gom mười ngàn lạng bạc ròng, cử Ngawang Lhundrup Daji đến Tây Tạng theo Ban Thiền học kinh.

Năm Càn Long thứ nhất, năm 1736, 54 tuổi. Từ Alxa dời đến Enjianle thuộc hồ Thanh Hải ở chín năm.

Năm 1737, 55 tuổi. Ban Thiền thứ 5 Lobsang Yeshe viên tịch.

Năm 1738, 56 tuổi. Mùa thu, Ngawang Lhundrup Daji tinh thông tất cả luận lý kinh văn, trở về Alxa.

Năm 1739, 57 tuổi. Tu viện Zhaohua cử hành pháp hội cầu nguyện quy

mô to lớn, nghênh mời Tsangyang Gyatso ngồi pháp tọa tám sư tử, chủ trì pháp sự năm ngày đêm.

Năm 1743, 61 tuổi. Tu viện Tabu xây xong, trải qua thời gian mười sáu năm.

Năm 1745, 63 tuổi. Từ Enjianle hồ Thanh Hải trở về Alxa, cuối tháng 10, nhiễm bệnh.

Năm 1764, 64 tuổi. Ngày 8 tháng 5, tọa hóa ở tu viện Chengqing, Alxa, hưởng thọ 64 tuổi.

Năm 1747, nhục thân của Đạt Lai thứ 6 được dời đến bên hồ Gao'erlamu, tu viện Zhaohua lập tháp thờ cúng.

Năm 1751, triều Thanh hạ lệnh cho Kelzang Gyatso phụ trách quản lý chính quyền địa phương Tây Tạng. Chính quyền chính trị tôn giáo hợp nhất bắt đầu.

Năm 1756, bắt đầu xây dựng tu viện Guangzong (*Nam Tụ*), và dời toàn bộ tu viện Zhaohua đến địa chỉ tu viện Guangzong hiện nay.

Năm 1757, đệ tử Ngawang Lhundrup Daji viết xong “Bí truyện”, Đạt Lai thứ 7 viên tịch. Tu viện Guangzong (*Nam Tụ*) trong núi Hạ Lan xây xong, được tôn làm Thượng Sư. Trong tu viện thờ cúng tháp chứa nhục thân của Đạt Lai thứ 6, mãi đến năm 1966 vẫn còn.

Năm 1760, triều Thanh ban tên “Tu viện Guangzong” cho Nam Tụ.

Năm 1779, Ban Thiển thứ 6 từ Tây Tạng đến Nhiệt Hà^[12] chúc mừng đại thọ bảy mươi tuổi của Càn Long, tháng 11 bệnh mất ở Bắc Kinh.

[12] Nhiệt Hà (Rehe, Jehol): một tỉnh cũ của Trung Quốc, nằm ở phía bắc Vạn lý trường thành,

phía tây Mãn Châu Lý, phía đông Mông Cổ, thủ phủ là thành phố Thừa Đức (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).

Năm 1783, vua Càn Long phong Jamphel Gyatso làm Đạt Lai thứ 8.

Năm 1908, Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 Thubten Gyatso^[13] vào kinh, chiêm ngưỡng động Quan Âm núi Ngũ Đài.

[13] Thubten Gyatso (Thổ Đăng Gia Mục Thổ, 1876-1933): Đạt Lai Lạt Ma thứ 13.

Năm 1930, bản dịch Hán - Anh của Vu Đạo Tuyên^[14] xuất bản.

[14] Vu Đạo Tuyên (1901-1992): nhà Tạng học, nhà ngôn ngữ học, nhà giáo, người Sơn Đông, Trung Quốc.

Năm 1938, Tăng Giam sáng tác “Bài từ về cung Potala”.

Năm 1981, Nhà Xuất bản Dân tộc xuất bản “Tình ca và Bí truyện của Tsangyang Gyatso” do Trang Tinh dịch. Sự sãi của Nam Tạng cử hành pháp hội cầu nguyện mùa hè tại nền cũ của chùa, xây lại tháp mới thờ cúng tro cốt của Đạt Lai thứ 6 vốn được chăm chút cất giữ.

Năm 1982, Nhà Xuất bản Nhân dân Tây Tạng xuất bản “Nghiên cứu Tsangyang Gyatso và tình ca của Ngài”.

Năm 2010, Nhà Xuất bản Văn hóa Nghệ thuật xuất bản “Bất phụ Như Lai bất phụ khanh^[15]”.

[15] Sách của tác giả Diêu Mẫn.